

# PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 7/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

# THAY LỜI TỰA

Theo truyền thống Mật Giáo thì **Phật Đỉnh Tôn Thắng** là một trong 5 Phật Đỉnh của viện Thích Ca thuộc **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbhadhātu-maṇḍala) có tên là **Trừ Chướng Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-uṣṇīṣa) biểu thị cho Đỉnh Thần Thông không có chỗ sợ hãi (vô sở úy) của Đức **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** (Śākyamuṇi Tathāgata).

Phật Đỉnh này có Chủng Tử là HRŪM (ॐ), Tam Muội Gia Hình là **“Hoa Sen bên trên có dựng móc câu”**. Tôn này có công năng nhiếp phục, làm tiêu trừ mọi nghiệp cấu của tất cả chúng sinh và khiến cho chúng trở thành thanh tịnh. Trong 5 Phật Đỉnh hóa hiện từ đỉnh kế của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thì Phật Đỉnh này là thù thắng nhất cho nên hệ Mật Giáo dùng **Phật Đỉnh Tôn Thắng** làm Bản Tôn cho Pháp tu trì về Tức Tai, trị bệnh... và xưng là **Tôn Thắng Pháp**.

Truyền thống Hoa Văn ghi nhận vào đời **Đường Cao Tông**, niên hiệu Nghi Phượng, năm đầu tiên (676) có vị Tam Tạng của nước Kế Tân tên là **Phật Đà Ba Lợi** (Buddhapāli) đi đến Trung Hoa. Trong dịp lễ bái thánh tích ở núi Ngũ Đài, Ngài gặp một ông lão khuyên bảo nên trở về Thiên Trúc lấy Kinh Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** đem truyền cho dân chúng Trung Hoa. Đến niên hiệu Vĩnh Thuận thứ hai (683) Ngài đi đến Trường An, được vua ban sắc là **Nhật Chiếu Tam Tạng Pháp Sư** cùng với vị quan tên **Đỗ Hành Khải** cùng dịch ra để lưu truyền.

Sau này các bậc Đạo Sư, học giả cũng phân biệt dịch Kinh này như:

Đời Đường, **Đỗ Hành Khải** dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, **Pháp Sùng** biên soạn Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh Sớ (2 quyển). Sau đó lại chú thích Phạn Bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni của ngài **Bảo Tư Duy**

Đời Hậu Chu, **Trí Xứng** dịch Tôn Thắng Đà La Ni kèm với Niệm Tụng Công Đức Pháp (đã bị thất lạc)

Đời Đường, Thiên Trúc Tam Tạng **Địa Bà Ha La** dịch Tối Thắng Phật Đỉnh Đà La Ni Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Kinh (1 quyển)

Đời Đường, **Địa Bà Ha La** (Divākara: Nhật Chiếu) lại trùng dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng Sa Môn **Nghĩa Tịnh** dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng **Thiện Vô Úy** (Śubhākara-simha) dịch Tôn Thắng Phật Đỉnh Tu Du Già Pháp Nghi Quỹ (2 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng **Kim Cương Trí** (Vajra-jñāna) dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (1 bản)

Đời Đường, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha) dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng Bất Không lại ghi chú nghĩa của Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La ni (1 bản)

Đời Tống, **Thi Hộ** (Śīlapāla) dịch Tôn Thắng Đại Minh Vương Kinh (1 quyển)

Đời Tống, Truyền Pháp Đại Sư **Pháp Thiên** (Dharma Deva) dịch Tôn Thắng Phật Đỉnh Đà La Ni (1 bản) và Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Ô Sát Nị Sa Tối Thắng Tổng Trì Kinh (1 quyển)

Ngoài các Kinh Bản này ra, còn lưu truyền rất nhiều bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni của Ngài **Nghệ Không, Vũ Triệt....**, các bản **Gia Cú Linh Nghiệm** chép tay được phát hiện ở Động Đôn Hoàng. Nhân đây Pháp Tu Tôn Thắng đã được truyền rộng qua Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản...

\_ Truyền Thông Mật Giáo Nhật Bản thường lưu hành các bài Phật Đỉnh Tôn Thắng của Tam Tạng **Thiện Vô Úy** và bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Cụ Túc Bản của Đại Sư **Hoàng Pháp**

\_ Ở Tây Tạng thì lưu truyền bài chú của **Namgyelma** (tức Phật Đỉnh Tôn Thắng Thần Chú) gồm một bài dài và một bài ngắn.

**Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** (Uṣṇīṣa-vijaya-dhāraṇī) còn được gọi là: **Diên Mệnh Đà La Ni, Thiện Cát Tường Đà La Ni**. Phạm có 9 lược bản (bản ngắn) được lưu truyền là các bản dịch của Đỗ Hành Khải, Tam Tạng Nhật Chiêu, Tam Tạng Nghĩa Tịnh, Bà La Môn Tăng Phật Đà Ba Lợi, Tam Tạng Thiện Vô Úy, Tam Tạng Kim Cương Trí, Tam Tạng Bất Không, Bản chú dịch của Pháp Sùng (Bản Phạn của Ngài Bảo Tư Duy), Phạn Bản sở truyền của Đại Sư Hoàng Pháp. Ngoài ra còn có các Quảng Bản (bản dài) được dịch bởi Truyền Pháp Đại Sư Pháp Thiên, Thiền Sư Nghệ Không, Truyền bản của Tây Tạng.... Riêng Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni** được lưu truyền ở Việt Nam trong đời nhà Đinh là bản phối hợp giữa Quảng Bản và Lược Bản .

Hầu hết các bản ghi chép đều công nhận là: Nếu có người ghi chép, thọ trì, cúng dường, đọc tụng Đà La Ni này. Hoặc sao chép bài Chú rồi đặt trong Tháp Miếu (Stūpa), trên cây phượng cao, lầu gác... Hoặc ghi khắc trên các trụ đá, bia đá cúng dường cầu đảo... ắt tịnh trừ được tất cả các nẻo ác, tiêu trừ tội chướng, tăng trưởng thọ mệnh, sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Nếu cầu cho người đã chết được siêu độ thì trì tụng Đà La Ni này 21 biến vào một nắm đất hoặc cát sạch rồi rải lên thi hài hoặc nắm mồ thì người ấy nhất định siêu thoát.

Ngoài ra trong Nghi Quỹ và Kinh Điển còn ghi rất nhiều công năng của Pháp tu trì Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni như: Cầu mưa, trừ lũ lụt, trừ tai nạn, cầu tài lộc, trị bệnh tật...

Người tu Mật Tông vào hai buổi sáng, chiều có thể vì người chết mà hồi hướng Thời Tụng thì người chết được hưởng nhiều lợi ích cho đến có thể tiêu trừ nghiệp chướng ác được sinh lên cõi Trời hoặc có thể sinh về cõi Tịnh Thổ. Trong khóa tụng của Thiền Tông cũng thường niệm tụng bài Chú này.

Tại Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam có rất nhiều người tin tưởng và trì tụng Đà La Ni này và được sự linh nghiệm chẳng ít

Nhiều năm trước đây các bậc Thầy như: Cố Thượng Tọa THÍCH THIÊN TÂM, Cố Sa Môn THÍCH VIÊN ĐỨC, Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ... đã phiên dịch một số Kinh Bản, vài bài Chú Phật Đỉnh Tôn Thắng, Nghi Thức Tụng Trì.... nhằm giúp cho người nghiên cứu Phật Giáo có cơ sở để tu học. Tuy nhiên số lượng Kinh Bản vẫn còn quá ít đồng thời các Truyền Bản có nhiều sai khác về âm ngữ dễ gây sự ngộ nhận cho người học.

Trải qua nhiều năm trăm trở, qua sự thỉnh cầu của nhiều người, Thầy THÍCH QUẢNG TRÍ đã gia công phiên dịch toàn bộ các Kinh Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng** ghi trong Bộ **Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh** đồng thời khuyến khích tôi tra cứu sưu tập và phục hồi nghĩa ngữ Phạn Văn của các bài Chú Tôn Thắng nhằm giúp cho người học có đầy đủ tài liệu nghiên cứu cũng như góp chút ít công sức cho sự phát triển nền văn hóa của Phật Giáo Việt Nam.

Vào đầu tháng 05 năm 2006, tôi được Thầy **Thích Pháp Quang** trao cho đĩa CD (CBETA Điện tử Phật Điển Đại Chính Tạng) trong đó có ghi nhận phần chữ Tất Đản nên tôi đã nhờ các con (**Nguyễn Vũ Tuấn, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Vũ Nguyên**) copy phần Phạn Văn và scan các hình ảnh ghi trong Kinh Tạng chèn vào các

Kinh Bản. Ngoài ra tôi cũng được em **Nguyễn Hoàng Triệu** giúp cho một số tư liệu về Chú Tôn Thắng của Nhật Bản ghi trong **Đà La Ni Tập** và các bài Chú ghi trong quyển **Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam Thời Lý** do Viện Viễn Đông Bác Cổ và Viện Hán Nôm Việt Nam biên soạn... nên Thầy **Thích Quảng Trí** đã hướng dẫn tôi biên soạn quyển **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh** và được ấn hành vào năm 2008.

Gần đây, do một số bạn đồng tu muốn hiểu rõ thêm về Tôn Tượng, Thủ Ấn, Đàn Trường của **Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu** với tín ngưỡng của Pháp tu **Phật Đỉnh Tôn Thắng** tại Việt Nam, nên tôi soạn dịch lại các Kinh Pháp có liên quan đến Pháp tu này đồng thời sửa chữa các chỗ sai sót trong các bản Kinh trước và ghi chép lại tập sách này

Điều tất yếu là các bản ghi chép này vẫn còn nhiều sự khiếm khuyết. Ngưỡng mong các Bậc Long Tượng của Mật Giáo, chư vị Cao Tăng Đại Đức hãy rủ lòng Từ Bi sửa chữa giùm lỗi lầm ngõ hầu giúp ích cho những người cầu học Chính Pháp Giải Thoát được thọ hưởng nhiều sự lợi ích.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con trong cuộc sống này.

Con xin dâng mọi công đức có được đến Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi và khuyến tấn con tìm hiểu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi cũng xin cảm ơn em **Nguyễn Hoàng Triệu**, em **Tống Phước Khải**, em **Diệu Lý (Nguyễn Thị Mộng Lý)** và các con tôi đã hỗ trợ phần tài liệu, scan hình ảnh và đánh các bản Vi Tính để hoàn thành tài liệu này

Tôi xin cảm ơn Anh (**Nguyễn Đình Tạc**) chị (**Nguyễn Thị Mộng Hương**) và cháu (**Nguyễn Thị Mộng Trâm**) đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian biên dịch Kinh Bản.

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã và luôn hỗ trợ cho tôi an tâm tìm hiểu Giáo Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Cuối cùng nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho hương linh cha mẹ, anh trai (**Nguyễn Vũ Tuấn**) cùng với các bậc ân nhân của con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng vượt thoát khỏi mọi sự phiền não khổ đau và thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát

Mùa Hạ, năm Giáp Ngọ (2014)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

## PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

**Phật Đình Tôn Thắng Phật Mẫu**, tên Phạn là Uṣṇīṣa-vijaya hay Vijaya. Lược xưng là Tôn Thắng Phật Mẫu, Tôn Thắng Mẫu. Lại xưng là Tội Thắng Phật Đình, Ô Sắt Nị Sa Tôn Thắng Phật Mẫu, Như Lai Đình Kế Tôn Thắng Phật Mẫu.



Trong tất cả Phật Đình thì Tôn Thắng Phật Mẫu tức Tôn Thắng Phật Đình hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác.. nên được xem là Tổng Thể của tám Phật Đình. Ở trường hợp này thì Tôn Thắng Phật Mẫu được xưng là **Trừ Chướng Phật Đình** hay **Xả Trừ Phật Đình** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa), Tội Toái Phật Đình, Trừ Chướng Phật Đình Luân...Tôn này là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Đại Nhật Như Lai Đình Kế** (Vairocana-tathāgatoṣṇīsa) biểu thị cho sức Thần Thông không có chỗ sợ của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tạng Truyền Phật Giáo xưng gọi Tôn Thắng Phật Mẫu là **Namgyalma** có 9 loại hóa tướng nhưng chủ yếu là tướng có ba mặt tám cánh tay... và là một trong 3 Tôn Trường Thọ Phật (Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu, Đình Kế Tôn Thắng Phật Mẫu)

## HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

Theo Tam Tạng Thiện Vô Úy thì Phật Đỉnh Tôn Thắng ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, thân màu thịt trắng với anh lạc nghiêm thân, đội mào Ngũ Trí, hai tay để dưới rốn như nhập vào thiền định, trong lòng bàn tay nâng hoa sen bên trên có móc câu Kim Cương.

Theo hình vẽ trong Đồ Tượng 1 thì Tôn này ngồi bán già trên tòa sen, mào tóc kết búi, hai tay co khuỷu tay để ngang ngực, tay phải kết Ấn Cát Tường, tay trái cầm cành hoa sen bên trên hoa có móc câu Kim Cương, thân và đầu tỏa hào quang rực lửa sáng.

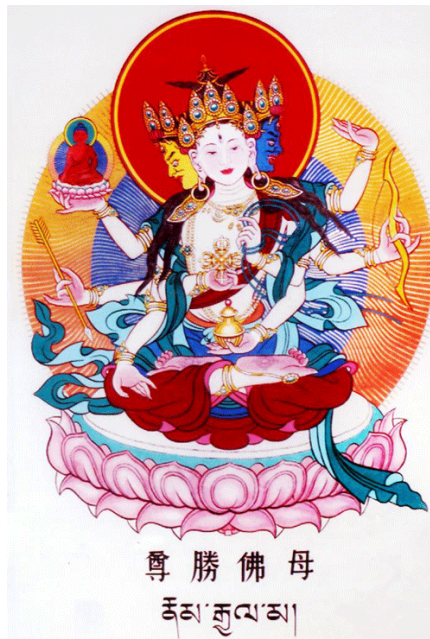


Phật Giáo Tây Tạng thờ phụng Tôn Tượng Tôn Thắng Phật Mẫu có ba mặt, tám cánh tay, trên mỗi mặt có ba con mắt

Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lam.

Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Yết Ma Kim Cương hình chữ Thập để trước ngực, tay thứ hai nâng Đức Phật A Di Đà (hay Đại Nhật Như Lai) ngồi trên tòa sen, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư kết Ấn Thí Nguyện đặt trên đùi phải.

Bên trái: tay thứ nhất kết Ấn Phẫn Nộ Quyền cầm sợi dây (quyển sách), tay thứ hai kết Ấn Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư kết Định Ấn nâng bình Cam Lộ



Tạng Truyền ghi nhận rằng:

— Ba mặt:

.) Mặt chính giữa của Tôn Thắng Phật Mẫu màu trắng biểu thị cho Pháp chận đứng tai chướng (**Tức Tai**)

.) Mặt bên phải màu vàng biểu tượng cho các Pháp **Tăng Ích**

.) Mặt bên trái màu xanh lam biểu thị cho Pháp **Giáng Phục**,

— Tám cánh tay:

.) Bàn tay nâng Đức Đại Nhật Như Lai là Đấng Thượng Sư của Ngài biểu thị cho sự ôm ấp yêu thương

.) Tay cầm mũi tên đại biểu cho sự câu triệu Tâm Bi của chúng sinh

.) Tay kết Thí Vô Úy Ấn đại biểu cho việc khiến chúng sinh xa lìa tất cả sự sợ hãi

.) Tay kết Thí Nguyện Ấn biểu thị cho sự thỏa mãn đầy đủ Tâm Nguyện của tất cả chúng sinh

.) Tay cầm cây cung biểu thị cho việc thắng ba cõi

.) Tay kết Định Ấn bên trên nâng bình Cam Lộ biểu thị cho việc khiến chúng sinh được sống lâu không có bệnh tật

.) Tay cầm chày Kim Cương Thập Tự biểu thị cho việc thành tựu sự nghiệp giáng Ma hàng phục điều không may

.) Tay cầm sợi dây biểu thị cho sự giáng phục tất cả tai nạn với chúng sinh khó điều phục

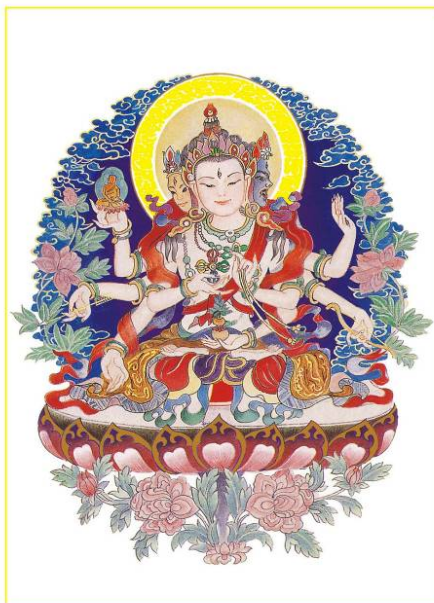
— Truyền thống khác thì ghi nhận Tôn Thắng Phật Mẫu là nơi mà Đỉnh vô thượng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã hóa hiện ra với ý nghĩa của ba mặt là:

.) Mặt Chính với thân là màu trắng, tướng Phật Mẫu mỉm cười, Tâm Trời mở mắt Phật là Bản Tôn của Trí Tuệ vô thượng

.) Mặt bên phải màu vàng là Quán Thế Âm Bồ Tát hiện bày Từ Bi vô lượng

.) Mặt bên trái màu xanh lam là Kim Cương Thủ Bồ Tát hiện bày phần nộ giáng phục

南無尊勝佛母聖像



Tôn Thắng Phật Mẫu cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Kim Cương Thủ Bồ Tát. Cả ba đều hợp một, đầy đủ Công Đức viên mãn của Trí Tuệ vô thượng, Từ Bi, phần nộ giáng phục. Nhân vì là nơi mà Đỉnh vô thượng của Đức Như Lai đã hóa hiện ra, bởi thế là bậc tôn quý vô thượng nên xưng là Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu

Nhân vì Tôn Thắng Phật Mẫu có đầy đủ Công Đức viên mãn của Trí Tuệ vô thượng, Từ Bi, phần nộ giáng phục... nên nơi sức Công Đức lớn của Tôn Thắng Phật Mẫu hay ban cho chúng sinh Phước Tuệ và trường thọ, hay tiêu trừ tội nặng nghiệp chướng vô minh từ ngàn kiếp đến nay, giáng phục hết thảy nạn Ma, hóa giải tất cả hung tai hoạn họa... vì thế Công Đức tràn khắp mười phương chẳng thể nghĩ bàn

Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn Thắng Phật Mẫu được xưng là **Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa) biểu thị cho **Đỉnh Lực Vô Sở Úy Thần Thông** của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có đẽ móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HRAḤ (𑖦𑖅) hay HRŪM (𑖦𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu đẽ trên hoa sen.





Tượng Ấn là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn**: Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् ह्रूं खणिमं वञ्जिषं सूक्ष्म

Namaḥ samanta-buddhānām\_ Hrūṃ\_ vikiraṇa paṃca-uṣṇīṣa svāhā

Tôn này có chủng tử là HRŪM ( ॐ ) Tam Muội Gia Hình là đài sen bên trên có móc câu Kim Cương dựng đứng , Mật Hiệu là **Trừ Ma Kim Cương** .

\*) Các Ấn Chân Ngôn thông dụng của Tôn Thắng Phật Mẫu là:

Bản Tôn Ấn :

Chấp hai tay lại, co 2 ngón trỏ sao cho móng tay dính nhau, đem 2 ngón cái đè lên 2 ngón trỏ như thể búng ngón tay, đặt ngay trái tim.



Tụng Đại Chú 7 lần rồi bung Ấn trên đỉnh đầu

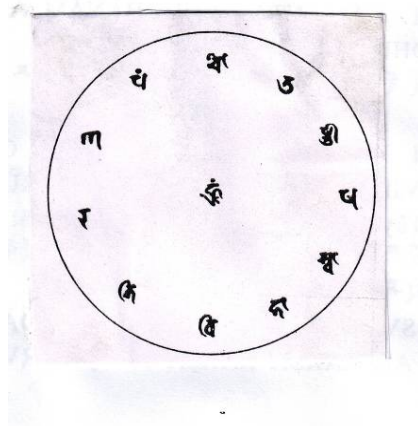
Căn Bản Ấn (hay Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn):

Cài chéo 10 ngón tay bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc) co ngón trỏ phải như móc câu. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् ह्रूं खणिमं वञ्जिषं सूक्ष्म

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HRŪM VIKĪRAṆA PAṂCA UṢNĪṢA SVĀHĀ

Khi tu trì Ấn Chân Ngôn này, người ta thường dùng kèm với **Tự Luân Quán**







**Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Tâm Ấn:**

Hai tay móc cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa đều dựa nhau. Tụng Chân Ngôn là :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ BHRŪM HŪM HŪM PHAT

**Nan Thắng Phần Nộ Minh Vương Ấn:**

Hai tay cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lỏng trên của ngón giữa phải chống đề lỏng trên của ngón giữa trái. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ VIKĪRAṆA DHUNA DHUNA HŪM

Mọi việc: Thịnh Triệu, Kết Giới, Quang Hiển, Tịch Trừ, Hộ Thân, hộ mình hộ người, Hộ Giới Đạo Trường, Phụng Tống chư Tôn đều dùng 2 Chân Ngôn Ấn Khế này.

Ngoài ra, một số bậc Đạo Sư còn truyền dạy thêm **Tôn Thắng Ấn Pháp** nữa là: Co ngón trở, lấy ngón cái đề lên, chấp tay đề ở trái tim, co ngón trở vào lòng bàn tay, ngón cái đề lên lỏng giữa, chấp tay lại là thành.



Tôi Thắng Chân Ngôn Tâm Trung Tâm dùng chung cho hết thầy niệm tụng. Thọ trì lâu dài dùng **Thân Ấn**. Chú là :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Nam mô tam mãn đa bột đà năm. Úm \_ Tỳ rô, hồng phần tra, sa phạ ha**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ OM BHRŪM HŪM PHAT SVĀHĀ

Hàng phục, hô triệu, chữa bệnh, gia trì các thứ thuốc hương, dùng Chú :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Nam mô tam mãn đa bột đà năm. Úm \_ Tỳ rô é hế duệ hế, bàn đà , hồng, phần tra**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ OM BHRŪM EHYEHI BANDHA HŪM PHATI

**Phát Khiển Chân Ngôn:**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Nam mô tam mãn đa bột đà năm. Úm \_ Tỳ rô, yết sái, yết sái, hồng, phần tra, sa phạ ha**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ OM BHRŪM GACCHA GACCHA HŪM PHAT SVĀHĀ

\_ **Hàng Phục Khế:** Ngón cái của 2 tay vịn gốc ngón vô danh, chắp tay lại, để 2 ngón trỏ trên 2 ngón cái.

\_ **Phát Khiển Khế:** Tay phải: Ngón trỏ để ở gốc ngón cái, nắm tay lại thành Quyền (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

ॐ सममि श्रु

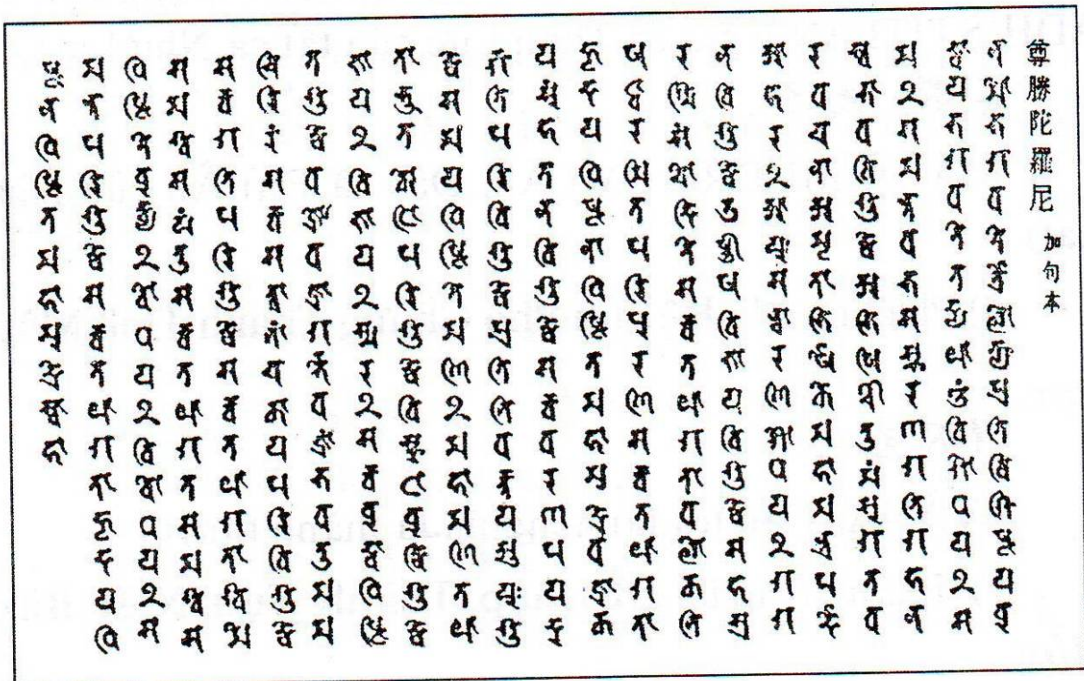
“**Úm \_ Tam mãn dã, sa đa vam**”

OM \_ SAMAYA STVAM

Chú này, tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đánh vượt hơn 3 cõi.

\_ **Đại Chú** của Phật Đỉnh Tôn Thắng được ghi nhận tùy theo các dòng truyền thừa như sau:

Đồ Tượng 3 (Tr.119)



### TÔN THẮNG ĐÀ LA NI GIA CÚ BẢN

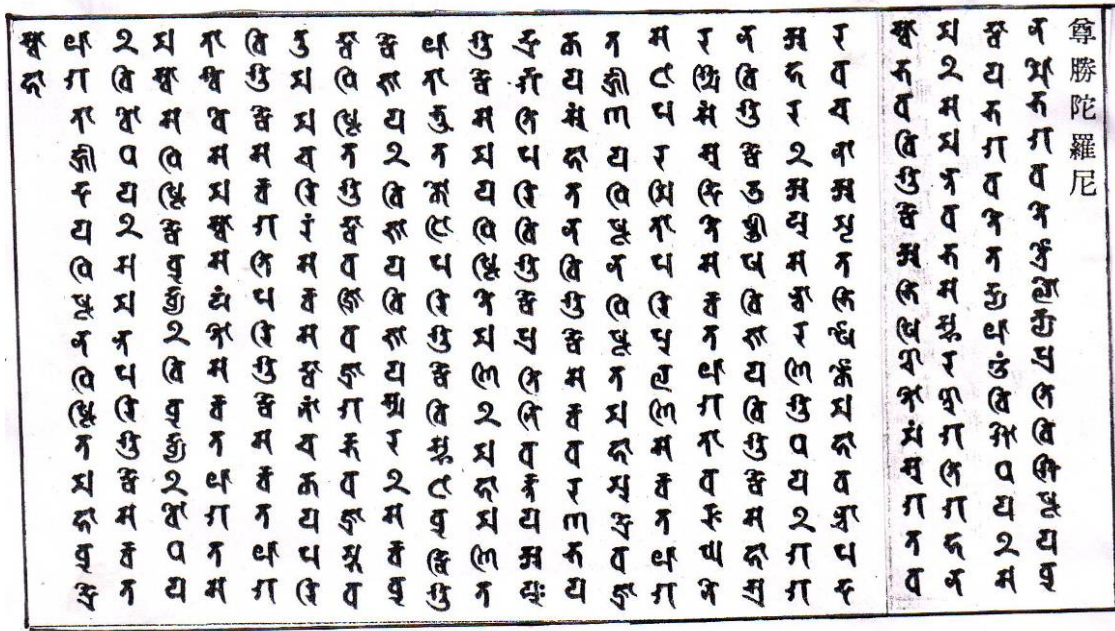
Dịch âm Phạn: HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬAYA BUDDHĀYA  
 BHAGAVATE  
 TADYATHĀ: OM  
 VIŚODHAYA VIŚODHAYA  
 SĀMA SĀMA  
 SAMANTA BHAVASA  
 SPHARAṆA GATI  
 GAHANA SVABHĀVA VIŚUDDHE  
 ABHIṢIṆCA TUMAM

SUGATA VARA VACANĀ  
AMṚTĀBHIṢAIKAI  
MAHĀ-MANTRA-PADAI  
ĀHARA ĀHARA  
ĀYUḤ SANDHĀRAṆI  
ŚODHAYA ŚODHAYA  
GAGANA VIŚUDDHE  
UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
SAHASRA RAŚMI  
SAMCODITE SARVA TATHĀGATA  
AVALOKINI ṢAṬ-PARAMITA PARIPURAṆI  
SARVA TATHĀGATĀ-HṚDAYA DHIṢṬANĀDHIṢṬITA  
MAHĀ-MUDRE  
VAJRA-KAYA SAMHATANA VIŚUDDHE  
SARVA VARAṆA PAYA DURGATI PARIVIŚUDDHE  
PRATINI VARTTAYA AYUḤ ŚUDDHE  
SAMAYA DHIṢṬITE  
MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE  
VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE  
JAYA JAYA  
VIJAYA VIJAYA  
SMARA SMARA  
SARVA BUDDHĀDHIṢṬITA ŚUDDHE  
VAJRO VAJRA-GARBHE  
VAJRAṆ BHAVATU  
MAMA  
CIRIRAṆ SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIŚUDDHE  
SARVA GATI PARIŚUDDHE  
SARVA TATHĀGATĀ-ŚCA ME SAMA ŚVASA YAṆTU  
SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA DHIṢṬITE  
BUDDHYA BUDDHYA  
BODHAYA BODHAYA  
VIBODHAYA VIBODHAYA  
SAMANTA PARIŚUDDHE  
SARVA TATHĀGATĀ-HṚDAYA DHIṢṬANA DHIṢṬITA  
MAHĀ-MUDRE  
SVĀHĀ

\_ Hét \_

18/05/2014



### TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

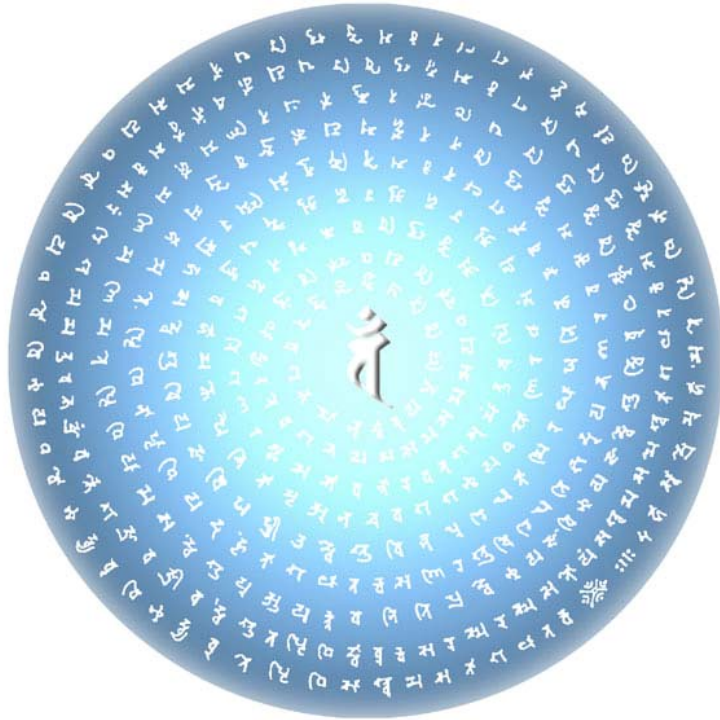
Dịch âm Phạn: HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬAYA BUDDHĀYA  
 BHAGAVATE  
 TADYATHĀ: OM  
 VIŚODHAYA VIŚODHAYA  
 SAMA SAMA  
 SAMANTA BHAVASA  
 SPHARAṆḌA GATI  
 GAHANA SVĀBHAVA VIŚUDDHE  
 ABHIṢṆNCA TOMAM  
 SUGATA VARA VACANĀ  
 AMṚTA BHIṢAIKAI  
 MAHĀ-VANTRĀ-PADA  
 AHARA AHARA  
 AYU SANDHĀRAṆI  
 ŚUDHAYA ŚUDHAYA  
 GAGANA VIŚUDDHE  
 UṢṆIṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
 SAHĀSRA RAŚMI  
 SAMSUDITE SARVA TATHĀGATA  
 AVARUGHANE SAṬA-PARAMITĀ PARIPULANI  
 SARVA TATHĀGATĀ HRĪṆAYA DHIṢṬANA DHIṢṬATA  
 MAHĀ-MUDRE  
 VAJRA-KAYA SAMHĀTANA VIŚUDDHE  
 SARVA VARAṆA BHAYA DURGATI PARIVIŚUDDHE

PRATINI VARTTAYA AYUḤ ŚUDDHE  
SAMAYA DHIṢṬITE  
MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE  
VISPHAṬA BUDDHI ŚUDDHE  
JAYA JAYA  
VIJAYA VIJAYA  
SMARA SMARA  
SARVA BUDDHĀDHIṢṬITA ŚUDDHĀ  
VAJRI VAJRA-GARBHE  
VAJRAM BHAVATU  
MAMA  
CARIRAṀ SARVA SADVĀNĀMCA KĀYA PARIVIŚUDDHE  
SARVA GATI PARIŚUDDHE  
SARVA TATHĀGATĀ-ŚVA VE SAMA ŚVĀSA YAṀTO  
SARVA TATHĀGATA SAMA ŚVĀSA DHIṢṬIDDHE  
BUDDHYA BUDDHYA  
VIBUDDHYA VIBUDDHYA  
BODHAYA BODHAYA  
VIBODHAYA VIBODHAYA  
SAMANTA PARIŚUDDHE  
SARVA TATHĀGATĀ HRĪDAYA DHIṢṬANA DHIṢṬITA  
MAHĀ-BUDRE  
SVĀHĀ

\_ Hét \_

18/05/2014







यष्टुमुष्टुः<sup>38</sup> शिष्टयः<sup>39</sup> ऋष्टुः<sup>40</sup> मण्डुः<sup>41</sup> यष्टुः<sup>42</sup>

ॐ नष्टुः<sup>43</sup> ऋष्टुः<sup>44</sup> यष्टुः<sup>45</sup> ऋष्टुः<sup>46</sup> यष्टुः<sup>47</sup> ऋष्टुः<sup>48</sup>

यष्टुः<sup>49</sup> यष्टुः<sup>50</sup> यष्टुः<sup>51</sup> यष्टुः<sup>52</sup> यष्टुः<sup>53</sup> यष्टुः<sup>54</sup>

यष्टुः<sup>55</sup> यष्टुः<sup>56</sup> यष्टुः<sup>57</sup> यष्टुः<sup>58</sup> यष्टुः<sup>59</sup> यष्टुः<sup>60</sup>

यष्टुः<sup>61</sup> यष्टुः<sup>62</sup> यष्टुः<sup>63</sup> यष्टुः<sup>64</sup> यष्टुः<sup>65</sup> यष्टुः<sup>66</sup>

यष्टुः<sup>67</sup> यष्टुः<sup>68</sup> यष्टुः<sup>69</sup> यष्टुः<sup>70</sup> यष्टुः<sup>71</sup> यष्टुः<sup>72</sup>

यष्टुः<sup>73</sup> यष्टुः<sup>74</sup> यष्टुः<sup>75</sup> यष्टुः<sup>76</sup> यष्टुः<sup>77</sup> यष्टुः<sup>78</sup>

यष्टुः<sup>79</sup> यष्टुः<sup>80</sup> यष्टुः<sup>81</sup> यष्टुः<sup>82</sup> यष्टुः<sup>83</sup> यष्टुः<sup>84</sup>

यष्टुः<sup>85</sup> यष्टुः<sup>86</sup> यष्टुः<sup>87</sup> यष्टुः<sup>88</sup> यष्टुः<sup>89</sup> यष्टुः<sup>90</sup>

यष्टुः<sup>91</sup> यष्टुः<sup>92</sup> यष्टुः<sup>93</sup> यष्टुः<sup>94</sup> यष्टुः<sup>95</sup> यष्टुः<sup>96</sup>

## PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

- 1\_ NAMO
- 2\_ BHAGAVATE
- 3\_ TRAILOKYA
- 4\_ PRATIVIŚIṢṬĀYA
- 5\_ BUDDHĀYA
- 6\_ BHAGAVATE
- 7\_ TADYATHĀ
- 8\_ OM
- 9\_ VIŚODHAYA VIŚODHAYA
- 10\_ SAMĀSAMA SAMANTĀVABHĀSA
- 11\_ SPHARAṆA
- 12\_ GATI- GAHANA
- 13\_ SVĀBHĀVA- VIŚUDDHE
- 14\_ ABHIŚIṆCA TUMĀM
- 15\_ SUGATA
- 16\_ VARA- VACANA
- 17\_ AMṚTĀBHIṢEKAIR
- 18\_ MAHĀ –MANTRA-PADAIR
- 19\_ ĀHARA ĀHARA
- 20\_ ĀYUḤ- SAMDHĀRAṆI
- 21\_ ŚODHAYA ŚODHAYA
- 22\_ GAGANA – VIŚUDDHE
- 23\_ UṢNĪṢA
- 24\_ VIJAYA – VIŚUDDHE
- 25\_ SAHASRA – RAŚMI
- 26\_ SAMCODITE
- 27\_ SARVA TATHĀGATA
- 28\_ AVALOKANI
- 29\_ ṢAṬ- PĀRAMITĀ
- 30\_ PARIPŪRAṆI
- 31\_ SARVA TATHĀGATA
- 32\_ HRDAYA
- 33\_ ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE
- 34\_ MAHĀ - MUDRE
- 35\_ VAJRA - KĀYA
- 36\_ SAMHĀTANA – VIŚUDDHE
- 37\_ SARVA AVĀRAṆA - BHAYA - DURGATI – PARIVIŚUDDHE
- 38\_ PRATINIVARTAYA ĀYUḤ- ŚUDDHE
- 39\_ SAMAYA ADHIṢṬHITE
- 40\_ MAṆI MAṆI
- 41\_ MAHĀ-MAṆI
- 42\_ TATHĀTĀ – BHŪTA – KOṬI – PARIŚUDDHE
- 43\_ VISPHUṬA- BUDDHI- ŚUDDHE
- 44\_ JAYA JAYA
- 45\_ VIJAYA VIJAYA

- 46\_ SMARA SMARA  
 47\_ SARVA BUDDHA ADHIṢṬHITA- ŚUDDHE  
 48\_ VAJRI  
 49\_ VAJRA- GARBHE  
 50\_ VAJRAM BHAVATU  
 51\_ MAMA ŚARĪRAM  
 52\_ SARVA SATTVĀNĀM-ŚCA KĀYA- PARISUDDHE  
 53\_ SARVA GATI PARISUDDHE  
 54\_ SARVA TATHĀGATĀ-ŚCA ME  
 55\_ SAMĀŚVĀSA YANTU  
 56\_ SARVA TATHĀGATA  
 57\_ SAMĀŚVĀSA ADHIṢṬHITE  
 58\_ BUDHYA BUDHYA VIBUDHYA VIBUDHYA  
 59\_ BODHAYA BODHAYA VIBODHAYA VIBODHAYA  
 60\_ SAMANTA  
 61\_ PARISUDDHE  
 62\_ SARVA TATHĀGATA  
 63\_ HRDAYA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE  
 64\_ MAHĀ- MUDRE  
 65\_ SVĀHĀ

\_ Hét \_

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG THẦN CHÚ  
 (Truyền Bản của Tây Tạng)

\_ Bản Chú dài:

OM NAMO BHAGAWATAY SARVA TALOKYA PARTIBISHIKTAYA  
 BUDDHAYATAY NAMA  
 TADYATHA: OM DRUM DRUM DRUM SHODAYA SHODAYA  
 BISHODAYA BISHODAYA AHSAMA SAMENTA  
 AWABHASA PRANAGATI GAGANA SABAWA BISHUDAY  
 ABIKINTSEN TUMAM  
 SARVA TATHAGATA SUGATA BARABATSANA AMRITA  
 ABHIKAYKARA MAHAMUDRA MENTRA PADAY  
 AHARA AHARA MAMA AHYU SAMDARANI  
 SHODAYA SHODAYA BISHODAYA BISHODAYA GAGANA  
 SOBAWA BISHUDAY  
 USHNISHA VIJAYA PARISHUDAY SAHASRA  
 REMI SENTSODITAY  
 SARVA TATHAGATA AHWALOKINI KATHA PARAMITA  
 PARIPURANI  
 SARVA TATHAGATA MATAY DOSHA BUMI PARTTITAY  
 SARVA TATHAGATA HRIDAY AHDITANA AHDITITAY  
 MUDRAY MUDRAY MAHAMUDRAY BENDZA KAYA SAMATANA  
 PARISHUDAY  
 SARVA KARMA AHWARANA BISHUDAY PARTINIWARTAYA  
 MAMA AHYUR BISHUDAY  
 SARVA TATHAGATA SAMAYA AHDITANA AHDITITAY

OM MUNI MUNI MAHAMUNI  
 BIMUNI BIMUNI MAHABIMUNI  
 MATI MATI MAHAMATI  
 MAMATI SUMATI TATAYA  
 BATAKOTI PARISHUDAY  
 BIPUTA BUDI SHUDAY  
 HAY HAY DZAYA DZAYA BIDZAYA BIDZAYA  
 MARA MARA PARA PARA PARAYA PARAYA SARWA BUDDHA  
 AHDITANA AHDITITAY  
 SHUDAY SHUDAY BUDDAY BUDDAY BENDZAY BENDZAY MAHA  
 BENDZAY  
 SUBENDZAY BENDZAGARBA DZAYAGARBAY BIDZAYAGARBAY  
 BENDZA DZOLA GARBAY  
 BENZOEBAWAY BENDZA SAMBHAWAY  
 BENDZA BENDZENRNI  
 BENDZA MABAWATU MAMA SHARIRAM  
 SARWA SATONENTSA KAYA PARISHUDIR BAWATU  
 MA SADA SARWA GATI PARISHUDI TSA  
 SARWA TATHAGATA TSA  
 MAM SAMA SHASAYENTU  
 BUDDHAYA BUDDHAYA SIDDHAYA SIDDHAYA BODAYA  
 BODAYA BIBODAYA BIBODAYA  
 MOTSAAYA MOTSAAYA BIMOTSAAYA BIMOTSAAYA  
 SHODAYA SHODAYA BISHODAYA BISHODAYA  
 SAMENTANA MOTSAAYA  
 MOTSAAYA  
 SAMENTA RAMI PARISHUDAY  
 SARWA TATHAGATA HRIDAYA AHDITANA AHDITITAY  
 MUDAY MUDAY MAHAMUDAY  
 MAHAMUDRA MANTA PADAY SOHA !

**\_ Bản Chú ngắn:**

OM DRUM SOHA  
 OM AMRITA AHYUR DADYA SOHA  
 OM HUNG TAM HRI ANG AH RAKYA RAKYA MAM SARWA  
 SATAMTSA SOHA

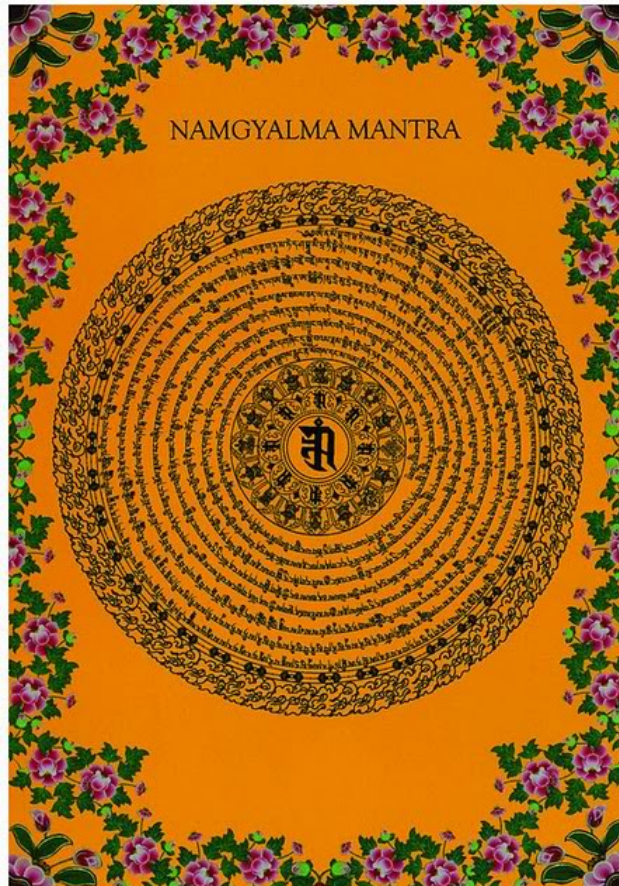
**Namgyalma Mantra**

**\_ Bản Chú dài:**

OM NAMO BHAGAVATE SARVA TRAILOKYA PRATIVISHISHTAYA  
 BUDDHAYA TE NAMA TA YA THA OM BHRUM BHRUM BHRUM  
 SHODHAYA SHODHAYA VISHODHAYA VISHODHAYA ASAMA SAMANTA  
 AVABHA SPHARANA GATI GAGANA SVABHAVA VISHUDDHE  
 ABHISHINTSANTU MAM SARVA TATHAGATA SUGATA VARA VACANA  
 AMRITA ABHISHEKERA MAHAMUDRA MANTRA PADAIH AHARA AHARA  
 MAMA AYUS SANDHARANI SHODHAYA SHODHAYA VISHODHAYA  
 VISHODHAYA GAGANA SVABHAVA VISHUDDHE USNISHA VIJAYA  
 PARISHUDDHE SAHASRA RASMI SANYTSODITE SARVA TATHAGATA  
 AVALOKINI SAT PARAMITA PARIPURANI SARVA TATHAGATA MATE

DASHA BHUMI PRATISHTHITE SARVA TATHAGATA HRIDAYA  
ADHISHTHANA ADHISHTHITE MUDRE MUDRE MAHA MUDRE VAJRA  
KAYA SAMHATANA PARISHUDDHE SARVA KARMA AVARANA  
VISHUDDHE PRATINI VARTAYA MAMA AYUR VISHUDDHE SARVA  
TATHAGATA SAMAYA ADHISHTHANA ADHISHTHITE OM MUNI MUNI  
MAHA MUNI VIMUNI VIMUNI MAHA VIMUNI MATI MATI MAHA MATI  
MAMATI SUMATI TATHATA BHUTAKOTI PARISHUDDHE VISPHUTA  
BUDDHI SHUDDHE HE HE JAYA JAYA VIJAYA VIJAYA SMARA SMARA  
SPHARA SPHARA SPHARAYA SPHARAYA SARVA BUDDHA  
ADHISHTHANA ADHISHTHITE SHUDDHE SHUDDHE BUDDHE BUDDHE  
VAJRE VAJRE MAHA VAJRE SUVAJRE VAJRA GARBHE JAYA GARBHE  
VIJAYA GARBHE VAJRA DZOLA GARBHE VAJRODBHAVE VAJRA  
SAMBHAVE VAJRE VAJRINI VAJRAM BHAVATU MAMA SHARIRAM  
SARVA SATTVANANYTSA KAYA PARISHUDDHIR BHAVATU ME SADA  
SARVA GATI PARISHUDDHISHTSA SARVA TATHAGATASHTSA MAM  
SAMASVASAYANTU BUDDHYA BUDDHYA SIDDHYA SIDDHYA BODHAYA  
BODHAYA VIBODHAYA VIBODHAYA MOTSA YA MOTSA YA VIMOTSA YA  
VIMOTSA YA SHODHAYA SHODHAYA VISHODHAYA VISHODHAYA  
SAMANTENA MOTSA YA MOTSA YA SAMANTA RASMI PARISHUDDHE  
SARVA TATHAGATA HRIDAYA ADHISHTHANA ADHISHTHITE MUDRE  
MUDRE MAHA MUDRE MAHAMUDRA MANTRA PADAIH SOHA

Bản Chú ngữn: OM DHRUM SOHA OM AMRITA AYUR DADE SOHA





Mật Tạng Đồ Tượng 10 (Tr.666)

## TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Phạn Văn: BẢO TỬ DUY  
 Hán Văn chú giải: PHÁP SÙNG  
 Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते  
 NAMO BHAGAVATE (Quy mệnh Thế Tôn)  
 त्रिलोक्य  
 TRAILOKYA (Ba đời, cũng gọi là 3 cõi)  
 प्रतिविष्टाय  
 PRATIVIŚIṢṬĀAYA (Tối thù thắng)  
 बुद्धाय  
 BUDDHĀYA (Đại Giác)  
 भगवते  
 BHAGAVATE (Thế Tôn)  
 \*) Phần trên là **Đệ nhất Quy Kính Tôn Đức Môn**

तद्यथा  
 TADYATHĀ (Ấy là, liền nói)  
 ॐ  
 OM (Ba thân, cũng có nghĩa là Tướng)

\*) Phần trên là **Đệ nhị Chương Biểu** (biểu thị rõ ràng) **Pháp Thân Pháp Môn**

विश्वय विश्वय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA (Thanh tĩnh)

असम सम समन्त वषस

ASAMA SAMA SAMANTA VABHASA (Chiếu diệu rộng khắp)

स्फुरण

SPHARANA (dang duỗi khắp cả)

गति गहन

GATI GAHANA (rùng 6 nẻo đông đúc)

स्वभाव विशुद्ध

SVABHĀVA VIŚUDDHE (tự nhiên thanh tĩnh)

\*) Phần trên là **Đệ tam Tĩnh Trừ Ác Thú Môn**

अभिषिक्त तुम्भ

ABHIṢIMCA TUMĀM (Quán đỉnh cho tôi)

सुगत

SUGATA (Thiện Thệ)

वृष वरुण

VARA VACANA (Ngôn Giáo thù thắng)

अमृत अभिषािकी मह मन्त्र पद

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHĀ-MANTRĀ-PADAI (Cam Lộ, lại nói là câu Quán Đỉnh Bất Tử)

अहार अहार

ĀHARA ĀHARA (Chỉ có tôi nhiếp thọ, chỉ có tôi nhiếp thọ. Lại nói là Xả thoát các khổ não)

अयुः सन्धि

ĀYUḤ SANDHĀRANĪ (kiên trụ giữ gìn thọ mệnh)

\*)Phần trên là **Đệ tứ Thiện Minh Quán Đỉnh Môn**

शिवय शिवय गगन विशुद्ध

ŚODHAYA ŚODHAYA GAGANA VIŚUDDHE (như hư không thanh tĩnh)

उज्ज्वल विश्वय विशुद्ध

UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE (Tối Thắng thanh tĩnh)

सहस्र [स]

SAHASRA RAŚMI (1000 ánh sáng)

संस्कृत

SAMCODITE (Cảnh giác)

सर्व नलगतवलोकन अधिष्ठान परमिता सर्व नलगत

सर्वयलक्षनयलक्षण

SARVA TATHĀGATĀVALOKANI ṢAṬ-PĀRAMITA PARIPŪRANĪ  
SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

मह मुद्र

MAHĀ0 MUDRE (Ấn Khé)

वक्रय संनग वसुद्ध



VAJRA-KĀYA SAMHĀTANA VAŚUDDHE (sự thanh tịnh của Thân Kim Cương câu tủa)

सर्वं वारानिपय दुरगति परिविशुद्ध

SARVA VARANI PAYA DURGATI PARIVISUDDHE (tất cả chướng thanh tịnh. Đó là: Nghiệp chướng, Báo chướng, Phiền Não chướng được thanh tịnh)

\*) Phần trên là **Đệ ngũ Thần Lực Gia Trì Môn**

प्रतिनि वरतया आयुः शुद्ध

PRATINI VARTTAYA AYUḤ ŚUDDHE (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

समया अधिष्ठति

SAMĀYA ADHIṢṬITE (Thệ nguyện gia trì)

मम मम महामम

MAṆI MAṆI MAHĀ-MANI (Thế Tôn. Cũng gọi là Pháp Bảo, ấy là tư lương của 2 loại Phước Tuệ)

\*) Phần trên là **Đệ lục Thọ mệnh tăng trưởng Môn**

तथात सुत कठ परिशुद्ध

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE (sự thanh tịnh tràn khắp Chân Như thật tế)

विष्णुता बुद्धि शुद्ध

VIṢPHUṬA BUDHI ŚUDDHE (hiển hiện Trí Tuệ thanh tịnh)

जय जय विजय विजय

JAYA JAYA\_ VIJAYA VIJAYA (Tối thắng, tối thắng. Tức là Chân Tục Nhị Đệ Pháp Môn)

स्मरि स्मरि

SMARA SMARA (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

\*) Phần trên là **Đệ thất Định Tuệ Tương Ứng Môn**

सर्वं बुद्ध

SARVA BUDDHĀ (tất cả chư Phật)

नमो अर्याअवलोकितेश्वर्याया बोधिसत्त्व्याय

NAMO ARYA-AVALOKITESVARĀYA BODHI-SATVĀYA (Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

नमो शक्यमुन्याय तथगत्याय

NAMAḤ ŚAKYAMUNAYE TATHĀGATĀYA (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai)

नमो कश्यप्याय तथगत्याय

NAMAḤ KĀŚYAPĀYA TATHĀGATĀYA (Kính lễ Ca Diếp Như Lai)

नमो कनकमुन्याय तथगत्याय

NAMAḤ KĀNAKA-MUNAYE TATHĀGATĀYA (Kính lễ Câu Na Hàm Như Lai)

नमो विश्वभु तथगत्याय

NAMAḤ VIŚVABHU TATHĀGATĀYA (Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai)

नमो शिखिना तथगत्याय

NAMAḤ ŚIKHINA TATHĀGATĀYA (Kính lễ Thi Khí Như Lai)

नमः खवल्लन नल्लगनल्ल

NAMAḤ VIVAŚINE TATHĀGATĀYA (Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai)

अधिशुत सुद्धे

ADHIṢṬITA ŚUDDHE (gia tri thanh tĩnh)

वज्र वज्रगर्भ

VAJRI VAJRA-GARBHA (Kim Cương Tạng)

वज्रं भवतु

VAJRĀM BHAVATU (thành nguyện Kim Cương)

मम

MAMA (Tôi, tự xưng tên họ. Nếu vì người khác liền xưng tên họ của người đó)

\*) Phần trên là **Đệ bát kim Cương Cúng Đường Môn**

वरिरं सर्वं सत्त्वन्व कय

CARIRAM SARVA SATVANAMCA KAYA (tất cả thân Hữu Tinh được thanh tĩnh)

सर्वं गति परिशुद्धे

SARVA GATI PARISUDDHE (tất cả các nẻo đều được thanh tĩnh)

सर्वं नल्लगनल्ल मं मम श्वसं यतु सर्वं नल्लगनं मम

श्वसल्लेषुत

SARVA TATHĀGATĀ-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU \_ SARVA TATHĀGATĀ-SAMA ŚVASA ADHIṢṬATE (tất cả Như Lai an ủi khiến được thanh tĩnh)

बोधय बोधय विबोधय

BODHAYA BODHAYA VIBODHAYA (hay khiến cho giác ngộ, hay khiến cho Hữu Tinh mau được giác ngộ)

समन्तं परिशुद्धे

SAMANTA PARISUDDHE (thanh tĩnh khắp cả)

सर्वं नल्लगनं हृदयल्लेषुत अधिशुत

SARVA TATHĀGATĀ-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE (nơi gia tri Thần Lực của tất cả Như Lai)

महं मुद्रे

MAHĀ-MUDRE (Đại Ấn. Đây là Đại Ấn của Như Lai)

\*) Phần trên là **Đệ cửu Phổ Chứng Thanh Tĩnh Môn**

स्वाहा

SVĀHĀ (Câu tốt lành, nghĩa là thành tựu)

\*) Phần trên là **Đệ thập Thành Tựu Niết Bàn Môn**

**Nội Chứng** ghi là: Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (cũng gọi là Trừ Chương Phật Đỉnh. Phạm Hiệu của 7 vị Phật và Quán Âm trong Gia Tự Cụ Túc Bản là dị bản vậy)

Đại Đường, niên hiệu Đại Lịch, năm thứ 11, tháng 02, ngày 28

Thượng Đô, chùa Thiên Phúc\_ Sa Môn PHÁP SUNG chú giải bản của Ngài BẢO TƯ DUY

19/08/1995

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1320 (Tr.480\_ Tr.482)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI THẦN CHÚ  
(Trích trong bản **Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thí Thục Nghi**)

Dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

ॐ ॐ ॐ  
OM BHRŪM SVĀHĀ  
ॐ नमो भगवते  
OM NAMO BHAGAVATE  
सर्वं त्रैलोक्यं प्रतिविशिष्टाय  
SARVA TRAILOKYA PRATIVIŚIŚTĀYA  
बुद्धाय नमः  
BUDDHĀYATE NAMAḤ  
तद्यथा  
TADYATHĀ:  
ॐ ॐ ॐ ॐ  
OM BHRŪM BHRŪM BHRŪM  
शुद्धाय शुद्धाय  
ŚODHAYA ŚODHAYA  
विशुद्धाय विशुद्धाय  
VIŚODHAYA VIŚODHAYA  
समं समं वसं  
ASAMA SAMANTAVABHĀSA  
स्फुरन् गतिं गहनं  
SPHARAṆA GATI GAHANA  
सुखं सुखं  
SVĀBHĀVA VIŚUDDHE  
अभिषिञ्च तमं  
ABHIŚIMCA TOMAM  
सर्वं तथगतं सुगतं वरं वचनं  
SARVA TATHĀGATA SUGATA VARA VACANA  
अमृतं अभिषेकं महान्त्रं वान्त्रपदां  
AMṚTA ABHIŚAIKAI MAHĀ-VANTRA VANTRA-PADAI  
आहारं आहारं  
ĀHARA ĀHARA  
समं समं  
SAMA AYU SANDHĀRAṆI  
शुद्धाय शुद्धाय  
ŚODHAYA ŚODHAYA  
विशुद्धाय विशुद्धाय  
VIŚODHAYA VIŚODHAYA  
गगनं सभवां विशुद्धं  
GAGANA SABHAVA VIŚODDHE  
उष्यं उष्यं पुरीषं  
UṢṆAṢA VIJAYA PARIŚODDHE

સહસ્ર રાસ્મિ સંસુદિત  
 SAHASRA RAŚMI SAMSU DITE  
 સર્વ તથાગત વરુકન  
 SARVA TATHĀGATĀVARUKANA  
 સદ્પરિધન પરિપુરાણ  
 SAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI  
 સર્વ તથાગત મત  
 SARVA TATHĀGATĀ MATE  
 તચ ભુમિ પ્રતિષ્ઠિત  
 TACA BHŪMI PRATIṢṬITE  
 સર્વ તથાગત ક્રિયા  
 SARVA TATHĀGATA HRĪṆAYA  
 અધિષ્ઠાના અધિષ્ઠિત  
 ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA  
 મત્રે મત્રે મહામત્રે  
 MATRE MATRE MAHĀ-MATRE  
 વજ્રે વજ્રે મહાવજ્રે  
 VAJRE VAJRE MAHĀ-VAJRE  
 વજ્રકાય સંહાતાના પારિસુદ્ધે  
 VAJRA-KĀYA SAṆHĀTANA PARIŚUDDHE  
 સર્વ કર્મ વારાના વિસુદ્ધે  
 SARVA KARMA VARANA VIŚUDDHE  
 પ્રતિની વર્તયા  
 PRATINI VARTTAYA  
 મમ યૃ વિસુદ્ધે  
 MAMA YR̥ VIŚUDDHE  
 સર્વ તથાગત સમય  
 SARVA TATHĀGATĀ SAMAYA  
 અધિષ્ઠાના અધિષ્ઠિત  
 ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE  
 ઓમ માણિ માણિ મહામાણિ  
 OM\_ MAṆI MAṆI MAHĀ-MANĪ  
 વિમાણિ વિમાણિ મહાવિમાણિ  
 VIMAṆI VIMAṆI MAHĀ-VIMAṆI  
 માતિ માતિ મહામાતિ  
 MATI MATI MAHĀ-MATI  
 મામતિ સામતિ  
 MAMATI SAMATI  
 તથાતા ભુતા કોદ્ધિ પારિસુદ્ધે  
 TATHĀTĀ BHŪTA KODHI PARIŚUDDHE  
 વિસ્ફાટા બુદ્ધિ સુદ્ધે  
 VISPHAṬA BUDDHI ŚUDDHE  
 હે હે  
 HE HE  
 જયા જયા  
 JAYA JAYA

विजय विजय  
 VIJAYA VIJAYA  
 स्मि स्मि  
 SMARA SMARA  
 श्वर श्वर श्वरय श्वरय  
 ŚVARA ŚVARA ŚVARAYA ŚVARAYA  
 सर्व बुद्ध अधिष्ठान अधिष्ठिता  
 SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA  
 सुते सुद्ध सुद्ध  
 ŚUTE ŚUDDHĀ ŚUDDHĀ  
 बुद्ध बुद्ध  
 BUDDHE BUDDHE  
 वज्र वज्र महावज्र  
 VAJRE VAJRE MAHĀ-VAJRE  
 सवज्र वज्रगर्भ  
 SAVAJRE VAJRE-GARBI  
 जयगर्भ  
 JAYA-GARBI  
 विजयगर्भ  
 VIJAYA-GARBI  
 वज्र सल गर्भ  
 VAJRA SALA GARBI  
 वज्रवती  
 VAJROTVABĪ  
 वज्र संबधि  
 VAJRA SAMBABI  
 वज्री वज्रानि वज्रं भवतु  
 VAJRĪ VAJRĀNI VAJRĀM BHAVATU  
 मम वरिं  
 MAMA CARIRAM  
 सर्व सत्त्वानाम्का कया परिशति  
 SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISATI  
 पवता सत्व मे  
 PAVATA SATVĀ ME  
 सवता सर्वा गति परिशुद्धे श्च  
 SARVATA SARVA GATI PARISUDDHE ŚCA  
 सर्व तथगतं त्वं  
 SARVA TATHĀGATĀ TVĀ-MAM  
 सम श्वास गन्ता  
 SAMA ŚVASA GANTA  
 बुद्ध बुद्ध  
 BUDDHE BUDDHE  
 सिद्ध सिद्ध  
 SIDDHE SIDDHE  
 बोधय बोधय  
 BODHAYA BODHAYA

विबोधय विबोधय  
 VIBODHAYA VIBODHAYA  
 बुद्ध बुद्ध  
 BUDDHYA BUDDHYA  
 विबुद्धय विबुद्धय  
 VIBUDDHYA VIBUDDHYA  
 सुद्धय सुद्धय  
 ŚUDDHAYA ŚUDDHAYA  
 विसुद्धय विसुद्धय  
 VIŚUDDHAYA VIŚUDDHAYA  
 सर्व बुद्ध बुद्ध  
 SARVATA BUDDHYA BUDDHYA  
 सर्व रश्मि परिसुद्ध  
 SARVATA RAŚMI PARIŚUDDHE  
 सर्व तथगत हृदय अधिष्ठान अधिष्ठिते  
 SARVA TATHĀGATĀ HRĪDAYA ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE  
 मन्त्र मन्त्र महामन्त्र  
 MANTRA MANTRA MAHĀ-MANTRE  
 महामन्त्र वान्त्रपदै  
 MAHĀ-MANTRA VANTRA-PADAI  
 स्वहा  
 SVĀHĀ

\_Hét\_

Hoàn chỉnh Phạm văn vào ngày 10/06/2006

## PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG PHÁP

Pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** tức là Pháp tịnh trừ tất cả các nghiệp chướng, xa lìa tất cả phiền não, tiêu diệt tất cả thân ở Địa Ngục Bằng Sinh, dễ dàng tái sinh vào các cõi Trời hoặc tùy theo ý sinh về cõi Tịnh Độ, tăng trưởng thọ mệnh phú quý, phát sinh Trí Tuệ, độ mình độ người nhanh chóng thành tựu Chính Pháp Giải Thoát của Phật Đà.

Tùy theo sự trao truyền của các bậc Đạo Sư nên hình thức tu tập Pháp Phật Đình Tôn Thắng có nhiều sự sai khác.

\_ Thông thường thì các vị Đạo Sư hay dạy cho người khác viết chép Đà La Ni rồi an trí trong Tháp báu, nơi Tháp Xá Lợi. Hoặc để trên Tòa Sư Tử, trên đài Kim Cương, treo trên đầu cây phượng. Hoặc ghi khắc trên các trụ đá, bia đá để cúng dường...nhằm cầu phước diệt họa, dứt trừ tội chướng, xa lìa nẻo ác, sinh về cõi lành thọ hưởng an vui phước lạc, cầu siêu cho các vong linh.



{[BabelStone CC BY-SA 3.0](#)}

Bức tường phía Đông bên trong hàng lang tại **Vân Đài** ở **Cư Dung Quan** (Bắc Trung Hoa) ghi khắc **Phật Đình Tôn Thắng Đà La Ni** (Uṣṇīṣa-vijaya-dhāraṇī)



Thạch Trụ Tôn Thắng Đà La Ni do Thái Tử **Đình Liễn** tạo dựng tại Hoa Lư





Thạch Kinh Tôn Thắng Đà La Ni ở Nhật Bản



Figure 4. *Dhāraṇī* pillar with the *Uṣṇīṣavijayā-dhāraṇī* in Siddham script and *bija* syllables. Jin, dated 1153 C.E. Private Collection.



Figure 2. Rubbing of stele depicting Uṣṇiṣavijayā. Thirteenth century, Jianquan, Yunnan.



Ngoài ra, các vị Đạo Sư còn truyền dạy là: Vào ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt, Hành Giả tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ 8 Trai Giới, quỳ gối trước Tượng Phật chí tâm trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni 1000 biến nhằm tiêu diệt các tội chướng nặng nề.

Lại nữa, nếu vì người chết (mới chết hay chết đã lâu) Hành Giả dùng Đà La Ni này chú vào nắm đất vàng 21 biến rồi tán rải trên thi hài người chết thì người ấy liền thoát khỏi các cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương xứ... được sinh lên Trời hoặc được vãng sinh về cõi Tịnh Độ.

Do Kinh Điền ghi nhận rằng chư Phật, các vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, Đại Phạm Thiên, Phạm Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Hóa Lạc Thiên, Đâu Suất Thiên, Dạ Ma Thiên, Đế Thích Thiên, Đạo Lợi Thiên, Hộ Thế Tứ Thiên Vương, Thiện Trụ Thiên Tử, Tán Chi Đại Tướng, Diêm La Pháp Vương... với các quyền thuộc đều phát tâm thủ hộ cho người trì Pháp này cho nên trước khi trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, Hành Giả nên đọc bài kệ **Khải Thỉnh** là :

***Cúi lạy Tôn Thắng Vương***

Ngôi ở Tòa Kim Cương  
 Trên hoa sen ngàn cánh  
 Vương lưới rộng dài che khắp cõi  
 Viên mãn vô lượng các Công Đức  
 Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú  
 Tám mươi tám ức Như Lai truyền  
 Đế Thích Thiên Vương vì Thiện Trụ  
 Hay diệt bảy lần đọa bàng sinh  
 Giáo Bí Mật Tổng Trì hiếm có  
 Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng  
 Nay con chỉ là kẻ phàm phu  
 Nguyên tán Tổng Trì Nhất Nhiệt Trí  
 Hay đem phước lợi cứu quần sinh  
 Các Như Lai ở khắp mười phương  
 Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác  
 Tám Bộ Trời Rồng, các quyền thuộc  
 Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa  
 Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La  
 Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử  
 Thánh Hiền, các Chúng Đẳng như trên  
 Nguyên nghe Khải Thỉnh đều giáng lâm  
 Ứng hộ Phật Pháp khiến trường tồn  
 Mỗi mỗi siêng tu lời Phật Dạy  
 Tất cả hàm linh đến chốn này  
 Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương  
 Hết thấy đều mau thành Phật Đạo  
 Nay con phúng tụng Chân Ngôn này  
 Nguyên xin Như Lai thường cứu hộ  
 Nguyên xin Hiền Thánh thường cứu hộ  
 Nguyên xin Hộ Pháp thường ứng hộ  
 Nam mô Trailokya Uṣṇīṣa  
 Nam mô Jaya Uṣṇīṣ  
 Nam mô Vijaya Uṣṇīṣa  
 Nam mô Vikīraṇa paṃca Uṣṇīṣa  
 Nam mô Tejoraśi Uṣṇīṣa  
 Nam mô Trūṃ Uṣṇīṣa  
 Nam mô Śrūṃ Uṣṇīṣa  
 Nam mô Indra Deva  
 Nam mô Kim Cương Giới Hội Nhất thiết chư Phật  
 Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới nhất thiết chư Phật

\_ Nếu Hành Giả có điều kiện vẽ Tượng lập Đàn thì các vị Đạo Sư thường dạy là:

**Vẽ Tượng.** Muốn thọ trì Chú này, trước cần vẽ tượng. Dùng lụa trắng tốt, ba bức cao một trượng, màu vẽ không được dùng keo da mà dùng nhựa hương. Họa Sĩ cần thanh tịnh, không được ăn ngũ tân. Khởi công vào ngày mồng một, nếu có thể bắt đầu từ ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất, trong 7 ngày phải vẽ xong. Vẽ núi Cam Lồ, trong núi có đủ các thứ cây cối, hoa quả, suối khe, cầm thú. Giữa núi có hang,

trong hang vẽ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngồi Kiết Già, bên trái vẽ **Đế Thích Thiên Chủ** cùng các Thiên Chúng vây quanh, bên phải vẽ **Càn Thát Bà** Nhi tên là **Thiện Trụ** đoan chánh như Bồ Tát, đầu tóc áo mào đều y vậy, dùng các thứ Anh Lạc mào hoa trang sức. Dùng miếng lụa trắng buộc ở cánh tay trái, tay phải cầm cây gậy tròn và vẽ các Càn Thát Bà quyền thuộc vây quanh. Hai bên Đức Phật vẽ **4 vị Thiên Vương** cùng các quyền thuộc. Lại bên trái đức Phật vẽ **Phạm Vương** và **Ma Vương**. Vẽ xong làm Đàn thọ Pháp.

**Kết Đàn.** Đàn Pháp này, trước cần đất sạch không có gạch đá. Lấy 5 thứ nước hương trộn với đất vàng làm bùn đắp Đàn vuông vức một trượng.

Chính giữa Đàn rộng một khuỷu tay vẽ Phật Đảnh, tóc biếc như con ốc màu xanh.

4 mặt ngoài Đàn, để các món ăn uống 7 chén

4 phương để 4 lư hương đều đốt các thứ hương thơm.

Cửa Nam để một bình đồng chứa đầy nước 5 thứ hương, cửa Nam an Tòa Đế Thích.

Cửa Đông an Tòa Thiện Trụ.

Chú Sư ngồi nơi Tòa phía Tây, hướng mặt về phương Đông. Mặt tượng Phật hướng về phương Tây.

Lấy phướng 5 màu treo 4 bên ngoài Đàn. Để 5 chén đèn, chính giữa là một chén cao, 4 góc mỗi góc một chén như bên dưới giống hình cái Tháp.

Trong Đàn rải các thứ hoa. Vật cúng dường cũng để ngoài Đàn không được để trong Đàn.

Làm Pháp 7 ngày, trong 7 ngày tụng đủ số một vạn Phật Đảnh phóng đại quang minh. Chú Sư trong 7 ngày cần phát lồ sám hối, khởi nguyện Đại Bi. Bảy giờ Pháp được thành tựu, không có nghi, chuyên tâm cúng dường được vô lượng Phước.

*(Trích trong **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp** do Sa Môn Thích **Quảng Trí** dịch ra Việt Văn)*

Kinh **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Tịnh Trừ Nghiệp Chương** Chú ghi nhận rằng trong Pháp tu tạo Đàn đã hàm chứa đầy đủ 6 món Ba La Mật là:

*“Nếu hết thấy chúng sinh muốn được giải ngộ đều phải tác Pháp Mạn Đà La.*

*Thanh tịnh xoa tô mặt đất. Hoặc dùng nước, đất và Cù Ma Di (Phân bò) nghiêm sức [ thì gọi là **Thi La Ba La Mật** ( Śīla-pāramiā: Giới Ba La Mật) ]*

*Rải hoa, đốt hương, thắp đèn, treo phan phướng, lọng báu. Dùng các món trân bảo, thức ăn uống cúng dường. Đây gọi là **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bỏ Thi Ba La Mật)*

*Khi làm Đàn, có các phiền não mà không giận dữ, gọi là **Sần Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramiā: Kham Nhẫn Ba La Mật)*

*Siêng năng cần mẫn tu hành không có giải đãi thì gọi là **Tỳ Lê Da Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā: Tinh Tiến Ba La Mật)*

*Chuyên chú nơi Pháp Tắc một lòng không tán loạn thì gọi là **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā: Thiền Định Ba La Mật)*

*An bày đầy đủ phân minh rõ ràng thì gọi là **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā: Tuệ Ba La Mật)*

*Này Thiên Đế ! Đây là tạo Pháp Sự có đầy đủ 6 món Ba La Mật cho nên cần phải mở bày cho hết thấy chúng sinh được nhiều lợi ích, mau được Bồ Đề”*

Như thế đối với Pháp tu phổ thông (Tập Mật) thì các vị Đạo Sư đã truyền dạy cho Đồ Chúng 34, 35 hoặc 38 Pháp. Như **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp** (Do Quy Tư Tăng là **Nhạ Na** dịch ra Hán Văn, Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) có ghi nhận 38 Biệt Pháp là:

**Pháp thứ 1:** Nếu người muốn được sống lâu không đọa Địa Ngục, ác đạo, Nga Quỷ, súc sanh, A Tu La cùng diệt các tội nặng. Mỗi thời chí tâm tụng Chân Ngôn 21 biến, khởi nguyện Đại Bi thương xót hết thảy chúng sanh tức tiêu trừ Thập Ac, Ngũ Nghịch.

**Pháp thứ 2:** Nếu có Phi Hành, La Sát, Quỷ Thần vào trong nước gây nhiễu loạn, khủng bố nhân dân. Thường kết Ấn xung “**Nam mô Phật**” tâm tâm nhớ niệm tụng Đà La Ni này tức được như trên, các nạn tiêu diệt.

**Pháp thứ 3:** Nếu có người không tin, chỉ chí tâm một chỗ, thường làm Pháp này tức được đại nghiệm. Xong khiến cho người không tin được tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm thì có gió Bạch Tộc (? gió trong mát) thổi đến nhập vào thân. Trên thân, da dễ dơ xấu xí đen đúa và các nạn được gió thổi đến đều biến mất, ách nạn chướng nặng đều tiêu trừ

**Pháp thứ 4:** Nếu muốn được oai lực tự tại. Trong 7 ngày hướng 4 phương, tụng Chú, dùng các thứ lúa làm hình người để 4 hướng. Tức sở nguyện được như ý

**Pháp thứ 5:** Muốn được diệt các tội nặng nơi thân. Dưới chân cửa Thành, làm như Pháp trên

**Pháp thứ 6:** Muốn diệt các tội cho Tiên Vong. Ở ngã tư đường, làm Pháp như trên.

**Pháp thứ 7:** Muốn diệt tội cho hết thảy chúng sanh. Trước Phật làm Pháp như trên.

**Pháp thứ 8:** Muốn cứu được chúng sanh bị khổ nơi Địa Ngục. Mỗi thời kết Phật Đảnh Ấn, tụng Chú, hướng 4 phương mà xả thì tội chướng liền tiêu trừ.

**Pháp thứ 9:** Muốn thí nước cho Nga Quỷ. Chú vào nước sạch 7 biển, tán rải 4 phương, dùng tâm mà thí cho thì Nga Quỷ liền được uống nước Cam Lộ.

**Pháp thứ 10:** Muốn cứu tội khổ của súc sanh. Chú vào đất vàng 21 biến, rải trên súc sanh và 4 phương. Tức được tiêu diệt tội chướng.

**Pháp thứ 11:** Nếu muốn cứu Trời Người bị các tội sợ bị đọa lạc. Lấy hoa 5 màu, tụng Chú vào hoa, tán rải nơi Tam Bảo và trên Phật Đảnh. Tức hết thảy tội cấu tiêu diệt

**Pháp thứ 12:** Nếu có nạn vua, nạn giặc giã, khẩu thiệt nổi lên. Chú vào 5 thứ nước hương 21 biến, rửa Phật và quán đảnh liền được an lạc.

**Pháp thứ 13:** Nếu Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng... muốn được đầy đủ phước báo. Mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Đà La Ni này đem công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh. Chỉ làm như vật tất được như ý, hết thảy tội chướng đều tiêu diệt.

**Pháp thứ 14:** Muốn diệt hết thảy tội chướng cho chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cây phát trần, Chú 21 biến quét thân Phật, Kinh. Chí tâm kết Ấn, Chú 21 biến thì tội chướng một đời liền tiêu.

**Pháp thứ 15:** Nếu có Khẩu Thiệt. Lấy Mật đựng trong chén sạch, dùng Chu Sa hòa với Mật. Chú 21 biến rồi đem Mật, Chú bồi lên môi của trăm Tượng Phật thì Khẩu Thiệt liền tiêu diệt, được Phước vô lượng.

**Pháp thứ 16:** Nếu người bệnh lâu, nằm liệt trên giường. Lại nếu muốn hết thảy người yêu nhớ cung kính, muốn hết thảy mọi việc Thế Xuất Thế được thành tựu, bị Quỷ Thần nhiễu loạn, mộng tưởng điên đảo. Dùng 100 lá vàng, Chú 21 biến rồi dán trên đảnh 100 Tượng Phật, trước Tượng làm hình Ma Ni Châu thì hết thảy tội tiêu, cầu gì đều được.

**Pháp thứ 17:** Nếu trong nước bị Quỷ Thần gây bệnh cùng bệnh Thời Khí lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh vẽ Chú, dùng Bạch Đàn làm cái hộp để đựng,

dùng sáp gắn lại. Đứng ở cửa thành, lấy lông 5 màu che hộp. Mỗi cửa để một Bản. Tức Quỷ Thân, tật bệnh đều tiêu trừ không dám đến.

**Pháp thứ 18:** Nếu trong nước không được mùa ngũ cốc, mưa gió thất thường. Lấy lụa trắng làm một cái phướng, vẽ Phật Đảnh Ấn treo ở cái phướng cao 80 thước (80/3 m) tức gió thuận mưa hòa, ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an lạc, Quỷ Thân hồi tâm hướng thiện, A Tu La Vương không gây chướng ngại.

**Pháp thứ 19:** Nếu trời mưa nhiều không dứt. Lấy lụa viết Chú, Chú 21 biến dựng nơi đó, liền tạnh mưa

**Pháp thứ 20:** Nếu trong nước có oán địch giặc giã nổi lên. Lấy vải xanh viết Chú 21 tấm, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiên Trụ** với 2 tay cầm cung tên rồi dựng ở chánh đông của cõi nước thì các nạn tự lui.

**Pháp thứ 21:** Nếu trong nước có các tai họa. Dùng đủ các thứ làm 100 Phù Đồ Bức Luân, lại giã lá lấy nước vẽ Chú 10 Bản, để trên đầu Bức Luân trong cái hộp thì tai họa liền tiêu, được phước sống lâu.

**Pháp thứ 22 :** Nếu kẻ sang người hèn muốn ủng hộ và hộ tự thân , cầu tài bảo xướng ý. Thường khởi thiện tâm, không cần thời gian. Lễ Phật, kết Ấn, tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng mặt Phật không chớp mắt. Làm như vậy tức được đầy đủ Phước Đức khi chết không bị đọa Địa ngục ác đạo.

**Pháp thứ 23:** Nếu người nữ muốn có con. Trong 100 ngày làm các món ăn uống ngon ngọt cho kẻ nghèo khổ ăn xin và kẻ bệnh tật. Khi cho đồ ăn, miệng luôn tụng Chú không được gián đoạn tức được (sinh con).

**Pháp thứ 24:** Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho mặc (thì vợ chồng) liền yêu thương nhau.

**Pháp thứ 25:** Nếu đàn bà không có chồng. Cúng dường hiện tiền Tăng liền được, không có nghi.

**Pháp thứ 26:** Nếu có người, quốc vương, đại thần, trăm quan... không tin Phật Pháp. Lấy sữa của 3 con bò vàng không bị ghê lác, Chú vào nước, cỏ 21 biến rồi cho bò ăn. Khi mặt trời mọc, vắt sữa đựng trong đồ bằng bạc, lại Chú vào sữa 21 biến rồi đổ nơi đất sạch 4 phương. Người lấy sữa phải mặc áo trắng, miệng nói: "*Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Đế Thích phải tự lo việc này*". Chú Sư liền vào thành thì quốc vương, đại quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp thấy Chú Sư đều sanh lòng hoan hỷ. Chú Sư nói gì thầy đều tin nhận ngợi khen.

**Pháp thứ 27:** Nếu có người trong Giới, nơi chốn ở có Quỷ Thân ác, nơi ao có Rồng ác. Nếu Rồng hiện lên, Chú Sư bảo rằng: "*Không được làm hại chúng sanh trong đây*". Y như trên mà an trí. Nếu ngang bướng không bỏ nghiệp ác. Chú Sư lấy cát, Chú 21 biến ném nơi này, Chú vào Rồng 21 biến thì Rồng không dám trái. Nếu là Quỷ Thân ác , Chú vào thức ăn 21 biến rồi thí cho. Chú Sư bảo: "*Ta bảo người, nếu không làm hại chúng sanh thì được ở đây, nếu làm hại thì rời khỏi nơi đây*". Nếu Quỷ Thân không nghe theo, liền làm cái cọc sắt dài 22 chỉ, Chú 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thân liền bỏ chạy. Chú Sư an trí Quỷ Thân xong lại bảo: "*Như đây mà ở, không được lộn xộn*".

**Pháp thứ 28:** Chú Sư mỗi khi ra đi. Làm một cây phất, Chú 108 biến rồi cầm mà đi. Nếu gặp súc sanh, lấy phất phủi một cái thì súc sanh được lìa khổ, giải thoát.

**Pháp thứ 29:** Nếu muốn Tiên Vong xa lìa khổ , được giải thoát. Ngồi trong Rừng Thi Đà 7 ngày. Ngày 3 thời tụng Chú nhiều ít. Mãn 7 ngày, lấy đất ở chỗ Chú Sư ngồi , vãi 4 phương. Ngay khi vãi (thì Tiên Vong) liền được lìa khổ, sanh lên Trời.

**Pháp thứ 30:** Buôn bán ế ẩm, cầu gì đều không được. Chú Sư kết Ấn, tụng Chú 21 biến. Để Tượng Thiện Trụ ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được sở cầu, buôn bán có lời.



**Pháp thứ 31:** Nếu có người muốn vào núi rừng gặp sư tử, cọp, sói, cầm thú ác độc. Khi sắp vào nơi cửa núi, tụng Chú 108 biến, chú vào đất vàng rồi ngậm đất ở miệng, hà hơi vào trong núi, miệng nói: *“Cầm thú ác độc có ác độc đều tiêu diệt hết, đất này thuộc về Ta. Nếu hay y theo Pháp Ta thì tùy ý được ở. Nếu không y theo liền mau đi khỏi. Nếu không đi, miệng liền bị cấm”*. Nếu Chú Sư thấy cầm thú, cọp, sói có miệng bị cấm liền gom lại một chỗ, lấy tay xoa trên đầu, Chú 21 biến rồi bảo rằng: *“Ta đây mở miệng cho người. Mau ra khỏi nơi đây và giữ gìn đất đai này, không được làm hại chúng sanh nơi đây”*. Chú xong đuổi đi đến nơi an trí cho chúng ở. Chú Sư ngồi trong núi hơn 2 tháng, không được ngồi thêm rồi đi khắp nơi, sau đó ngồi lại. Nếu ngồi lâu thì cầm thú không được an ổn. Cần phải biết như vậy

**Pháp thứ 32:** Nếu vào trong núi. Các Quỷ Thần xen lẫn, Rồng xen lẫn không cho Chú Sư an ổn ở nơi này. Thấy vậy, Chú Sư liền y theo Pháp mà phân chia. Sư bảo: *“Ta chọn chỗ đất này. Hãy để cho Ta. Nếu đồng ý thì được ở. Nếu cưỡng lại không nghe thì Ta liền cấm trời người không được đi đâu”*. Chú Sư lấy đinh sắt như Pháp mà đóng thì các loài đi ra khỏi Giới không dám vào.

**Pháp thứ 33:** Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cột trời khiến trong nước không có mưa gió. Chú Sư ở bên suối có Rồng, làm một cái Đàn nhỏ, lấy gốc Dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn. Lấy 3 chén sữa, lạc để trên Đàn. Chú vào cọc 108 biến rồi đóng cọc ở 8 hướng của suối. Lấy sữa, lạc đổ xuống ao. Lấy lá kim bạc vẽ Chú để trên lá sen trong ao. Chú Sư nói: *“Thiện Tri Thức nay bị ách nạn, bị Ngoại Đạo cấm trời. Nay làm Pháp này xong, dùng Đà La Ni ủng hộ người”*. Phát Thệ xong, liền lấy đồ ăn uống, cà sa cùng Kim Bạc Chú... quăng xuống đáy nước. Chú Sư thổi hơi 3 lần thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo liền bị hoại, Rồng được giải thoát không còn nạn. Khi Rồng ra khỏi liền đến cúng dường Chú Sư. Rồng nói: *“Ngài có điều gì sai bảo?”*. Chú Sư nói: *“Người y theo thời làm gió mưa, đem Đà La Ni này để trên đánh khiến cho người vĩnh viễn không có tai nạn”*

**Pháp thứ 34:** Nếu nước lụt làm chìm đắm người. Chú Sư chú vào nước 21 biến rồi rảy vào nơi nước lụt liền không còn (người) bị trôi chìm.

**Pháp thứ 35:** Nếu thường niệm, nhất định sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được an lạc.

**Pháp thứ 36:** Nếu ngày ngày tụng 1000 biến cùng kết Ấn thì được thân Kim Cang Bất Hoại, đời này được Vô Sanh Pháp Nhân.

**Pháp thứ 37:** Nếu ngày ngày kết Ấn tụng Chú 108 biến thì mau được chư Phật 10 phương thọ ký, nhất định không nghi.

**Pháp thứ 38:** Nếu ngó 4 phương 4 hướng, kết Ấn tụng Chú 21 biến vì chúng sanh xung tên và xả Ấn thì được hết thủy Quỷ Thần, Ma Vương, Tỳ Na Dạ Ca, Ac Quỷ, Rồng.... Cung kính giữ gìn. Hết thủy điều cầu xin, tự nhiên đến. Nhan sắc tốt tươi, phước đức vô lượng, công đức vô biên, chư Phật 10 phương ngợi khen hưởng chi có người chí tâm trì tụng ắt mau chứng Vô Sanh Pháp Nhân, tùy ý thọ sanh 10 phương Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, được chứng Quả Phật.



\_ Riêng đối với Hành Giả ưa thích tu trì Mật Giáo thì các vị Đạo Sư thường truyền dạy cách xây dựng Đàn Trường để tu tập và xưng là **Phật Đỉnh Tôn Thắng Mạn Trà La**. Có 2 hình thức tu tập Đàn Pháp là **Tướng Đàn** và **Tâm Đàn**

**a) Tướng Đàn:** Chú Sư dùng màu sắc tô vẽ các Tôn, Ấn Khế, Pháp Khí, cảnh tượng... trên mặt đất hoặc tranh vẽ . Sau đó bày biện đầy đủ mọi thứ cúng vật thật sự để cúng dường.

**b) Tâm Đàn:** Chú Sư dùng tâm quán tưởng các Chủng Tử biến thành các Tôn theo thứ tự . Sau đó dùng Tâm vận tưởng mọi thứ cúng vật dâng hiến các Tôn.

Truyền Thống Hoa Văn thường lưu truyền 2 loại Tôn Thắng Mạn Trà La tùy theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không** hay Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy**

1\_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không**: Chính giữa vẽ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trụ Pháp Giới Ấn, ngôi Kiết Già trên Tòa Sư Tử.

Phương Bắc vẽ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha Bodhisattva)

Phương Tây vẽ **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisattva)

Phương Nam vẽ **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva Nirvāṇa-viṣkambhīni Bodhisattva)

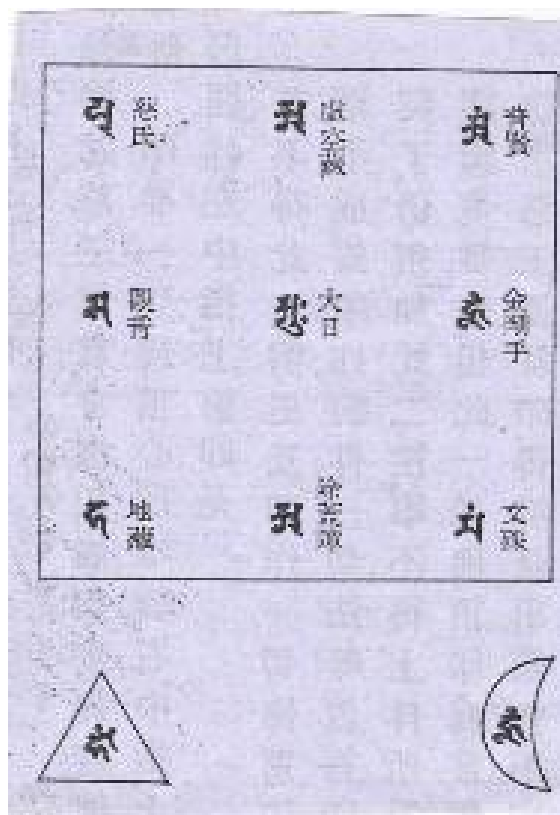
Phương Đông vẽ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajrapāṇi Bodhisattva)

Góc Đông Nam vẽ **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī Bodhisattva)

Góc Tây Nam vẽ **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣitigarbha Bodhisattva)

Góc Tây Bắc vẽ **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya Bodhisattva)

Góc Đông Bắc vẽ **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samantabhadra Bodhisattva)  
 Phía dưới bên trái đặt **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidyārāja), bên phải đặt  
**Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya-vidyārāja)



2\_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy**: Vẽ một vòng tròn sáng lớn, chia ra làm 9 vòng tròn nhỏ .

Vòng chính giữa vẽ Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) đầu đội mào Ngũ Trí, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử, tay kết Pháp Giới Định Ấn

Vòng tròn phương Nam vẽ **Quang Tụ Phật Đỉnh** ( Tejoraśi Uṣṇīṣa)

Vòng tròn phương Đông vẽ **Tôi Thắng Phật Đỉnh** (Vijaya-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn phương Bắc vẽ **Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn phương Tây vẽ **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** (Sitātapatra-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn góc Đông Nam vẽ **Vô Biên Thanh Phật Đỉnh** (Anantasvara-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn góc Đông Bắc vẽ **Quảng Sinh Phật Đỉnh** (Abhyudgata-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn góc Tây Nam vẽ **Phát Sinh Phật Đỉnh** (Mahā-Uṣṇīṣa)

Bên dưới: trong hình tam giác bên trái vẽ **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidyārāja), trong nửa vành trăng bên phải vẽ **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya-vidyārāja) với lò hương đặt giữa 2 vị này

Bên trên: mỗi bên vẽ 3 vị Thủ Đà Hội Thiên 9 [Gồm 6 vị **Tĩnh Cư Thiên** (Śuddhāvāsa deva)] biểu thị cho nghĩa **trong sạch** .



八大佛頂曼荼羅

**\*) Đạo Trường Quán:**

Năm Đại tạo thành Pháp Giới, trong hư không có vành trăng tròn sáng, dùng chày Tam Cô làm giới đạo, dùng bình báu làm phân tế. Ở chính giữa: viên minh (vòng ánh sáng tròn trịa) tại trung ương có đài hoa sen lớn, bên trên có chữ VAM (𑖳) thành Pháp Giới Suất Đồ Ba, Suất Đồ Ba (Stūpa: cái tháp) biến thành Đại Nhật Như lai đội mũ bảo Ngũ Phật với anh lạc nghiêm thân, ngồi Kiết Già trên sàng 8 Sư Tử, trụ Pháp Giới Ấn.

Trong viên minh bên trái có chữ LAM (𑖂) biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

Trong viên minh bên phải có chữ BHRŪM (𑖧𑖄) biến thành Tối Thắng Phật Đỉnh.

Trong viên minh phía trước có chữ HRŪM (𑖛𑖄) biến thành móc câu, móc câu biến thành Tôn Thắng Phật Đỉnh (Trừ Chương Phật Đỉnh) ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, màu thịt trắng, hai tay để dưới rốn như vào Thiên Đỉnh, giữa lòng bàn tay nâng một hoa sen, trên hoa có dựng một móc câu Kim Cương.

Trong viên minh phía sau Đại Nhật Như Lai có chữ TRŪM (𑖛𑖃) biến thành Phóng Quang Phật Đỉnh (Quang Tụ Phật Đỉnh)

Bên trái của Trừ Chướng có chữ SÂM (𣎵) thành Thắng Phật Đỉnh  
 Bên phải của Trừ Chướng có chữ TRŪM (𣎵) thành Quảng Sinh Phật Đỉnh.  
 Bên phải Quang Tụ có chữ HŪM (𣎵) thành Vô Biên Thanh Phật Đỉnh  
 Đồng bên trái có chữ SRŪM (𣎵) thành Phát Sinh Phật Đỉnh  
 Ở dưới, bên trái trong nửa vành trắng có chữ HẠH (𣎵) thành Giáng Tam Thế  
 Tôn. Bên phải có chữ HĂM (𣎵) thành Bất Động Minh Vương. Phía trước có lò  
 hương.  
 Bên trên, mỗi bên có 3 chữ RU (𣎵 𣎵 𣎵) biến thành 6 vị Thủ Đà Hội Thiên với  
 hình Đồng Tử đều cầm hương hoa.



Ngoài cách tạo lập Đàn Trường như trên, trong **Tôn Thắng Phật Đảnh Chân Ngôn Du Già Pháp**, quyển hạ (Do Sa Môn Thích Quảng Trí dịch ra Việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** còn truyền dạy cách lập Đàn Pháp theo 3 bậc Thượng, Trung, Hạ là:

**“Pháp tắc họa Mạn Đà La:** Vương tám khuỷu, mười hai khuỷu, hoặc ba tám khuỷu, nếu vì chúng sanh mà làm thì bảy khuỷu hoặc tám khuỷu cũng được. Nếu làm lớn hoặc quan phủ trong nước tạo một trăm tám khuỷu, ít là ba tám khuỷu.

Tám khuỷu: bốn khuỷu làm chính giữa, trong vòng tròn lớn chia làm năm vòng tròn nhỏ. Bốn góc hình bán nguyệt, mỗi vòng vẽ chín Tôn vị, trong vòng bán nguyệt vẽ Lục Túc Tôn, bốn mặt vòng tròn lớn vẽ tám cái bình bốn bánh xe, mười sáu chày Kim Cang dựng đứng, thấy đều cột các dây lụa, bốn khuỷu chia làm hai viện, lại mỗi viện chia ra làm ba đạo.

Ở viện thứ hai phía ngoài vẽ ba đạo, trắng, vàng, đỏ y theo nghi của ba Phật Đảnh và nghĩa của Giới, Định, Huệ.

Phía ngoài viện thứ ba vẽ năm đạo, trắng, vàng, đỏ, xanh, đen là nghĩa năm Phật Đảnh, năm Trí.

Trong hai viện, chia ra làm ba đạo, ở trong viện thứ nhất là chư Thánh chúng ngồi xây về phía trong. Đạo thứ hai để bảo bình, lư hương, đèn sáng, Ú già, các món ăn uống, hoa quả. Đạo thứ ba là biện sự thị giả, chỗ cho các người lui tới dâng các món cúng dường, ở viện thứ hai cũng như vậy.

Nơi trung đài vẽ tám vòng tròn lớn, chia ra làm chín vòng, trong mỗi vòng tròn lại chia làm chín vòng, ở trong vẽ chín vị Thánh. Vòng tròn ở giữa vẽ Phật Tỳ Lô Giá Na, bốn mặt vẽ Tôn Thắng Phật và bốn Đảnh Luân Vương. Bốn góc vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát. Ở giữa hình bán nguyệt, bốn góc vẽ bốn Đại Đảnh Luân Vương, bốn cúng dường Ba La Mật, đều y theo Pháp tắc.

Viện thứ nhì hướng Đông, vẽ Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi kết già phu, tướng đang nói Pháp. Ở dưới tòa hai bên, vẽ Đế Thích và Thiên Trụ, hai gối sát đất, chấp tay cung kính nhìn ngắm Như Lai, thưa thỉnh làm sao trừ tai nạn, làm sao được sống lâu, tại sao 7 lần sanh làm súc sanh ...v...v... Như vậy thưa thỉnh xong. Khi ấy Thế Tôn từ bi thương xót liền vào Trừ Chướng Tam Ma Địa, từ trên đánh Như Lai phát ra **Nhạ Da Tam Ma Địa** (Jaya-samādhī: Tôn Thắng Tam Muội), tướng như Luân Vương màu trắng đầu đội mũ báu Ngũ Phật, tay cầm Kim Tỏa Cầu, nơi ót chiếu hào quang quanh thân tròn như bánh xe. Khi hiện Tam Ma Địa này, 10 phương Thế Giới 6 lần chấn động, 10 phương Thế giới tất cả Địa Ngục, sáu đường chúng sanh đọa nơi ác đạo, thầy đều trừ diệt các nghiệp ác, không còn thọ lại nữa, đều được sanh về cõi Trời và 10 Tịnh độ, do Thiên Trụ Thiên Tử tiêu trừ 7 lần phải sanh vào ác đạo nên gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương, tức là một trong 8 Đại Luân Vương gồm năm Phật Đảnh Luân Vương, và ba Phật Đảnh .

Hai bên trái, phải của Đức Phật, vẽ Bồ Tát Di Lặc tay cầm Pháp giới ấn, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi tay cầm hoa sen xanh. Các Vị đều kết Bồ Ấn, một tay cầm phật và đều hướng về phía Phật.

Lại hai bên phải trái của Đức Phật vẽ Như Lai Hào Tướng, Như Lai tâm, Như Lai Thiệt Tướng, Như Lai Nhãn, Như Lai Tị, Như Lai Nha, Như Lai Nhĩ, Như Lai Thân (môi), Như Lai Yêu (eo), Như Lai Sóc, Như Lai Vô Úy, Như Lai Mã Âm Tàng, Như Lai My (lông mày), Như Lai Khẩu, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Vương, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Phi.

Bốn góc viện: Hương Ba La Mật Tam Muội Da, Bảo Ba La Mật Tam Muội Da, Hoa Ba La Mật Tam Muội Da, Đồ Hương Ba La Mật Tam Muội Da, đối nhau ở trong vòng tròn, ngoài ra Như Lai Hào Tướng ...v...v... thầy đều cầm bốn ấn khế, các thứ trang nghiêm, ngồi kiết già.

Bốn mặt vẽ 10 phương Chư Phật và Bồ Tát, bốn Đại A La hán, bốn Phật Bích Chi chia ở 4 góc mặt

Ở giữa mặt phía Bắc vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên vẽ Liên Hoa Bộ nội quyền thuộc, Bồ Tát Đắc Đại Thế ...v...v... Bồ Tát Bạch Xứ Tôn Quán Tự Tại, Bồ Tát Thất Cu Chi Quán Tự Tại, Bồ Tát Bất Không Quyền Sách Quán Tự Tại, Bồ Tát Đa La Quán Tự Tại, Bồ Tát Như Ý Luân Quán Tự Tại, Bồ Tát Thương Ly Quán Tự Tại, Bồ Tát Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Thủy Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Mã Đầu Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Liên Hoa Quân Trà Lợi Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Nhất Kế Minh Vương Quán Tự Tại, các vị Thánh giả đều chấp bốn khế và trang nghiêm đầy đủ, ngồi bán già trên tòa sen.

Lại ở giữa mặt phía Nam, vẽ Bồ Tát Chấp Kim Cang Vương Bí Mật Chủ, tay cầm chày Kim Cang, ngồi Kiết Già Phu. Hai bên vẽ Kim Cang Bộ Nội Thánh Chúng, an trí thứ lớp: Bồ Tát Kim Cang Mẫu, Bồ Tát Kim Cang Quyền, Bồ Tát Kim Cang Tỏa, Bồ Tát Kim Cang Nhãn, Bồ Tát Kim Cang Phần Nộ, Bồ Tát Kim Cang Sách, Bồ Tát Kim Cang Quân trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang Tiểu, Bồ Tát Kim Cang Hòa, Bồ Tát

Kim Cang Đạt, Bồ Tát Kim Cang Hi, Bồ Tát Kim Cang Bôn, Bồ Tát Kim Cang Tâm, Bồ Tát Kim Cang Tô Bà Hô, Bồ Tát Kim Cang Đồng Tử, Bồ Tát Kim Cang Xích Thân, Bồ Tát Kim Cang Thanh Diện, các vị Kim Cang Bồ Tát đều cầm chày Kim Cang, Luân, quyển sách, gậy, lời tói, bôn ấn khế ngồi bán già, quanh thân lửa cháy rực rỡ, anh lạc trang nghiêm nơi thân, thầy đều như Pháp hình (hình đã ghi rõ trong nghi quỹ).

Ở cửa phía Tây, hai bên an trí 08 Đại Bồ Tát là: Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Trừ Cái Chướng, Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng tử, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Liên Hoa Thủ, Bồ Tát Bí Mật Chủ ...v...v... mỗi mỗi đều chấp bôn khế ấn và trang nghiêm nơi thân đầy đủ.

Ngoài viện an trí mười phương các thần Hộ Pháp cùng các quyển thuộc, hai bên vẽ bốn trụ giả. Góc Đông Bắc vẽ Y Xá Na tay cầm Đát Lợi Thư Na, hai bên có hai thị giả tay cầm Ấn Khế.

Cửa Đông phía Đông Bắc, vẽ Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, tay cầm đàn Tỳ bà có bốn thị giả.

Cửa Đông phía trên hướng Nam, vẽ Hộ Pháp Đế thích Thiên tay cầm chày Kim Cang, có bốn thị giả.

Bốn mặt ngoài viện, vẽ bốn Phật Bích Chi, bốn Thanh Văn.

Góc Đông Nam vẽ Hỏa Thiên Thần ngồi trong lửa, tay cầm râu chuỗi, hai bên vẽ hai thị giả,

Phía Nam vẽ Diêm La Vương tay cầm Tử Vương ấn, Diêm La Phi và các loài quỷ quyển thuộc.

Hai bên góc Tây Nam, vẽ La Sát Vương tay cầm kiếm, có hai thị giả tay cầm đao, đều ngồi hai bên. Mặt cửa phía Tây hướng Tây Nam, vẽ Thủy Thiên Thần mặc giáp mũ, trên đầu có đầu rắn, tay cầm quyển sách, có bốn thị giả quỳ hai bên chấp tay.

Phương dưới cửa Bắc vẽ Địa Thần, A Tu La Vương tay cầm Bảo Bình, có bốn thị giả.

Cửa Nam mặt phía Tây, vẽ Nhật Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngựa, hai tay cầm hoa sen nở ngồi trong vòng tròn. Vẽ bảy sao y theo Bôn sắc, tay cầm bôn ấn, vẽ hai bên Nhật Thiên Tử và quyển thuộc.

Mặt phía Đông vẽ Nguyệt Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngỗng, tay cầm phướng gió trên có có con thỏ ngồi trong vành trăng, có hai tám sao đều cầm bôn khế, tùy phương hướng, màu sắc, hình Chư Thiên ngồi quanh Nguyệt Thiên Tử.

Mặt Đông và Nam vẽ các Tát Địa chư Tiên, có ba bốn thị giả như trên.

Các Thánh chúng y theo Pháp vẽ bôn hình đầy đủ, đây là **Mạn Đà La bạc thượng**.

Nếu như vẽ ấn khế, trên đài sen vẽ phóng ánh sáng rực rỡ, đây là **Mạn Đà La bạc Trung**.

Nếu trên đài sen vẽ các chủng tử Phạm tự phóng ánh sáng chung quanh, đây là **Mạn Đà La bạc Hạ**.

Nếu quốc vương muốn trừ tai nạn, ở giữa viện thứ ba vẽ năm non bốn biển vua chúa, quan binh các thần kỳ trong nước, như Pháp mà vẽ.

Nếu bị nghịch tặc nổi lên, ở viện thứ tư vẽ hình nghịch tặc và các hình trạng biến dị. Ở trong dưới nửa đàn mà trấn.

Như vậy vẽ xong kết giới, tịch trừ, triệu thỉnh, dâng các Bảo Bình, lư hương, đèn sách, hoa quả, ú già ...v...v... đều an trí dưới tòa các Thánh vị, tùy theo lớn nhỏ sắp đặt. Nếu lớn một trăm tám khuỷu, Bảo Bình hai lăm cái; nếu tám khuỷu trở lại thì mười lăm một cái, hoặc sáu cái, còn các món cúng dường khác tùy thời mà dâng cúng,

trong chính vòng tròn ở giữa, hai viện ngoài cộng chung là 16, bốn góc bốn cửa đối nhau.

Nếu làm Mạn Đà La Tăng Ích, Tứ Tai thì tròn. Nếu Hàng Phục thì làm hình tam giác. Nếu Nhiếp Triệu thì làm hình bán nguyệt. Các thứ khác giống nhau”.

Thông thường các vị Đạo Sư thường hay truyền trao cho Đệ Tử 2 cách tu theo Pháp Tăng Ích và Pháp Tứ Tai

— Nếu tu **Pháp Tăng Ích** (Puṣṭika) thì Chú Sư ngồi ở mặt Tây hướng mặt về phương Đông, đặt mặt tượng Phật hướng về phương Tây. Từ một ngày cho đến 7 ngày tụng đủ 10 vạn biến. Trong 7 ngày, như Pháp tổ bày Sám Hối, phát khởi Nguyên Đại Bi thì ngay lúc tu trì liền được thành Pháp. Cần nhớ là đừng khởi Tâm nghi ngờ, luôn thành Tâm cúng dường sẽ sinh vô lượng Phước

Nếu tu **Pháp Diên Thọ** (cầu sống lâu) thì 6 ngày 6 đêm y theo Pháp thọ trì sẽ mãn tất cả Nguyên. Tất cả khổ não của nẻo ác đáng lẽ phải chịu thầy đều được giải thoát.

— Nếu tu **Pháp Tứ Tai** (Śāntika): Ngày ngày nên tụng 21 biến sẽ diệt trừ mọi tội, tăng trưởng Phước Lợi, được mọi người yêu kính. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Đề nhắc nhở Hành Giả tự chứng biết lúc mình sắp tu Chân Ngôn thành tựu, trong **Tôn Thắng Phật Đánh Chân Ngôn Du Già Pháp**, quyển hạ (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** có dạy rằng:

“Nay ta lại nói: Hành giả muốn thành tựu tướng của Chơn ngôn, nếu nói cho đầy đủ hết kiếp cũng không nói đặng, chỉ có Phật mới hay nói được thôi. Nếu Hành giả tụng trăm ngàn vạn biến tức được thành tựu. Nếu khi sắp thành tựu, trước có bảy cảnh giới cát tường, phải biết hành giả mau được Tất Địa.

*Thứ nhất:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đại Như Ý quảng Đại Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, ta được tất cả Như Lai thọ ký Hoán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Ma Địa. Ta và Như Lai một lúc cùng phát thệ rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được được vào trong mười phương cõi Phật. Lui tới tự tại, trong mỗi cõi có chín mươi chín hằng sau cu chi na dữu đa trăm ngàn tất cả Như Lai nhớ nghĩ gia bị*”. Được cảnh giới này, nên gia công tinh tấn, không nên thủ xả.

*Thứ hai:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da cung điện. Ta cùng Như lai thọ Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Hiện tiền ta và Như Lai cùng nói lời rằng: “*Lành thay! Thiện nam tử, ông được Đại Liên Hoa Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Ấn Tam Muội Da*”.

*Thứ ba:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da. Ta và Chư Như Lai thọ Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm và ta thọ tất cả Như Lai Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đà La Ni Tam Muội Da phẩm. Tất cả Kim Cang đồng khen rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được các Như Lai Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Đại Mạn Đà La*



*Án Tam Muội Da phẩm, được Chư Kim Cang nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Bảo Kim Cang Án Tam Muội Da”.*

*Thứ tư:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chúng Tôn Thắng Phật Đánh Đại Quán Đánh Mạn Đà La Án Tam Muội Da phẩm, thấy ta và các Như Lai thọ Đại Ma Ni Bảo Quán Đánh Mạn Đà La Án Bí Mật Thành Tụ Tam Muội Da, được các Như Lai khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chúng Tôn Thắng Phật Đánh Quán Đánh Mạn Đà La Án Bí Mật Tâm phẩm hiện tiền gia bị, Pháp Quán đánh này là tất cả Như Lai Đại Như Ý Bảo Chúng Tôn Bí Mật tâm Chơn ngôn Tam Muội Da phẩm”.*

*Thứ năm:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Đại Quán Đánh Bí Mật Mạn Đà La Án Tam Muội Da, được các Như Lai thọ Bất Thối Chuyển Đại Quán Đánh Bí Mật Mạn Đà La Án Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai đều khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được mười phương quốc độ ba đời Chư Phật, tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Phật Đánh Đại Quán Đánh Bí Mật Mạn Đà La Án Tam Muội Da phẩm”.*

*Thứ sáu:* Mộng thấy ta với mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cõi Bồ Đề, nơi tòa Kim Cang thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Pháp Vương Quán Đánh Địa Pháp. Thấy khắp mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi tòa sư tử thọ tất cả Như Lai Bất Thối Pháp Vương Quán Đánh Đại Pháp. Chư Như Lai đều khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Ngươi thật bền chắc, nay được tất cả Như Lai Bất Thối Như Lai quán đánh hộ niệm lâu dài không bỏ”.*

*Thứ bảy:* Mộng thấy Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cõi Bồ Đề, ngồi tòa Kim Cang, phóng Đại quang minh, chuyển Đại Pháp luân, đốt Đại Pháp cự, vũ Đại Pháp võ, dựng Đại Pháp tràng, thổi Đại Pháp loa, đánh Đại Pháp nhạc, phá Đại Ma quân và thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cõi Bồ Đề nơi tòa Kim Cang chuyển Đại Pháp Luân, dẹp Đại Ma quân, Tội Thắng Đại Bí Mật Mạn Đà La Án Tam Muội Da phẩm. Thờ Chư Như Lai đều khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được chân ngôn Bảo Kiên Cố Giải Thoát Chuyển Pháp Luân Đại Quán Đánh Bí Mật Mạn Đà La Án tam Muội Da”.*

Như vậy y Pháp cần phải cố gắng quán tưởng thọ trì đọc tụng không có gián đoạn, tức được bảy loại mộng tốt. Chứng Nhất Thiết Như Lai Năm Đánh Luân Vương Chơn Ngôn Thần Biến Pháp, nhập vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Đánh Luân Vương Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Đại Mạn Đà La Án Tam Muội Da hội. Nhập tất cả Tam Muội Da xứ. Được thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai Tôn Thắng Phật Đánh Luân Vương Như Lai Đại Tỳ Lô Giá Na, bốn Ba La Mật ...v...v... Đông phương Như Lai A Súc, Cháp Kim Cang Bí Mật Chủ ...v...v... Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ, Liên Hoa Nhân ...v...v... Bắc phương Như Lai Bất Không Tất Địa, Tỳ Thủ Yết Ma ...v...v... bốn Trí, bốn Tam Muội Da ...v...v... vô lượng Thánh chúng sắc thân vi diệu cung kính cúng dường, gìn giữ mười phương quốc độ ba đời tất cả Tôn Thắng Phật Đánh Tỳ Lô Giá Na Như Lai, tất cả danh hiệu được mười phương quốc độ ba đời, tất cả Tôn Thắng Phật Đánh Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai thọ cho Trừ Chướng Phật Đánh Án Đà La Ni Tam Muội Da Thần Thông Pháp phẩm trên hết.

Nếu trong quá khứ đã tạo mười ác, năm nghịch, bốn trọng, các tội nặng nề thảy đều trừ sạch.

Nếu có chúng sanh ở nơi các đọa xứ được nghe Đại Quán Đánh Quang Vương Tôn Thắng Phật Đánh Luân Vương Chơn ngôn qua tai một, hai, ba, bảy lần, tức được tiêu trừ tất cả tội chướng.

Nếu Hành giả Du già thương xót sáu nẻo Hữu tình ở nơi đỉnh núi cao lễ mười phương, mỗi phương tụng Tôn Thắng Chơn ngôn một biến, mắt nhìn các loại chúng sanh đều được xa lìa tất cả tội khổ. Đời sau được sanh vào cõi Bất Động phật, hoặc viết trên phướng, treo trên đỉnh núi cao, trên đầu ngọn cây, phướng bay hướng nào tất cả chúng sanh hướng ấy có các tội mười ác, năm nghịch, bốn trọng, thầy đều tiêu diệt. Hoặc viết chữ Phạm, an trí trên phướng cũng được như trên đã nói. Bảy loại mộng tốt tương ứng, nên biết Hành giả Du già mau chứng Phổ Hiện Sắc Thân Đại Tam Ma Địa, nhập vào Vô Sanh Bình Đẳng Năm Trí, thành tựu thân Như Lai Đại Tỳ lô Giá Na”.

Riêng về sự Thành Tựu (Tất Địa: Siddhi) thì có hai loại là **Hữu Tướng Tất Địa** và **Vô Tướng Tất Địa**

**Hữu Tướng Tất Địa** có 3 bậc là:

— **Hạ Tất Địa**: Được trường sinh bất lão, làm vua trong chư Tiên. Hoặc đạt được tất cả việc thù thắng xảo diệu của Thế Gian, sống lâu vạn tuổi.

— **Trung Tất Địa**: Được địa vị Chuyển Luân Thánh Vương, sống lâu một kiếp.

— **Thượng Tất Địa**: Chứng Ngũ Địa cho đến Bát Địa, tự đến thân Bồ Tát. Trong khoảng một niệm vượt 10 Phật Sát vi trần số Phật Thế Giới, thừa sự cúng dường mỗi một vị Phật, hóa độ chúng sinh.

**Vô Tướng Tất Địa** có 3 bậc là:

— **Hạ Tất Địa**: 3 loại Tất Địa lúc trước là Hạ Tất Địa

— **Trung Tất Địa**: Như trong Vô Tướng, hoặc được thân Bản Tôn, hoặc được thân ứng hóa cho đến thân Bồ Tát ở 10 Địa Vị.

— **Thượng Tất Địa**: 3 Nghiệp tức là 3 Mật, 3 Mật tức là 3 Thân, 3 Thân tức là Đại Nhật Như Lai Trí.

Nếu được thân Tỳ Lô Giá Na như vậy, hoặc chứng Pháp Giới Phổ Hiện Sắc Thân, đồng một Pháp Giới, đồng một Thể Tính. Ngoài một tâm không có một vật nào mà có thể được. Lập tướng hư không của chư Phật, hư không cũng không có tướng, tâm đồng hư không cho nên người tu Du Kỳ cũng đồng một Thể. Một niệm đốn vượt 3 vọng chấp, độ 3 tầng kỳ hạnh, phát Tâm Bồ Đề liền thành Chính Giác tức là thân của Tất Địa. Đây là Pháp tối thượng trong Vô Tướng Tất Địa .

12/06/2013

## PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Nước Diêu Tần Tam Tạng Sa Môn PHẬT ĐÀ BA LỢI phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vậy. Một thời Bạc Già Phạm tại Thất La Phiệt, nơi rừng Thệ Đa trong vườn Cấp Cô Độc cùng đại Tỳ Kheo chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ. Cùng với các Đại Bồ Tát, Tăng một vạn hai nghìn người. Khi đó ba mươi ba cõi Trời đương hội họp tại Thiện Pháp đường. Có một Thiên Tử tên là **Thiện Trụ** cùng các Đại Thiên vui chơi trong vườn, được các Đại Thiên Vương thương yêu kính mến. Có các Thiên nữ trước sau đoanh vây, vui vẻ thọ hưởng các món âm nhạc, thọ hưởng các điều vui sướng.

Khi đó Thiện Trụ Thiên Tử trong đêm nghe có tiếng nói rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa ông sẽ chết. Sau khi chết sanh vào cõi Diêm Phù Đề thọ thân súc sanh 7 lần, và thọ khổ nơi Địa Ngục, từ nơi Địa Ngục ra được thọ thân người ở nơi nhà bản tiện, khi còn trong thai đã mù hai mắt”.

Khi Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy rồi, rất là sợ sệt, các lông dựng đứng, buồn khổ vô cùng, liền mau đến chỗ Thiên Đế Thích, khóc la đánh lễ nơi chân Thiên Đế, bạch cùng Thiên Đế rằng: “Xin hãy nghe tôi nói! Tôi cùng các Thiên nữ trước sau dạo chơi thọ các điều vui sướng, nghe có tiếng bảo rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa mạng người sẽ hết, sau khi chết sanh nơi Nam Diêm Phù Đề bảy lần thọ thân súc sanh, sau đó lại đọa vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được, làm thân người sanh vào nhà bản tiện lại mù hai mắt”. Cúi xin Thiên Đế làm cách nào để cứu tôi thoát khỏi khổ nạn này”.

Khi Thiên Đế nghe Thiện Trụ Thiên Tử nói xong, rất lấy làm quái lạ suy nghĩ rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử này vì sao lại bị 7 lần thọ các thân ác?”. Tức thời liền nhập vào Định Quán, thấy Thiện Trụ Thiên Tử 7 lần thọ các thân ác, như là heo, chó, dã can, nhĩ hầu, mãng xà, chim cú, các thân, ăn các vật dơ uế. Khi Thiên Đế thấy Thiện Trụ Thiên Tử đọa 7 lần trong ác đạo, trong tâm rất là khổ não, không biết lấy gì làm chỗ quy y, chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là có thể khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được khỏi khổ này.

Bấy giờ Thiên Đế Thích lúc sáng sớm đem các tràng hoa, hương đốt, hương bột, các y phục thù diệu trang nghiêm cõi Trời, đi đến rừng Thệ Đa, chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ chân Phật, nhiễu bên phải 7 vòng, ở nơi trước Phật cúng dường đầy đủ, hồ quý chấp tay mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thiện Trụ Thiên Tử vì sao phải thọ 7 lần làm súc sanh và các thân trong đường ác như đã nói”.

Lúc bấy giờ trên đỉnh Đức Như Lai phóng ra các thứ ánh sáng chiếu khắp 10 phương thế giới xong, ánh sáng kia xoay vòng quanh Phật ba vòng rồi nhập vào nơi miệng. Đức Phật mỉm cười bảo Thiên Đế Thích rằng: “Thiên Đế! Có Đà La Ni gọi là Tôn Thắng hay tịnh các đường ác, hay trừ tất cả khổ não sanh tử, lại hay trừ các khổ nơi Địa Ngục, Diêm La Vương giới và cõi Súc Sanh, hay phá các Địa ngục, hướng về đường lành.

Thiên Đế! Phật Đánh Đà La Ni này nếu có người được nghe qua tai một lần, các nghiệp Địa Ngục đã tạo từ trước thảy đều tiêu diệt, được thân thanh tịnh, tùy theo chỗ

sanh nhớ niệm không quên, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, trải qua 33 cõi Trời khi sanh ra đều nhớ không quên.

Thiên Đế! Nếu có người khi sắp chết nhớ đến Đà La Ni này mau được tăng trưởng, Thân, Khâu, Ý nghiệp thanh tịnh, sống lâu, thân không có bệnh, tùy nơi chỗ ở được các phước lợi an ổn. Tất cả Như Lai đều nhìn đến, các Thiên Thần thường luôn ủng hộ, khiến người kia ác chướng tiêu trừ, được các Bồ Tát che chở.

Thiên Đế! Nếu có người tụng Đà La Ni này, trong khoảng phút chốc tất cả các khổ về Địa Ngục, Diêm La Vương giới, Súc Sanh đều bị phá nát không còn dư sót, ở trong các cõi Phật, nơi Thiên cung chỗ các Bồ Tát ở, đều vào được tùy ý không có chướng ngại”.

Lúc bấy giờ Thiên Đế Thích bạch Phật rằng: “Cúi xin Thế Tôn vì các chúng sanh nói Pháp Tăng Ích thọ mạng”.

Khi ấy Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của Thiên Đế Thích muốn được nghe Phật nói Pháp Đà La Ni. Liên nói chú rằng:

- 1\_ **Năng mô**
- 2\_ **Bà nga phạ đế**
- 3\_ **Đát-lạt lộ chỉ-dã**
- 4\_ **Bát la đế**
- 5\_ **Vĩ thủy sát-tra dã**
- 6\_ **Mộ đà dã**
- 7\_ **Bà nga phạ đế**
- 8\_ **Đát nễ dã tha**
- 9\_ **Án**
- 10\_ **Vĩ thú đà dã**
- 11\_ **Sa ma sa ma, tam mãn đa**
- 12\_ **Phạ bà sa**
- 13\_ **Sa-phả ra noa**
- 14\_ **Nghiệt đế, nga hạ năng**
- 15\_ **Bà phộc, vĩ truật đệ**
- 16\_ **A tị tru tả đồ hàm**
- 17\_ **Tổ nghiệt đá**
- 18\_ **Phạ ra tả năng**
- 19\_ **A mật-lật đá**
- 20\_ **Tị sái kế**
- 21\_ **Ma ha mạn đát-ra, bá nãi**
- 22\_ **A hạ ra, a hạ ra**
- 23\_ **A dữu tán đà la ni**
- 24\_ **Thú đà dã, thú đà dã**
- 25\_ **Nga nga năng, vĩ truật đệ**
- 26\_ **Ô sắt nị sái**
- 27\_ **Vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ**
- 28\_ **Sa hạ sa ra**
- 29\_ **Ra thấp-minh**
- 30\_ **Tán tổ nễ đế**
- 31\_ **Tát phạ đát tha nghiệt đá**
- 32\_ **Phộc lộ ca nĩnh**
- 33\_ **Sát bá ra nhĩ đa**

- 34\_ Bả rị bố la nị  
 35\_ Tát phạ đát tha nghiệt đá  
 36\_ Hiệt-rị ná dĩa  
 37\_ Địa sắt-xá năng  
 38\_ Địa sắt-xỉ đá  
 39\_ Ma hạ mẫu nại-rị  
 40\_ Phạ nhật-ra, ca dĩa  
 41\_ Tăng hạ đá năng, vĩ truật đệ  
 42\_ Tát phạ phạ la noa  
 43\_ Bả dĩa nạp, nghiệt đế  
 44\_ Bả lị vĩ truật đệ  
 45\_ Bát-ra để  
 46\_ Nĩnh miệt đá dĩa  
 47\_ A dục, truật đệ  
 48\_ Tam ma dĩa  
 49\_ Địa sắt-xỉ đế  
 50\_ Ma ni, ma ni  
 51\_ Ma ha ma ni  
 52\_ Đát đạt đá  
 53\_ Bộ đa cú trí  
 54\_ Bả rị truật đệ  
 55\_ Vĩ đột-phổ tra  
 56\_ Một địa, truật đệ  
 57\_ Nhạ dĩa, nhạ dĩa  
 58\_ Vĩ nhạ dĩa, vĩ nhạ dĩa  
 59\_ Sa ma ra  
 60\_ Tát phạ một đà  
 61\_ Địa sắt-xỉ đá, truật đệ  
 62\_ Phạ nhật-rị, phạ nhật-la nghiệt bệ  
 63\_ Phạ nhật lam  
 64\_ Ba phạ đồ, ma ma (xung tên...)  
 65\_ Xả rị lam  
 66\_ Tát phạ tát đát-phạ  
 67\_ Nan tả, ca dĩa  
 68\_ Vĩ truật đệ  
 69\_ Tát phạ nga đế  
 70\_ Bả rị truật đệ  
 71\_ Tát phạ đát tha nghiệt đá  
 72\_ Tam ma thấp-phạ sa diễn đồ  
 73\_ Tát phạ đát tha nghiệt đá  
 74\_ Tam ma thấp-phạ sa  
 75\_ Địa sắt-xỉ đế  
 76\_ Một địa dĩa, một địa dĩa  
 77\_ Vĩ một địa dĩa  
 78\_ Mạo đà dĩa, mạo đà dĩa  
 79\_ Vĩ mạo đà dĩa, vĩ mạo đà dĩa  
 80\_ Tam ma đá  
 81\_ Ba rị truật đệ



TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE  
 ॐ ॐ ॐ ॐ  
 VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE  
 ॐ ॐ  
 JAYA JAYA  
 ॐ ॐ ॐ ॐ  
 VIJAYA VIJAYA  
 ॐ  
 SMARA  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU MAMA ŚARIRAM  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIVIŚUDDHE  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SARVA GATI PARISUDDHE  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA YAMTU  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA  
 BUDDHYA VIBUDDHYA  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 BODHAYA BODHAYA  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 VIBODHAYA VIBODHAYA  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 SAMANTA PARISUDDHE  
 ॐ  
 SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-  
 MUDRĪ SVĀHĀ

Phật bảo Thiên Đế Thích rằng: “Chú này gọi là **Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Đạo Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni**, hay trừ tất cả tội nghiệp các chướng, hay phá tất cả uế ác, các khổ.

Thiên Đế! Đà La Ni này là 88 hằng hà sa cu chi trăm ngàn Chư Phật đều cùng nói ra, tùy hỷ thọ trì. Tất cả Như Lai đều ân khả, vì muốn cứu tất cả chúng sanh các uế ác khổ, khiến cho tất cả Địa Ngục, Súc Sanh, Diêm La Vương giới, các chúng sanh được giải thoát, khiến các chúng sanh bị khổ nạn đọa trong biên sanh tử được giải thoát, chết non, bạc phước không chỗ cứu hộ, tạo ra ác nghiệp, tạp nhiễm chúng sanh được nhiều ích. Đà La Ni này gìn giữ cõi Nam Diêm Phù Đề hay khiến Địa Ngục, các chúng sanh nơi ác đạo xoay vần trong sanh tử, bạc phước chúng sanh, không tin Thiện Ác bỏ Chánh Đạo được giải thoát”.

Phật bảo Thiên Đế: “Ta nói Đà La Ni này trao cho ông, ông nên truyền lại cho Thiện Trụ Thiên Tử và nên thọ trì đọc tụng, suy nghĩ nhớ niệm cúng dường, cũng nên rộng nói cho tất cả chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề, lại vì các Thiên Tử mà

nói Đà La Ni này. Nay Ta giao phó cho ông phải luôn luôn giữ gìn ủng hộ, không được quên mất.

Thiên Đế! Nếu có người trong chốc lát được nghe Đà La Ni này, trong trăm ngàn kiếp trở lại đã tạo các nghiệp ác, chướng nặng đến phải luân hồi trong sanh tử, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Diêm La Vương, A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần, Bồ Đan Na, Yết Tra Bồ Đan Na, A Bà Sa Ma Ra, muỗi, mòng, lằn, chó, mãng xà, các loài chim, các loài mãnh thú, các loài cử động hàm linh, cho đến trùng kiến các thân đều không thọ nữa, được chuyển sanh nơi cõi Chư Phật, Nhất Sanh Bồ Xứ, cùng các Bồ Tát đồng hội, hoặc sanh vào nhà Bà La Môn, hoặc sanh vào nhà Sát Đế Lợi, hoặc sanh vào nhà giàu có.

Thiên Đế! Người này được sanh vào những nơi tôn quý là do nghe Đà La Ni này, sanh đến nơi nào đều được thanh tịnh, cho đến đến được chỗ Bồ Đề Đạo tràng, đều do xung tán Công Đức của Đà La Ni này. Như vậy, Đà La Ni này gọi là Kiết Tường hay trừ tất cả đường ác. Tôn Thắng Phật Đánh Đà La Ni cũng như báu Nhật Tạng Ma Ni, như là hư không, không có bợn nhơ, rục rở chiếu khắp mọi nơi. Nếu có chúng sanh trì Đà La Ni này, được các điều như vậy, cũng như vàng ròng Diêm Phù Đàm, khiến người ham ưa, không có các uế ác, cấu bần. Thiên Đế! Nếu có chúng sanh trì Đà La Ni này, do được Thiện Tịnh nên sanh vào cõi Tịnh. Thiên Đế! Nơi nào có Đà La Ni này, nếu hay viết chép, lưu bố, thọ trì, đọc tụng, nghe nhớ, cúng dường, thì tất cả các đường ác đều tiêu diệt, thấy đều thanh tịnh, tất cả khổ não nơi Địa Ngục đều được tiêu trừ”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Nếu có người viết chép Đà La Ni này treo nơi cột phượng, hoặc trên đỉnh núi hoặc trên lầu, cho đến an trí nơi Tháp Suất Đồ Ba. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tộc tánh nam, tộc tánh nữ, hoặc thấy hoặc gần gũi, thân hình chạm đến, hoặc gió thổi qua các chỗ trên bụi đất chạm đến thân. Thiên Đế! Các chúng sanh này có các ác nghiệp đáng đọa vào Địa Ngục, Súc Sanh, Diêm La Vương giới, Ngạ Quỷ, A Tu La, các chôn ác đạo chịu khổ thấy đều tiêu diệt, không bị các tội cấu làm đắm nhiễm.

Thiên Đế! Các chúng sanh này được Chư Phật thọ ký, được bắt thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hưởng là dùng nhiều các thứ cúng dường đầy đủ như tràng hoa, đồ hương, mật hương, phan, cái, y phục, anh lạc, các thứ trang nghiêm, nơi ngã tư đường tạo Tháp Suất Đồ Ba, an trí Đà La Ni này, chấp tay cung kính hành đạo, đi nhiều, quy y đánh lễ. Nếu người hay cúng dường như vậy, được gọi là Đại Bồ Tát, đây chính là Chơn Phật tử, giữ được Phật Pháp cũng như toàn thân Như Lai Xá Lợi Suất Đồ Ba”.

Lúc bấy giờ **Diêm Ma Pháp Vương**, nơi nửa đêm đi đến chỗ Phật đem các Thiên y, diệp hoa, đồ hương trang nghiêm cúng dường Phật xong, nhiễu Phật 7 vòng, đánh lễ chân Phật mà bạch rằng: “Con nghe Như Lai tuyên nói khen ngợi sức của Đà La Ni này, nếu có người thọ trì đọc tụng Đà La Ni này con thường gần gũi ủng hộ, không để người này đọa vào Địa Ngục, tùy theo ngôn giáo của Như Lai mà hộ niệm họ”.

Khi đó, Hộ Thế Tứ Đại Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng cùng bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin vì con nói rộng Pháp trì tụng Đà La Ni này”.

Phật bảo Tứ Thiên Vương: “Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói, cũng vì các chúng sanh đoản mạng mà nói. Trước cần tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, tháng bạch nguyệt ngày rằm tụng Đà La Ni này mãn ngàn biến. Khiến kẻ đoản mạng được sống lâu, vĩnh viễn xa lìa bệnh khổ, tất cả nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt, được giải thoát các khổ nơi Địa Ngục, các loài Phi cầm, Súc sanh, các loài



Hàm linh được nghe Đà La Ni này một lần qua tai, khi bỏ thân rồi không còn thọ lại nữa”.

Phật dạy: “Nếu có người bị bệnh ác nặng, nghe được Đà La Ni này, tất cả các bệnh đều được tiêu trừ, cũng hay trừ diệt các ác đạo, được vãng sanh nơi các Thế giới Tịch Tĩnh. Từ đó trở đi, không còn thọ thân bào thai nữa, Liên Hoa hóa sanh, sanh ở cõi nào cũng được nhớ trì không quên, biết được túc mạng.

Nếu có người từ trước đã tạo các nghiệp ác nặng, sau khi mạng chung, phải đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Diêm La Vương giới hoặc đọa Ngạ quỷ cho đến đọa Đại A Tỳ Địa Ngục, hoặc sanh trong nước hoặc sanh trong loài cầm thú, nên lấy thân phần xương cốt của vong linh, dùng một nắm cát tụng Đà La Ni này 21 biến, tán rải trên xương cốt đó, vong kia tức được sanh lên cõi Trời.

Nếu như có người hay ngày ngày tụng Đà La Ni này 21 biến, đáng thọ của thế gian đại cúng dường, khi bỏ thân vãng sanh Cực Lạc Thế giới. Nếu thường niệm tụng đấng Đại Niết Bàn, được sống lâu hưởng thọ các điều vui sướng, bỏ thân tức được sanh về các cõi thanh tịnh vi diệu của Chư Phật, được cùng Chư Phật ở một chỗ, được Chư Phật nói các Pháp nghĩa và đều thọ ký cho, thân có hào quang chiếu khắp mọi nơi”.

Phật dạy: “Pháp tụng niệm Đà La Ni này, nên ở trước Phật dùng đất sạch đắp một cái Đàn lớn nhỏ tùy ý bốn góc vuông vức dùng các cỏ thơm rải nơi trên Đàn, đốt các hương thơm, hồ quỳ gói phải sát đất, chắp tay nơi tâm niệm Phật kết ấn, co hai ngón trở dùng hai ngón cái đè lên chắp tay lại để nơi tâm tụng Đà La Ni này 108 biến. Ở nơi trong Đàn mưa hoa như mây nhóm, biến khắp cúng dường 88 hằng hà sa na dữu đa trăm ngàn Chư Phật. Chư Phật đều đồng khen rằng: “Lành thay! Khó có đây chính là Chơn Phật tử!”, liền được Vô chướng ngại Trí Tam Muội, được Đại Bồ Đề Tâm trang nghiêm Tam Muội, Pháp trì tụng Đà La Ni này như vậy”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Phương tiện của Ta đây khiến tất cả chúng sanh đáng đọa Địa Ngục đều được giải thoát, thanh tịnh hết thảy các ác đạo khiến người trì tụng được sống lâu. Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử, qua 7 ngày sau ông hãy cùng Thiện Trụ lại đây gặp Ta”.

Khi đó Thiên Đế ở nơi Thế Tôn được thọ Pháp Đà La Ni xong trở về chỗ cũ trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử, Thiện Trụ Thiên Tử được thọ Đà La Ni này, y Pháp thọ trì 6 ngày 6 đêm, các nguyện đều được đầy đủ, các tội đáng phải đọa vào ác đạo chịu khổ thảy đều giải thoát, được vào Đạo Bồ Đề, được sống lâu vô thượng, rất là Đại hoan hỷ, lớn tiếng khen rằng: “Nhu Lai thật là ít có! Diệu Pháp thật là ít có! Minh nghiệm (hiệu nghiệm của Thần chú) thật là ít có! Rất là khó được, con đã được giải thoát”.

Khi ấy Thiên Đế trải qua 7 ngày, cùng Thiện Trụ Thiên Tử đem các Thiên chúng cầm các tràng hoa, thiêu hương, mật hương, tràng phan, Thiên cái, Thiên y, anh lạc, các món trang nghiêm, đi đến chỗ Phật rộng bày đại cúng dường dùng các Thiên y và các anh lạc cúng dường Thế Tôn, nhiều trăm ngàn vòng, trước Phật hớn hờ vui mừng ngồi xuống nghe Pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử, nói Pháp thọ ký quả Bồ Đề.

Phật bảo: “Kinh này gọi là Tịnh Trì Nhất Thiết Ác Đạo Phật Đảnh Đà La Ni, các ông nên thọ trì”.

Khi đó, đại chúng nghe Pháp thảy đều vui vẻ tin chịu vâng làm.

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hết

Bản đời Tổng ghi chép như sau:

“**Na mạc bà già phật đế (1) đề lệ lô ca, bát ra đề tì thất sắt trá da, bột đà da (1 nói rằng Quy mạng Thánh Tôn Tam Thế Thắng Giác 2) bạt già phật đế (3) đát diệt tha (4) Úm (5) tì du đà da, sa ma tam mạn đa bá bà sa (6) sa bà ra nũa yết đề dà ha na sa-bà bá du thuật địa (7) a tì sãn dã tô yết đa bạt chiết na (8) a mật lật đa tì sái kế (9) a ha ra a ha ra (10) a du tán đà ra ni (11) du đà da du đà da (12) dà dà na tì thuật đề (13) ô sắc nị sa, tì thệ da, thuật đề (14) sa ha sa ra, hắc ra thấp nhị san châu địa đế (15) tát bà đát tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắc sĩ đế, mộ diệt lệ (16) bạt chiết ra ca da, tăng ha đa da thuật đề (17) tát bà bạt ra nũa, tì thuật đề (18) bát ra đề nễ bạt đát da, a du thuật đề (19) tát mặt da, a địa sắt sĩ đế (20) mặt nễ mặt nễ (21) đát thát đa bộ đa cu đê bát lợi thuật đề (22) tì tát phổ tra bột địa thuật đề (23) xã da xã da (24) tì xã da tì xã da (25) tát mặt ra tát mặt ra, bột đà át địa sắc sĩ đa thuật đề (26) bạt chiết lê, bạt chiết la yết tì (27) bạt chiết lam bà phạ đô (28) ma ma (Người thọ trì ở đây tự xưng tên...) tát bà tát tỏa tả ca da, tì thuật đề (29) tát bà yết đề bát lợi thuật đề (30) tát bà đát tha yết đa tam ma thấp bà sa, át địa sắc sĩ đế (31) bột đà bột đà, bột đà da bột đà da, tam mạn đa, bát lợi thuật đề (32) tát bà đát tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắc sĩ đế (33) sa bà ha”**

“**Nam mô bạt già phật đế (1) đề lệ lộ da, bát ra đề tì thất sắt tra da, bột đà da (1 nói là Quy Mạng Thánh Tôn Tam Thế Thắng Giác 2) bạt đà bạt đề (3) đát diệt tha (4) Úm (5) tì du đà da sa ma tam mạn đa bà bà sa (6) sa phá ra nũa yết đề dà ha na (7) sa bà bà du thuật địa, a tì sãn dã tô yết đa bạt chiết na (8) a mật lật đa tì sái kê (9) a ha ra a ha ra (10) a du tán đà ra ni (11) du đà da du đà da (12) dà dà na tì thuật đề (13) ô sắc nị sa, tì thệ da, thuật đề (14) sa ha sa ra, hắc ra thấp nhị san châu địa đế (15) tát bà đát tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắc sĩ đế, mộ diệt lệ (16) bạt chiết ra ca da, tăng ha đa da thuật đề (17) tát bà bạt ra nũa tì thuật đề (18) bát ra đề nễ phật đát da, a du thuật đề (19) tát mặt na a địa sắc sĩ đế (20) mặt nỉ mặt nỉ (21) đát thát đa bộ đa cu đê, bát lợi thuật đề (22) tì tát phổ tra bột địa thuật đề (23) xã da xã da (24) tì xã da tì xã da (25) tát mặt ra tát mặt ra, bột đà át địa sắc sĩ đa thuật đề (26) bạt chiết lê, bạt chiết la yết tì (27) bạt chiết lam bà phạ đô (28) ma ma (người thọ trì ở đây tự xưng tên...) tát bà tát đỏa tả ca da, tì thuật đề (29) tát bà yết đề bát lợi thuật đề (30) tát bà đát tha yết tha, tam ma thấp bà sa, át địa sắc sĩ đế (31) bột đà bột đà, bột đà da bột đà da, tam mạn đa bát lợi thuật đề (32) tát bà đát tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắc sĩ đế (33) sa bà ha”**

*(Tôn Thắng Đà La Ni này có nhiều bản y theo trong Kinh dịch ra, tùy mỗi người lựa chọn mà tụng trì)*

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/05/2014

## PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đời Đường Kinh Bắc ĐỖ HÀNH KHẢI phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Kính lễ **Nhất Thiết Trí** (Phật) [Sarva-Jñā]

Ta nghe như vậy. Một thời Phật ở tại nước Xá Vệ rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc cùng với các Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ các vị Bồ Tát ba vạn hai ngàn đầy đủ chánh trí hiểu biết các Pháp rõ ràng. Các vị đó là: Bồ Tát **Quán Tự Tại**, Bồ Tát **Đắc Đại Thế**, Bồ Tát **Di Lạc**, Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân**, Bồ Tát **Liên Hoa Thắng Tạng**, Bồ Tát **Kim Cang Thủ**, Bồ Tát **Tri Địa**, Bồ Tát **Hư Không Tạng**, Bồ Tát **Trừ Nhất Thiết Chướng**, Bồ Tát **Phổ Hiền**, làm Thượng Thủ (đứng đầu), như vậy ba vạn hai ngàn các vị Bồ Tát. Lại có một vạn Phạm Ma Thiên, Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ, ngoài ra còn có các loài khác đều đến trong Hội.

Khi đó bốn chúng vây quanh Thánh Tôn, cung kính cúng dường vì muốn nghe Pháp. Lúc đó trong Thiện Pháp đường nơi **Tam thập tam Thiên** có vị Trời tên là **Thiện Trụ** ở trong cung thọ hưởng các điều vui sướng, ca múa hát xướng, vui vẻ dạo chơi. Bỗng nhiên trong đêm có tiếng gọi: “Thiện Trụ! Mạng ông trong 7 ngày nữa sẽ hết, sau đó ở trong cõi Diêm Phù 7 lần vào Địa Ngục, hoặc làm người bần cùng thọ các khổ não”. Thiện Trụ nghe xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, liền vội đi đến chỗ Thiên Đế Thích Hoàn Nhân, lạy nơi chân Thiên Đế khóc mà thưa rằng: “Thỉnh Thiên Đế thương xót cứu khổ ách cho tôi. Tôi đương thọ hưởng các điều vui sướng cõi Trời, bỗng nhiên có tiếng báo rằng trong 7 ngày nữa sẽ chết, sanh 7 lần nơi cõi Diêm Phù Đề, vào trong Địa Ngục, sau đó làm người bần cùng chịu các điều khổ não. Tôi nay phiền muộn không biết làm sao. Cúi xin Thiên Đế thương xót cứu khổ độ cho tôi”.

Thích Đề Hoàn Nhân nghe như vậy xong, lấy làm kinh ngạc, yên lặng suy xét thấy Thiện Trụ Thiên Tử khi mạng chung phải thọ thân heo, thân heo xong lại làm thân chó, thân chó xong phải thọ thân độc (đười ươi), thân độc xong thọ thân khí, thân khí xong thọ thân rắn, thân rắn xong thọ thân thú (chim hung dữ), thân thú xong thọ thân chim. Trong 7 lần sanh ra đều ăn các thứ dơ uế. Thích Đề Hoàn Nhân thấy như vậy rồi, lấy làm thương xót. Suy nghĩ không biết kế gì để cứu bạt khổ nạn cho Thiện Trụ, chỉ trừ Đức Như Lai A La Ha Tam Miệu Tam Bồ Đề, ngoài ra không ai có thể cứu được.

Tức thời Thiên Đế sau đêm, đem các tràng hoa, các thứ hương bột, hương đốt, Thiên y, anh lạc, các thứ trang nghiêm đầy đủ, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật đi nhiều 7 vòng, tác đại cúng dường xong ngồi ở trước Phật đem các chuyện của Thiện Trụ mà bạch cùng Phật. Khi đó Đức Như Lai trên đánh phóng ra ánh sáng lớn, đủ màu sắc chiếu sáng mười phương các cõi chúng sanh, lại trở về chỗ Phật xoay vòng bên phải xong nhập vào trong miệng Thế Tôn. Đức Phật mỉm cười bảo Thích Đề Hoàn Nhân rằng: “Có **Phật Quán Đảnh Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni** hay diệt tất cả nghiệp chướng, Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, các khổ não sanh tử, phá đường Địa Ngục, dẫn đến Phật đạo. Thiên Đế! Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này nếu người được nghe, các ràng buộc sanh tử nghiệp chướng bệnh hoạn khổ não thấy đều tiêu trừ, được quả báo lành, được trí tục

mạng, được sanh nơi cõi Phật này đến cõi Phật khác, trong Trời này đến cõi Trời khác cho đến 33 cung Trời thường được túc mạng. Người hay tu trì sống được trăm tuổi, Thân Khẩu Ý trong sạch, tâm thường vui vẻ, các khổ nơi thân tiêu trừ, được các việc lành, Chư Phật nhớ ngó, chư Thiên hộ trì, chư Bồ Tát thương xót hộ niệm. Người trì tụng, các tội Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca và các Ngạ Quỷ thấy đều tiêu sạch không còn dư sót, như hư không. Tất cả cõi Phật, Bồ Tát, Thiên cung, các nhà sang quý thấy đều được thanh tịnh.

Tức thời Thích Đề Hoàn Nhân lại bạch Phật rằng: “Cúi mong Thế Tôn thương xót nhiếp hộ tất cả chúng sanh nói ra Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni”.

Khi đó, Đức Thế Tôn nhận lời Thiên Đế cầu thỉnh nói Đà La Ni rằng:

**1\_ Nam mô bà đà bà đế, đễ-lê lô cát dã, bát-ra đễ tỳ thủy sắt tra dạ, bột đà dạ (Quy mệnh Tam Giới Thánh Tôn Thắng Giác)**

**2\_ Đát diệt tha**

**3\_ Ô mâu**

**4\_ Tỳ du đà dạ, ma ma (họ tên người thọ trì. Ở đây tự xưng tên họ...)**

**5\_ Da mạn đa bá bà sa, phục cự la noa, dà đễ, dà ha na tỏa bà bà, thuận đề**

**6\_ A tỳ sắt giả-da, tổ giả đa, bà giả na, mật-lật đa, tỳ sán kế**

**7\_ A ha la, a ha la**

**8\_ Thâu đà dạ, thâu đà dạ**

**10\_ Đà dà na, tỳ thuận đề**

**11\_ Ô sắt-ni sa, tỳ xà dạ, thuận đề**

**12\_ Sa ha sa-ra, ra thấp-nhĩ tam thất địa đề**

**13\_ Tát ra-bà đa tha dà đa, địa sắt-xá na, địa sắt-xĩ đề**

**14\_ A địa-ri bạt xà ra ca dạ, tăng ha đa na, thuận đề**

**15\_ Tát ra-bá bá ra noa, tỳ thuận đề**

**16\_ Bát-ra dạ nễ dạ đa bà dạ**

**17\_ A dụ, thuận đề**

**18\_ Sa ma da, địa sắt-xĩ đề**

**19\_ Ma nễ, ma nễ, ma ma nễ**

**20\_ Đa tha đa, bồ đà câu tri, bả rị thuận đề**

**21\_ Tỳ sa-phổ tra bột địa , thuận đề**

**22\_ Xà dạ, xà dạ**

**23\_ Tỳ xà dạ, tỳ xà dạ**

**24\_ Sa-ma ra, sa-ma ra**

**25\_ Bột đà, địa sắt-xĩ đa, thuận đề**

**26\_ Bạt xà-lê, bạt xà-la yết la-bệ**

**27\_ Bạt xà-lam bà bá đồ, ma ma (Họ tên người thọ trì. Ở đây xưng tên họ...)**

**28\_ Ma ha da na, bát ra bà ca dạ, tỳ thuận đề**

**29\_ Tát ra-bá dà đễ, bả rị thuận đề**

**30\_ Tát ra-bá đa da đa, sa ma thú-a sa, địa sắt-xĩ đề**

**31\_ Bột đà dạ, bột đà dạ**

**32\_ Tỳ bồ đà dạ**

**33\_ Sa mạn đa, bả rị thuận đề**

**34\_ Tát ra bá đa tha dà đa, địa sắt-tra na , địa sắt-xĩ đề**

**35\_ Sa ha**

ॐ नमो भगवते त्रैलोक्या प्रतिविश्रय

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVISHRAYA

ନ ଶୁଦ୍ଧ ଓ ଶୁଦ୍ଧତା ମମ

TADYATHĀ: OM \_ VIŚODHAYA MAMA (Xung họ tên ....)

ସମନ୍ତା ଆବହାସା ସଫାରାଣା ଗତି ଗାହାଣା ସ୍ବାବହାବା

SAMANTA AVABHĀSA SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA

VIŚUDDHE

ଅଭିଷିମକା ସୁଗତା ବାକ୍ୟାମୃତା ଅଭିଷାୟିକା

ABHIṢIMCA SUGATA VACANA AMṚTA ABHIṢAIKAI

ଅହାରା ଅହାରା

ĀHARA ĀHARA

ଆୟୁଃ ସାନ୍ଧାରାଣି

ĀYUḤ SANDHĀRAṆI

ଶୁଦ୍ଧତା ଶୁଦ୍ଧତା

ŚODHAYA ŚODHAYA

ଗାଗନା ଶୁଦ୍ଧତା

GAGANA VIŚUDDHE

ଉଷ୍ଣିଷା-ବିଜୟା ଶୁଦ୍ଧତା

UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

ସହସ୍ରା ରାସ୍ମି ସାମ୍ବୁଦ୍ଧିତା

SAHASRA RAŚMI SAMSUDĪTI

ସର୍ବା ତଥାଗତା ଅଧିଷ୍ଠାନା ଅଧିଷ୍ଠିତା

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬITE

ଧୃ

A DHR

ବାଜ୍ରକାୟା ସାମ୍ବତୀନା ଶୁଦ୍ଧତା

VAJRA-KĀYA SAṂHATANA ŚUDDHE

ସର୍ବା-ଆବାରାଣା ଶୁଦ୍ଧତା

SARVA-AVARAṆA VIŚUDDHE

ଆୟୁଃ ଶୁଦ୍ଧତା

ĀYUḤ ŚUDDHE

ସମୟା ଅଧିଷ୍ଠିତା

SAMAYA ADHIṢṬITE

ମାଣି ମାଣି ମାହା-ମାଣି

MAṆI MAṆI MAHĀ-MANĪ

ତଥାତା-ଭୂତା-କୋଟି ପାରିଶୁଦ୍ଧତା

TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

ବିସ୍ଫୁଟା ବୁଦ୍ଧି ଶୁଦ୍ଧତା

VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

ଜୟା ଜୟା

JAYA JAYA

ବିଜୟା ବିଜୟା

VIJAYA VIJAYA

ସମାରା ସମାରା

SMARA SMARA

ବୁଦ୍ଧା ଅଧିଷ୍ଠିତା ଶୁଦ୍ଧତା

BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE

ବାଜ୍ରା ବାଜ୍ରାମୃତା

VAJRĪ VAJRA-GARBHE

वज्रं वज्रकु

VAJRĀṂ BHAVATU

मम

MAMA (Xung họ tên...)

महायानप्रबुद्धयैः शुद्धैः

MAHĀ-YĀNA PRABHĀ-KĀYA VIŚUDDHE

सर्वगतिपरिशुद्धे

SARVA-GATI PARĪSUDDHE

सर्वतथागतसमाश्रयधृति

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

बुद्धयैः बुद्धयैः विबुद्धयैः

BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA

समन्तापरिशुद्धे

SAMANTA PARĪSUDDHE

सर्वतथागतधृतिधृतिः सर्वैः

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVĀHĀ

Thiên Đế! **Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni** này tịnh các tội chướng, trừ các ác thú, 88 cu chi trăm ngàn hằng hà sa Chư Phật đều nói ra, tự giữ gìn và khen ngợi. Tất cả Như Lai đều ẩn khả, vì muốn trừ tất cả các ác thú, tất cả Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, các loại tội ác khiến chìm đắm trong biển khổ, thọ các bệnh độc khiến được giải thoát. Vì muốn cho kẻ đoản mạng bạc phước, hạ tiện, nô tì, giặc cướp, các ác nghiệp chúng sanh bị đọa vào Địa Ngục mất bản tâm quay về đường chánh, nói Đà La Ni này trong cõi Diêm Phù Đề tịnh trừ các tội chướng, khiến được giải thoát.

Thiên Đế! Ông nên trì Đà La Ni này nói cho Thiện Trụ Thiên Tử và các chúng sanh trong cõi Diêm Phù, các chư Thiên, Thiên Tử, các loài hàm thức, khen ngợi, đọc tụng, suy nghĩ, nhớ niệm, cung kính cúng dường, thọ trì tu hành. Ta nay đem Đà La Ni này giao cho ông giữ gìn, ông nên thọ trì. Người nghe được Đà La Ni này trong trăm ngàn kiếp các tội chướng thấy đều thanh tịnh, không đọa Địa Ngục, không sanh vào hành Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, Ngạ Quỷ, Ác thú; không thọ các thân A Tu La, La Sát, Dạ Xoa, Bồ Đon Na, Ca Tra Bồ Đon Na, Quỷ thần, cho đến chó, lừa, chim, cầm thú, muỗi mòng, rắn độc, các loài đi bằng bụng, các loài trùng kiến nhỏ nhít cũng không thọ. Cùng ở chỗ của Chư Phật; hoặc sanh vào giòng Bồ Tát, Bà La Môn, Đại Sát Đế Lợi, đại tánh cư sĩ, đại gia, do lực Đà La Ni này mà được sanh, cho đến ngôi nơi Bồ Đề thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thiên Đế! Thanh Tịnh Chư Thú Tôn Thắng Đà La Ni oai thần rộng lớn đầy đủ công đức, có sức lực mạnh mẽ, hay cho đại cát tường, như Nhật tạng Ma ni châu xen chiếu lẫn nhau, không cầu tịnh như hư không, để ở nơi nào nơi đó tức sáng sủa, nơi để Đà La Ni này oai thần cũng như vậy. Người trì Đà La Ni này không bị các tội chướng làm nhiễm, sạch sẽ vắng lặng, thanh tịnh không như như vàng ròng Diêm Phù Đàn. Người viết chép, tu tập, thọ trì, cúng dường Đà La Ni nên biết nơi đó các Địa Ngục, ác thú, tội chướng thấy đều thanh tịnh. Viết chép Đà La Ni này an trí trên ngọn phướng, trên cây, trên núi cao, hoặc trên lầu các, chỗ cao hoặc trong phù đồ. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiện nam tử, Thiện như nơn ...v...v... được thấy phướng gần gũi, hoặc hình bóng ngã vào gió thổi qua phướng, các bụi dính vào thân đều tiêu các tội chướng, không còn bị đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô

Ca, Nga Quý, A Tu La, các ác thú, thường được Chư Phật, Như Lai thọ ký, được bắt thối chuyển cho đến chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác. Dùng các thứ hương hoa, tràng phan, tán cái, anh lạc các thứ trang nghiêm đầy đủ cúng dường rộng lớn, ở nơi ngã tư đường tạo Tháp an trí Đà La Ni này hành đạo lễ bái, nên biết người này là Đại Bồ Tát là Pháp tử của Phật, là Tháp Xá Lợi thường trụ”.

Khi ấy Diêm La Pháp Vương trong đêm đi đến chỗ Phật dùng các món hoa Trời, các thứ hương, tạp hương, thiêu hương, Thiên y, anh lạc cúng dường nhiều Phật 7 vòng, lễ nơi chân Phật và bạch Phật rằng: “Con chịu ân Phật mà không biết ân, nay vì muốn báo ân Phật ủng hộ tất cả, xin nguyện phụng sự sức oai lực, sức công quả to lớn của Đà La Ni này đóng bít cửa Địa Ngục tịnh các ác thú”.

Khi đó Tứ Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng rồi đến trước Phật bạch rằng: “Cúi mong Thánh Tôn nói Pháp tu hành Đà La Ni này”.

Phật bảo: “Tứ Thiên Vương! Hãy lắng nghe. Ta nay sẽ nói. Nếu có người đoan mạng cầu sống lâu, nên ở tháng Bạch nguyệt ngày rằm, mặc quần áo mới sạch, thọ tám trai giới, tụng Đà La Ni này 1.000 biến, các chương bệnh thảy đều trừ diệt, được sống lâu, được đại an lạc, giải thoát các khổ Địa Ngục, Súc sanh, ác thú ...v...v... cho đến các loài súc sanh, các ác thú được nghe Đà La Ni này, về su không còn thọ thân trong ác thú nữa, các bệnh lở loét thảy đều tiêu tan, thanh tịnh các thú. Sau khi mạng chung, được sanh về các cõi Phật; sanh trong hoa sen không vào bào thai, thường biết túc mạng. Nếu có chúng sanh bị các tội nghiệp, sanh khi chết sanh vào ác thú, nên dùng Đà La Ni chú đất 21 biến, tán rải nơi thân chúng, hoặc là Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, Nga Quý, A Tỳ Địa Ngục, cầm thú, côn trùng, đều được bỏ thân khổ não sanh lên cõi Trời, hưởng các điều vui sướng. Nếu ngày ngày tụng Đà La Ni 21 biến, tội tiêu, phước tăng, mọi người cung kính, sau khi chết được sanh về Cực lạc. Nếu thường niệm Đà La Ni này, sau khi chết được sanh về các cõi Tịnh, từ cõi Phật này qua cõi Phật khác, ở trong các cõi Phật có hào quang rộng lớn, được các Phật thọ ký cho đến chứng Đại Niết Bàn.

Người tu Đà La Ni này nên lập Đàn vuông bốn mặt bằng phẳng, rải các hoa sạch, thiêu các hương thơm, gói phải sát đất, hồ quỳ, một lòng niệm 10 phương Chư Phật, chắp tay để nơi tâm, hai ngón trỏ hai ngón cái co lại an trong lòng bàn tay, đọc sa độ tụng Đà La Ni này 108 biến, tức như cúng dường thừa sự 88 cu chi hằng hà sa na do tha trăm ngàn Chư Phật, như Phật cúng dường mà làm cúng dường, lại cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, tất cả đều khen là Chơn Phật tử, dùng Đại Bồ Đề trang nghiêm tâm, được Trí Vô ngại. Phạm người muốn tụng niệm Đà La Ni này, nên chí tâm như Pháp kết ấn, chắp 10 ngón tay lại như trên, đây là Pháp tu hành Đà La Ni”.

Phật bảo Đê Thích Hoàn Nhân: “Thiên Đế! Ông nên đem Pháp này cứu vớt chúng sanh nơi Địa Ngục và các khổ não nơi ác thú, tịnh các nghiệp khiến được sống lâu, ông hãy lui về trao Đà La Ni này cho Thiện Trụ Thiên Tử, qua 7 ngày ông hãy cùng Thiện Trụ đến đây gặp Ta”.

Thích Đê Hoàn Nhân nghe lời Phật dạy trở về cung Trời đem Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử. Thiện Trụ thọ xong tu hành Pháp cúng dường sáu ngày sáu đêm, đến ngày thứ bảy, các ác nghiệp đều được giải thoát, được sống lâu, ở tại cõi Trời hưởng phước, hớn hờ vui mừng mà nói lớn rằng: “A hồ Phật da da, a hồ Đạt ma da, a hồ Tăng già da, a hồ Đà La Ni cứu bạt tất cả khổ nạn cho chúng sanh, nay con đã được giải thoát các khổ ác thú”.

Bấy giờ Thích Đê Hoàn Nhân cùng quyến thuộc vây quanh dẫn Thiện Trụ Thiên Tử đem các món hương hoa, thiêu hương, đồ hương, tràng phan, tán cái, y phục, anh

lạc, cỡi xe báu Trời trang nghiêm đến chỗ tác đại cúng dường, nhiều Phật vạn vòng, xong, ở trước Phật nghe tán Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói Pháp. Phật duỗi cánh tay phải màu vàng, an ủi Thiện Trụ Thiên Tử và thọ ký cho.

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH  
\_HẾT\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 11/05/2014



## PHẬT ĐẢN TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đồi Đường Trung Thiên Trúc Tam Tạng Pháp sư ĐỊA BÀ HA LA dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vậy. Một thời Đức Phật ở tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc cùng chúng Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ. Lại có các Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả đều được **Chánh Trí Minh Cự** (ngọn đuốc sáng của Chánh Trí), hiểu rõ các Pháp không có ngăn ngại, tên các vị là: Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi**, Bồ Tát **Liên Hoa Thắng Tạng**, Bồ Tát **Ly Chư Chương**, Bồ Tát **Quan Thế Âm**, Bồ Tát **Đắc Đại Thế**, Bồ Tát **Chấp Kim Cang**, Bồ Tát **Hư Không Tạng**, Bồ Tát **Phổ Hiền**, Bồ Tát **Di Lạc**, Bồ Tát **Trì Địa**, các Vị như vậy là Thượng thủ của ba vạn hai ngàn Bồ Tát.

Lại có vạn Phạm Thiên Vương, Phổ Tra Thiên ...v...v... ở các thế giới khác đều lại chỗ Phật.

Lại có vạn hai ngàn Thiên Đế cùng vô lượng Thiên Long Bát Bộ, Nhân, Phi Nhơn, đều lại chỗ Phật.

Bây giờ Thế Tôn được tứ chúng đoan vây, cung kính cúng dường để nghe nói Pháp. Khi đó trong chúng của Đế Thích có vị Thiên Tử tên là **Thiện Trụ** cùng các Thiên nữ ở nơi cung báu giải đãi vui chơi, thọ hưởng các điều sung sướng. Trong đêm có tiếng bảo Thiện Trụ rằng: “Sau 7 ngày nữa, mạng ông sẽ hết, 7 lần sống chết nơi cõi Diêm Phù Đề, sau đó lại vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được làm thân người sanh vào nhà nghèo cùng chịu các điều khổ não”. Thiện Trụ nghe xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, liền vội chạy đến nơi Thiên Đế nói lại các việc, cầu xin cứu hộ. Khi đó Thiên Đế nghe Thiện Trụ nói lấy làm quái lạ, yên lặng suy nghĩ: “Tại sao lại bị 7 lần sanh và sanh vào các loại nào?”. Nghĩ như vậy rồi, liền thấy Thiện Trụ, tướng chết hiện ra, liền thọ thân heo, bỏ thân heo lại thọ thân chó, lần lượt thọ các thân chồn, khỉ, thân rắn độc, thân quạ, thân kên kên, như vậy 7 lần sanh đều ăn uống các đồ dơ thúi. Thiên Đế thấy như vậy rồi lấy làm thương xót tự nghĩ chuyện này không ai có thể làm được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới cứu bạt được thôi.

Thời Thiên Đế nơi sau đêm đem các tràng hoa, y phục, anh lạc cùng các món hương đi đến nước Xá Vệ cúng dường Thế Tôn, đánh lễ chân Phật rồi lui về một phía, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nơi cung của con có một Thiên Tử tên là Thiện Trụ tham đắm vui chơi, bỗng nhiên trong đêm có tiếng bảo rằng: “*Sau 7 ngày nữa sẽ chết, trong cõi Diêm Phù Đề thọ 7 lần ác báo, trong các lần sanh ra đều ăn các thứ dơ thúi. Sau đó lại vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được sanh làm người nơi nhà nghèo cùng, thọ các điều đau khổ*”, đến nhờ con cứu giúp, con nghĩ chỉ có Đức Thế Tôn mới cứu bạt được thôi”. Khi ấy Thế Tôn nghe Thích Đề Hoàn Nhân thưa lại đầu đuôi, trên đánh phóng quang rực rỡ đủ màu, chiếu khắp 10 phương các Thế giới, xong rồi quay về nơi Thế Tôn, xoay bên phải 3 vòng rồi vào trong miệng.

Đức Phật mỉm cười bảo Thiên Đế rằng: “Ta có **Thanh Tịnh Chư Thú Quán Đảnh Tôn Thắng Đại Đà La Ni** hay mãn các nguyện, cứu bạt các khổ, cũng làm đại nhiều ích cho tất cả chúng sanh. Thiên Đế! Sức Thần Chú của Ta hay diệt trừ tất cả nghiệp chướng Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma La giới và tất cả các khổ. Lại hay phá nát các đường Địa Ngục, khiến các chúng sanh quay về đường chánh.

Thiên Đế! Nếu có người được nghe qua, tất hay trừ diệt tất cả tội chướng các khổ sanh tử, được các việc lành tốt, được Trí túc mạng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, sanh ra nơi nào cũng đều được túc mạng. Nếu có người tu học Kinh chú này, được sống trăm tuổi Thân Khẩu Ý thanh tịnh, vui vẻ sung sướng, Chư Phật ngó đến, chư Thiên ủng hộ, chư Bồ Tát nhớ nghĩ. Nếu thường đọc tụng Kinh chú này, tất cả khổ não trong 3 đường ác thấy đều tiêu diệt, được sanh vào các cõi Phật, các cung Trời, các nhà phước đức”.

Khi Thiên Đế nghe Phật khen nói Đà La Ni như vậy, liền đến trước Phật bạch rằng: “Xin nguyện Thế Tôn thương xót nhiếp hộ tất cả chúng sanh. Thỉnh Ngài nói hết Thanh Tịnh Chư Thủ Phật Đảnh Tôn Thắng Đại Đà La Ni”.

Khi ấy Thế Tôn nhận lời của Thiên Đế, liền nói Đà La Ni rằng:

- 1\_ Nạp mô nạp mặc
- 2\_ Đát tát mê bạc già phạt đế
- 3\_ Thất ni lộ ca bát-ra để bí thất sắt tra da
- 4\_ Tam bồ đà gia
- 5\_ Ma ha mâu ni
- 6\_ Đát diệt tha
- 7\_ Ô hồng
- 8\_ Bí du đà da
- 9\_ Tam ma, tam mạn đa ha bà bà ha sa
- 10\_ Tát phả ra noa, dà để, dà ha na
- 11\_ Tát bà hà bà bà, thuận đề
- 12\_ A tỳ tru giả , ma, tô đà dà, bạt ra bạt thiện na
- 13\_ A mật lật đa, tỳ sai kế
- 14\_ A hạt ra, a hạt ra
- 15\_ A du, tán đà ra ni
- 16\_ Du đà da, du đà da
- 17\_ Tát bà yết ma, bà ra noa nễ
- 18\_ Mê lô bạt ra, dà dà na, tỳ thuận đề
- 19\_ Ô sắt nị sa, bạt ra hạt ra đất na, tỳ xã gia
- 20\_ Đạt ma đà đồ tô, tỳ thuận đề
- 21\_ Tát ha tát ra hạt, ra thấp nhĩ, châu địa đế
- 22\_ Mạt ni, ma ha mạt ni, tô chân đà ma ni
- 23\_ Bạt ra tát bà, đất tha nghiệt đa, địa sắt xá na, địa sắt xỉ đa
- 24\_ Ma ha mẫu diệt ni
- 25\_ Bạt chiết ra cá gia, tạng ha đá na, tô thuận đề
- 26\_ Tát bà bà ra noa, tỳ thuận đề
- 27\_ Bát lật đề bà nễ bà đá da, a dụ, thuận đề
- 28\_ Tam ma da, át địa sắt xỉ đề
- 29\_ Mạt nễ ma mạt nễ
- 30\_ Đất đạt đa, bộ đa, câu chi, bát lý thuận đề
- 31\_ Bỉ tát phổ đa, bột địa, thuận đề
- 32\_ Xã gia, xã gia
- 33\_ Tỳ xã gia, tỳ xã gia
- 34\_ Tỳ xã gia, tát ma ra, tát ma ra
- 35\_ Tát bà bồ đà
- 36\_ Bạt chiết lê, bạt chiết ra yết tỳ



समयधृष्टि

SAMAYA ADHIṢṬITE

मम मम मम

MAṆI MAṆI MAṆI

तथागतं सुतं कुरु परिसुद्धे

TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE

विष्णुता बुद्धि सुद्धे

VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

जय जय

JAYA JAYA

विजय विजय

VIJAYA VIJAYA

विजय स्मर स्मर

VIJAYA SMARA SMARA

सर्वं बुद्धं वज्रं वज्रगर्भं वज्रं सर्वं मम

SARVA BUDDHA VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU

MAMA (Tự xưng tên...)

सर्वं सर्वशुद्धं कया विस्वुद्धे

SARVA SATVAŚYA-KĀYA VIŚUDDHE

सर्वं तथागतसमं स्वसाधृष्टि

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

बुद्धं बुद्धं बुद्ध्या बुद्ध्या

BUDDHA BUDDHA BUDHĀYA BUDDHĀYA

समन्तबलधर्मधतु

SAMANTA-BALA DHARMA-DHĀTU

सर्वं तथागतधर्मधृष्टि सर्वधर्मधृष्टि

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVĀHĀ

Phật bảo: “Thiên Đế! Đà La Ni này do 88 ức trăm ngàn hằng hà sa Chư Phật cùng nói, giữ gìn ủng hộ và ấn khả. Như thế Chư Phật vì muốn cứu vớt các khổ độc nơi Địa Ngục, Súc sanh, Diêm La giới chìm đắm trong biển khổ, vì muốn lợi ích cho kẻ đoan mạng, bạc phước, tội tở, hạ tiện, tất cả chúng sanh bị ác nghiệp, vì muốn an lạc các cõi các đường, quên mất bản tâm, tất cả chúng sanh bị khổ não, do đó Chư Phật mới nói ra Tôn Thắng Đại Đà La Ni này.

Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử khiến cho đọc tụng tu tập, lại cũng vì chư Thiên, Thiên Tử và hết thảy chúng sanh trong Diêm Phù Đề mà nói rộng ra khiến các chúng sanh kia thọ trì đọc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen. Thiên Đế! Ta đem Đà La Ni này giao phó cho ông, ông nên giữ gìn. Người trì Đà La Ni này hay diệt trừ các tội nghiệp trong trăm ngàn kiếp, sanh ra lúc nào cũng thường gặp Phật, cho đến chúng được Vô Thượng Bồ Đề. Thiên Đế! Pháp ấn Đà La Ni này của Ta đầy đủ đại cát tường như Nhật Tạng Bảo (châu báu mặt trời) chiếu khắp mọi nơi, cũng như vàng Diêm Phù Đề, không như không bản, không có cát bụi. Nếu có người hay đọc tụng, thọ trì, viết chép, nhớ niệm tu hành cúng dường tức được mọi việc như đã nói ở trên.

Thiên Đế! Nếu có người để nơi đầu phương trên núi cao, trên lầu cao, tầng tháp cao, các nơi cao khiến bốn chúng gần gũi được thấy, cũng được các công đức như đã

nói ở trên, hoặc hình bóng ngã vào, hoặc gió thổi cát bụi bay qua chạm đến nơi thân, cũng được các công đức như đã nói.

Thiên Đế! Nếu bốn chúng hay ở nơi ngã tư đường tạo tháp miếu an trí Đà La Ni này ngày ngày dùng các tràng hoa, phướng lọng, anh lạc, hương thơm cúng dường, cũng hay nhiều, bái, cung kính, nên biết người này là Đại Bồ Tát, là Chân Phật tử, là Pháp Kiều (cái cầu Pháp), cũng như tháp báu Xá Lợi của Chư Phật”.

Khi ấy Diêm Ma Pháp Vương nghe được như vậy, trong đêm đem các hoa báu đủ màu, các thứ hương thơm, y phục, anh lạc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, nhiễu Phật 7 vòng rồi lui ngồi một bên, dùng các món cúng dường Như Lai, cúng xong bạch Phật rằng: “Con nay muốn báo ân đức của Phật, xin phụng sự đại oai lực, đại quả báo này ủng hộ hết thảy, đóng bít cửa Địa Ngục, thanh tịnh các thú đại Đà La Ni này”.

Bấy giờ Tứ Đại Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu Phật 7 vòng rồi đứng về một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài nói Pháp tu hành Đà La Ni này”

Phật dạy: “Tứ Thiên Vương! Các ông lắng nghe và nhớ kỹ. Ta sẽ vì các ông và chúng sanh nói Pháp tu hành Đà La Ni này. Nếu có người đoan mạng muốn cầu sống lâu, hoặc có bệnh khổ muốn được tiêu trừ, hoặc bị ác nghiệp đáng đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, các chốn bất Thiện, thấy đều nơi tháng Bạch nguyệt ngày 15 tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới thanh tịnh, thọ trì tám trai giới, sau đó tụng Đà La Ni này 1.000 biến tức được an lạc sống lâu, bệnh khổ tiêu trừ, các nghiệp báo thấy đều tiêu diệt không sót. Nếu tai nghe qua chú này, khi chết được sanh về Cực Lạc thế giới, sanh trong hoa sen, được Trí túc mạng. Nếu có người bị các ác nghiệp khi chết rồi, dùng Đà La Ni này chú nơi đất tán rải nơi tử thi, tức được xa lìa các khổ, được sanh lên cõi Trời thọ các khoái lạc. Nếu ngày ngày thường thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni 21 biến cũng được các công đức như trên đã nói. Đòi đòi thường sanh cõi Phật, trong các Phật làm Đại quang minh, cùng Phật chung ở, được Phật thọ ký, cho đến được Đại Niết Bàn. Nếu có người nơi Pháp Môn này muốn cầu các nguyện nên làm một cái Đàn vuông bằng phẳng, ở trong Đàn tán rải các hoa, thiêu các hương thơm, nhất tâm niệm 10 phương Chư Phật, gối phải sát đất, hồ quỳ, chắp tay, co hai ngón trở về hai ngón cái để nơi tâm xung lớn: “Lành thay!”. Sau đó tụng Đà La Ni này. Nếu có người ngày ngày tụng đủ 108 biến tức là cúng dường tất cả Như Lai hằng hà sa Chư Phật Thế Tôn, cũng là cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, nên biết người này được tất cả khen ngợi, dùng Đại Bồ Đề trang nghiêm nơi tâm, được Trí Vô ngại, là Chân Phật tử”.

Khi Phật nói lời này xong, bảo Thiên Đế rằng: “Thiên Đế! Ông hãy đem Pháp Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử. Sau 7 ngày hãy cùng lại chỗ Ta”. Khi ấy Thiên Đế vâng lời Phật dạy trở về bốn cung, kêu Thiện Trụ Thiên Tử lại trao cho Thần chú. Thiện Trụ thọ xong, cung kính cúng dường, phụng hành đủ 7 ngày, tất cả nghiệp ác thấy đều tiêu trừ, ở trong cõi Trời được sống lâu, hơn hờ vui mừng nói lớn lên rằng: “Kỳ tai Phật đà, kỳ tai Đạt ma, kỳ tai tăng già, kỳ tai Tôn Thắng Đà La Ni ẩn lực hay tiêu trừ tất cả khổ ách, khiến ta được giải thoát các ác nghiệp”.

Thiện Trụ Thiên Tử được như vậy xong, liền đến chỗ Thiên Đế mà nói rằng: “Tôi đội ơn Ngài đã vì tôi thỉnh Phật, Phật vì tôi mà nói Đại Đà La Ni khiến cho tôi tất cả ác nghiệp đều được tiêu trừ, tôi muốn đến chỗ Phật để tạ ơn Ngài. Cúi xin Thiên Đế hãy đi cùng tôi”.

Thời Thiên Đế đem các quyến thuộc cùng Thiện Trụ Thiên Tử đem các hương hoa, các thứ anh lạc, theo con đường cõi Trời đi đến chỗ Phật, dâng các món cúng dường Như Lai, nhiễu trăm ngàn vòng rồi lui về một phía. Khen ngợi Phật đức không

hết lời. Khi ấy Thế Tôn duỗi cánh tay vàng xoa đầu Thiện Trụ, dùng lời êm dịu mà thọ ký cho. Thiện Trụ Thiên Tử vui vẻ nhiều Phật, lắng nghe Như Lai nói các Pháp yếu, được nghe Pháp xong rất lấy làm vui mừng cùng Thitiên Đế đánh lễ Phật mà lui.

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH  
\_Hết\_

Mật Tạng bộ 2 \_ (Tr.357)

ĐẠI LUÂN KIM CƯƠNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư ĐỊA BÀ HA LA  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐẠI LUÂN KIM CANG ĐÀ LA NI:

“Nạp mờ tát đát lệ gia, địa tì ca nẫm , đát tha yết đa nẫm. Ân, tì la thời tì la thời , ma ha chước ca la, phạt xà lệ, tát đa tát đa, sa ra đế sa ra đế đát lệ duệ đát lệ duệ , tì đà mật nễ, tam bàn nhạ nễ, đát la mật đế, tát đà, a yết lệ, đát diễm, sa bà ha”

ॐ नमः श्रुष्टिः नमः श्रुष्टिः  
ॐ विरज विरज मज वज वज सग सग सग सग  
वद्ये वद्ये वेदमले संक्रुले वमने महिष्ये जं वृत्

NAMAḤ STRYI-DHVIKĀNĀM TATHĀGATĀNĀM  
OM\_ VIRAJI VIRAJI, MAHĀ-CAKRA-VAJRI , SATA SATA, SARATE  
SARATE, TRAYI TRAYI, VIDHAMANI, SAMBHAMJANI TRAMATI  
SIDDHĀGRIYA TRĀM SVĀHĀ

Tụng Đà La Ni này 21 biến, tức được vào tất cả Mạn Đà La (Đàn), chỗ làm đều thành (tụng Chú có Thân Ân, Thủ Ân. Tác Ân tụng Chú Pháp tức dễ thành. Nếu chưa vào Đàn chẳng được tác, khiến tụng Chú nay liền sẽ vào Đàn, tác Ân hành dụng không có gì không thành tựu

NHẬT QUANG BỒ TÁT CHÚ:

Nam mô bột đà cù na mê

Nam mô đạt ma mạc ha đê

Nam mô tăng già đa tha ni

Đề lệ bộ tỷ tát khuất đam nạp ma

ॐ वृष्टि कुम्भे

ॐ दध मज्जे

ॐ संघ नन्दे

ॐ श्रुष्टि मज्जे नमः

NAMO BUDDHĀ KUNAMI

NAMO DHARMA MAHATI

NAMO SAMGHA TAYĀNI

TIRABHŪBI SATVADAM\_ NAMH

(Tụng Chú này diệt tất cả chương cũng hay tịch Ma với trừ thiên tai. Lại nếu tụng 1 biến lễ Phật 1 bái , như vậy mỗi ngày 3 thời riêng biệt tụng Chú lễ Phật thì đời vị lai thường được 2 tướng đoan chính , đầy đủ quả báo)

**Án ma lợi chi duệ. Tát bà tát đa bà, nghạch đà lợi sa lợi, sa bà ha**

ॐ म॒रि॑चि॒य॒ स॒र्व॑स॒त्त्व॒ स॒न्ध॑रि॒ स॒रि॑स्व॒ह॒र्

OM\_ MACĪRĪYE SARVA-SATVA SANDHĀRI ŚARI SVĀHĀ

Tụng Chú này cực hộ nhân thân, nên mỗi ngày 3 thời riêng biệt đều tụng 108 biến

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2014

## TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯÓNG CHÚ KINH

Hán dịch: Đời Đường Thiên Trúc Tam Tạng ĐỊA BÀ HA LA phụng chiếu dịch  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vậy: một thời Đức Bạc Già Phạm ở tại Thất La Phiệt, đạo tràng Trúc Quân, rừng Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng chúng Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ. Các vị đều là bậc Thanh Văn tôn quý, là Đại A La Hán mọi người đều biết. Các vị đó là: Tôn giả **Xá Lợi Tử**, **Ma Ha Mục Kiền Liên**, **Ma Ha Ca Diếp**, **A Ni Luật Đà**, các Đại A La Hán như vậy làm Thượng thủ.

Lại có vô lượng chúng Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả đều là bậc bất thối chuyển có đủ vô lượng công đức để trang nghiêm. Các vị đó là: Bồ Tát **Quán Tự Tại**, Bồ Tát **Diệu Cát Tường**, Bồ Tát **Đắc Đại Thế**, Bồ Tát **Từ Thị**, Bồ Tát **Thắng Liên Hoa Tạng**, Bồ Tát **Tĩnh Trừ Nhất Thiết Chướng**, Bồ Tát **Phổ Hiền** làm thượng thủ trong ba vạn hai ngàn các Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng với đại chúng ngồi trong Hội. Lại có một vạn Phạm Thiên Vương, Phạm Ma La Vương, Phổ Kiến Thiên Vương làm thượng thủ, cùng với đại chúng ngồi trong Hội.

Lại có một vạn hai ngàn Thiên, Đế Thích làm Thượng thủ, cùng vô lượng Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ma Hô Lạc Đà, Khẩn Na La, Ca Lâu La, Cưu Bàn Trà, Tát Xá Dá, Nhân, Phi Nhân cùng với đại chúng ngồi trong Hội. Khi ấy bốn chúng vây quanh Thế Tôn, cung kính chiêm ngưỡng một lòng nghe Pháp.

Trong lúc đó ở tại Thiện Pháp đường, nơi Tam thập tam Thiên có một Thiên Tử tên là **Thiện Trụ** ở trong cung báu, có các Thiên nữ tùy tùng hầu hạ, trước sau đoanh vây vui chơi, tấu các âm nhạc. Bỗng nhiên trong đêm, nơi hư không có tiếng kêu rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử! Mạng ông đã tới, sau 7 ngày nữa, sẽ bỏ thân này đọa lạc nơi Diêm Phù Đề, 7 lần làm súc sanh, ăn các vật dơ uế bất tịnh, lại đọa Địa Ngục thọ các thứ khổ, trải qua nhiều kiếp mới được làm người, đầu được làm người lại bị mù hai mắt, ngu si bần tiện, các căn không đủ, trong miệng hôi thối, ăn uống thiếu thốn, tạo các nghiệp ác”.

Khi ấy Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, tâm thần không yên. liền đem các món hương hoa cúng dụ đến chỗ Thiên Đế, hồ quỳ đánh lễ bạch với Thiên Đế rằng: “Xin nghe tôi nói. Tôi ở trong Thiện Pháp đường cùng các Thiên nữ, Thiên chúng vui chơi khoái lạc. Ngay trong lúc đó, ở trong hư không có tiếng kêu tôi mà bảo rằng: “*Sau 7 ngày nữa mạng sẽ hết, xuống cõi Diêm Phù Đề, 7 lần làm súc sanh, ăn các vật dơ uế bất tịnh. Lại vào Địa Ngục thọ khổ nhiều kiếp, sau được sanh làm người không có hai mắt, thân thể khô gầy dung mạo xấu xa, trong miệng hôi thối. Bần cùng hạ tiện, bị các khổ bức, mọi người không ưa.* Thiên Đế làm sao cứu nạn lớn cho tôi”.

Thiên Đế nghe như vậy rồi, lấy làm quái lạ, suy nghĩ rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử, đời trước tạo phước như gì mà được sanh Thiên, lại do ác nghiệp gì khi Thiên báo hết lại xuống cõi Diêm Phù Đề 7 lần làm súc sanh, lại vào Địa Ngục chịu khổ nhiều kiếp, khi được làm người lại đui mù đầy đủ các ác báo”. Khi Thiên Đế suy nghĩ như vậy xong, lại nghĩ Thiện Trụ Thiên Tử làm loại súc sanh nào, liền dùng Thiên Nhãn xem xét quả báo, trong chót lát ở trong Định thấy Thiên Trụ thọ 7 lần làm súc sanh là: heo,



chó, dã can, nhi hầu, măng xà, quạ, kên kên ăn các vật hôi thối, trong tâm lấy làm thương xót vô cùng, lại nghĩ như vậy: “Ta đâu thấy được chút ít quả báo, nhưng làm sao có thể cứu được, bây giờ chỉ có Đức Như Lai Ứng Chánh Trí Hải, hiểu rõ các việc Thiện Ác nhân duyên, ta nên đến hỏi Ngài. Chắc là Đức Thế Tôn đại từ đại bi sẽ vì ta mà nói, khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được miễn khổ nạn này”.

Tức thời Thiên Đế Thích sai các Thiên chúng đem các cung điện, tràng hoa, anh lạc, các thứ hương, hương bột, hương đốt, Thiên y để cúng dường. Thiện Trụ Thiên Tử liền cùng quyến thuộc mau đến nơi rừng Kỳ Đà phụng hiến Thế Tôn, đánh lễ Phật rồi nhiễu Phật 7 vòng, ở trước Đức Phật cúng dường đầy đủ, làm Pháp sự xong, lui về một bên, thưa Phật Thánh chỉ, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thiện Trụ Thiên Tử cùng các Thiên nữ, Thiên chúng vui chơi nơi Thiên Pháp đường, bỗng nghe trong hư không có tiếng bảo rằng: ‘Thiện Trụ Thiên Tử sau 7 ngày nữa Thiên mạng sẽ hết, sẽ thọ các thân súc sanh, lại vào Địa Ngục, làm người không đủ bị các thứ khổ như đã nói ở trên...v...v... Cúi mong Thế Tôn vì bốn chúng và con nói rõ nhân duyên Thiện Trụ đã tạo, do phước đức gì mà được sanh lên cõi Trời thọ hưởng vui sướng trong nhiều kiếp, lại do nhân duyên gì khi mạng hết như đã nói thọ 7 lần làm súc sanh, ăn uống các thứ dơ uế, sau lại vào Địa Ngục chịu khổ nhiều kiếp, dầu được thân người nhưng lại hạ tiện, đui mù bị các khổ ác bức bách, nghèo cùng dơ dáy hôi thối, mọi người xa lánh, lại do phước gì được trong hư không có tiếng mách bảo khiến biết quả báo và các duyên như vậy. Cúi mong Thế Tôn thương xót Thiện Trụ cùng bọn chúng con, nói rõ nhân duyên báo ứng, từ bi cứu thế khiến được giải thoát”.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Thiên Đế rằng: “Thiện nam tử! Ông có lòng Đại Bi, vì Thiện trụ mà thưa hỏi các nhân duyên thiện ác đời trước mà được quả báo, lại thỉnh Ta cứu trừ các khổ nạn, thật là lành thay! Hãy nghe đây, ta sẽ vì ông mà nói rõ ràng”.

Khi ấy Thế Tôn từ nơi đánh phóng quang minh lớn chiếu khắp 01 phương các cõi Phật, ánh sáng kia có năm màu xanh, đỏ, vàng, trắng, cam xen lẫn nhau xoay vần bên phải trở về chỗ Phật nhiễu ba vòng rồi nhập vào miệng Phật. Phật nhiếp quang xong liền mỉm cười bảo dạy Đế Thích rằng: “Ông nên lắng nghe. Trong vô lượng kiếp về quá khứ có Đức Phật hiệu là **Tỳ Bà Thi** Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, hóa độ Thế gian. Sau khi Ngài vào Niết Bàn, trong đời Tượng Pháp, lúc đó ở nước Ba La Nại, có một người Bà La môn chỉ có một con, được mẹ nuôi dưỡng lần lần lớn lên đi cày ruộng, người mẹ nghèo khổ đi các nơi xin ăn, quá bữa mà không được người con đói khát nổi tâm giận ác phát ra lời ác rằng: “Hôm nay tại sao không đem đồ ác lại, khiến ta khó chịu như vậy”, ba lần sau lại nói rằng: “Mẹ ta không bằng loài súc sinh, ta thấy các loại heo, chó, dã can, nhi hầu, quạ, kên kên, thương yêu nuôi dưỡng con cái không ngừng nghỉ, không để cho đói khát. Tại sao mẹ ta không đến mà xem, đói khát như vậy mà không đem đồ ăn đến”. Rất lấy làm oán giận. Không bao lâu người mẹ xin được đồ ăn liền đem đến cho con, khiến lòng vui vẻ, lên bờ ngồi ăn. Bỗng nhiên thấy trong hư không có một vị Độc Giác hình tướng sa môn, từ hướng Nam bay qua hướng Bắc, đưa con thấy vậy lòng sanh kính ngưỡng, đứng dậy chấp tay cúi đầu làm lễ, thỉnh Ngài giáng hạ. Vị Bích Chi đó nhận lời cầu thỉnh hạ xuống. Người con vui vẻ trải tòa cỏ tranh dâng hoa thơm, chia bớt phần ăn dâng lên cúng dường. Vị Bích Chi ăn xong lại nói Pháp yếu khiến được lợi ích. Người xon sau này lại được xuất gia được làm chức Duy Na Tri Sự. Khi đó có người Bà La Môn tạo lập Tăng phòng cho chúng Tăng ở. Lại có một Thí chủ đem nhiều bơ dầu đến cúng. Khi đó có nhiều phàm Tăng đến ăn uống trong chùa. Duy Na thấy vậy sanh tâm hiềm giận không đem bơ dầu ra cúng dường. Các Tăng hỏi rằng: “Đây là của Đàn Việt

cúng hiện tiền Tăng, tại sao cất lại không đem ra?”. Ông Duy Na tức giận mắng rằng: “Các ông không mắt sao? Bơ dầu đâu mà cất dầu, chỉ có nước tiểu và phân thôi”.

Phật bảo Đê Thích: “Người con của Bà La Môn kia, nay là Thiện Trụ Thiên Tử; do vì mắng mẹ là súc sanh nên nay phải chịu làm súc sanh 7 lần. Do làm Duy Na dùng lời uế ác bị nghiệp cảm, nên ăn đồ dơ uế. Vì dầu đồ ăn của Chư Tăng nên đọa Địa Ngục thọ các khổ; mắng nhiếc Tăng đui mù nên không có mắt, trong bảy trăm lần sanh ra đều bị đui mù, thường chịu đui tối rất là khổ não. Thiên Đế nên biết nghiệp quả như thế không mất bao giờ. Lại nữa Thiện Trụ Thiên Tử được sanh lên Trời do ở đời trước cúng dường vị Bích Chi, dâng hoa hiến tào, chia sót phần ăn và do nghe Pháp nên được phước Trời trải qua nhiều kiếp thọ hưởng vui sướng. Lại do vị Bích Chi Phật bay qua phát tâm kính ngưỡng hạ giáng, cúi đầu, chấp tay, đánh lễ, do công đức đó được Thần cung điện ở trong hư không dùng lời mách bảo quả báo, là Thần cung điện của Thiện Trụ”.

Khi ấy Thiện Trụ nghe Phật nói rồi, biết được mọi việc đều do quả báo, liền ở trước Phật ăn năn lỗi lầm do ở đời trước mắng nhiếc mẹ, chửi Tăng, tham lam, bòn sẻn, khiến cho đời sau phải bị tội nặng, nay theo lời Phật, hết lòng sám hối, té ngã nơi đất khắp thân máu chảy dính đầy giỏ hoa, mê man bất tỉnh hồi lâu mới tỉnh, than khóc như mưa không kèm hãm đặng.

Phật dạy Thiện Trụ và Thiên Đế: “Trong 10 nghiệp ác, ác khẩu là trên hết, nên biết lời ác như là lửa lớn, nhưng lửa lớn chỉ thiêu đốt tài sản của báu Thế gian, lửa lớn ác khẩu thiêu đốt 7 Thánh tài, đốt tất cả các công đức và phải chịu lấy quả báo về sau. Như Thiện Trụ một lời giận mẹ, chửi rửa chúng Tăng, khi hết phước báo cõi Trời phải vào Địa Ngục. Chúng Tăng, cha mẹ, Chư Tăng không nên phi báng, cần phải tôn trọng, cung kính, cúng dường, dùng lời khen ngợi, nhớ nghĩ ân sâu lòng từ ái. Trong ba đời chỉ có cha mẹ, ba đời phước điền không qua chúng Tăng, cúng dường Chư Tăng, Hiền Thánh, công đức không mất, muốn cầu có thể thành đạo, không nên thốt lời khinh chê, hủy báng chúng Tăng, phụ mẫu sanh dưỡng lao nhọc cực khổ mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, nuôi cho khôn lớn, dạy bảo nên người, mong con thành tài. Nếu con xuất gia, mong con đắc đạo, thoát vòng sinh tử, ân đức ấy thực khó báo đền. Do đó ta bảo **A Nan** vai trái công cha, vai phải công mẹ đi trăm ngàn vòng quanh núi Tu Di, khắp chân máu chảy cũng không trả được ơn nhũ bộ trong một ngày, huống là khởi niệm ác buông lời mắng chửi”.

Phật dạy Đê Thích: “Thiện Trụ Thiên Tử, nay được thấy Ta, được tịnh Ngũ Nhân, sám hối các tội khiến được tiêu diệt không còn dư sót”.

Đức Thế Tôn lại bảo Thiện Trụ rằng: “Ông đừng nên than khóc, ta có Pháp môn gọi là **Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni**, người trì chú này lia được các khổ, được giải thoát. Thiện Trụ! Đà La Ni Phật Đảnh Tôn Thắng này là trăm ngàn vạn ức cu chi Chư Phật đã nói, Ta nay cũng nói. Ở trong các Phật Đảnh, là trên hết, hay trừ diệt tất cả nghiệp chướng, khiến được thanh tịnh, hay cứu bạt Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma giới, hay trừ các khổ não sanh tử của chúng sanh”.

Lại bảo Thiên Đế: “Thanh Tịnh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, do công đức này, mười ác, năm nghịch trong ngàn vạn kiếp thấy đều tiêu trừ, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, không chuyên thân này được Trí túc mạng, từ cõi Phật này sanh về cõi Phật khác, được Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Tự Tại, Đại Thế Chí xoa đầu thọ Bồ Tát ký, ở trong Đạo tràng được nghe Chánh Pháp, được tất vận trí, sống lâu, tịnh Thân Khẩu ý, không bị hoạn tử, đầy đủ các món học xứ, thân thể thanh

tịnh, tất cả mọi chỗ đều được an vui. Người trì niệm Đà La Ni này, khi mạng chung được sanh về nơi các cõi Phật”.

Khi ấy, Thiên Đế nghe Phật khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Tôn Thắng Đà La Ni rất là vui mừng, một lòng mong muốn bạch Phật rằng: “Cúi xin Thế Tôn thương xót Thiện Trụ và bọn chúng con và các chúng sanh đời mạt Pháp sau này, nói Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni. Con xin tu hành nguyện cho tất cả chúng sanh vĩnh viễn xa lìa tám nạn khổ”.

Khi ấy Thế Tôn vì Thiên Đế, Thiện Trụ Thiên Tử cùng bốn chúng mà nói chú rằng:

- 1\_Na mô bạt già phạt đế
- 2\_È sái lộ ca bát ra để tì thất sắt tra da
- 3\_Bột đà da, bạt đà phạt đế
- 4\_Đát diệt tha
- 5\_Úm
- 6\_Tì du đà da, sa ma, tam mạn đa phạt bà sa
- 7\_Sa phá ra nũa yết để đà ha na sa bà phạt du đế
- 8\_A tì sần giả tô yết đa phạt chiết na
- 9\_A mật lợi đa, bạt sái kế
- 10\_A ha ra a ha ra
- 11\_A du tán đà ra ni
- 12\_Du đà da du đà da
- 13\_Dà dà na, tì du đề
- 14\_Ô sắt ni sa tì thệ da du đề
- 15\_Sa ha sa ra hát ra thấp nhị san châu địa đế
- 16\_Tát bà đa tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắt sĩ đế, mộ diệt lam
- 17\_Bạt chiết ra ca da, tăng đa ha da du đề
- 18\_Tát bà bạt ra nũa tì du đề
- 19\_Bát ra để nỉ phạt đát da, a du, du đề
- 20\_Tát mật da, át địa sắt sĩ đế
- 21\_Ma ni ma ni
- 22\_Đát thất đa bộ đa cu đề bát lợi du đề
- 23\_Tì tát phổ tra bột địa du đề
- 24\_Thệ da thệ da
- 25\_Tì thệ da tì thệ da
- 26\_Tát mật ra tát mật ra, bột đà át địa sắt sĩ đa du đề
- 27\_Bạt chiết lê, bạt chiết la yết tì
- 28\_Bạt chiết lam, bà phạt đô
- 29\_Ma ma (xung tên.... thay cho chữ này) tát bà tát đỏa tả ca da, tì du đề
- 30\_Tát bà yết để bát lợi du đề
- 31\_Tát bà đát tha yết đa tam ma thấp phạt sa, át địa sắt sĩ đế
- 32\_Bột đà bột đà, bồ đà da bồ đà da
- 33\_Tam mạn đà bát lợi du đề
- 34\_Tát bà đa tha yết đa địa sắt tra na, át địa sắt sĩ đế
- 35\_Ma ma mộ để
- 36\_Sa phạt ha

ॐ नमोभगवते त्रैलोक्या प्रतिविशिष्टाय

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVISIṢṬAYA

न त्र्यं उं विष्णवे  
 TADYATHĀ: OM \_ VIŚODHAYA  
 समसमन्तवस्समं सुं गतं गतं सुं सुं सुं सुं  
 SAMA SAMANTA-AVABHĀSA SPHARAṆA GATI GAHĀNA  
 SVABHĀVA ŚUDDHE  
 अभिषिम्ब सुगता वचना अमृता अभिषािकै  
 ABHIṢIMCA SUGATA VACANA-AMṚTA-ABHIṢAIKAI  
 अहं अहं  
 ĀHARA ĀHARA  
 आयुः संधारणं  
 ĀYUḤ SANDHĀRAṆI  
 शोधय शोधय  
 ŚODHAYA ŚODHAYA  
 गगनं विष्णु  
 GAGANA VI'SUDDHE  
 उष्णिषा विजया सुद्धे  
 UṢNĪṢA-VIJAYA ŚUDDHE  
 सहस्रं संधारणं  
 SAHASRA RAŚMI SAMSUDĪTI  
 सर्वतथगत अधिष्ठान अधिष्ठिते मुद्राम्  
 SARVA-TATHĀGATA ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬITE MUDRAM  
 वज्रकया संकतं सुद्धे  
 VAJRA-KĀYA SAMHATANA ŚUDDHE  
 सर्ववर्ण विष्णु  
 SARVA-AVARAṆA VIŚUDDHE  
 प्रतिनि वरुणाय आयुः सुद्धे  
 PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE  
 समय अधिष्ठिते  
 SAMAYA ADHIṢṬITE  
 मणि मणि  
 MAṆI MAṆI  
 तथगतं सुं कठं पारिष्णुद्धे  
 TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE  
 विष्णु सुद्धे  
 VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE  
 जया जया  
 JAYA JAYA  
 विजया विजया  
 VIJAYA VIJAYA  
 स्मरं स्मरं  
 SMARA SMARA  
 बुद्ध अधिष्ठिते सुद्धे  
 BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE  
 वज्रं वज्रगर्भं वज्रं भवतु  
 VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṆ BHAVATU  
 मम

MAMA (xưng tên.... thay cho chữ này)  
 सर्व सवशु कय विशुद्धम्  
 SARVA SATVAŚYA-KĀYA VIŚUDDHE  
 सर्वगत परिशुद्ध  
 SARVA-GATI PARIŚUDDHE  
 सर्व तथगतसम स्वसधिश्रित  
 SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIŚṬITE  
 बुद्ध बुद्ध बुद्धाय बुद्धाय  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHĀYA BUDDHĀYA  
 समन्त परिशुद्ध  
 SAMANTA PARIŚUDDHE  
 सर्व तथगतधिश्रितधिश्रितम् मन्त्र मुनि नमः  
 SARVA TATHĀGATA ADHIŚṬANA ADHIŚṬITE MAHĀ-MUDRĪ  
 SVĀHĀ

Phật bảo Thiên Đế: “Thanh Tịnh Chư Thú Đà La Ni này hay trừ hết thảy nghiệp chướng, hay trừ ba ác đạo, Đà La Ni này là 88 cu chi hằng hà sa Chư Phật đồng nói, giữ gìn ủng hộ, ngợi khen, tất cả Như Lai đều ấn khả, hay trừ tất cả tội chướng của chúng sanh, hay cứu độ Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ, Diêm La Vương xứ. Nếu như chúng sanh phước mỏng, đoản mạng, bệnh tật, hạ tiện, xấu xa, đui mù, câm điếc, đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, thọ các thứ khổ não, nghe được Đà La Ni này, ác báo được tiêu diệt, đều được giải thoát. Nếu có chúng sanh từ lâu tạo các nghiệp ác thập ác, ngũ nghịch, các thứ tội chướng dần nặng, dần nhẹ, thấy đều tiêu trừ, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vĩnh viễn xa lìa các nạn khổ, Súc sanh, Diêm Ma xứ, cho đến các loài A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Bồ Đan Na, Ca Tra Bồ Đan Na, A Bà Sa Ma Ha, các ác thú như vậy, thảy đều giải thoát”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người hay thọ trì Chú này, từ đây về sau không còn sanh vào ác thú, được gần gũi Chư Phật, cùng ở chung với chư Bồ Tát hoặc sanh vào các dòng Tôn quý Bà La Môn ...v...v... hay ở nơi các Đạo tràng của các Đức Phật cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, được thân Như Lai Chánh Biến Tri và được giải thoát”.

Phật bảo Thiên Đế và Thiện Trụ Thiên Tử: “Thanh Tịnh Chư Thú Tôn Thắng Đà La Ni này của Ta oai thần rộng lớn, đủ các công đức thế lực như cát tường Nhật Ma ni bảo châu trong sạch, không có cát bụi, chiếu khắp hư không Thế giới, như 7 báu tối thắng trong đời. Hết thảy chúng sanh từ hàng Quốc vương, Vương tử, Vương mẫu, trăm quan Tể tướng thảy đều ham muốn, ưa thấy không nhàm chán, do vì Diệu bảo không dơ uế, cấu bẩn.

Thiên Đế! Đà La Ni này cũng lại như vậy, nếu có người đọc tụng, viết chép, cúng dường, do Công Đức này, được tất cả tám Bộ Trời Rồng tôn trọng không có xa lìa. Như Diệu bảo kia vậy. Được như vậy đều là do sức của Đà La Ni hay làm cho Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh các tội chướng nặng thảy đều tiêu diệt, do sức Đà La Ni này hay khiến kẻ thọ trì được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Phật bảo Thiên Đế và Thiện Trụ Thiên Tử: “Nếu có Quốc vương, Vương tử, Vương mẫu, Thái tử, bách quan, Tể tướng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân viết chép cúng dường Đà La Ni, an trí trong tháp báu, hoặc trên tòa sư tử, trên

đài Kim Cang, nơi tháp Xá Lợi, treo trên đầu phượng, nếu có bốn loài chúng sanh, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, làm mười điều ác, năm tội Vô Gián, bốn Giới nặng và hết thấy các tội, phải đọa vào cõi Diêm Ma, sáu đường chịu khổ. Nếu các người này được bụi cát nơi các chỗ trên bay dính nơi thân, các tội nặng thấy đều tiêu diệt, hoặc gió thổi qua các tháp ...v...v... động chạm đến một ít nơi thân phần, cũng được sanh lên cõi Trời, thọ hưởng các điều vui sướng, lại tùy ý sanh về các cõi Tịnh Độ. Nếu có người trì Đà La Ni này, khi rửa mặt, rửa tay, đem nước này đổ, các loại trùng kiến được gặp nước này, cũng được sanh lên cõi Trời; do đó, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, kẻ trai lành, người gái tín, nếu hay Trai Giới thanh tịnh, ngày đêm sáu thời đọc Đà La Ni này, trong ba đời, năm nghịch, bốn tội trọng, mười điều ác, hết thấy tội chướng thấy đều tiêu diệt, được chư Bồ Tát, chư Như Lai lấy tay xoa đầu, thọ Bồ Tát ký mà bảo rằng: “Thiện Nam Tử! Ông hay thọ trì Tôn Thắng Phật Đánh Đà La Ni, đời sau ông sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu như sau này có người nơi ngã tư đường tạo các táhp báu, hoặc dựng phượng cao an để Kinh Chú Đà La Ni này, lại dùng các món hoa hương, anh lạc, bầy báu, trang nghiêm đầy đủ, áo quần, đồ ăn uống, các thứ thuốc thang mà dâng lên cúng dường, công đức của người này vô lượng vô biên. Người này được Phước Đức không kể xiết, người này chính là Bồ Tát Ma Ha Tát, là Chân Phật tử, do vì cứu bạt tất cả chúng sanh lui tới nơi tháp”.

Khi ấy Diêm La Pháp Vương nơi nửa đêm cùng trăm ngàn quyến thuộc đem các hương hoa, các thứ cúng cụ đến chỗ Phật dâng hiến cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng đánh lễ chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn tuyên nói Tôn Thắng Phật Đánh Đà La Ni, nên con đến đây vì muốn được nghe, tùy Phật chỉ dạy và xin tự hộ”.

Khi ấy lại có bốn Trời Hộ Thế Đạo Lợi Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn, Không Cư Dạ Ma Thiên, Đề Sử Đa Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên ...v...v... các Vị đều đem quyến thuộc cùng các hương hoa, anh lạc đi đến chỗ Phật mà cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng và bạch Phật rằng: “Cúi xin Thế Tôn vì chúng con mà nói Pháp thọ trì cúng dường thành tựu Đà La Ni Tôn Thắng Phật Đánh”.

Phật bảo Hộ Thế Chư Thiên, Đại Phạm Thiên Vương, Diêm Ma Vương cùng các Thiên rằng: “Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu như có tất cả chúng sanh bị khổ nạn, các tội chướng nặng không thể cứu hộ được, nên nơi kỳ Bạch Nguyệt ngày mười lăm tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ tám Trai Giới, trước tượng Phật hồ quy, một lòng tụng Đà La Ni này 1.000 biến, người này dầu tạo các tội chướng nặng nề thấy đều tiêu diệt, được môn Tổng Trì Đà La Ni, biện tài vô ngại, được thanh tịnh, giải thoát”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người trì tụng, chỉ nghe một chữ của Đà La Ni này qua tai, cũng hay thâm nhập vào Tầng Thức, cũng là Chân Phật tử, cũng như một chút Kim Cang rớt xuống nơi đất, tức nhập tới bến mới dừng, Chú này cũng như vậy, một khi lọt vào tai tức hay huân tập Chứng Tánh thành Đẳng Chánh Giác, xa lìa phiền não, không làm chướng ngại, sau này dầu có đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ cũng không mất **Nhân** (Hetu) này, lại nhờ Chú Lực lần lần tu tập cho đến quả Phật.

Thiên Đế! Nếu có bốn loài chúng sanh một khi nghe được Đà La Ni này, trong đời này sẽ không bị các tật bệnh, khổ não, cũng không còn thọ thân bào thai, sanh nơi

hoa sen, xa lìa các kiết sử, được ngũ nhãn thanh tịnh, được Trí túc mạng, về sau sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người mới chết, hoặc chết đã lâu, có người dùng Đà La Ni này, chú nơi nắm đất vàng 21 biến, tán rải trên thi hài, người chết kia tức được vãng sanh 10 phương Tịnh Độ. Nếu như thân thức người chết đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ, Diêm La Vương xứ, đất đó dính vào hài cốt cũng được giải thoát, lìa bỏ nơi ác đạo, được sanh lên Trời”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Nếu có người đoán mạng muôn cầu sống lâu, ngày rằm mỗi tháng tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ tám trai giới, một lòng tụng Đà La Ni này một ngàn tám biến, khiến được sống lâu, tất cả nghiệp chướng thầy đều tiêu diệt”.

Phật bảo: “Thiên Đế ! Như lại có người tụng Đà La Ni này nơi tai của các loài súc sinh một lần thì loại đó qua hết thân này, không còn thọ lại thân cảm thú nữa, dầu có đọa Địa Ngục cũng được giải thoát”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Lại như có người bị bệnh nặng chịu các khổ não, nghe Đà La Ni này, tức được xa lìa các khổ, tội chướng tiêu diệt, cho đến bốn loại chúng sanh nghe được thân này cũng xa lìa các khổ bệnh và thân bào thai, sanh nơi hoa sen, thường nhớ Túc Mạng, đời đời không quên mất”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn trọng các tội căn bản do các nghiệp ác này sau khi chết phải đọa vào A Tỳ đại Địa Ngục, thọ các thứ khổ, trải qua nhiều kiếp, sau đó lại đọa vào các loại cảm thú ở mãi trong ác đạo không thể cứu hộ được, người này ngày rằm mỗi tháng nên ở trước Thánh tượng, dùng đồ bằng vàng đựng đầy 1 thùng nước sạch, an để trong Đàn, thọ Giới Bồ Tát, Trai Giới thanh tịnh, nơi trong Đàn mặt xây về hướng Đông, đốt hương lễ bái, hò quỳ, chấp tay chí thành đọc tụng Đà La Ni mãn một ngàn tám biến không được gián đoạn. Lấy nước này tán rải bốn phương và trên dưới, khiến hết thầy đều thanh tịnh. Làm Pháp này xong tất cả ác nghiệp đã tạo đáng đọa Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ thầy đều giải thoát, tất cả tội báo thầy đều tiêu trừ. Diêm La khen ngợi, Tư mạng hoan hỷ, không còn giận ghét, trở sanh cung kính, chấp tay khen ngợi Công Đức. Sau khi bỏ thân, sanh về nơi các cõi Phật, 10 phương Tịnh Độ tùy ý vãng sanh. Lại ngày rằm, chú nơi bơ mật hoặc tất bát ngàn tám biến, đem cho người ăn, người kia dầu tạo mười ác, năm nghịch, các thứ tội chướng thầy đều tiêu diệt, sau này lại được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu muốn làm Pháp Mạn Đà La này, kỳ Bạch Nguyệt ngày rằm dùng hương, đất vàng cù ma di trộn lại làm bùn, tô đắp Đàn. Đàn này vuông vức bốn khuỷu, dùng năm màu phân chia thành ba tràng, ở bốn bên làm một tầng quyền thuộc, dùng màu trắng làm Giới. Ở giữa Đàn rải tán các thứ hoa, dùng bốn bình nước sạch để bốn góc, trên có vẽ hoa sen, các bình phải bằng nhau, không có cái lớn cái nhỏ, dùng bình Quân Trì để đầy Nguu Hoàng, cung kính an trí nơi giữa hoa sen, nơi giữa Đàn tán rải các thứ hoa, thiêu các thứ Long Não, Uất Kim, Trâm Thủy ...v...v... đốt các thứ đèn bằng bơ, bằng dầu, các dầu thơm, dâng hiến cơm, cháo, sữa, lạc, bơ, dầu, đường phèn, đường cát, đào, lựu, các loại nước uống, đựng đầy trong các đồ báu dâng cúng trong Đàn. Khi đó Hành Giả trì Giới Bồ Tát, giữ gìn luật nghi thanh tịnh, ăn ba

món bạch thực, mặc quần áo mới sạch sẽ, ngồi ở phía Tây Đàn, chấp tay hồ quỳ, chí tâm tụng niệm. Trước cần kết **Phật Hộ Thân Ân**, tụng Đà La Ni mãn ngàn tám biến, tất cả ác nghiệp, mười ác, tội chướng, thủy đều tiêu trừ, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, được Chư Phật, Bồ Tát xoa đầu thọ Bồ Tát ký. Nếu muốn đến các cung điện của các Bồ Tát tức được Bồ Tát đem đến đó, tùy ý vãng sanh mười phương cõi Phật”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nhu vậy, Tôn Thắng Đà La Ni Chú này, trong đời Mạt Pháp, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Quốc vương, Quốc mẫu, Vương tử, Vương mẫu, Thái tử, Phi Hậu, trăm quan, Tể tướng, nhân, phi nhân, cho đến hết thủy chúng sanh muốn được giải ngộ, đều phải tác Mạn Đà La Pháp, thanh tịnh đồ địa, hoặc dùng nước, đất và cù ma di mà nghiêm sức, rải hoa, đốt hương, đèn, treo tràng phang, bảo cái, dùng các món trân bảo, ẩm thực cúng dường, đây gọi là **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bố Thí Ba La Mật). Khi làm Đàn, có các phiền não mà không giận dữ, gọi là **Sằn Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā: Nhẫn Nhục Ba La Mật); tu hành cần mẫn không có giải đãi, gọi là **Tỳ Lê Đa Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā: Tinh Tấn Ba La Mật); chuyên chú nơi Pháp tắc một lòng không tán loạn, gọi là **Thiền Na Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā: Thiền Định Ba La Mật); an bày đầy đủ, phân minh rõ ràng, gọi là **Bát Nhã ba La Mật** (Prajñā-pāramitā: Trí Tuệ Ba La Mật).

Thiên Đế! Đây là tạo Pháp sự, đầy đủ sáu món Ba La Mật, cho nên cần phải khai thị cho hết thủy chúng sanh được nhiều lợi ích mau được Bồ Đề”.

Phật nói Kinh này xong, Thiên Đế, Thiện Trụ lui về nơi cung điện của mình.

Thiện Trụ Thiên Tử y giáo tụng trì mãn 7 ngày xong tự thấy các tội báo thủy đều tiêu trừ, được thêm số Trời sống lâu vô lượng, liền cùng Đế Thích dẫn các chư Thiên, đem các hương hoa, các món thù diệu, Thiên y, anh lạc, đến chỗ Phật để cúng dường, đầu mặt lễ nơi chân Phật, hớn hở vui mừng nhiều Phật ngàn vòng.

Khi ấy Phật duỗi cánh tay màu vàng xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử thọ ký Bồ Tát và bảo rằng: “Kinh này gọi là **Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Tịnh Trừ Chư Thú Nghiệp Chướng Chú Kinh**. Ông và bốn Chúng cần nên thọ trì”.

Khi ấy bốn chúng, Bồ Tát Ma Ha tát, cùng tám Bộ Trời Rồng, Càn Thát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Cưu Bàn Trà, Tì Xá Giá, Nhân, Phi Nhân, nghe Phật nói, thủy đều vui vẻ, tin chịu vâng làm, đảnh lễ mà lui.

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI  
TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ KINH  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/05/2014



## PHẬT NÓI KINH TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đời Đường Tam tạng Sa môn NGHĨA TỊNH phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vậy: một thời Đức Bạc Già Phạm ở tại thành Thất La Phiệt, rừng Thệ Đa, vườn Cấp Cô Độc, cùng với Đại Tỳ Kheo chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ, Bồ Tát Ma Ha Tát một vạn hai ngàn người.

Khi ấy tại Hội Thiện Pháp đường, nơi Tam thập tam Thiên có một vị Thiên Tử tên là **Thiện Trụ** cùng chư Thiên và các Thiên nữ trước sau đoanh vây, vui hưởng các điều tôn quý, ca múa, hát xướng dạo chơi, vui vẻ thọ hưởng các điều khoái lạc nơi cõi Trời. Lúc đó Thiện Trụ Thiên Tử nơi trong đêm nghe có tiếng bảo rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử! Qua 7 ngày nữa mạng ông sẽ hết, sau đó sanh vào cõi Diêm Phù Đề 7 lần thọ thân súc sanh, sau nữa lại vào Địa Ngục thọ các khổ, từ Địa Ngục ra lại được làm người sanh vào dòng bản tiện, khi còn ở trong thai đã không có hai mắt”.

Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy vô cùng hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, rất là buồn khổ, liền mau đến chỗ Thiên Đế buồn rầu than khóc, đánh lễ Thiên Đế và bạch rằng: “Cúi xin Thiên Tôn! Nghe tôi nói, tôi cùng các Thiên nữ đang vui chơi thọ hưởng các điều vui sướng thời có tiếng bảo rằng: *‘Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa sẽ chết, sau khi chết sanh vào cõi Diêm Phù Đề bảy lần làm thân súc sanh, lại vào Địa ngục, từ Địa ngục ra được làm thân người sanh nơi nhà bản tiện, ở trong thai mẹ đã bị đui mù’* Tôi nghe như vậy rất lấy làm hoảng sợ, không có cách gì. Làm thế nào khiến tôi thoát khỏi khổ này?”.

Khi Thiên Đế Thích nghe Thiện Trụ Thiên Tử nói xong, rất lấy làm quái lạ, lặng yên suy nghĩ: “Thiện Trụ Thiên Tử thọ 7 thân nơi ác đạo là thân gì?”. Phút chốc liền vào trong Định, liền thấy Thiện Trụ bị 7 lần làm thân nói ác thú như là heo, chó, dã can, nhị hầu, mãng xà, quạ, kên kên, ăn các đồ dơ uế bất tịnh.

Khi Thiên Đế quán thấy Thiện Trụ Thiên Tử đọa 7 lần làm thân ác thú, rất lấy làm xót thương buồn rầu khổ não, trong tâm suy nghĩ lấy cách nào mà cứu, chỗ nào để quy y, khiến cho trừ được các khổ ách. Lại suy nghĩ rằng: “Chỉ có Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đại từ bi mới có thể khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được miễn khổ nạn”.

Khi Thiên Đế Thích nghĩ như vậy xong, sáng sớm đem các thứ hoa, áo quần đẹp để cõi Trời để trang nghiêm. Xong cầm các hương hoa đi đến rừng Thệ Đa, nơi chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường, đánh lễ chân Phật, nhiễu Phật 7 vòng, xong trường quỳ chấp tay bạch Phật rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử nghe có tiếng nói: bảy ngày sau sẽ chết, bảy lần làm thân súc sanh, nghe như vậy rồi rất là buồn khổ. Cúi xin Thế Tôn đại từ đại bi thương xót làm lợi ích làm sao khiến cho Thiện Trụ thoát được khổ này”.

Bấy giờ Thế Tôn nghe như vậy xong, Ngài liền mỉm cười, trên đánh phóng ra các ánh sáng chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên thế giới rồi trở về chỗ Phật. Nếu Thế Tôn nói các việc quá khứ thì ánh sáng kia nhập vào nơi lưng. Nếu nói việc vị lai thì ánh sáng kia nhập vào nơi ngực. Nếu nói chuyện Địa Ngục thì ánh sáng nhập vào dưới chân. Nếu nói chuyện bàng sanh thì ánh sáng nhập vào cẳng chân. Nếu nói việc Ngạ Quỷ thì nhập vào các ngón chân. Nếu nói việc Người thì nhập vào nơi đầu gối. Nếu nói chuyện Luân Vương thì nhập vào bàn tay trái. Nếu nói việc Chuyển Luân Vương thì nhập vào bàn tay phải. Nếu nói việc trên Trời thì nhập nơi rún. Nếu nói việc Thanh Văn thì nhập

vào miệng. Nếu nói việc Độc Giác thì nhập vào mi gian. Nếu nói việc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thì nhập vào nơi đảnh.

Khi ánh sáng kia trở về nơi Phật rồi, xoay quanh Phật ba vòng rồi nhập vào miệng. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Thiên Đế rằng: “Thiên Đế! Có Đà La Ni tên là **Như Lai Phật Đảnh Tôn Thắng** hay tịnh các ác thú, sanh tử khổ não, lại hay tịnh trừ tất cả Địa Ngục, Diêm Ma Vương Giới, Bàn sanh, các thứ khổ. Lại hay phá nát các tội nơi Địa ngục, khiến quay về đường chánh nẻo lành.

Thiên Đế! Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này có đại thần lực không thể nghĩ bàn. Nếu như có người chỉ nghe qua tai một lần, các nghiệp ác đã tạo từ nhiều đời trước thấy đều tiêu diệt, được thân thanh tịnh thù thắng, tùy theo chỗ sanh nhớ tri không quên, từ cõi Phật này sanh đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, cho đến trải qua 33 cõi Trời, đều được nhớ tri không quên.

Lại nữa Thiên Đế! Nếu có người sắp chết nhớ niệm Đà La Ni này liền được sống thêm, tịnh Thân, Khẩu, Ý không còn các bệnh khổ, tùy theo phước lợi thọ được các điều an ổn, lại được tất cả Như Lai ngó đến, tất cả Thiên Thân thường luôn ủng hộ, mọi người kính trọng, ác chướng tiêu trừ, được các Bồ Tát che chở.

Nếu có kẻ trai lành, người gái tín chốc lát tụng trì Đà La Ni này, nên biết người này hết thấy các khổ ác đạo đều phá tiêu, trừ sạch không còn dư sót. Nơi các cõi Phật, các hạnh nguyện sâu dày của Bồ Tát tùy ý mà đến không có chướng ngại”.

Khi đó Đế Thích một lòng muốn nghe.

Khi ấy Đức Bạc Già Phạm xem thấy tâm niệm của Đế Thích, dùng tâm Đại Từ Bi nói Pháp Đà La Ni, tức nói Chú rằng:

“**Nam mô bạc già phật đế, diệt lị lô chỉ dã, bát lạt để vĩ thất sắt tra dã, bột đà dã, bạc già phật đế**

**Đát diệt tha: Úm, vĩ thân đà dã, táp ma, tam mạn đa, a bà bà sa, táp phát ra noa, yết để lô yết ná, tóa bà bà , tỳ thú đệ. A tỳ tru giả đô mạn, tô yết đa, bạt ra, bạt đồ na, a mật lạt đa, tỳ sư kế. A hạt ra, a hạt ra. A du, xuyên đà lạt nễ, thân đà dã, thân đà dã, đà đà na, tỳ thú đệ. Ó sắt nị sa, tỳ thệ dã, thú đệ. Tô ha tát ra hạt, lạt thấp nhĩ, xuyên thù địa đế. Tát bà đát tha yết đa, a địa sắt xá na, a địa sắt xỉ đá, một diệt lệ. Bạt chiết ra ca dã, tăng hạt đán na, thú đệ. Tát bà a phật sắc noa, tỳ thú đệ. Bát lạt để nễ, bạt đỏi dã, a dụ, thú đệ. Tam ma da, a địa sắt xỉ đế. Mật nễ, mật nễ, ma hạ mật nễ. Đán đạt đa, bộ đa, trảo chí, bát lị thú đệ. Tỳ đột bố tra, bột địa, thú đệ. Thệ dã, thệ dã, tỳ thệ dã, tỳ thệ dã. Tam ma ra, tam ma ra. Tát bà bột đà, a địa sắt xỉ đa, thú đệ. Bạt chiết lệ, bạt chiết la yết tỳ, bạt chiết lam, bà bạt đồ, Ma ma, a mục yết tả (Tự xưng tên...), tát bà tát đỏa nan giả, ca dã, tỳ thú đệ. Tát bà yết để, bát lị thú đệ. Tát bà đát tha yết đá, tam ma, thú hòa sa, a địa sắt xỉ đế. Bột đà, bột đà, bồ đà dã, bồ đà dã, tam mạn đa, bát lị thú đệ. Tát bà đát tha yết đá, a địa sắt xá ná, a địa sắt xỉ đế, sa ha”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVISIṢṬAYA

बुद्धाय भगवते

BUDDHĀYA BHAGAVATE

तद्यथा उवाच

TADYATHĀ: OM \_ VIŚODHAYA

समं समन्तावभासां स्फारणा गतिं गहानां

SAMA SAMANTA-AVABHĀSA SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE

ମୂଳାଭିଷିମକା ତୁମାମ୍ ସୁଗତା ବାଚନାମୃତା ଅଭିଷାୟକା  
 ABHIṢIMCA TUMAM SUGATA VACANA AMRTA ABHIṢAIKAI  
 ମହା ଶୁକ୍ର  
 ĀHARA ĀHARA  
 ମୟୁଃ ସନ୍ଧ୍ୟା  
 ĀYUḤ SANDHĀRAṆI  
 ଶୋଧୟା ଶୋଧୟା  
 ŚODHAYA ŚODHAYA  
 ଗାଗନା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 GAGANA VIŚUDDHE  
 ଉଷ୍ଣିଷା ବିଜୟା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
 ମହାସା ରାସ୍ମି ସାମ୍ବୁଦ୍ଧି  
 SAHASRA RAŚMI SAṂSUDĪTI  
 ସର୍ବା ତଥାଗତା ହୃଦୟା ଅଧିଷ୍ଠାନା ଅଧିଷ୍ଠିତେ ମୁଦ୍ରି  
 SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MUDRĪ  
 ବଜ୍ରକାୟା ସାମ୍ବତାନା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 VAJRA-KĀYA SAṂHATANA ŚUDDHE  
 ସର୍ବା-ଅବାରଣା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 SARVA-AVARAṆA VIŚUDDHE  
 ପ୍ରାଣିନୀ ବାର୍ତ୍ତାୟା ମୟୁଃ ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE  
 ସାମୟା ଅଧିଷ୍ଠିତେ  
 SAMAYA ADHIṢṬITE  
 ମାଣି ମାଣି ମାହା-ମାଣି  
 MAṆI MAṆI MAHĀ-MANI  
 ତଥାତା-ଭୂତା-କୋଟି ପାରିଶୁଦ୍ଧେ  
 TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE  
 ବିସ୍ଫୁଟା ବୁଦ୍ଧି ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE  
 ଜୟା ଜୟା  
 JAYA JAYA  
 ବିଜୟା ବିଜୟା  
 VIJAYA VIJAYA  
 ସ୍ମାରା ସ୍ମାରା  
 SMARA SMARA  
 ସର୍ବା ବୁଦ୍ଧା ଅଧିଷ୍ଠିତା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE  
 ବଜ୍ରୀ ବଜ୍ରା-ଗର୍ଭେ ବଜ୍ରାମ୍ ଭାବତୁ  
 VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU  
 ମାମା ଅମୋଗ୍ଠାସ୍ୟା  
 MAMA AMOGHASYA (Tự xưng tên...)  
 ସର୍ବା ସାତ୍ଵାନାମକା କାୟା ବିଶୁଦ୍ଧେ  
 SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA VIŚUDDHE  
 ସର୍ବା ଗତି ପାରିଶୁଦ୍ଧେ  
 SARVA GATI PARIŚUDDHE

सर्व तथगतसम स्वसधेष्ट  
 SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE  
 बुद्ध बुद्ध बुद्धाय बुद्धाय  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHĀYA BUDDHĀYA  
 समन्त परिशुद्धे  
 SAMANTA PARISUDDHE  
 सर्व तथगतधेष्टधेष्टसुद्धे  
 SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVĀHĀ

Khi Đức Thế Tôn nói Chú này rồi, bảo Thiên Đế rằng: “Đà La Ni ấn này gọi là **Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni**, cũng hay trừ diệt các thứ ác nghiệp chướng, hay trừ các uế ác khổ.

Thiên Đế! Đà La Ni này được 88 hằng hà sa cù chi trăm ngàn Chư Phật đều nói, tùy hỷ thọ trì. Đức Như Lai Đại Nhật ấn khả, vì muốn phá tất cả loài ác đạo hữu tình, vì khiến tất cả Địa Ngục, Bàn Sanh, Diêm Ma Vương giới, các hữu tình nơi đó được giải thoát... cũng như giải thoát tất cả các khổ bức bách của hữu tình trong biển sanh tử, cũng hay khiến kẻ đoan mạng, vô phước, không chỗ cứu độ, hay tạo các tạp nhiễm, ác nghiệp được lợi ích. Sức Đà La Ni này giữ gìn trong Nam Diêm Phù Đề lại khiến các kẻ tà kiến, không tin Thiện Ác, trong ba đường ác bị lưu chuyển trong biển khổ sanh tử, các hữu tình bạc phước mau được đường Chánh. Như vậy các loại được chớ che, được giải thoát các khổ”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nay Ta đem Đà La Ni này giao phó cho ngươi, ngươi nên đem trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử khiến đọc tụng, thọ trì, nhớ nghĩ cung kính cúng dường không được quên mất. Lại cũng nên lưu bố rộng rãi trong cõi Nam Diêm Phù Đề để làm lợi ích vô lượng, lại cũng vì tất cả các Thiên Tử đem Đà La Ni ấn này giao cho ông. Thiên Đế! Ông nên nhớ nghĩ, trì giữ không được lãng quên.

Lại nữa Thiên Đế! Nếu có người trong khoảng chốc lát được nghe Đà La Ni này, trong ngàn kiếp trở lại đây các ác chướng, tội ác nặng nề phải bị chìm đắm trong biển sanh tử, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàn Sanh, Diêm Ma Vương giới, A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần các thân, Bồ Đan Na, Ca Tra Bồ Đan Na, A Bà Sa Ma Ra, rắn, rít, lằn, muỗi, trùng, kiến các thân, các loài chim chóc, mãnh thú, các loài hữu tình không còn thọ nữa và được chuyển sanh nơi cõi Chư Phật, được Nhất Sanh Bồ Xứ cùng các Bồ Tát đồng ở, hoặc được sanh vào Đại táng Bà La Môn, Sát Đế Lợi, nhà tôn quý. Thiên Đế! Các chỗ sanh thù thắng như trên đều do nghe Đà La Ni này, tùy theo chỗ sanh đều được thân thù thắng tốt đẹp, được quả báo như vậy, cho đến nơi Bồ Đề tối thắng, đều do khen ngợi công đức của Đà La Ni này.

Thiên Đế! Đà La Ni này gọi là Cát Tường vì hay trừ ba đường ác. Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni này như Nhật Tạng Ma Ni bảo, không có cấu bẩn, cũng như hư không, chiếu khắp mọi nơi không ngăn ngại. Nếu có hữu tình lòng tin trong sạch trì đọc Đà La Ni này, cũng như vậy, như Thiện hảo Kim Minh sáng sủa đẹp đẽ, mọi người ưa nhìn, không dính các uế ác, cũng như hoa sen không nhiễm bùn.

Thiên Đế! Người trì Đà La Ni này cũng được như vậy, do nơi Tịnh nghiệp tức được sanh cõi lành. Thiên Đế! Nơi nào có Đà La Ni này, nếu có người hay viết chép, thọ trì, đọc tụng, ngợi khen cúng kính, cúng dường, tất cả ác đạo đều được thanh tịnh, các khổ Địa Ngục mau được tiêu trừ.

Thiên Đế! Nếu có kẻ trai lành, người gái tín viết chép Đà La Ni này an để trên ngọn phượng, trên núi cao, trên lầu gác, cho đến an để trong Tháp. Thiên Đế! Nếu có

Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nam nữ ...v...v... ở nơi trước phượng ...v...v... hoặc được thấy hoặc gần gũi, hoặc gió thổi Đà La Ni cát bụi bay qua chạm được nơi thân. Thiên Đế! Các chúng sanh này có các tội nghiệp đáng ohải đọa vào Địa Ngục, Bàn Sanh, Diêm Ma Vương giới, A Tu La thân, các ác, các khổ, thầy đều không thọ, lại không bị các tội cấu làm đắm nhiễm.

Thiên Đế! Các hữu tình này được Chư Phật thọ ký, được bắt thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hưởng là đem các món hương hoa, thiêu hương, đồ hương, tràng hoa, phan cái, y phục, anh lạc, các món kỹ nhạc trang nghiêm, nơi ngã tư đường tạo Suất Đồ Ba (tháp), an để Đà La Ni này, chấp tay cung kính nhiễu quanh Tháp, quy mạng đánh lễ, người cúng dường đầy đủ như vậy, gọi là Bồ Tát Ma Ha tát, là Chơn Phật tử trì Pháp đúng đắn. Đây là Pháp thờ Như Lai toàn thân Xá Lợi”.

Khi đó Diêm Ma Pháp Vương, nơi đầu hôm đi đến chỗ Phật, dùng các Thiên y, các thứ hương hoa, đồ hương, mật hương, Chiên đàn, trầm thủy cung kính cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng, đánh lễ chân Phật mà thưa rằng: “Con nghe Như Lai nói Pháp Đại Đà La Ni, khen ngợi công đức tu trì không thể nghĩ bàn. Thế Tôn đại từ bi thương xót các loài hữu tình bị các khổ, Thế Tôn! Con cũng xin ủng hộ giữ gìn, không cho các người tu trì đọa vào Địa Ngục, theo Đức Như Lai mà dạy dỗ hộ niệm”.

Bấy giờ, Hộ Thế Tứ Đại Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng, rồi đứng về một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài vì bọn con nói lại Pháp Đà La Ni”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bốn Thiên Vương rằng: “Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói Pháp thọ trì Đà La Ni cho các hữu tình bị đoản mạng. Nếu muốn thọ trì, nên tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, bắt đầu từ mồng một cho đến ngày rằm, giữ gìn trai giới, một lòng tụng Đà La Ni này mãn ngàn biến, khiến mạng sống ngắn ngủi được tăng thêm, vĩnh viễn xa lìa các tật bệnh, tất cả nghiệp chướng cũng tẩy được tiêu trừ, tất cả các khổ Địa Ngục, các loài Cầm thú, hết thảy các loài có thân mạng, nghe tiếng Đà La Ni này lọt vào tai một lần, khi bỏ thân này, không còn thọ lại nữa”.

Phật bảo: “Nếu như sau này có người bỗng nhiên bị khổ bệnh và các việc bức bách, nghe Đà La Ni này, tức được xa lìa các bệnh, các khổ cũng được tiêu trừ, dù đáng đọa vào các ác đạo cũng được giải thoát. Được sanh vào Thế giới Diệu Hỷ, khi bỏ thân này, không còn thọ thân bào thai, được sanh trong hoa sen, tùy theo chỗ sanh được Trí tức mạng nhớ mãi không quên”.

Phật dạy: “Nếu có người trước đã từng tạo các nghiệp ác nặng nề, sau khi chết bị đọa vào Địa Ngục, Bàn sanh, Diêm La Vương giới, Ngạ Quỷ cho đến cung Nại Xoa Ca, hoặc sanh trong nước, hoặc sanh vào các loại cầm thú. Dùng một nắm đất chú 21 biến, tán rải trên thân phần của người chết, vong kia liền được sanh Thiên.

Nếu có người mỗi ngày tụng Đà La Ni này mãn 21 biến, tiêu được các của cúng dường thì thăng trong Thế gian, khi bỏ thân được sanh về Cực Lạc Thế giới, nếu hay niệm tụng sau này sẽ được sống lâu, thọ hưởng các điều vui sướng. Khi bỏ thân, sẽ được vãng sanh về các cõi của Chư Phật, thường cùng ở chung với Chư Phật, được nghe Chư Phật nói các Pháp vi diệu, được Chư Phật thọ ký Bồ Đề, thân quang chiếu diệu khắp các Thế giới, cho đến được Vô Thượng Niết Bàn.

Lại nữa, nếu muốn tụng Đà La Ni này, tắm gội sạch sẽ, nơi trước Phật dùng đất sạch làm Đàn lớn nhỏ tùy ý, vuông vức bằng phẳng, dùng các hoa cỏ thơm, tán rải trên Đàn, đốt các thứ hương thơm, hai gối sát đất, hoặc ngồi tôn cư, tâm thường niệm Phật, kết Mẫu Đà La Ni ấn: trước co hai ngón trỏ, dùng hai ngón cái đè lên, sau đó chấp tay

để nơi tâm, tụng Đà La Ni mãn 108 biến. Ở trong Đàn dụ như mây mưa, các thứ hoa hay biến khắp cả cúng dường 88 cu chi hằng hà sa số na dữu đa trăm ngàn Chư Phật, được Chư Phật khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Thật là ít có, đây là Chân Phật tử, chúng được Vô ngại Trí Tam Muội và Bồ Đề Tâm trang nghiêm Tam Muội, người trì Đà La Ni nên làm như vậy”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Ta dùng Phương tiện thiện xảo khiến các chúng sanh đáng đọa vào Địa Ngục đều khiến giải thoát, thanh tịnh hết thảy các đường ác, tiêu diệt không còn dư sót, khiến người thọ trì được sống lâu.

Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử, khiến bảo độ tụng, qua 7 ngày nữa ông cùng Thiện Trụ đến đây gặp Ta”.

Khi ấy Thiên Đế ở trước Thế Tôn thọ Pháp Đà La Ni, giữ gìn nhớ rõ, trở về bồn cung trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử.

Thiện Trụ Thiên Tử thọ được Đà La Ni rồi, y Pháp thọ trì, mãn 6 ngày 6 đêm, tất cả các nguyện đều được, các khổ đáng đọa vào ác thú nay được giải thoát, được tăng thọ mạng vào phần Bồ Đề, hết thảy các phước thảy đều vân tập, vui vẻ vô cùng, lớn tiếng nói rằng: “Thật là khó có! Như Lai nói Pháp vi diệu, thật là khó có, oai lực linh nghiệp của Đà La Ni. Thế Tôn đại bi hay vì chúng con và các Hữu tình nói ra Thần chú này. Con nay đã được giải thoát các khổ trong đường ác”.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích qua 7 ngày rồi, cùng Thiện Trụ Thiên Tử, và các Thiên chúng nghiêm sức hoa tràng, đem các diệp hương, tràng phan, bảo cái, Thiên y, anh lạc, các món trang nghiêm đến chỗ Phật cúng dường, dùng Thiên diệp y, các món anh lạc, dâng hiến Thế Tôn, nhiều Phật trăm ngàn vòng, hớn hở vui mừng, ngồi về một bên, nhìn ngắm Tôn nhan mắt không tạm rời.

Khi đó Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng trăm phước trang nghiêm đầy đủ các tướng, dùng tay phải xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử, nói các Pháp yêu thọ ký Bồ Đề.

Phật dạy Thiện Trụ Thiên Tử rằng: “Đà La Ni Ấn này gọi là **Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni**, ông nên thọ trì”.

Bấy giờ Thiện Trụ Thiên Tử, Thiên Đế cùng Thiên chúng, hết thảy đại hội nghe Phật nói xong, đều rất vui mừng, tin chịu vâng làm.

PHẬT NÓI KINH TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI

\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 14/05/2014







Hai tay hai ngón cái để trong lòng bàn tay, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón trỏ dựa bên nhau để từ trên đánh xuống, từ từ xả ấn, tụng chú ba biến, quán tự thân đồng với Pháp giới, lia các sắc tướng cũng như hư không.

Lại kết Kim Cang Tát Đỏa Pháp Luân Ấn Chân Ngôn:

**“Năng mờ tam mạn đa phạ nhựt ra nẫm. Úm, phạ nhựt ra đạt ma câu hám”**

ॐ मम मम म वज्रं नम उ व ज म न क

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM OM VAJRA-ATMAKA-UHAM

Hai tay xoa ngược nhau, ngón cái trái để trong lòng bàn tay phải, ngón cái phải thẳng, tụng Chân ngôn ba biến, tự được tự thân như Kim Cang Tát Đỏa.

Lại kết Kim Cang Giáp Mạo Ấn Chân Ngôn:

**“Năng mờ tam mãn đa phạ nhựt ra nẫm. Úm, phạ nhựt ra ca phạ dã, hồng”**

ॐ मम म वज्रं नम उ व ज क व य ह

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM OM VAJRA-KAVACĀYA HŪM

Hai tay chắp lại bồng giữa, hai ngón trỏ để nơi lưng hai ngón giữa, hai ngón cái hợp nhau ở nơi tiết giữa hai ngón giữa, gia trì năm chỗ, mỗi chỗ tụng một biến. Do sức gia trì tự thân thành Kim Cang Giáp Mạo, tất cả Thiên Ma không dám gần gũi.

Lại kết Bất Động Tôn Ấn Chân ngôn:

**“Năng mờ tam mãn đà phạ nhựt ra nẫm. Chiến nũa, ma ha lô sái nũa, tát vãm tra da, hồng đát ra tra, hàm nam”**

ॐ मम म वज्रं नम व ज म न त्र य म न म ह य ह न म

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRATĀ HĀM NĀM

Hai tay ngón cái vịn móng ngón út và ngón vô danh, thẳng hai ngón giữa và hai ngón trỏ, tay trái là giáo, tay phải là đao, dùng đao để vào trong giáo. Xoay bên trái để xua đuổi các Ma trong Đạo Tràng làm chướng nạn; xoay bên phải tám phương trên dưới là kết Giới. Sau đó tưởng trong Đạo tràng là núi Tu Di, trên đánh núi tưởng lâu các bảy báu. Ở trong lâu các Như Lai Tỳ Lô Giá Na cùng 80 cu chi mười địa Bồ Tát Ma Ha Tát làm quyền thuộc doanh vây chung quanh. Bốn cửa bốn góc có bốn Bồ Tát và tám cúng dường dùng làm Nội Ngoại Cúng Dường, quán tưởng dăng hiển rõ ràng phân minh.

Lại kết Phụng Thịnh Thánh Chúng Như Lai Câu Ấn Chân Ngôn:

**“Năng mờ tam mãn đà một đà nẫm. Ác, tát phạ đát ra, bát ra để kha đế, đát tha nghiệt đương cu xá, mạo địa dã ra lị da, bạt rị bố ra ca, sa phạ ha”**

ॐ मम म व ह न म ः म व य स न क न म न य न न क न म य य व ज प र य न क न म ह न

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AḤ SARVATRA APRATIHAṬE TATHĀGATA-AMKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA SVĀHĀ

Hai tay xoa bên trong, nắm lại thành quyền, ngón trỏ phải thẳng co lại như câu. Tụng ba biến, do oai lực Ấn Chân Ngôn, Chư Phật và Thánh chúng không bỏ bỏn thệ, đều lại đầy đủ.

Lại kết Phụng Hiến Tọa Ấn Chân Ngôn:

“**Năng mờ tam mãn đà một đà năm. Ác**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॥

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ AḤ

Hai tay chấp lại trống giữa, hai ngón út, hai ngón cái hợp nhau, sáu ngón kia mở ra hơi co như hoa sen nở, tụng ba biến. Do oai lực Ấn Chân Ngôn, lưu xuất cán tòa báu như mây biển, dâng hiến Như Lai và Thánh chúng.

Lại kết Phụng Hiến Ứ Già Ấn Chân Ngôn:

“**Năng mờ tam mãn đà một đà năm. Nga nga năng, tam ma tam ma, sa phạ ha**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॥ गगना सम असमा ॥

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ GAGANA SAMA ASAMA \_ SVĀHĀ

Dùng hai tay bung đồ đựng nước ngang nơi trán, hồ quỳ tụng ba biến dâng hiến Ứ Già tẩy rửa Thánh chúng.

Lại kết Phụng Hiến Đồ Hương Ấn Chân Ngôn:

“**Năng mờ tam mãn đà một đà năm. Vi du đà, nghỉ độ nạp bà phạ dã, sa bà ha**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॥ विदुषा गन्धा उद्भवया ॥

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ VIŚUDDHA GANDHA-  
UDBHAVĀYA \_ SVĀHĀ

Tay phải thẳng lên, lòng bàn tay hướng ra ngoài, tay trái nắm cổ tay phải, tụng ba biến. Do Ấn Chân Ngôn oai lực, lưu xuất ra các hương xoa như mây biển, cúng dường tất cả Như Lai và Thánh chúng.

Lại kết Phụng hiến Hoa Man Ấn Chân Ngôn:

“**Năng mờ tam mãn đà một đà năm. Ma ha muội đất rị dạ, tì dữu na nghịệt đế, sa bà ha**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॥ महा मृष्टि द्या तिर्य्यु ना न्घ्रियते ॥

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE \_ SVĀHĀ

Hai tay xoa bên trong, ngửa lòng bàn tay, hai ngón trỏ dựa nhau. Tụng 03 biến, do oai lực Ấn và Chân Ngôn lưu xuất các tràng hoa như mây biển cúng dường tất cả Như Lai và Thánh chúng.

Lại kết Phụng Hiến Thiêu Hương Ấn Chân Ngôn:

“**Năng mờ tam mãn đà một đà năm. Đạt ma đà đất phạ nũa, tì ám nghịệt đế, sa bà hà**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॥ धर्मदातु अनुगते ॥

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE \_ SVĀHĀ

Ngửa lòng hai bàn tay, ngón út, ngón vô danh, ngón giữa co lưng dựa nhau, tụng 03 biến. Do oai lực Ấn và Chân Ngôn, lưu xuất tất cả hương đốt như mây biển, cúng dường tất cả Như Lai và Thánh chúng.



Khi ấn bốn chỗ, mỗi chỗ tụng một biến, dùng ấn để nơi trán, tụng 3 biến, dùng Quán Đảnh.

Quán Đảnh xong mở Ấn ra, kết Kim Cang Quyển để sau đầu, tụng Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhật la tì sần đa”**

ॐ वज्र मणि ध्वज

OM VAJRA ABHIṢIMCA

Tụng 3 biến, kết Ấn Bị Giáp, hai tay kết Kim Cang Quyển, thẳng ngón trỏ để nơi tim như mặc giáp, để nơi sau lưng, lại để nơi rún, eo, từ từ đến tim, hai vai, trên đầu, nơi cổ, trán, sau ót, hai tay đập thành ba tiếng, tụng Bị Giáp Chân Ngôn:

**“Úm chiêm”**

ॐ ॐ

OM TUM

Lại vỗ tay, tụng Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhật ra đồ sử da, hác”**

ॐ वज्र तुष्य ऋ

OM VAJRA TUṢYA HOḤ

Tưởng tự thân thành Bồn Tôn xong, chắp hai tay lại co hai ngón trỏ móng đụng nhau, dùng hai ngón cái đè trên đầu hai ngón trỏ, như đang khảy móng tay, lại tụng Tôn Thẳng Đà La Ni:

**“Năng mỗ bà nga phạ đế**

नम भगवते

NAMO BHAGAVATE

**Đát lạc lộ chỉ dã**

त्रैलोक्य

TRAILOKYA

**Bát ra để vĩ thi sắc tra dã**

प्रतिविष्टया

PRATIVIṢIṢṬAYA

**Bột đà da**

बुद्धाय

BUDDHĀYA

**Bà nga phạ đế**

भगवते

BHAGAVATE

**Đát nễ dã tha:**

तद्यथा

TADYATHĀ

**Úm**

ॐ

OM

**Vĩ thuật dà dã**

विश्वधया

VIŚODHAYA

**Tam ma**

सम

SAMA

Tam mãn đà phạ bà sa

समन्तवस

SAMANTA AVABHĀSA

Tát pha ra nũa

स्फारण

SPHARAṆA

Nghiệt đế nga ha năng

गत गहान

GATI GAHĀNA

Tát ra bà phạ thuật đệ

स्वव विद्व

SVABHĀVA VISUDDHE

A ò tiên tả hàm

अभिषिक्त तुम्

ABHIṢIMCA TUMĀM

Tát nga đa

सुगत

SUGATA

Phạ ra phạ ta năng

व वचन

VARA VACANA

Mật lạt đa ò lô kế

अमृत अक्षय

AMṚTA ABHIṢEKAI

A ha ra a ha ra

अहं अहं

ĀHARA ĀHARA

A dục tán đà ra ni

अयुः सन्धि

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Thuật đà da thuật đà da, nga nga năng vĩ thuật đệ

शुद्ध शुद्ध गगन विद्व

ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VISUDDHE

Ô sắc ni sa vĩ nhạ dã vĩ thuật đệ

उष्ण वसु विद्व

UṢNĪṢA-VIJAYA VISUDDHE

Sa ha sa ra ra thấp nhị

सहस्र रश्मि

SAHASRA RAŚMI

Tán tổ nhi đế tát phạ đát tha nghiệt đa

संसृष्टि सर्व तथगत

SAMṢUDĪTI SARVA TATHĀGATA

Địa sắc tra năng địa sắc sĩ đa mẫu nại lê

सर्वज्ञ विद्व मत् सुख

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ

**Phạ nhựt ra ca da**

वज्रकय

VAJRA-KĀYA

**Tăng ha đát na thuật đệ**

संघना (सुद्ध)

SAMHATANA VIŚUDDHE

**Tát phạ phạ ra nỏ thuật đệ**

सर्ववर्मसुद्ध

SARVA AVARAṆA ŚUDDHE

**Bát ra để nể tì đa dã a dục thuật đệ**

प्रातिवर्त्यसुद्ध

PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE

**Tam ma da địa sắc sĩ đế**

समयसंज्ञ

SAMAYA ADHIṢṬITE

**Ma ni ma ni**

मम मम

MAṆI MAṆI

**Đát lân đa bộ đa cu đê bạt lệ thuật đệ**

तथागतसुगतकेतिसुद्ध

TATHĀTĀ-BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

**Vĩ sa bố tra bột địa thuật đệ**

विष्णुवदसुद्ध

VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

**Nhạ dã nhạ dã**

जय जय

JAYA JAYA

**Vĩ nhạ dã vĩ nhạ dã**

विजय विजय

VIJAYA VIJAYA

**Sa ma ra sa ma ra**

स्मर स्मर

SMARA SMARA

**Tát phạ bột đà địa sát sĩ đa thuật đệ**

सर्वबुद्धसंज्ञसुद्ध

SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE

**Phạ nhựt lệ phạ nhựt ra nghiệt tì**

वज्रवज्रगर्भ

VAJRĪ VAJRA-GARBHE

**Phạ nhựt lăm bà phạ đồ**

वज्रभवतु

VAJRĀM BHAVATU

**Ma ma (tên ...)**

मम

MAMA

Tát phạ tát đát phạ nan tả ca dā vị thuật đệ

सर्वं सर्वानामका कया विसुद्धे

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA VIŚUDDHE

Tát phạ nghiệt đế bạt lệ thuật đệ

सर्वं गतिं परिसुद्धे

SARVA GATI PARIŚUDDHE

Tát phạ đát tha nghiệt đa tam ma thập phạ sa địa sắc sĩ đế

सर्वं तथगतं समं स्वसधिश्रितं

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIŚṬITE

Bột đà bột đà

बुद्धं बुद्धं

BUDDHA BUDDHA

Mạo đà dā mạo đà dā

बोदया बोदया

BODHAYA BODHAYA

Tam mãn đa bạt lệ thuật đệ

समं परिसुद्धे

SAMANTA PARIŚUDDHE

Tát phạ đát tha nghiệt đa địa sắc tra năng địa sắc sĩ đa

सर्वं तथगतं हृदयधिश्रितं

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIŚṬANA ADHIŚṬITA

Ma ha mẫu nại lê sa bà ha”

महा मुद्रीं स्वहा

MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ

Khi tụng chú, không lớn không nhỏ, không mau không chậm, một lòng quán Phật Tỳ Lô Giá Na rõ ràng, tụng chú 7 biến, xong xá ấn trên đánh, lấy xâu Bồ Đề an trong lòng bàn tay, tụng Gia Trì Niệm Chân Chơn ngôn:

“Úm, vĩ lô tả năng ma la, sa phạ ha”

ॐ ह्रीं वल्लभा स्वहा

OM\_ VAIROCANA MĀLA\_ SVĀHĀ

Tụng 7 biến xong đem để nơi đánh, tay trái để nơi ngực, tay phải lần hạt, sau mỗi chữ “sa phạ ha” (स्वहा\_ SVĀHĀ) lại lần một hạt, niệm tụng 108 lần, cho đến ngàn lần.

Lại đem châu đề trong lòng bàn tay, chấp tay lại đem đề trên đánh, phát các lời cầu nguyện, nguyện cho tất cả chúng sanh đều được như mình.

Sau lại kết Bốn Tôn Ấn, tụng 7 biến hoặc 3 biến.

Lại kết Kim Cang Ba La Mật Ấn

Lại kết Ngũ Cúng Đường Ấn cùng tụng Ngũ Cúng Đường Chân Ngôn để cúng dường như đã nói ở trước.

Lại kết Bất Động Tôn Ấn, tụng một biến, dùng Ấn xoay bên trái thành Giải Giới, bung đồ Ú Già dâng hiến cúng dường, kết Tam Muội Da Ấn để trên đánh phụng tống. Tụng Tam Muội Da Chú ba biến, không giải Ấn, tụng Kim Cang Giải Thoát Chân Ngôn:

“Úm, phạ nhựt ra mộ khát xoa, sam”

ॐ वज्र मुक्ता मुः

OM\_ VAJRA MUKṢA MUḤ

Phụng tống Chư Phật, Thánh chúng như trên. Lễ bái, phát lộ sám hối, tùy hỷ, khuyến thỉnh, phát nguyện hồi hướng xong ra khỏi Đạo tràng. Sau đó ở nơi thanh tịnh đọc tụng Kinh điển Đại Thừa, quán đệ nhất Nghĩa Đế, dùng phước này hồi hướng chỗ cầu xin giúp mau thành Tất Địa.

Nếu làm Pháp Tứ Tai, tạo Đàn tròn, mặt xây về hướng Bắc, tường các Thánh chúng màu trắng, các vật cúng dường trong Đàn đều màu trắng, mặc quần áo màu trắng, đốt Trâm Thủy Hương.

Nếu làm Pháp Tăng Trưởng, mặt xây về hướng Đông Bốn Tôn, vật cúng dường, tự thân y phục đều màu vàng, đốt Bạch Đàn Hương.

Nếu làm Pháp Hàng Phục, mặt xây về hướng Nam Bốn Tôn, vật cúng dường, y phục đều màu xanh, hoặc màu đen, thiêu An Tứ Hương.

Nếu làm Pháp Kính Ái, mặt xây về hướng Tây, tường Bốn Tôn màu đỏ, đồ ẩm thực cúng dường, y phục đều màu đỏ, đốt Tô Hợp Hương”.

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH  
PHÁP NGHI QUỶ NIỆM TỤNG  
\_Hết\_

Tiết Đông chí Bính Tý 1996\_ Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Hoàn chỉnh Phạm Văn vào ngày 27/12/2006\_ HUYỀN THANH



Mật Tạng Bộ 2 - No 973 (Tr368 →Tr.376)

## TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH TU DU GIÀ PHÁP NGHI QUỸ \_QUYỀN THƯỢNG\_

Phạn Hán dịch: Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY dịch  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

### Phẩm Tựa Thứ Nhất: TÔN THẮNG CHÂN NGÔN

Kính lạy hết thầy Bạt Già Phạm  
Cùng **Kim Cang Bộ** (Vajra-kula) ở phương Đông  
Hùng mạnh **A Súc** (Akṣobhya), **Kim Cang Tạng** (Vajra-garbha)  
**Bảo Sanh** Như Lai (Ratna-saṃbhava), **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)  
**Đạt Ma Câu Ra** (Dharma-kula: Pháp Bộ), **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)  
**Quán Tự Tại Vương** (Avalokiteśvara-rāja) mắt hoa sen  
**Tỳ Thủ Yết Ma** (Viśva-karma), **Đại Mâu Ni** (Mahā-muṇi)  
**Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi), **Tát Đồa Tôn** (Savtva-nātha)  
Bốn Ba La Mật, bốn Cúng Dường  
Tám Đại Phật Đảnh Chuyển Luân Vương  
Vì muốn tất cả người tu hành  
Mau thành Tôn Thắng Đại Tát Địa  
Ham thích **Không Tướng** nói Du Già  
Người cầu có tướng thì nói tướng  
**Có không** một Thể là **Đại Không**  
Do đó nay Ta nói tương ưng  
Chữ nghĩa quán rõ thật tướng trì  
Ba loại Bát Nhã đồng một thể  
**Thân Khẩu Ý** là ba Môn Mật  
**Ứng, Hóa, Pháp Thân** là Tam mật  
**Năm Luân** tức là năm Trí Luân  
**Ngũ Trí** tức là năm phần thân  
Năm Luân nhiếp hết năm Pháp Giới  
Ba Mật tức chính là ba Thân  
Do đó nay Ta lễ **Du Già** (Yoga)  
Du Già tức là **Đại Nhật Tôn** (Vairocana-nātha)  
Cho nên nay Ta tu Du Già  
Vì lợi Pháp Giới các Hàm Thức.

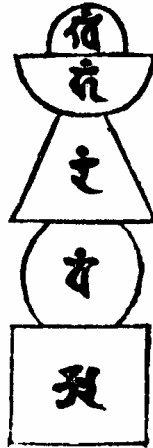
\_Nay Ta lược nói pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** trừ tất cả chướng, diệt tất cả các Thân nơi Địa Ngục, Bàng sanh, nên nghĩa **Tôn Thắng Phật Đảnh**. Do đó, Như Lai vì **Thiện Trụ Thiên Tử** nói trừ bảy lần làm thân súc sanh, tức là Pháp Du Già không đồng sự Pháp. Ở trong một niệm chứng vô chủ chuyển Năm Trí thành năm phần Pháp Thân, ngộ ba Mật là ba Thân. Khi mới phát Tâm thời có trăm sáu mươi thứ tâm, độ ba vô số kiếp tu hành, chứng **Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội Da**, tức là lúc mới phát tâm thời thành Chánh Giác.





chữ Noan ( ㊦ \_ VAM) là Thủy Đại  
 chữ A ( ㊦ \_ A) là Địa Đại.

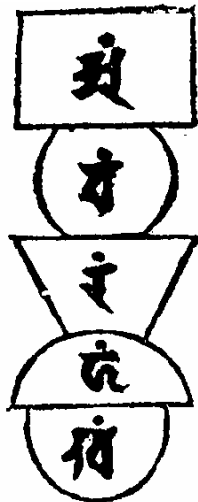
Kim Cương Luân ở dưới rốn, Đại Không Luân ở trên đỉnh, Phong Luân ở trên My (lông mày), Hỏa Luân trên trái tim, Thủy Luân ở trong rốn.



Năm Uẩn, bốn Đại thành Kim Cang Bát Hoại, năm Uẩn gọi là **Vô Lộ Trí Thân**, còn gọi **Vô Vi Mạn Đà La Địa**, do Mạn Đà La năm Luân gia trì. **Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không** năm Đại Hữu Vi thành năm Đại Vô Vi. Do đó, quán tướng Mạn Đà La Địa, trước khởi **Không** lần lượt đến **Phong**. (Quán ngược đồ hình ở dưới)

㊦ ㊦ ㊦ ㊦ ㊦

AM VAM RAM HAM KHAM



Dùng Tâm **Tịnh Pháp Giới** lúc trước đốt các uế ác ở trong **Địa Mạn Đà La** sau đó y trước sau an lập năm đại Luân, tức dùng Kết Giới, Hộ Thân, Tịch Trừ Quang Hiện, Tịnh Trừ Ba Nghiệp, Kiên Cố Tâm Bồ Đề ...v.v... sau đó lại nhập Kim Cang Tam Muội Da Chân Ngôn.

“**Úm, phạ nhật ra mãn đà, dát ra tra**”

㊦ ㊦ ㊦ ㊦ ㊦

OM\_ VAJRA-BANDHA \_ TRĀṬ

Kết như Ấn Kim Cang ở trên, nắm lại thành quyền an để nơi tâm. Khi để nơi tâm, từ từ mở tay ra, đây là kết Kim Cang Giới Ấn ba lần. Để nơi tâm xong, do Chân Ngôn và Ấn lực hay tịnh ba nghiệp, vững chắc Tâm Bồ Đề.

Lại ở chỗ trì tụng trừ các uế ác và các chướng.

Phàm khi dâng hương hoa, mật hương, đồ hương và các thứ cúng dường, trừ bỏ các uế ác, tăng trưởng sáng sủa. Tác Kim Cang Giới, kết các Phương Giới hộ thân và hộ chỗ ở như trên đã nói. Khi tu các việc đều nhất nhất tụng Chân Ngôn, tác Ấn gia trì mau được thành tựu không có các chướng nạn, nên dùng **Hàng Tam Thế Chân Ngôn** và Ấn gia trì hay thành biện các việc.

Hàng Tam Thế Chân Ngôn:

**“Úm, nịnh tam bà phạ nhựt ra, hồng”**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_NISUMBHA-VAJRA HŪM

Hàng Tam Thế Chân Ngôn, Thủ Ấn hay thành biện các việc vậy.

Hai tay nắm thành quyền, thẳng ngón Phong, co hai ngón Không (2 ngón cái) nhập vào lòng bàn tay, dùng các ngón Địa (ngón út), Thủy (ngón vô danh), Hỏa (ngón giữa) mà đè lên, dùng Định Ấn để nơi tim, Trí Ấn chạm xúc các vật và kết Địa Giới, bốn phương trên dưới. Xoay bên phải ba vòng tức thành Kết Giới.

### Phẩm Thứ Ba: TRIỆU THỈNH BỒN TÔN

Lại nữa, cần cảnh giác tất cả Chư Phật, tám Đại Bồ Tát, Phật Đảnh Luân Vương cùng Bốn Bộ Tôn từ trong Tam Muội nhìn ngó xem xét người tu Chân Ngôn, giảng đến Đạo Tràng.

Phát Sanh Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra, để sắc tra”**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_VAJRA TIṢṬA

Định Huệ (2 bàn tay) hai tay ngón Địa (2 ngón út) móc như cái khóa, ngón Không (ngón cái) nhập vào lòng bàn tay, dùng Thủy luân (ngón vô danh) và Hỏa luân (ngón giữa) đè Không luân (ngón cái), Phong phan (ngón trỏ) hướng tới dựa nhau, đưa chướng lên trên. Tụng Chân Ngôn, đem Ấn đưa từ dưới lên phát khởi Chư Tôn. Đây là Phát Sanh Ấn.

Lại thỉnh Bốn Tôn Ấn Chân Ngôn:

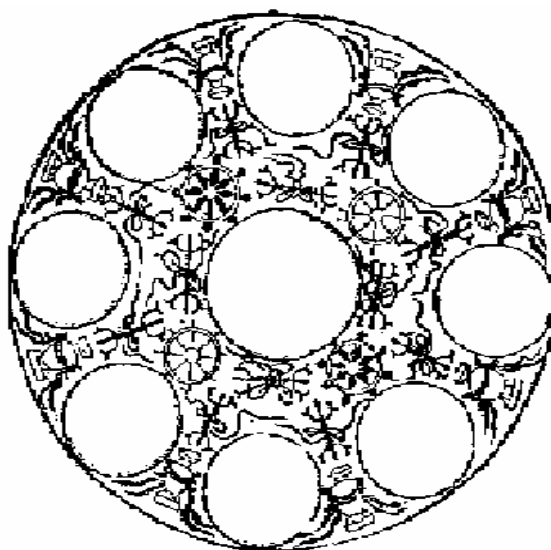
**“Úm, phạ nhựt ra, tam man nhạ, nhạ”**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_VAJRA SAMAMJA JAḤ (?OM\_VAJRA-SAMAJA JAḤ)

Hai tay xoa nhau làm thành Kim Cang quyền, không mở quyền, dùng Trí Phong Luân (ngón trỏ phải) phát Trí Đại Không (ngón cái phải). Tay Định (tay trái) cũng vậy, như vậy ba lần bật tức thành Phụng Thỉnh chư Tôn. Tâm tưởng Bốn Tôn ở tại Đàn trong lầu các. Tưởng trong lầu các có sen báu, trên quán vòng tròn có chính vòng (luân) Kim Cang giới đạo, ở trong mỗi vòng có các Bốn Tôn (mỗi số là mỗi luân). Trong vòng tròn lớn chia ra làm chín vòng tròn nhỏ, tám bình báu, mười hai chày Kim Cang, bốn bánh xe báu. Trên tám miệng bình đựng tám chày Kim Cang. Bốn bánh xe bốn mặt là bốn chày Kim Cang, cỗ bình và chày đều có dây cột nơi cổ, bố trí quanh vòng lớn mỗi tọa của chín vị Thánh (ở giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai đầu đội mũ báu

Ngũ Trí, ngồi trên tòa có bảy sư tử, kết già phu, kết Pháp Giới Ấn), còn các Chư Tôn nơi phàm Mạn Đà La có chỉ đầy đủ.



Nghinh Thỉnh Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra cu xá, nhạ”**

ॐ वज्रकुशले

OM\_VAJRA-AMKUSA JAḤ

Dùng Hàng Tam Thế Ấn, hai ngón Phong (2 ngón trỏ) làm như Cầu, động đập tức thành Phụng Thỉnh. Cầu xin giáng lâm. Thỉnh nhập vào chỗ Đạo Tràng niệm tụng.

Thỉnh Nhập Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra bạt xá, hồng”**

ॐ वज्रपाशे

OM\_VAJRA-PĀŚA HŪM

Kết Kim Cang Quyển, thẳng hai ngón Địa (2 ngón út), hai ngón Không (2 ngón cái) xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Phụng Thỉnh Nhập Tam Muội Da, y Thỉnh mà trụ.

Thỉnh Trụ Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra kiệnt tra, a”**

ॐ वज्रचक्राय

OM\_VAJRA-GHAMṬA AḤ

Kết Kim Cang Quyển, thẳng hai ngón Địa (2 ngón út), hai ngón Không (2 ngón cái) xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Thỉnh triệu cho đến hoan hỷ khiến kiên cố.

Kiên Cố Chân Ngôn:

**“Úm, tát ra phạ đát tha nghiệt đa, tì phổ địa, nại lạc mãn, phạ nhựt ra, để sắt tra”**

ॐ सर्वतथगतभिसम्बोधिद्रुधावज्रतिष्ठा

OM\_SARVA TATHĀGATA ABHISAMBODHI DRḌHA-VAJRA TIṢṬA

Trí Định (2 tay) chấp lại thật chặt.

Lại tưởng quán tây Bốn Tôn và tự thân.

Quán Đảnh Chân Ngôn:

“**Úm, phạ nhựt ra nhực, ca tra**”

ॐ वज्र उदाका ष्टा हूं

OM\_VAJRA-UDAKA ṬHA HŪM

Bàn tay Định, Thủy luân và Không luân dựa nhau, bốn ngón kia thẳng, bung bình nước tưởng tắm gọi Bốn Tôn, hoán tự thân nơi đảnh, dâng hiến Ú Già tướng quán Tôn Đảnh. Dùng Ấn này tụng Chân Ngôn 7 biến.

Phẩm Thứ Tư:

### TU DU GIÀ PHỤNG HIẾN HƯƠNG HOA

Lại hiến hương, hoa, ẩm thực, đèn sáng ...v...v... dùng Bốn Chân Ngôn gia trì, dâng hiến.

Dâng Thiêu Hương Chân Ngôn:

“**Úm, phạ nhựt ra độ tộ**”

ॐ वज्र दुप

OM\_VAJRA-DHUPE

Kết Kim Cang Quyền để trên lư hương, tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Hương báu chân thực tràn đầy khắp mười phương hư không Pháp Giới.

Hiến Hoa Chân Ngôn:

“**Úm, phạ nhựt ra phù sắc tộ**”

ॐ वज्र पुष्प

OM\_VAJRA-PUSPE

Kim Cang Chương gia trì, tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Hoa báu chân thật

Hiến Bảo Đẳng Chân ngôn:

“**Úm, phạ nhựt ra địa tộ**”

ॐ वज्र जल

OM\_VAJRA-ĀLOKE

Kết Kim Cang Quyền, thẳng hai ngón Không (2 ngón cái), để nơi tâm tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Đèn báu thành tràn khắp Pháp Giới.

Hiến Đồ Hương Chân Ngôn:

“**Úm, phạ nhựt ra nga độ**”

ॐ वज्र गन्ध

OM\_VAJRA-GANDHE

Hai tay úp lại, mở các ngón Không Trí (ngón cái Phải), đè ngón Không Định (ngón cái trái), tụng Chân Ngôn 7 biến.

Lại quy y Tam Bảo, phát lộ sám hối, tùy hỷ Công Đức, khuyến thỉnh, phát Tâm Bồ Đề, ngợi khen Phật Đức, phát nguyện cao cả.

\***Quy mạng Tam Bảo**: “Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng, quy y ba thân Vô Thượng của Như Lai. Quy y Phương Quảng Đại Thừa Pháp Tạng. Quy y tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát Tăng không thôi chuyển”. Nên cần quy mạng Tam Bảo như vậy.

\* Lại cần **phát lộ sám hối**. “Từ vô thủy cho đến hôm nay phiền não ngăn che, trôi lăn trong sanh tử, ba nghiệp tạo ra vô biên tội chướng. Ngày nay thành tâm sám hối tất cả”. Sám hối như vậy, khiến các tội tiêu diệt.

\* Lại **phát tâm Bồ Đề**: “Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng, nguyện phát Tâm Bồ Đề vô thượng. Thệ độ vô lượng các loài hữu tình, đều khiến xa lìa các khổ sanh tử. Hôm nay phát tâm xa lìa hai tướng **ngã pháp**, ngã pháp bình đẳng không có Tự Tánh”. Nên cần phát Tâm Bồ Đề như vậy. Dùng Chân Ngôn gia trì khiến Tâm Bồ Đề bền chắc không lui sụt.

Chân Ngôn rằng:

**“Úm, bồ địa chất đa mâu đất bạt đà, dạ nhị”**

ॐ बभ्रव इ सुभर यम

OM\_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

Kim Cang Hợp Chướng, tụng phát Tâm Bồ Đề Chân Ngôn 7 biến.

\* **Tùy hỷ Công Đức**: “Ba đời Như Lai và chư Bồ Tát vì chúng sanh tu vô lượng Công Đức, có tất cả các Công Đức, con đều tùy hỷ”.

\* **Khuyến thỉnh Thường trụ**: “Duy nguyện Chư Phật ở lâu nơi đời, y Du Đà Lý Thú, không trụ Niết Bàn”.

\* Lại **thỉnh Chuyển Đại Pháp Luân**: “Biển khắp 10 phương giới, phát các nguyện cao cả. Nguyện cho chúng sanh được nhiều tiền tài, của báu, thường ban phát Trí Huệ đầy đủ, thọ hưởng vui, kham nhẫn, làm đại thiện duyên, thường được Túc Mạng, Trí Huệ, nhớ niệm hữu tình. Nguyện cho chúng sanh sanh ra nơi nào, thường được các điều thù thắng như trên”.

\* Lại **vận tâm cúng dường**: Dùng tâm vận tưởng hết thấy các hoa đều đầy đủ, biển khắp hư không 10 phương giới. Dùng các món thượng diệu nơi cõi Trời như đồ hương, Thiêu hương, đăng minh, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, ca hát, trân châu, la võng, bảo linh, hoa man, bạch phát, như ý bảo thọ ...v...v... tối thắng thượng diệu cung điện, lầu các, cột báu trang nghiêm ở cõi Trời, áo mào, anh lạc ...v...v... Hành Giả vận tâm biển khắp Pháp Giới, dùng Tâm chí thành cúng dường. Đây là cúng dường trên hết. Do đó Hành giả phải có tTm quyết định hành Pháp này. Trì tụng Chân Ngôn và kết Thủ Ấn tưởng như trên, tức được thành tựu.

Vận Tâm Chân Ngôn:

**“Úm, tát bà tha, khiêm, ôn đất nghiệt đế, tát võng ra, hê ma am, nga nga năng kiếm, sa bà ha”**

ॐ स र्वथ व र्ग उ गते सुभर य म

OM\_SARVATHĀ KHAM\_UDGATE SPHARAṆA HĪMAM  
GAGANĀKAM\_SVĀHĀ

Tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành cúng dường khắp hết.

Hai tay Kim Cang Hợp Chướng để trên đánh, tụng Chân Ngôn 7 biến tức thành các món cúng dường đầy đủ.

Lại tụng Chân Ngôn và ấn thân 5 chỗ hộ thân.

**“Úm, chất đa, bát ra để phệ năng, ca lộ nhị”**



ॐ षड् वृत्तं कर्तव्यं

OM\_CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Tụng Chân Ngôn khiến trụ trong Tam Muội Da của tất cả Như Lai mau thành biện, tất cả Phật sự mau được thành tựu.

Phẩm Thứ Năm:  
TU DU GIÀ NGŨ TRÍ

Lại nữa, người tu Du Già trụ trong Tâm Bồ Đề mau vào quán Tâm Bồ Đề Trí.

Quán Bồ Đề Chân Ngôn:

**“Úm, Bồ địa chất đa mâu đất bá na, dạ nhị”**

ॐ वृत्तं कर्तव्यं

OM\_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

Đây là Bồ Đề Tâm Chân Ngôn, còn gọi là Đại Viên Cảnh Trí, mau khiến phát Tâm Bồ Đề, vừa mới phát Tâm thời thành Chánh Giác, tức là *ngĩa của Pháp Thân*.

Lại nói Bình Đẳng Tánh Trí Chân Ngôn:

**“Úm, để sắc tra, phạt chiết la”**

ॐ वृत्तं कर्तव्यं

OM\_TIṢṬA VAJRA

Tụng Chân Ngôn này mau khiến Tâm Tánh không tán loạn tức là *ngĩa của Ứng Thân*.

Lại nói Thành Sở Tác Trí Chân Ngôn:

**“Úm, duệ tha, tát ra phạt đất tha nghiệt đa, sa đa tha ngân”**

ॐ यथा सर्वा तथैवास्तथा

OM\_YATHA SARVA-TATHĀGATA STATHĀHAM

Lại nói Diệu Quan Sát Trí Chân Ngôn:

**“Úm, sa phạt bà phạt, truật độ ngân”**

ॐ स्वभावा सुद्धा

OM\_SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM

Đây là Diệu Quan Sát Trí, nghĩa là Ứng Thân, cũng là nghĩa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân*.

Lại nói Phương Tiện Cứu Cảnh Trí Chân Ngôn:

**“Úm, tát ra phạt mộ ngân”**

ॐ सर्वा समा

OM\_SARVA SAMA-UHAM

Đây là Phương Tiện Cứu Cảnh Trí, nghĩa của Hóa Thân, ở trong môn tu học dùng phương tiện làm cứu cánh, tức là nghĩa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân*. Trong Thai Tạng, an ở năm phương.

Ngũ Trí Chân Ngôn Ấn: Định Huệ hai tay xoa nhau bên ngoài, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón Hỏa (2 ngón giữa), hai ngón Địa (2 ngón út) hợp nhau, hai ngón Phong (2 ngón trỏ) co lại vịn lưng tiết trên hai ngón hỏa (2 ngón giữa) cách hai ba phân. Hai ngón Không (2 ngón cái) thẳng hình như chày Kim Cang năm chia, Ấn này

dùng cho Ngũ Trí. Sau lại dùng Đại Nhật Pháp Giới Ấn gia trì năm chỗ, tức thành đầy đủ 5 phần Pháp Thân, Vạn Đức Thân.

Pháp Giới Ấn: Hai tay kết Kim Cang quyền, tay Trí (tay phải) nắm ngón Phong (ngón trỏ) của tay Định, gia trì 5 chỗ, sau để nơi tâm. Thân ta tức là thân Tỳ Lô Giá Na, trên đầu có mao Ngũ Phật, tức là năm Đảnh Luân vương, đủ nghĩa Năm Trí.

Lại dùng Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Ấn gia trì năm chỗ.

Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Chân Ngôn:

**“Úm, độ rô hồng, hồng phẩn tra”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ TRŪM HŪM PHAT

Hai tay xoa nhau bên trong, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón giữa. Chân Ngôn Ấn này thông dụng cho tất cả việc, triệu thỉnh, phụng tống, kết giới, hộ thân.

Lại nói Căn Bản Ấn: Hai tay xoa nhau, bên ngoài chắp tay thành quyền, ngón Phong bên phải (ngón trỏ phải) co như câu, gia trì năm chỗ, tu Tăng Ích thì dùng ngón Phong bên trái (ngón trỏ trái) co như câu, làm Pháp Nhiếp triệu.

Lại trong Kinh nói: Hai tay chắp lại, ngón cái phải đè móng ngón cái trái, tu Tứ Tài thì dùng.

Khi làm Pháp Hàng phục, dùng ngón cái trái đè móng ngón cái phải.

Cầm râu chuôi trong lòng bàn tay để trên đảnh, để nơi tâm niệm tụng nhất nhất theo Bốn Pháp tương ưng, niệm tụng mau được thành tựu tất cả nguyện, trừ không chí tâm và làm các việc ác, khiến tự hại.

Phẩm Thứ Sáu:

TU DU GIÀ BỒN TÔN CHÂN NGÔN

Lại nữa, Ta nay lược nói Pháp tu Bốn Tôn Chân Ngôn. Mỗi tháng ngày rằm tự tụng hoặc nhờ tụng mãn một ngàn biến, hay trừ tất cả tai ương, tăng trưởng thọ mạng, Phước Đức; hoặc mỗi ngày ba thời quán Bốn Tôn nơi nguyệt luân, hoặc tưởng tự thân là Bốn Tôn nơi tâm nguyệt luân. Xoay vòng an bố Tôn Thắng Chân Ngôn như **Tự Luân hình** (chữ chạy theo vòng tròn). Khi trì tụng, tưởng màu sắc đều tương ưng, đều biến thành Mạn Đà La Thánh Chúng, tức tự thân là Tôn Thắng Phật Đảnh Pháp Giới Mạn Đà La.

BỒN TÔN TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHÂN NGÔN:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

1\_ NAMO BHAGAVATE

Nam mô bậc già bà đế

ॐ ॐ ॐ

2\_ TRAILOKYA

Đát-lê lộ ca gia

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

3\_ PRATIVISÍṢṬAYA

Bát-la để vĩ thủy sắt-tra gia

बुद्धय  
 4\_ BUDDHĀYA  
 Bọt đà gia  
 बुद्धय  
 5\_ BHAGAVATI  
 Bạc già bà đê  
 भगवत्य  
 6\_ TADYATHĀ  
 Đát điệt tha  
 उं  
 7\_ OM  
 Óm  
 ॐ ॐ ॐ ॐ  
 8\_ VISUDDHAYA VISUDDHAYA  
 Vi thú đà gia, vi thú đà gia  
 सम सम सम न  
 9\_ SAMA SAMA SAMANTA  
 Sa ma, sa ma, tam mãn đa  
 सम न  
 10\_ VABHĀSA  
 Phộc bá sa  
 वभस वभस न  
 11\_ SPHARAṆA GATI GAHĀNA  
 Tát-phả la na, nghiệt đê, già ha na  
 स्रव व्रत  
 12\_ SVABHAVA VISUDDHE  
 Tát phộc bà phộc, vĩ truật đê  
 स्वव व्रत  
 13\_ ABHIṢIMCA TVAMAM  
 A tỳ tru giả đồ ma-ám  
 अभिस व व न  
 14\_ SUGATA VARA VACANA  
 Tô nghiệt đa, phộc la, phộc giả na  
 सुगत व व न  
 15\_ AMṚTA ABHIṢAIKAI  
 A mê-lật đa, tỳ sái kế  
 अमृत व व न  
 16\_ ĀHARA ĀHARA  
 A ha la, a ha la  
 अह व व न  
 17\_ ĀYU SANDHĀRAṆI  
 A dụ, tán đà la ni  
 आयु संधारण  
 18\_ ŚODHAYA ŚODHAYA  
 Du đà gia, du đà gia  
 शुद्धय शुद्धय

- 19\_ GAGANA VIŚUDDHE  
Già già na, vĩ truật đề  
𑖀𑖄𑖔𑖒 𑖀𑖒𑖔𑖒 𑖀𑖔𑖒𑖔𑖒
- 20\_ UṢNĪṢA VIJAYA VIŚUDDHA  
Ô sất-ni sa, vĩ xā gia, vĩ truật đề  
𑖀𑖒𑖔𑖒 𑖀𑖔𑖒 𑖀𑖔𑖒𑖔𑖒
- 21\_ SAHASRĀ RĀŚMI SAṂSUDITE  
Sa ha sa-la, la thấp-di , tán chú địa đế  
𑖀𑖒 𑖒𑖔𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒𑖒
- 22\_ SARVA TATHĀGATĀVARUKANI  
Tát bà đát tha nghiệt đa, phộc lô yết nễ  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒
- 23\_ ṢAṬ-PARAMITA PARIPŪRAṆI  
Sa tra-ba la mật đa, ba lị bố la ni  
𑖀𑖒 𑖒𑖔𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒𑖒
- 24\_ SARVA TATHĀGATA-HRDAYA  
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt-lị đà gia  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒
- 25\_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA  
Địa sất-tra na, địa sất-xỉ đa  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒
- 26\_ MAHĀ-MUDRE  
Ma ha mẫu điệt-lê  
𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒
- 27\_ VAJRA-KĀYA  
Phộc chiết-la, ca gia  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖀𑖔𑖒𑖒
- 28\_ SAṂHĀTANA VIŚUDDHE  
Tăng ha đát na, vĩ truật đề  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒
- 29\_ SARVĀVARAṆA BHAYA DURGATI PARISUDDHE  
Tát bà phộc la noa, bà gia, đột lậ-yết đề, ba lị truật đề  
𑖀𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒𑖒
- 30\_ PRATINI VARTTAYA  
Bát-la đề nễ, phộc lị-đa gia  
𑖀𑖒𑖒𑖒 𑖀𑖔𑖒𑖒
- 31\_ AYUḤ ŚUDDHE  
A dụ, truật đề  
𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒𑖒
- 32\_ SAMAYA ADHIṢṬITE  
Tam ma gia, địa sất-xỉ đế  
𑖀𑖒𑖒 𑖀𑖒𑖒 𑖀𑖒𑖒𑖒𑖒
- 33\_ MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
Ma nễ, ma nễ, ma ha ma nễ  
𑖒𑖒𑖒𑖒 𑖒𑖒𑖒𑖒
- 34\_ TATHĀTA BHŪTA



बुद्ध बुद्ध

49\_ BUDDHYA BUDDHYA

**Bột diệt gia, bột diệt gia**

बुद्ध बुद्ध

50\_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

**Vi bộ đà gia, vi bộ đà gia**

विभु विभु

51\_ SAMANTA PARISUDDHE

**Tam mạn đà, ba li truat đề**

समन्तपारिसुद्धे

52\_ SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt-li đà gia**

सर्वतथागतहृदये

53\_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

**Địa sắt-tra na, địa sắt-xỉ đa**

अधिष्ठान अधिष्ठित

54\_ MAHĀ-MUDRE

**Ma ha mẫu diệt-lê**

महामुद्रे

55\_ SVĀHĀ

**Sa-phộc ha**

*(Bôn Đà La Ni này Trung Thiên Trúc THIÊN VÔ ÚY đem qua Trung Quốc, sau lại có Ngài PHẬT ĐÀ BA LỢI lưu truyền, các bản đều thiếu. Đây là bản lưu truyền đầy đủ)*

Niêm tụng tùy ý theo hơi thở hoặc tưởng an Bôn tôn nơi **tâm nguyệt luân** (vành trăng ở trái tim), nơi tự thân từ từ rộng lớn biến khắp Pháp giới. Dùng các chữ Chân Ngôn bố trí xung quanh nguyệt luân, tức phát nguyện rộng rãi hồi hướng cho tất cả Hữu tình, đem các thiện nghiệp ban cho chúng sanh khiến xa lìa các khổ Địa Ngục ...v...v... tùy hỷ các việc, nhất y như trên, sau đó tụng Chân Ngôn cầu các Thắng Nguyện đều được đầy đủ. Nguyện Hồi Hướng Chân Ngôn rằng:

**“Úm, tát ra phạ cu xá ra, mộ ra ninh, bát ra ninh độ dạ nhị, tát ra phạ cu xá ra, mộ la, tam ma đa, bát ra bán đá, đạt ra măn đa, sa phạ bà phạ, tát địa dạ, ra nga năng đa duệ”**

Trì tụng Chân Ngôn xong, lại tưởng tiền đưa Bôn Tôn, giải Kim Cang Giới. Lại dùng Chơn Ngôn giải Giới:

**“Úm, phạt chiết ra, mộ khát sa, mộ”**

ॐ वज्रमुक्ता मुः

OM\_ VAJRA-MUKṢA MUḤ

Hai tay xoa nhau thành Kim Cang Quyển, đề lên đánh đây là giải tất cả các kết giới, cũng hay tiền đưa Bôn Tôn.

Từ đây về sau là các việc họa tượng, Hộ Ma, các Pháp sự.

•*Pháp thứ nhất:* Nếu người muốn được sống lâu không bị đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, A Tu La ...v...v... và tiêu trừ các tội nghiệp, mỗi thời chí tâm tụng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm Từ Bi thương xót hết thảy chúng sanh, tức được tiêu trừ các tội chướng trong các đường ác.

• *Pháp thứ hai:* Nếu có các loại La Sát, quỷ thần vào trong nước làm não hại chúng sanh, xưng “**Nam mô Phật**”, chí tâm tụng Đà La Ni này 108 biến, các tai nạn trên đều được tiêu trừ.

• *Pháp thứ ba:* Nếu có người không tin, chế tâm một chỗ, chuyên tâm làm Pháp này, tức được đại nghiệm khiến kẻ kia khởi lòng tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm, tức có gió lớn thổi vào thân, trên thân có các ác nạn và đen xấu được gió kia thổi đến, thấy đều tiêu diệt.

• *Pháp thứ tư:* Nếu muốn làm Đại Tự Tại, trong 7 ngày đối bốn phương, mỗi phương tụng 108 biến, dùng 7 thứ hoa đắp thành hình người để ở 4 phương, tức được thành tựu các nguyện.

• *Pháp thứ năm:* Nếu muốn tiêu trừ các tội chướng nơi thân, tức ở 4 chân cửa thành làm Pháp như trên.

• *Pháp thứ sáu:* Nếu người muốn tiêu diệt các tội nặng trong đời trước, ở nơi ngã tư đường tụng chú.

• *Pháp thứ bảy:* Nếu người muốn tiêu các tội lỗi của chúng sanh, ở trước tháp Phật làm Pháp trên.

• *Pháp thứ tám:* Nếu người muốn cứu các tội khổ chúng sanh nơi Địa Ngục, mỗi ngày kết Phật Đảnh Ấn, tụng 21 biến, hướng bốn phương xả Ấn tức được.

• *Pháp thứ chín:* Nếu người muốn cho Nga quỷ được uống nước, lấy nước sạch gia trì 21 biến, tán rải bốn phương, trong tâm tưởng các loài Nga quỷ đều được uống nước đầy đủ.

• *Pháp thứ mười:* Nếu người muốn cứu các tội khổ của loài súc sanh, lấy đất vàng sạch gia trì 21 biến, rải trên thân súc sanh, và rải 4 phương, các tội khổ tức được tiêu trừ.

• *Pháp thứ mười một:* Nếu người muốn cứu tội khổ của loài người, Trời, đọa lạc vào các chỗ khủng bố, lấy các thứ hoa đủ màu gia trì 21 biến vào 5 thứ nước nóng thơm, tắm rửa Phật và rải trên đảnh Phật, các nạn tức tiêu trừ.

• *Pháp thứ mười ba:* Nếu Sa môn, Bà La Môn, Tỳ xá, Thủ Đà 4 chúng muốn được phước báo đầy đủ, mỗi ngày phật nguyện, sám hối, tụng chú 7 biến, đem công đức hồi thí cho tất cả chúng sanh, làm Pháp này tức được như nguyện.

• *Pháp thứ mười bốn:* Nếu người muốn tiêu trừ nghiệp chướng cho tất cả chúng sanh, dùng lụa 5 màu làm các phất, gia trì chú nơi phất để phất tượng và kinh, thường làm Pháp này khiến tội nghiệp chúng sanh được tiêu trừ.

• *Pháp thứ mười lăm:* Nếu bị khẩu thiệt, lấy mật đựng trong đồ sạch, dùng châu sa hòa mật, gia trì 21 biến, đem bôi nơi miệng Phật tượng, khẩu thiệt tức tiêu trừ.

• *Pháp thứ mười sáu:* Nếu người bị bệnh nằm liệt giường, hoặc muốn được chúng sanh ái trọng, hoặc muốn cứu các việc Thế gian, Xuất Thế gian, tâm chưa quyết định, bị Quỷ thần làm não loạn sanh ra vọng tưởng điên đảo, dùng trăm tám miếng vàng lá, gia trì Chân Ngôn 21 biến, đem dán nơi đảnh tượng Phật, làm hình châu Ma ni các việc, tức được tiêu trừ, cầu gì đều được.

• *Pháp thứ mười bảy:* Nếu ở trong nước bị Quỷ làm bệnh, các bệnh thời khí tất dịch, nơi trên bốn cửa thành dùng vải xanh viết Chân Ngôn, dùng gỗ Bạch Đàn hương làm một cái tráp đựng, dùng sáp gắn lại đem treo 4 cửa thành, dùng lọng năm màu che trên, tất cả Quỷ Thần, tật bệnh đều tiêu trừ.

• *Pháp thứ mười tám:* Nếu trong nước năm thứ lúa bị mất mùa, mưa gió không đều, dùng lụa trắng làm cái phướng viết Chân Ngôn trên đó và vẽ Phật Đảnh Ấn treo cao trăm tám thước ở hướng chánh Nam, tức được mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, nhân dân an lạc, Rồng ác chuyên tâm, vua A Tu La không làm chướng ngại.

• *Pháp thứ mười chín:* Nếu mưa lớn không dứt dùng lụa vẽ Chân Ngôn 21 tấm, treo hướng chánh Nam của đất nước, mưa tức dừng.

• *Pháp thứ hai mươi:* Nếu trong nước có giặc giã, dùng vải xanh viết Chân Ngôn 21 bức, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiện Trụ**, hao tay cầm cung tên, đem treo ở hướng chánh Đông, ác giặc tự nhiên tan rã.

• *Pháp thứ hai mươi mốt:* Nếu quốc vương sắp bị các tai nạn, nên dùng các vật tạo trăm tám cái tháp Phật, dùng lá vàng bạc dán và viết Chân Ngôn trong **tướng luân** (tháp), đem để trong tháp, tức được tiêu trừ các tai họa, tăng các phước đức.

• *Pháp thứ hai mươi hai:* Nếu kẻ giàu người nghèo muốn hộ mình, hộ người, cầu tài bảo xứng ý, nên khởi lòng lành, không tán loạn, mỗi ngày mỗi thời trước Phật kết ấn tụng chú 7 biến, nhìn ngắm mặt tượng, mắt không nháy, làm Pháp này tức được phước đức tăng trưởng, sống lâu không đọa ác đạo.

• *Pháp thứ hai mươi ba:* Nếu có người nữ muốn cầu con trai, con gái, trong trăm ngày đem các đồ ăn uống ngon ngọt thí cho kẻ nghèo, kẻ bệnh, lúc cho miệng tụng Chân Ngôn không ngắt, làm Pháp như vậy tức được sanh con trai, con gái phước đức.

• *Pháp thứ hai bốn:* Nếu vợ chồng không hòa thuận, lấy vải gia trì Chân Ngôn 21 biến, đem may áo cho vợ chồng mặc, tức được hòa thuận.

• *Pháp thứ hai lăm:* Nếu người nữ không có chồng, lấy muối sạch không kê nhiều ít gia trì 21 biến, đem cúng Hiền Tăng, tức được.

• *Pháp thứ hai sáu:* Nếu có ngoại đạo, quốc vương, vương tử, đại thần, trăm quan không tin Phật Pháp, lấy sữa ba con bò vàng không tật bệnh, tụng Chân Ngôn gia trì nước 21 biến, cho bò uống. Mặt trời vừa mọc đem sữa đựng trong đồ bằng bạc gia trì 21 biến, đem tán rải nơi đất sạch bốn phương. Người cầm sữa này phải mặc đồ trắng, miệng nói: **“Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Thiên Đế Thích nay có việc cần phải làm đở”**. Sau đó vào thành, quốc vương, vương tử, bá quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp, thấy Hành Giả đều vô cùng hoan hỷ, nói gì đều tin theo, được lòng tin không thay đổi.

• *Pháp thứ hai bảy:* Nếu nơi chỗ ở có các ác quỷ thần, ác độc long ...v...v... Hành giả muốn hàng phục, dùng sữa bò gia trì 21 biến, đem rải trong ao có rồng, rồng tức hiện lại, Hành giả bảo rằng: **“Người không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này”**, tức an trí rồng ở một chỗ. Nếu không lại và không ngừng việc ác, tức tụng Chân Ngôn gia trì cát 21 biến rải nơi ao, ao tức cạn khô. Hành Giả đem Rồng đi an trí nơi khác. Nếu là Quỷ Thần ác, Hành Giả gia trì đồ ăn uống 21 biến, thí cho họ và bảo rằng: **“Nếu các người không làm tổn hại chúng sanh thì được ở, nếu trái lại tức phải đi nơi khác”**. Nếu Quỷ Thần không chịu liền dùng cây sắt dài 12 chi, gia trì 21 biến, đóng nơi đất, Quỷ Thần ác liền bỏ chạy, Hành Giả an trí Quỷ Thần ở một chỗ, không cho đi đâu.

• *Pháp thứ hai tám:* Hành Giả mỗi khi muốn đi đâu, làm một cái phất trắng gia trì trăm tám biến, cầm nơi tay mà đi. Nếu gặp các loài Súc sanh, dùng phất phủi một cái, các loài đó được xa lìa các khổ, ác nghiệp được giải thoát.

• *Pháp thứ hai chín:* Nếu muốn cho tiên vong xa lìa khổ được giải thoát, Hành Giả ngồi nơi rừng Thi Đà 7 ngày, ngày ba thời tụng Chân Ngôn nhiều ít. Mãn 7 ngày xong, lấy đất nơi chỗ ngồi mà rải, các vong tức xa lìa các khổ, được giải thoát, sanh lên cõi Trời, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

• *Pháp thứ ba mươi:* Nếu có người làm ăn buôn bán ế ẩm, cầu gì không được. Hành giả kết Ấn tụng Chú 21 biến, an trí hình tượng Thiện Trụ nơi bí mật cúng dường, tức được thành tựu việc cầu.



• *Pháp thứ ba một*: Nếu có người đi vào trong rừng núi muốn phòng hồ lang, sư tử, độc xà thú, trước khi vào ở nơi cửa núi tụng chú 21 biến, gia trì nơi đất vàng 7 biến, ngâm nơi miệng thổi ào trong núi rừng, bảo rằng: **“Tất cả các loài, độc dữ trong núi đều tiêu, đất này là của ta, nếu y theo ta thì được ở, nếu không vâng lệnh ta thì mau đi chỗ khác, nếu không đi miệng bị cấm bế mở ra không được”**. Hành Giả thấy hồ lang, sư tử, các cầm thú không há miệng được tức bảo đi. Nếu không đi, Hành Giả thấy chúng mở miệng ra tức hội chúng lại một chỗ, dùng tay phải xoa nơi đầu chúng gia trì 21 biến bảo rằng: **“Ta khiến các người được mở miệng, đi ra và giữ gìn vùng đất này, không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này”**. Hành Giả đuổi chúng xong. Hành giả ở trong núi chừng hai tháng, không được đi nơi đây đó và ở lâu, khiến các cầm thú không được an ổn.

• *Pháp thứ ba hai*: Nếu trong núi có các Quỷ Thần, Rồng không muốn cho Hành Giả ở ẩn trong núi, Hành Giả biết vậy tức y theo Pháp phân chia bảo rằng: **“Ta muốn ở chỗ này, cần các người đồng ý, nếu như không bằng lòng cho ta cùng ở, các người phải đi ra khỏi ba trăm do tuần. Nếu không chịu nghe theo, ta sẽ cấm các người không biết Đông Tây ở mãi một chỗ”**. Liên dùng cây sắt dài 12 chỉ, gia trì trăm tám biến, thì các loại kia liền đi khỏi trăm do tuần an ở.

• *Pháp thứ ba ba*: Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cấm chế, cột trời khiến trong nước không mưa, Hành Giả ở nơi có Rồng, làm một **tiểu đàn** dùng cây dâu làm tám cái then để giữa đàn, để ba chén sữa, lạc để trên đàn. Gia trì sữa lạc và then trăm tám biến, đem theo đóng bốn phương tám hướng của ao Rồng, dùng bơ lạc rải xuống ao, lại lấy vàng lá gia trì dán lên lá sen trong ao bảo rằng: **“Thiện Tri Thức bị ách nạn, Ngoại Đạo cột trời, nay ta làm Pháp này dùng Đà La Ni giúp người được thoát, khiến cho Pháp và Chân Ngôn trôi theo nước”**. Hành Giả thổi ba hơi thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo tức bị tiêu, Rồng được giải thoát các nạn, hiện lại cúng dường Hành Giả thưa rằng: **“Ngài cần bảo việc gì?”**. Hành Giả đáp: **“Ông nên theo thời tiết làm mưa, đem Đà La Ni an trí nơi đánh, từ đây về sau ông không còn bị nạn nữa”**.

• *Pháp thứ ba bốn*: Nếu như có mưa lụt lớn làm tổn hại người, tụng Chân ngôn gia trì trong nước 21 biến, đem đổ nơi nước lụt, tức không hại người.

## Phẩm Thứ Sáu: TU DU HỌA TƯỢNG

Nay Ta lại nói tu Du Già, **Hữu Tướng Vô Tướng** mau thành Tất Địa, chỉ có khác trong ngoài thôi. Tướng Pháp bên ngoài là trước cần vẽ tượng, chọn lựa ngày tháng tốt, buổi sáng bắt đầu vẽ, tháng tốt là tháng giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, mười hai, đây là các tháng tốt. Ngày tốt là: ngày nhật nguyệt thực, ngày động đất, ngày Quỷ Tú, đây là những ngày tốt nhất; hoặc ngày rằm, ngày hai ba. Chọn ngày tháng xong, kê thợ vẽ tám gôi, thợ Tam Muội Da giới, hoặc thợ Pháp Quán Đảnh, mỗi khi ra vào cần tắm rửa thay quần áo, ăn ba món Bạch thực, không ăn các món uế ác, không trả giá cả, dùng vải lụa trắng mà vẽ như trong Pháp họa tượng, y theo đồ tượng, lớn nhỏ tùy ý.

Nơi trung tâm vẽ vòng tròn lớn màu trắng, vòng tròn lớn chia ra làm chín vòng nhỏ, một vòng ở giữa, tám vòng tám hướng, tám hướng có tám bình báu, trong miệng bình để các hoa thơm, trên đế chày Kim Cang ba chia, bốn góc nơi vòng tròn ở giữa để bốn Bảo luân (bánh xe báu), nơi trên đế chày Kim Cang đứng. Cỗ bình và chày đều cột các dây lụa để thòng xuống.

Nơi vòng tròn ở giữa vẽ Phật **Tỳ Lô Giá Na**, đầu đội mao Ngũ Phật, có các hoa báu, ngai kết già phu trên toà, có bảy sư tử, tay kết Pháp Giới Ấn.

Trong vòng tròn bên trái vẽ **Bạch Tán Cái Phật Đảnh Luân Vương**, đầu đội mao ngũ Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để bạch tán cái (cái lọng trắng), tay phải đưa lên, ngai bán già, quanh thân có hào quang năm màu.

Vòng tròn bên phải vẽ **Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương** đầu đội mao Ngũ Trí, các món trang nghiêm, quanh thân hào quang đủ màu bao bọc, tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có bánh xe báu tám cãm, tay trái dơ lên, ngai kết già phu trên toà sen.

Chỗ vòng tròn phía trước, vẽ **Tôn Thắng Phật Đảnh** còn gọi là **Trừ Chương Phật Đảnh Luân Vương** ngai kết già phu trên đài sen, thân màu da thịt (bạch nhục) trắng, hai tay để dưới rún như đang nhập định, tay bung hoa sen có Kim Cang Câu như luân vương, Ở trên đầu đội mao Ngũ Trí, các món trang nghiêm đều như vậy, thấy đều ngai trên hoa sen trắng.

Vòng tròn phía sau Đức Tỳ Lô vẽ **Phóng Quang Phật Đảnh**, còn gọi là **Quang Tự Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen hình Phật Đảnh ấn, trên đảnh phóng quang, đầu đội mao năm trí báu quang minh, trang nghiêm như trên, tay phải dơ bàn tay lên.

Bên trái của Tôn Thắng Phật Đảnh, trong vòng tròn vẽ **Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm đao, tay phải giơ bàn tay lên, áo mao, trang sức như các vị trên.

Trong vòng tròn bên phải Tôn Thắng Phật Đảnh vẽ **Quảng Sanh Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm chày Kim Cang, tay phải đưa bàn tay lên, áo mao trang sức ...v...v... đều như trên.

Vòng tròn bên phải Quang Tự Phật Đảnh vẽ **Vô Biên Thanh Phật Đảnh Vương**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có Thương khư (ốc tù và) tay trái đưa bàn tay lên mao, trang nghiêm ...v...v... như trên.

Vòng bên trái Quang Tự Phật Đảnh vẽ **Phát Sanh Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm hoa sen nở, tay phải để nơi gối phải, hào quang áo mao trang nghiêm y trên, các Vị đều có mặt mày từ bi.

Phía dưới, bên trái vẽ **Hàng Tam Thế** trong nửa vòng tròn, đứng một chân như đang chạy, thân màu xanh có nanh nhe ra nơi miệng, có bốn tay, hai tay kết Tam Muội Da ấn, một tay kết Tâm ấn, một tay cầm chày Kim Cang.

Bên phải trong hình tam giác màu lửa cháy, vẽ **Bất Động** ngai bán già trên cục đá, trợn một mắt, một mắt liếc về phía trái, tóc màu đỏ thông một búi ở bên trái, thân như đồng tử, một tay cầm kiếm, một tay cầm quyển sách.

Ở giữa hai Minh Vương vẽ **Hành Giả**, trước mặt để lư hương, trên tượng vẽ lọng báu, hai bên vẽ 6 vị Trời Thủ Đà Hội cõi mây hiện ra nửa thân, bung hương, hoa, nhất nhất y như trên.

Hoặc như quán tướng ở ngoài Hành Giả, tướng thân mình là Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na biến khắp Pháp giới đồng một thể tướng không khác.

Nay Ta lược nói Pháp quán tướng và họa tượng xong.

\_Phàm người muốn làm Pháp thọ trì Thần chú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, trước cần họa tượng.

**Pháp họa tượng:** Dùng lụa tốt màu trắng cao một trượng, màu sắc vẽ không được dùng keo da mà dùng các chất keo thơm sách, họa sĩ phải thanh tịnh không ăn mặn, ngũ tân (thịt cá, các thứ cay hôi). Ngày mùng một bắt đầu, trong 7 ngày phải vẽ xong. Trước vẽ núi Cam Lộ, trong núi có cây cối, hoa quả, chim thú, sông suối, trong có hang Thiên định, trong hang vẽ Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngai kết già phu, bên phải



སོད་པ་ཨེ  
 ŚODDHAYA ŚODDHAYA  
 གགཱའ་ འུ་ཨེ  
 GAGANA VIŚUDDHE  
 འུ་ཨེ འུ་ཨེ འུ་ཨེ  
 UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
 སུ་ཨེ འུ་ཨེ སུ་ཨེ  
 SAHASRA RAŚMI SAṂSUDITE  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA TATHĀGATĀVARUKAṆI  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 ṢAṬ-PĀRAMITA PARIPŪRAṆI  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬINA ADHIṢṬITA  
 སུ་ཨེ  
 MAHĀ-MUDRA  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 VAJRA-KĀYA SAṂHĀTANA VIŚUDDHE  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA AVARAṆA BHAYA DRARGATI PARIVIŚUDDHE  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 PRATINI VARTTAYA  
 སུ་ཨེ  
 AYUH ŚUDDHE  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SAMĀYA ADHIṢṬITE  
 སུ་ཨེ སུ་ཨེ སུ་ཨེ  
 MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 TATHĀTA-BHŪTA KOṬI PARIŚUDDHE  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 VISPHOṬA BODHI ŚUDDHE  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 JAYA JAYA\_ VIJAYA VIJAYA  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SMARA SMARA  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 VAJRĪ BHAVATU MAMA  
 གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 ŚARARAṂ SARVA-SATVĀNĀṂCA-KĀYA PARIVIŚUDDHE  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA GATI PARIVIŚUDDHE  
 སུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ གུ་ཨེ  
 SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMĀ ŚAVASA YAṂTU

सर्वं तथगतं समं स्वसंलक्षणं

SARVA TATHĀGATA-SAMĀ ŚVASA ADHIṢṬITE

बुद्ध्या बुद्ध्या \_ विबुद्ध्या विबुद्ध्या

BUDDHYA BUDDHYA \_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

बोधया बोधया \_ विबोधया विबोधया

BODHAYA BODHAYA \_ VIBODHAYA VIBODHAYA

समं परं सुद्धे

SAMANTA PARA'SUDDHE

सर्वं तथगतं हृदयलक्षणं लक्षणं

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

महामुद्रं

MAHĀ-MUDRE

स्वाहा

SVĀHĀ

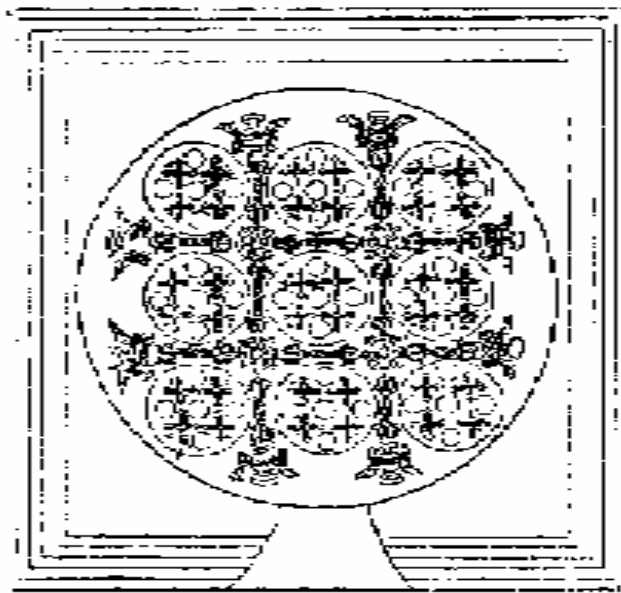
## TÔN THẮNG PHẬT ĐÁNH CHÂN NGÔN DU GIÀ PHÁP \_QUYÊN HẠ\_

Phạn Hán dịch: Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

### Phẩm Thứ Tám: ĐẠI QUÁN ĐÁNH MẠN ĐÀ LA

Nay Ta lại nói Quán Mạn Đà La và các Thánh Chúng, tịnh cùng không tịnh, cần phát Tâm Bồ Đề, làm tịnh trong ngoài như nhau, không cần chọn lựa ngày giờ. Nếu chọn lựa thanh tịnh nhất nhất phải y theo trong ngoài như đã nói ở trên. ngày, tháng, thời tiết, đất đai sạch sẽ, Phật đường, chùa chiền, chôn Lan Nhã Già Lam, núi rừng, cây cối phải y theo bốn loại Mạn Đà La: vuông, tròn, ba góc, bán nguyệt và các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Mỗi mỗi đều y theo phương hướng mà làm Mạn Đà La.

Nay lược từ trong **Kim Cang Đảnh Đại Tỳ Lô Giá Na Kinh** và mười quyển giải thích: **Tô Bà Hô, Tô Tất Địa, Như Ý Luân, Thất Cu Chi, Ma Hê Thủ La, Bất Không Quyển Sách**, các Kinh theo nghi thức làm Đàn chọn Pháp có 3 loại, chỉ có màu sắc là khác như sau



Trước tướng năm luân (vòng tròn) như đã nói và tịnh Pháp xong. Sau đó, nếu vẽ Mạn Đà La và tượng, kiết giới, phụng thỉnh, cúng dường ...v...v... đều dùng Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Chân Ngôn và Ấn Khế, Nan Thắng Phần Nộ Minh Vương Chân Ngôn và Khế. Tịch trừ hộ thân, sau đó bắt đầu làm các Pháp sự, hòa các màu sắc đều dùng hai Chú Ấn trên.

Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Chân Ngôn:

“Úm, độ rô hồng, hồng, phẩn tra”

唵 度 囉 紅 紅 盼 拏

↪ OM TRUM HUM PHAT



tại sao 7 lần sanh làm súc sanh ...v...v... Như vậy thừa thình xong. Khi ấy Thế Tôn từ bi thương xót liền vào Trừ Chướng Tam Ma Địa, từ trên đánh Như Lai phát ra **Nhạ Đa Tam Ma Địa**, tướng như Luân Vương màu trắng đầu đội mào báu Ngũ Phật, tay cầm Kim Tỏa Cầu, nơi ót chiếu hào quang quanh thân tròn như bánh xe. Khi hiện Tam Ma Địa này, 10 phương Thế Giới 6 lần chấn động, 10 phương Thế giới tất cả Địa Ngục, sáu đường chúng sanh đọa nơi ác đạo, thấy đều trừ diệt các nghiệp ác, không còn thọ lại nữa, đều được sanh về cõi Trời và 10 Tịnh độ, do Thiện Trụ Thiên Tử tiêu trừ 7 lần phải sanh vào ác đạo nên gọi là Trừ Chướng Phật Đánh Luân Vương, tức là thứ nhất trong năm Phật Đánh Luân Vương, và ba Phật Đánh tám Đại Luân Vương vậy.

Hai bên trái, phải của Phật, vẽ Bồ Tát Di Lạc tay cầm Pháp Giới Ấn, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi tay cầm hoa sen xanh. Các Vị đều kết Bồn Ấn, một tay cầm phật và đều hướng về phía Phật.

Lại hai bên phải trái của Phật vẽ Như Lai Hào Tướng, Như Lai Tâm, Như Lai Thiệt Tướng, Như Lai Nhân, Như Lai Ty, Như Lai Nha, Như Lai Nhĩ, Như Lai Thân, Như Lai Yêu, Như Lai Sóc, Như Lai Vô Úy, Như Lai Mã Âm Tàng, Như Lai My, Như Lai Khẩu, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Vương, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Phi.

Bốn góc viện có: Hương Ba La Mật Tam Muội Da, Bảo Ba La Mật Tam Muội Da, Hoa Ba La Mật Tam Muội Da, Đồ Hương Ba La Mật Tam Muội Da, đối nhau ở trong vòng tròn, ngoài ra Như Lai Hào Tướng ...v...v... thấy đều cầm Bồn Ấn Khế, các thứ trang nghiêm, ngồi kiết già.

Bốn mặt vẽ 10 phương Chư Phật và Bồ Tát, bốn Đại A La hán, bốn Phật Bích Chi chia ở 4 góc mặt

Ở giữa mặt phía Bắc vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên vẽ Liên Hoa Bộ nội quyền thuộc, Bồ Tát Đắc Đại Thế ...v...v... Bồ Tát Bạch Xứ Tôn Quán Tự Tại, Bồ Tát Thất Cu Chi Quán Tự Tại, Bồ Tát Bất Không Quyền Sách Quán Tự Tại, Bồ Tát Đa La Quán Tự Tại, Bồ Tát Như Ý Luân Quán Tự Tại, Bồ Tát Thương Ly Quán Tự Tại, Bồ Tát Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Thủy Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Mã Đầu Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Liên Hoa Quân Trà Lợi Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Nhất Kế Minh Vương Quán Tự Tại, các vị Thánh giả đều chấp bồn khế và trang nghiêm đầy đủ, ngồi bán già trên tòa sen.

Lại ở giữa mặt phía Nam, vẽ Bồ Tát Chấp Kim Cang Vương Bí Mật Chủ, tay cầm chày Kim Cang, ngồi Kiết Già Phu. Hai bên vẽ Kim Cang Bộ Nội Thánh Chúng, an trí thứ lớp: Bồ Tát Kim Cang Mẫu, Bồ Tát Kim Cang Quyền, Bồ Tát Kim Cang Tỏa, Bồ Tát Kim Cang Nhân, Bồ Tát Kim Cang Phần Nộ, Bồ Tát Kim Cang Sách, Bồ Tát Kim Cang Quân trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang Tiểu, Bồ Tát Kim Cang Hỏa, Bồ Tát Kim Cang Đạt, Bồ Tát Kim Cang Hi, Bồ Tát Kim Cang Bồn, Bồ Tát Kim Cang Tâm, Bồ Tát Kim Cang Tô Bà Hô, Bồ Tát Kim Cang Đồng Tử, Bồ Tát Kim Cang Xích Thân, Bồ Tát Kim Cang Thanh Diện, các vị Kim Cang Bồ Tát đều cầm chày Kim Cang, Luân, quyền sách, gậy, lời tói, bồn ấn khế ngồi bán già, quanh thân lửa cháy rực rỡ, anh lạc trang nghiêm nơi thân, thấy đều như Pháp hình (hình đã ghi rõ trong nghi quỹ).

Ở cửa phía Tây, hai bên an trí tám Đại Bồ Tát là: Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Trừ Cái Chướng, Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng tử, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Liên Hoa Thủ, Bồ Tát Bí Mật Chủ ...v...v... mỗi mỗi đều chấp bồn khế ấn và trang nghiêm nơi thân đầy đủ. Ngoài viện an trí mười phương các thần Hộ Pháp cùng các quyền thuộc, hai bên vẽ bốn trụ giả. Góc Đông Bắc vẽ Y Xá Na tay cầm Đát Lợi Thư Na, hai bên có hai thị giả tay cầm Ấn khế.

Cửa Đông phía Đông Bắc, vẽ Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, tay cầm đàn Tỳ bà có bốn thị giả.



Cửa Đông phía trên hướng Nam, vẽ Hộ Pháp Đế thích Thiên tay cầm chày Kim cang, có bốn thị giả. Bốn mặt ngoài viện, vẽ bốn Phật Bích Chi, bốn Thanh Văn.

Góc Đông Nam vẽ Hỏa Thiên Thần ngồi trong lửa, tay cầm râu chuối, hai bên vẽ hai thị giả, phía Nam vẽ Diêm La Vương tay cầm Tử Vương ấn, Diêm La Phi và các loài quỷ quyến thuộc.

Hai bên góc Tây Nam, vẽ La Sát Vương tay cầm kiếm, có hai thị giả tay cầm đao, đều ngồi hai bên. Mặt cửa phía Tây hướng Tây Nam, vẽ Thủy Thiên Thần mặc giáp mũ, trên đầu có đầu rắn, tay cầm quyển sách, có bốn thị giả quỳ hai bên chấp tay.

Phương dưới cửa Bắc vẽ Địa Thân, A Tu La Vương tay cầm Bảo Bình, có bốn thị giả.

Cửa Nam mặt phía Tây, vẽ Nhật Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngựa, hai tay cầm hoa sen nở ngồi trong vòng tròn. Vẽ bảy sao y theo bốn sắc, tay cầm bốn ấn, vẽ hai bên Nhật Thiên Tử và quyến thuộc.

Mặt phía Đông vẽ Nguyệt Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngỗng, tay cầm phướng gió trên có con thỏ ngồi trong vành trăng, có hai tám sao đều cầm bốn khế, tùy phương hướng, màu sắc, hình Chư Thiên ngồi quanh Nguyệt Thiên Tử.

Mặt Đông và Nam vẽ các Tất Địa chư Tiên, có ba bốn thị giả như trên

Các Thánh chúng y theo Pháp vẽ bốn hình đầy đủ, đây là Mạn Đà La bạc Thượng. Nếu như vẽ Ấn Khế, trên đài sen vẽ phóng ánh sáng rực rỡ, đây là Mạn Đà La bạc Trung. Nếu trên đài sen vẽ các chủng tử Phạm Tụ (chữ Phạn) phóng ánh sáng chung quanh, đây là Mạn Đà La bạc Hạ.

Nếu quốc vương muốn trừ tai nạn, ở giữa viện thứ ba vẽ năm non bốn biển vua chúa, quan binh các Thần Kỳ trong nước, như Pháp mà vẽ. Nếu bị nghịch tặc nổi lên, ở viện thứ tư vẽ hình nghịch tặc và các hình trạng biến dị. Ở trong dưới nửa đàn mà trấn. Như vậy vẽ xong kết giới, tịch trừ, triệu thỉnh, dâng các Bảo Bình, lư hương, đèn sách, hoa quả, ú già ...v...v... đều an trí dưới tòa các Thánh vị, tùy theo lớn nhỏ sắp đặt. Nếu lớn một trăm tám khuỷu, Bảo Bình hai lăm cái; nếu tám khuỷu trở lại thì mười lăm một cái, hoặc sáu cái, còn các món cúng dường khác tùy thời mà dâng cúng, trong chính vòng tròn ở giữa, hai viện ngoài cộng chung là 16, bốn góc bốn cửa đối nhau.

Nếu làm Mạn Đà La Tăng Ích, Túc Tai thì tròn; nếu Hàng Phục thì làm hình tam giác; nếu Nhiếp Triệu thì làm hình bán nguyệt. Các thứ khác giống nhau.

### Phẩm Thứ Chín: CHỨNG DU GIÀ TẤT ĐỊA

Lại nữa, như vậy vẽ Mạn Đà La Thượng, Trung, Hạ, y Pháp cúng dường, niệm tụng mãn mười vạn biến, tức được Thượng Tất Địa; nếu một trăm, hai trăm, ba trăm cho đến bốn trăm vạn biến, dầu không tác Pháp, cũng được thành tựu, được thành tựu các việc mong cầu trong Thế Gian, trừ những người tạo tội ngũ nghịch, phản bội ân đức; nếu tụng đủ ngàn vạn biến, tức được Vô Sanh Tất Địa, thân đồng Bốn Tôn; nếu tụng mười vạn cho đến trăm vạn biến, tức có hiện tướng không được thủ xả, một lòng chuyên chú không nghĩ khác, tự tâm là Phật, Như Thật Trí nơi tâm tức là Bồ Đề, do đó kẻ trì chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề. Có tướng hiện tự biết, không nên sanh tâm phân biệt, sẽ bị đọa vào trong cảnh giới Tỳ Na Dạ Ca; nếu đèn tự nhiên cháy cao lên hai trượng ...v...v..., chưa đốt hương, lư hương tự nhiên phát lửa, hoặc phướng không có gió tự nhiên lay động, hoặc mưa các hoa ...v...v... rã rụng lại mọc, tóc trắng thành đen, hoặc trước có bệnh tự nhiên khỏi, hoặc phước đức tăng tướng, hoặc ngu si tự nhiên thông minh, hoặc tự nhiên làm thơ hay văn giỏi, thể xuất thế các việc tùy ý đều thành, hoặc chưa hiểu Chân Ngôn Ấn Khế, các Pháp bí mật tự nhiên hiểu rõ ... các việc như

vậy đều do tội chướng tiêu trừ, chưa phải tướng thành tựu Chân Ngôn. Hoặc thấy các cõi Phật, hoặc thấy tự thân là cõi Phật đầy khắp Pháp Giới, các việc như vậy không nói hết, là tướng gần thành tựu Chân Ngôn, cần nên cố gắng niệm tụng, tức được thành tựu, như Pháp tụng trì tức được **Vô Sanh Tất Địa**.

Tất Địa có ba loại: **Hạ Tất Địa** được trường sanh bất tử, làm chúa trong hàng Địa Tiên, hoặc các việc trong thế gian công diệu, hợp luyện xích bạch (các Pháp luyện đơn) Đa Văn, Trí Huệ, Phước Đức đầy đủ, sống lâu ngàn ngàn năm.

**Trung Tất Địa** là ẩn hình làm Chuyển Luân Thánh Vương, sống lâu một kiếp.

**Thượng Tất Địa** là gia trì vào thuốc hiện ra ba tướng, được chứng từ Ngũ Địa đến Bát Địa, thành thân Bồ Tát, chỉ trong khoảng khắc, vô lượng Chư Thiên, Đại Phạm, Thiên Vương Đế Thích, Tỳ Sa Môn thống lãnh vô lượng các Thiên chúng lại nghinh đón, trong một niệm đến mười cõi vi trần các thế giới của Chư Phật, trước mỗi Chư Phật thừa sự cúng dường, tùy loại chúng sanh mà hóa độ, như vậy gọi là **Hữu Tướng Tất Địa**. Niệm tụng các thứ thuốc, khí tượng, quang minh, Sa Hùng Hoàng, Ngu Hoàng, lớn nhỏ, Viễn chí, Long Não Hương, thủy tinh, Trân Châu ...v...v... đều có số lượng; các khí tượng là: Phật Chiết La, chày năm chia, chày một chia, bánh xe, cầu, râu chuối, mào báu ...v...v... tất cả thấy đều y Pháp mà làm.

**Vô Tướng Tất Địa** là ba loại Tất Địa. Trên là Hạ Tất Địa, Trung Tất Địa là **Vô Tướng Tất Địa**. Hoặc thân thành Bốn Tôn, hoặc được Thân Ứng Hoá, cho đến mười Địa thành thân Bồ Tát, là Trung Tất Địa.

Thượng Tất Địa được ba nghiệp thành ba Mật, ba Mật là : ba Thân; ba Thân tức là Trí Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai, nếu được thân Tỳ Lô Giá Na, chứng Pháp Giới Phổ Hiện Sắc Thân, cùng Pháp Giới đồng một Thể Tánh, ngoài tâm ra không có vật gì là sở đắc. Chư Phật là tướng hư không. Hư Không cũng không có tướng; tâm đồng hư không nên người tu Du Già cũng đồng một Thể, trong một niệm vượt qua ba vọng chấp, vượt qua ba a tăng kỳ các Hạnh, vừa phát tâm liền thành Chánh Giác, tức là Thân Tất Địa là **Vô Tướng Tất Địa**, là **Pháp Tất Địa Tối Thượng**.

Phẩm Thứ Mười:  
DU GIÀ HỘ MA

Nay ta lại nói Pháp **Hộ Ma** (Homa). Hộ Ma có nhiều thứ, nay ta **lược nói bốn thứ, nhiếp được hết thấy các Pháp Hộ Ma như Túc Tai: lư tròn, Tăng Ích: lư vuông, Nhiếp Triệu: lư bán nguyệt, Hàng Phục: lư tam giác**. Như vậy bốn loại Hộ Ma lại có hai thứ: một là Ngoại Hộ Ma, hai là Nội Hộ Ma.

**Ngoại Hộ Ma** là y theo Nghi Tắc độ lượng đối Mạn Đà La ở ngoài Trừ Địa, bùn đất bốn khuỷu, ở giữa đào sâu một khuỷu, vuông rộng ...v...v... cao tám chỉ (8 ngón tay), vành rộng 4 chỉ, phía ngoài để các Duyên (đường viền quanh lò) cũng rộng 4 chỉ, hai khuỷu chia ra hai bên, có 4 mặt an trí Thánh chúng. Bốn phía trái cỏ Tranh, dùng thanh gỗ mới đẽ lên, dùng bùn sạch làm một bánh xe rộng một cánh tay, cao 1 chỉ, có 8 căm để dưới đáy lò, lấy cây Phong làm củi dài 1 khuỷu. Khi nhúm lửa, không được dùng miệng thổi, cần phải Tĩnh Trừ lò lửa theo Pháp mà làm, dùng quạt mà quạt. Đốt lửa xong, rải nước thơm, thỉnh **Hỏa Thiên** ngồi vào trong lò, ném hoa vào trong lò, dâng hiến nước Ú Già, lấy muống lớn múc bơ mỗi chút bỏ vào trong lửa, làm ba lần; sau đó lấy dầu sữa, lạc mật, mỗi thứ hộ ma ba biển; lại lấy cháo sữa, cơm nếp và cháo ngũ cốc Hộ Ma; lại lấy Trắc Trâm hương, Bạch Đàn hương, Tử Đàn hương, dài một tấc. Nhúng bơ ba lần bỏ vào trong lửa; lại lấy cây lá dài 12 chỉ, chặt hai đầu bằng, bôi

bơ, quăng vào trong lửa; lại dùng Dương chi (nhánh Dương) y trên, quăng vào lửa; lại lấy Trâm Hương quăng vào.

Lại lấy Trâm Hương, Bạch Đàn, Tử Đàn, Tiễn Hương, các thứ bôi bơ, mật mà đốt; An Túc Hương, Đinh Hương, Huân Lục Hương, Kiên Đất Sa Ra Hương, hòa bơ mà đốt; Cam Tùng, Linh Lăng hòa mật đốt; Như Đàn, An Túc, Sa Đà La, Long Nảo, Đinh Hương hoà Đậu Khấu, Bạch Giới Tử, Kiên Mộc, Chỉ Hương, trước sau mỗi thứ hộ ma ba lần. Sau đó phụng tống Hỏa Thiên trở về bản vị.

Lại thỉnh triệu Bản Tôn, dâng hoa hiến Ứ Già, thỉnh ngồi trong lò, khiến sanh hoan hỷ, liền lấy bơ, các vật ...v...v... dùng muỗng lớn hộ ma ba lần, muỗng nhỏ mức hộ ma trăm tám lần hoặc ngàn lần, sau lại hộ ma mật, sữa, lạc, dầu, các thứ hương và ngũ cốc y như ở trên, dâng Ứ Già thỉnh Bản Tôn về bản vị.

Mỗi chỗ cúng dường hương và cây đều ba lần, để cháo ngũ cốc tại trong bình, chén, trước sau tại Mạn Đà La các Phật Đảnh Luân Vương và Chư Phật, Bồ Tát ở ngoại viện, cho đến các Hộ Thế Thiên Thần, tất cả đều Hộ Ma cúng dường. Theo các màu sắc, mỗi thứ Hộ Ma ba lần, các cây, bơ phải hộ ma cho hết, các thứ hương hoa cúng dường hòa với cháo ngũ cốc.

Trước hết vì quốc chủ, hoàng hậu, thái tử, vương công, tể tướng, bá quan, chúng sanh trong Pháp Giới, cho đến tự thân, mỗi loại phải ba lần Hộ Ma cúng dường. Sau cuối, ở bên phía lò cúng dường, cơm bánh, trái, tất cả đều gia trì Hộ Ma. Bốn góc **Hỏa Đàn** để bốn Bảo Bình, lư hương, đĩa trái cây ...v...v... thầy đều y theo Đại Đàn Pháp: vòng tròn, ba góc, bán nguyệt lư lửa y như Đại Đàn Pháp mà dùng, nếu hay như vậy làm Pháp đều thành tựu.

Nếu có tướng ác: Khi đang làm Hộ Ma mà tự nhiên lửa tắt, hoặc có khói đen, hoặc có tiếng như lửa kêu là các tướng không thành. Nếu màu lửa cùng Bản Pháp tương ưng tức là thành tựu. Hoặc có tiếng liên tục, cùng Bản Pháp không tương ưng là tướng không thành.

Nếu làm Pháp Tức tai lửa màu trắng, làm Pháp Tăng Ích lửa màu vàng, làm Pháp Hàng phục lửa màu đỏ, làm Pháp Nhiếp Triệu lửa màu xanh. Tướng mạo như là cái lọng, bạt chiết la, liên hoa, đặc, ánh lửa phát ra âm thanh vi diệu đều là tướng cùng Bản Pháp tương ưng, là tướng thành tựu.

Phàm lúc niệm tụng hộ ma tác Pháp, y thời mà làm, mau được Tất Địa như là đầu hôm, canh hai, canh ba làm Tức Tai, nửa đêm làm Nhiếp Triệu, sáng sớm làm Tăng Ích, giữa trưa làm Hàng Phục. Bốn thứ Hộ Ma, mỗi thứ cây, hương, hình lò đều khác nhau. Tô Tất Địa có nói đầy đủ, khi lấy củi làm Pháp, đã có nói trong nghi Hộ Ma.

Thứ hai **Nội Hộ Ma**: ba chỗ đồng một thể, ba chỗ đồng thể là Đại Mạn Đà La tức **Hộ Ma Mạn Đà La**. Hộ Ma Mạn Đà La tức tự thân, nơi thân tức là Hỏa Thiên, Hỏa Thiên tức là Như Lai Tỳ lô Giá Na. Như Lai Tỳ Lô Giá Na, Hỏa Thiên tự thân ba thứ không có hai, không có sai biệt. Đồng một Thể đầy đủ ba Thân. Đại Nhật biến chiếu cả Pháp Giới, không nơi nào không có, không sanh, không diệt, không gì không là Đại Nhật, gọi là Pháp Thân.

**Hộ Ma** là: phương này gọi là Hỏa Thiên. Lửa hay thiêu cây cỏ ...v...v... không gì còn sót, Hỏa Thiên tức là Trí, Trí Hỏa hay thiêu đốt tất cả vô minh, không còn dư sót. Đại Nhật tức là Pháp Thân, Hỏa Thiên Trí Hỏa tức là Ứng Thân. Tự thân hay trụ phương tiện tức là Hóa Thân. Do đó, Kinh nói rằng: phương tiện là cứu cánh hay làm các việc Phật, cho nên tự thân là Hóa Thân. Ba thứ đều đồng một Thể Tánh, nhập vào Năm Trí Luân, trên đánh quán Pháp Giới Chúng Sanh trí, Hỏa Thiên trừ tất cả nghiệp chướng hay mãi tất cả nghiệp. Bốn loại Hộ Ma tùy bản mà làm Pháp, nếu Tức Tai y

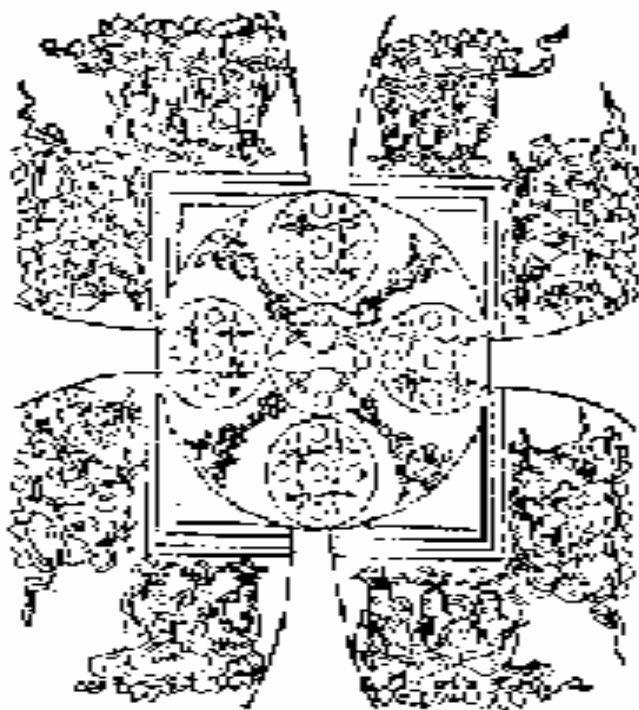
theo Ngoại Hộ Ma hay chuyển tất cả chương, sanh tất cả Phước đức, nhất nhất y theo Kinh Tỳ Lô Giá Na nói mười hai loại Hỏa Pháp, trước sau mà dùng.

### Phẩm Thứ Mười Một: DU GIÀ CẦU VŨ PHÁP

Ta nay lại nói Pháp cầu mưa, do vì lợi quần sanh vậy. Thời tiết nóng nãy không có mưa, cây lúa không sanh, mọi vật hoang tàn, trong nước không an, hạn hán kéo dài, các loài chết khát. Hành Giả thấy chúng sanh bị thọ các khổ như vậy, khởi lòng Từ Bi tức tạo Mạn Đà La cầu mưa.

Mạn Đà La lớn nhỏ tùy theo mà tạo, đài cao một thước (1/3 m), dùng bùn sạch hòa phân bò xoa tô đất, thêm ở ngoài Đàn bốn năm thước dùng bùn đất sạch tô đắp, dùng các bột hương hòa nước mà đổ (đắp) dưới và phía ngoài ba thước. Mạn Đà La cao một thước, bốn cửa để bốn đường, ngoài đài một hai khuỷu họa vẽ tám Đại Long Vương, Phi và các quyến thuộc:

Đông phương, ba đầu, thân dài ba khuỷu  
Nam phương, năm đầu, thân dài năm khuỷu  
Tây phương, bảy đầu, thân dài bảy khuỷu  
Bắc phương, tám đầu, thân dài tám khuỷu  
Trung ương, chín đầu, thân dài chín khuỷu  
Phi cũng y như trên; các tùy tùng một đầu, hai đầu, ba đầu, bốn đầu, sáu, bảy, tám đầu.



Đàn cầu mưa lớn nhỏ khác nhau, nếu cầu cho cả nước thì vuông ba tám khuỷu, nếu tỉnh, quận thì vuông 15 khuỷu, nếu thành ấp, làm xã thì vuông tám khuỷu.

Nếu không có Chủ thỉnh, tự mình làm thì vì Pháp Giới Chúng Sanh mà làm. Hoặc tại núi rừng nơi Lan Nhã, hoặc tại chùa, tịnh xá, Già Lam, tụ lạc, thành ấp niệm

tụng. Rộng bốn khuỷu hoặc hai khuỷu, tùy ý lớn nhỏ. Mạn Đà La chia làm ba viện, ở giữa vòng lớn chia làm năm vòng, trong mỗi vòng lại chia ra năm vòng.

Ở giữa vẽ Phật Đảnh Tôn Thắng Luân Vương ngồi tòa, Kim Xí Điều Vương giương cánh giện giữ như đang muốn bắt Rồng để ăn óc, đứng một chân, các Rồng đều chấp tay cúi đầu. Bốn Tôn cầm Kim Cang Câu, giện dữ nhìn về phía trước.

Bốn vòng kia, các vòng ở trung tâm đều vẽ Bạch Tán Cái Phật Đảnh

Còn bốn vòng nọ vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát, đều ngồi tòa Kim Xí Điều, hình trạng như ở trung viện, dơ chân thế như bắt Rồng. Dùng bốn Ấn đè nơi đuôi các rồng.

**Ngoại viện** bốn góc vẽ bốn cúng dường

Mặt Đông vẽ Phật và hai Bồ Tát, hai bên vẽ Vô Năng Thắng Vương, Nan Thắng Phần Nộ Vương.

Mặt Bắc nơi trung tâm, vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên Bộ Mẫu Tôn, Bộ Tâm Tôn Minh Vương, Tôn Bà Phạ Ha Na Yết Lợi Bà Trì Minh Vương.

Mặt phía Nam vẽ Bồ Tát Bí Mật Chủ Chấp Kim Cang Vương, hai bên vẽ Bộ Mẫu Tôn, Bộ Tâm Tôn, Quân Trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang, Phần Nộ Đại Minh Vương ...v...v...

Cửa Tây Nam Bắc, vẽ Hàng Tam Thế, Bất Động Minh Vương

Ngoại viện vẽ bốn phương, mười phương các Thần Hộ Giới Đàn và quyền thuộc, bện vị thị giả.

Cửa Nam Đông Tây, vẽ Nhật Thiên Tử, Nguyệt Thiên Tử và Phi, bốn mặt trên không vẽ bảy sao, hai tám sao, các vị đều cầm bốn ấn.

Bốn mặt nhân xứ vẽ các Tắt Địa Tiên, mỗi mỗi đều có Thị Giả, cùng các Đại Bồ Tát và các Thị Giả, y theo thứ lớp mà an để.

Đàn ba tám khuỷu là làm cho cả nước, mười lăm khuỷu, tám khuỷu y như trên họa vẽ, trong nước năm non bảy núi có các Rồng đều vẽ ngoài Mạn Đà La.

Tạo Mạn Đà La xong trong ngoài các viện, dâng các món ăn uống cơm canh, như Đại Đàn cúng dường, âm thực, hương hoa như nhau.

Nếu Đàn bốn khuỷu hoặc hai khuỷu, không cần như Pháp họa tượng, chỉ vẽ Ấn Khế, hoặc vẽ Chung Tự hoặc viết tên.

Bên ngoài Mạn Đà La ấy, nơi trong sạch bằng phẳng khoảng 2 thước dùng lá Khổ Luyện giã nhỏ hòa nước màu xanh. Bốn mặt vẽ các Đại Long Vương cùng quyền thuộc Thị Giả, cùng các Phi ba đầu, năm đầu, bảy, tám, chín đầu ...v...v... y theo bốn phương mà vẽ nơi bốn cửa trong các giới đạo hiện ra nửa thân. Long Vương ở trung ương và Phi cùng quyền thuộc hướng Chư Tôn cung kính cúng dường, hàng phục, mưa xuống đầy đủ.

Nếu Đàn ba mươi tám khuỷu, mười lăm khuỷu trở lên để Bảo Bình hai lăm cái; tám khuỷu trở xuống để năm cái bình cũng được; mỗi ngày dùng nước sạch hòa ngũ cốc, ngũ bảo, bỏ trong bình, nơi miệng bình để cành lá trúc, lấy lụa xanh dài bảy, tám thước cột nơi cổ bình, trên đàn treo tán cái màu xanh, bốn mặt treo phan màu xanh, bốn bảy cái. Chánh Đông treo phan xanh bốn chín thước, các vật cúng dường hương hoa, ăn uống y như Đại Đàn. Bốn mặt phía ngoài, cách Đàn ba năm khuỷu, làm một lò Hộ Ma, đủ bốn loại. Trong lò, bốn phương vẽ chũng tử tự, chũ “A” (𑖀) hình vuông, màu vàng. Ở hướng Đông, chũ HA (𑖬) màu xanh, hình bán nguyệt. Ở hướng Tây, chũ VAM (𑖩) màu trắng, hình tròn. Ở hướng Bắc, chũ LAM (𑖂\_RAM) màu đỏ, hình tam giác. Ở hướng Nam, đáy lò vẽ các ấn khế, hướng Đông vẽ Bánh xe (luân), hướng

Bắc vẽ hoa sen, hướng Nam vẽ chày Kim Cang, hướng tây vẽ móc câu, y theo các phương mà vẽ.

Triệu thỉnh Hòa Thiên, Bồn Tôn và các Minh Vương, y như Pháp Hộ Ma không khác, chỉ có ngày đầu là Tiêu Tai, ngày thứ hai Tăng Ích, ngày thứ ba Nhiếp Triệu, ngày thứ tư và năm Hàng Phục, thứ sáu và bảy Cực Phần Nộ Hàng Phục.

Nếu trong ngày có mưa, tức ngưng tác Pháp, phải cần Hộ Ma Tức Tai, Tăng Ích vì các Rồng vậy. Khi hàng phục, dùng cây gừng hai đầu nhọn dùng để chạm vào lửa, đem cây Khổ Luyện, Gai và Hắc Giới Tử Du bôi hai đầu hộ ma, hoặc đem sáp hòa Hắc Giới Tử, thuốc Độc làm hình rồng tác Hộ ma. Khi được mưa rồi, cầu xin hoan hỷ.

Lại Pháp nơi lụa trắng, vẽ chữ Phạn Chú **Tôn Thắng Đà La Ni**, bốn phía vẽ các Ấn Khế gia trì niệm tụng đem quăng xuống ao có Rồng, tức được mưa. Nếu trong nước mưa gió không đều, Âm Dương không thuận, hạn hán lâu ngày, cỏ cây không mọc, lúa thóc không lên ...v...v... hoặc có nghịch tặc sát hại vô số chúng sanh. Thấy việc như thế, Hành Giả cần phát tâm Đại Từ, Đại Bi làm Pháp Hàng Phục. Do lòng Từ Bi, kẻ kia được sanh Thiên, không có các tội trước. Cần vì nước trừ các chướng, tụng Phật Đảnh Tôn Thắng Chân Ngôn một ngàn biến, sau đó nhất nhất y Pháp làm Pháp Hộ Ma Hàng Phục tức được như ý.

Lại Pháp mỗi ngày bốn thời Hộ Ma niệm tụng gia trì Bạch Giới Tử ném nơi tim Long Vương một ngàn tám biến, tức được tủy ý.

Hoặc tưởng thân mình là thân Trừ Cái Chướng phật Đảnh cõi Kim Xí Điều Vương hung dữ bay đi muôn bắt Rồng mà ăn, dùng Kim Cang Câu, móc Rồng tức được mưa.

Hoặc mỗi ngày tụng vào Bạch Giới Tử ném Rồng hoặc hòa Bạch Giới Tử, An Tức Hương, dầu Xích Giới Tử, Hộ Ma ngàn biến hoặc trăm tám biến hoặc ở trong Đàn, nơi các Minh Vương hộ ma thấy đều hàng phục như Pháp mà làm, tức mưa xuống, tai nạn đều tiêu, tức cần Quán Đảnh, các Long Vương rộng bày cúng dường, khiến sanh hoan hỷ, tăng thêm các món cúng dường. Các thứ ăn uống đem để trên lá sen đem bỏ xuống sông suối, hoặc trong ao Rồng, các lụa dây ở năm phương, đem chôn dưới đất, các thứ cúng Phật, Bồ Tát y theo Pháp xử trí. Khi làm Pháp mặc áo màu xanh. Trong Đàn Hộ Ma để năm bình các món ăn uống, y Đại Đàn Pháp không khác; nếu không đúng như vậy, làm Pháp không thành. Sau này có làm nữa, cần như trước đúng Pháp mà làm, mau được thành tựu.

## Phẩm Thứ Mười Hai: NHẬP THÀNH TỰU CẢNH GIỚI

Nay ta lại nói Hành Giả muốn thành tựu tướng của Chân Ngôn. Nên nói cho đầy đủ hết kiếp cũng không nói đặng, chỉ có Phật mới hay nói được thôi. Nếu Hành Giả tụng trăm ngàn vạn biến tức được thành tựu. Nếu khi sắp thành tựu, trước có bảy Cảnh Giới cát tường, phải biết Hành Giả mau được Tất Địa.

*Thứ nhất:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đại Như Ý quảng Đại Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, ta được tất cả Như Lai thọ ký hoán đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Ma Địa. Ta và Như Lai một lúc cùng phát thệ rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông được được vào trong mười phương cõi Phật. Lui tới tự tại, trong mỗi cõi có chín mươi

chín hằng sau cu chi na dữu đa trăm ngàn tất cả Như Lai nhớ nghĩ gia bị”. Được Cảnh Giới này, nên gia công tinh tấn, không nên thủ xả.

*Thứ hai:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da cung điện. Ta cùng Như Lai thọ Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Hiện tiền ta và Như Lai cùng nói lời rằng: “Lành thay! Thiện Nam Tử! Ông được Đại Liên Hoa Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Ấn Tam Muội Da”.

*Thứ ba:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da. Ta và Chư Như Lai thọ Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm và ta thọ tất cả Như Lai Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đà La Ni Tam Muội Da phẩm. Tất cả Kim Cang đồng khen rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông được các Như Lai Kim Cang Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Ma Ni Bảo Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Kim Cang nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Bảo Kim Cang Ấn Tam Muội Da”.

*Thứ tư:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Đại Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, thấy ta và các Như Lai thọ Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Thành Tụ Tam Muội Da, được các Như Lai khen rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông nay được tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chúng Tộc Tôn Thắng Phật Đánh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Tâm Phẩm hiện tiền gia bị, Pháp Quán đảnh này là tất cả Như Lai Đại Như Ý Bảo Chúng Tộc Bí Mật Tâm Chân Ngôn Tam Muội Da Phẩm”.

*Thứ năm:* Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, được các Như Lai thọ Bất Thối Chuyển Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai đều khen rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông nay được mười phương quốc độ ba đời Chư Phật, tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Phật Đánh Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm”.

*Thứ sáu:* Mộng thấy ta với mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề, nơi tòa Kim Cang thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Pháp Vương Quán Đảnh Địa Pháp. Thấy khắp mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi tòa sư tử thọ tất cả Như Lai Bất Thối Pháp Vương Quán Đảnh Đại Pháp. Chư Như Lai đều khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Ngươi thật bền chắc, nay được tất cả Như Lai Bất Thối Như Lai quán đảnh hộ niệm lâu dài không bỏ”.

*Thứ bảy:* Mộng thấy Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cội Bồ Đề, ngôi tòa Kim Cang, phóng Đại quang minh, chuyển Đại Pháp luân, đốt Đại Pháp cự, tuôn mưa Đại Pháp võ, dựng Đại Pháp tràng, thổi Đại Pháp loa, đánh Đại Pháp nhạc, phá Đại Ma quân và thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề nơi tòa Kim Cang chuyển Đại Pháp Luân, dẹp Đại Ma quân, Tối Thắng Đại Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Thờ Chư Như Lai đều khen rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông được Chân Ngôn Bảo Kiên Cố Giải Thoát Chuyển Pháp Luân Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn tam Muội Da”.

Như vậy y Pháp cần phải cố gắng quán tưởng thọ trì đọc tụng không có gián đoạn, tức được bảy loại mộng tốt. Chứng Nhất Thiết Như Lai Ngũ Đảnh Luân Vương Chân Ngôn Thần Biến Pháp, nhập vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Đảnh

Luân Vương Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da hội. Nhập tất cả Tam Muội Da xứ. Được thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai Tôn Thắng Phật Đánh Luân Vương Như Lai Đại Tỳ Lô Giá Na, bốn Ba La Mật ...v...v... Đông phương Như Lai A Súc, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ ...v...v... Nam phương Như Lai Bảo Sanh, Hư Không Bảo ...v...v... Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ, Liên Hoa Nhân ...v...v... Bắc phương Như Lai Bất Không Tất Địa, Tỳ Thủ Yết Ma ...v...v... bốn Trí, bốn Tam Muội Da ...v...v... vô lượng Thánh Chúng sắc thân vi diệu cung kính cúng dường, gìn giữ mười phương quốc độ ba đời tất cả Tôn Thắng Phật Đánh Tỳ Lô Giá Na Như Lai, tất cả danh hiệu được mười phương quốc độ ba đời, tất cả Tôn Thắng Phật Đánh Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai thọ cho Trừ Chướng Phật Đánh Ấn Đà La Ni Tam Muội Da Thần Thông Pháp Phẩm trên hết. Nếu trong quá khứ đã tạo mười ác, năm nghịch, bốn trọng, các tội nặng nề thấy đều trừ sạch.

Nếu có chúng sanh ở nơi các đọa xứ được nghe Đại Quán Đánh Quang Vương Tôn Thắng Phật Đánh Luân Vương Chân Ngôn qua tai một, hai, ba, bảy lần, tức được tiêu trừ tất cả tội chướng.

Nếu Hành giả Du già thương xót sáu nẻo Hữu tình ở nơi đánh núi cao lễ mười phương, mỗi phương tụng Tôn Thắng Chân Ngôn một biến, mắt nhìn các loại chúng sanh đều được xa lìa tất cả tội khổ. Đời sau được sanh vào cõi Bất Động Phật

Hoặc viết trên phướng, treo trên đánh núi cao, trên đầu ngọn cây, phướng bay hướng nào tất cả chúng sanh hướng ấy có các tội mười ác, năm nghịch, bốn trọng, thấy đều tiêu diệt.

Hoặc viết chữ Phạn, an trí trên phướng cũng được như trên đã nói. Bảy loại mộng tốt tương ứng, nên biết Hành giả Du già mau chứng Phổ Hiện Sắc Thân Đại Tam Ma Địa, nhập vào Vô Sanh Bình Đẳng Ngũ Trí, thành tựu Thân Như Lai Đại Tỳ lô Giá Na.

## TÔN THẮNG PHẬT ĐÁNH CHÂN NGÔN DU GIÀ NGHI QUỸ \_QUYỀN HẠ (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 15/05/2014



## TÔN THẮNG PHẬT ĐÌNH ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đồi Tổng\_ Tây Thiên Trung Ấn Độ\_ Nước Ma Già Đà, chùa Na Lan  
Đà\_ Tam Tạng Sa Môn PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch và phục hồi Phạn Âm: HUYỀN THANH

- 1) **Năng mô bà nga phộc đế**  
NAMO BHAGAVATE
- 2) **Tát phộc đát-lạt lộ chỉ-dã**  
SARVA TRAILOKYA
- 3) **Bát la để vĩ thủy sắt-tra dã**  
PRATIVISIṢṬĀYA
- 4) **Một đà dã**  
BUDDHĀYA
- 5) **Đát nễ-dã tha**  
TADYATHĀ
- 6) **Án\_ Một long, một long, một long**  
OM\_ BHRŪṢ BHRŪṢ BHRŪṢ
- 7) **Thú đà dã, thú đà dã**  
ŚODHAYA SODHAYA
- 8) **Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**  
VIŚODHAYA VIŚODHAYA
- 9) **A sa ma, sa ma**  
ASAMA SAMA
- 10) **Tam mãn đá phộc bà sa**  
SAMANTA AVABHĀSA
- 11) **Sa-phả la na nga để, nga nga năng**  
SPHARAṆA GATI GAGANA
- 12) **sa-phộc bà phộc, vĩ thuật đệ**  
SVABHĀVA VIŚUDDHE
- 13) **Tị tru tả đồ hàm**  
ABHIṢIMCA TUMĀṢ
- 14) **Tát phộc đát tha nga đa**  
SARVA-TATHĀGATA
- 15) **Tô nga đa**  
SUGATA
- 16) **Phộc la, phộc tả năng**  
VARA VACANA
- 17) **Mật-lật đa tị sái kế**  
AMṚTA-ABHIṢEKAI
- 18) **La-mật hạ mẫu nại la, mãn đát-la bát nãi**  
MAHĀ-MUDRA MANTRA-PADA
- 19) **Án\_ A hạ la, a hạ la**  
OM\_ ĀHARA ĀHARA
- 20) **A dữu tán đà la ni**  
ĀYUḤ SANDHĀRAṆI

- 21) **Thú đà dā, thú đà dā**  
ŚODHAYA ŚODHAYA
- 22) **Nga nga nāng, sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ**  
GAGANA-SVABHĀVA VIŚUDDHE
- 23) **Ô sắt-nị sái vĩ nhạ dā, bả lị truật đệ**  
UṢŃIṢA-VIJAYA PARIŚUDDHE
- 24) **Sa ha sa-la thấp-minh tán tổ nễ đế**  
SAHASRA-RAŚMI SAṂSUDĪTI
- 25) **Tát phộc đát tha nga đa**  
SARVA-TATHĀGATA
- 26) **Phộc lộ kế nānh**  
AVALOKANA
- 27) **Tát phộc đát tha nga đá mạt đế**  
SARVA-TATHĀGATA-MATI
- 28) **Sắt tra-bá la nhĩ đá**  
ṢAṬ-PĀRAMITĀ
- 29) **Bả lị bố la ni**  
PARIPŪRAṆI
- 30) **Ná xả bộ nhĩ, bát-la để sắt-xỉ đế**  
DAŚA-BHŪMI PRATIṢṬITE
- 31) **Tát phộc đát tha nga đa hột-lị nãi dā**  
SARVA TATHĀGATA-HRDAYA
- 32) **Địa sắt-xá đá**  
ADHIṢṬANA
- 33) **Địa sắt-xỉ đế**  
ADHIṢṬITE
- 34) **Án\_ Mẫu nại lê, mẫu nại lê**  
OM\_ MUDRA MUDRA
- 35) **Ma hạ mẫu nại lê**  
MAHĀ-MUDRA
- 36) **Phộc nhật la ca dā**  
VAJRA-KĀYA
- 37) **Tăng hạ đát nễ , bả lị truật đệ**  
SAṂHATANA PARIŚUDDHE
- 38) **Tát phộc yết ma phộc la noa, vĩ truật đệ**  
SARVA-KARMA-AVARAṆA VIŚUDDHE
- 39) **Bát-la để nĩnh phộc đá dạ dục, vĩ truật đệ**  
PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ VIŚUDDHE
- 40) **Án\_ Mẫu nĩnh, mẫu nĩnh, ma hạ mẫu nĩnh**  
OM\_ MUṆI MUṆI MAHĀ-MUṆI
- 41) **À mẫu nĩnh, a mẫu nĩnh**  
AMUṆI AMUṆI
- 42) **Vĩ mẫu nĩnh, vĩ mẫu nĩnh, ma hạ vĩ mẫu nĩnh**  
VIMUṆI VIMUṆI MAHĀ-VIMUṆI
- 43) **Mạt để, mạt để, ma hạ mạt để**  
MATI MATI MAHĀ-MATI
- 44) **Đá tha bộ đá**  
TATHĀTĀ-BHŪTA
- 45) **Cú trí, bả lị truật đệ**

KOṬI PARIŚUDDHE

**46) Vĩ sa-bồ tra, vĩ truật đệ**

VISPHUṬA VIŚUDDHE

**47) Ân\_ Hê hê**

OM\_ HEHE

**48) Nhạ dã, nhạ dã, ma hạ nhạ dã**

JAYA JAYA MAHĀ-JAYA

**49) Sa-ma la, sa-ma la**

SMARA SMARA

**50) Sa-phả la, Sa-phả la**

SPHARA SPHARA

**51) Tát phộc một đà**

SARVA-BUDDHA

**52) Địa sắt-xá năng**

ADHIṢṬANA

**53) Địa sắt-xỉ đế**

ADHIṢṬITE

**54) Truật đệ, truật đệ**

ŚUDDHE ŚUDDHE

**55) Phộc nhật lê, phộc nhật lê, ma hạ phộc nhật lê**

VAJRĪ VAKRĪ MAHA-VAJRĪ

**56) A phộc nhật lê, phộc nhật la nghiệt tỳ**

A VAJRĪ VAJRA-GARBHE

**57) Nhạ dã nghiệt tỳ**

JAYA-GARBHE

**58) Vĩ nhạ dã nghiệt tỳ**

VIJAYA-GARBHE

**59) Phộc nhật-la, nhập-phộc la nghiệt tỳ**

VAJRA VAJRA-GARBHE

**60) Phộc nhật lộ na-nga đế**

VAJRA-UDGATE

**61) Phộc nhật lộ nạp-bà phệ**

VAJRA-UDBHAVE

**62) Phộc-nhật la tam bà phệ**

VAJRA SAMBHAVE

**63) Phộc-nhật lê, phộc-nhật lê noa**

VAJRĪ VAJRINI

**64) Phộc-nhật lăm bà phộc đồ, ma ma (xưng tên, cầu điều cần làm )**

VAJRĀM BHAVATU MAMA

**65) Tát lị lam, tát phộc tát đất-phộc**

ŚARIRAM SARVA-SATVĀ

**66) Nan tả, ca dã, bả lị truật đệ**

NĀMCA-KĀYA PARIŚUDDHE

**67) Tát phộc nga đế, bả lị truật đệ thất giả**

SARVA-GATI PARIŚUDDHE

**68) Tát phộc đất tha nga đá**

SARVA-TATHĀGATA

**69) Tam ma sa phộc sa**

SAMA ŚVASA

- 70) Địa sắt-xỉ đế**  
ADHIṢṬITE
- 71) Tát phộc đát tha nga đả thát-giả hàm**  
SARVA-TATHĀGATA-ŚCA MĀM
- 72) Tát ma sa-phộc tát diễm đở**  
SAMA ŚVASA YAMTU
- 73) Án\_ Tát-địa dã, tát-địa dã**  
OM\_ SIDDHYA SIDDHYA
- 74) một đĩnh, một đĩnh**  
BUDDHYA BUDHYA
- 75) Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**  
VIŚODHAYA VIŚODHAYA
- 76) Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã**  
VIBODHAYA VIBODHAYA
- 77) Mộ tả, mộ tả**  
MOCA MOCA
- 78) Vĩ mộ tả dã, vĩ mộ tả dã**  
VIMOCAYA VIMOCAYA
- 79) Thú đà dã, thú đà dã, vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**  
ŚODHAYA ŚODHAYA, VIŚODHAYA VIŚODHAYA
- 80) Tam mãn đả đát bả lị mô tả dã**  
SAMANTA PARIMOCAYA
- 81) Tam mãn đả la thấp-minh, bả lị truật đệ**  
SAMANTA-RAŚMI PARIŚUDDHE
- 82) Tát phộc đát tha nga đả tam ma dã**  
SARVA-TATHĀGATA-SAMAYA
- 83) Địa sắt-xá năng**  
ADHIṢṬANA
- 84) Địa sắt-xỉ đế**  
ADHIṢṬITE
- 85) Án\_ Mẫu nại-lê, ma hạ mẫu nại-la**  
OM\_ MUDRĪ MAHĀ-MUDRA
- 86) Mẫu đát-la bát ná**  
MUDRA-PADA
- 87) Địa sắt-xỉ đế**  
ADHIṢṬITE
- 88) Sa-phộc hạ**  
SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/06/2014

## PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ

Phạn văn: HOÀNG PHÁP Đại Sư

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

**Năng mô bà nga phộc đế** (Quy mệnh Thế Tôn)

त्रिलोक्या

TRAILOKYĀ

**Đát-lạt lộ-chỉ dã** (Ba đời hoặc ba cõi)

प्रतिविशिताया

PRATIVIŚIṢṬAYĀ

**Bát-la để vĩ thủy sát-tra dã** (Tối thù thắng)

बुद्धया

BUDDHĀYĀ

**Một đà dã** (Đại Giác)

भगवते

BHAGAVATE

**Bà nga phộc đế** (Thế Tôn)

\*) Phần trên là: **Đệ nhất Quy Kính Đức Môn**

तद्यथा

TADYATHĀ

**Đát nễ-dã tha** (Ấy là, hoặc liền nói)

ॐ

OM

**Án** (ba Thân, Vô Kiến Đỉnh Tướng)

\*) Phần trên là **Đệ nhị Chương Biểu** (biểu thị sáng tỏ) **Pháp Thân Môn**

विशदया विशदया

VIŚODHAYĀ VIŚODHAYĀ

**Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã** (thanh tịnh)

सम सम समन्तवभसा

SAMA SAMA SAMANTĀVABHASA

**Sa ma, sa ma, sa mãn đá phộc bà** (chiếu diệu khắp cả)

स्फुरन्

SPHARANA

**Sa-phả la noa** (đuổi trần khắp nơi)

गति गहाना

GATI GAHĀNA

**Nga để, nga hạ năng** (rừng 6 nẻo đông đúc)

स्वभाव विशुद्धे

SVĀBHĀVA VIŚUDDHE

**Sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ** (tự nhiên thanh tĩnh)

\*) Phần trên là **Đệ tam Tĩnh Trừ Ác Thú Môn**

**अभिषिम्बा तुमाम्**

ABHIṢIMCA TUMĀM

**A tị tru tả đồ hàm** (Quán đỉnh cho tôi)

**सुगता**

SUGATA

**Tổ nga đá** (Thiên Thê)

**वरा वचना**

VARA VACANA

**Phộc la, phộc tả năng** (lời giảng dạy thù thắng)

**अमृता अभिसािकी मह्य मन्त्र पदम्**

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHĀ-MANTRA-PADAI

**A mật-lị đa tị sái kế, ma ha mạn đất-la bả nãi** (Cam Lộ, cũng nói là Câu Quán Đỉnh Bất Tử)

**अहारा अहारा**

AHARA AHARA

**A hạ la, a hạ la** (Nguyện xin nhiếp thọ, nhiếp thọ, nhiếp thọ. Lại do dùng 3 lần để nhiếp thắng các khổ não)

**आयुः सन्धारानि**

ĀYUH SANDHĀRANI

**A dữu tán đà la ni** (trụ vững chắc giữ gìn Thọ Mệnh)

\*) Phần trên là : **Đệ tứ Thiện Minh Quán Đỉnh Môn**

**शुद्धया शुद्धया गगना विशुद्धे**

ŚODHAYA ŚODHAYA GAGANA VIŚUDDHE

**Thú đà dĩa, thú đà dĩa, nga nga năng, vĩ truật đệ** (như Hư Không thanh tĩnh)

**उष्णिषा**

UṢNĪṢA

**Ô sất-ni sái** (Phật Đỉnh)

**विजया विशुद्धे**

VIJAYA VIŚUDDHE

**Vĩ nhạ dĩa, vĩ truật đệ** (Tôn Thắng thanh tĩnh)

**साहस्य रास्मी**

SAHĀSRA RĀŚMI

**Thiên quang Minh** (Ngàn ánh sáng)

**साम्कोदिते**

SAMCODITE

**Tán tổ nễ đế** (cảnh giác)

**सर्वं तथगतवृत्तकल अहोरात्रं परमैरिणं सर्वं तथगतं**

**सुखदयप्रसन्नप्रसन्नं च**

SARVA TATHĀGATĀVALOKANI ṢAD-BĀRAMITĀ PARIPURANI\_ SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

**Tát phộc đất tha nga đa phộc lộ già nãnh, sa tra-bá la nhĩ đá , ba lị bố la ni.**  
**Tát phộc đất tha nga đa hột-la ná dĩa địa sất-xá năng, địa sất-xĩ đá** (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

महा मुद्रि

MAHĀ-MUDRI

Ma hạ mẫu nại-lê (Ấn Khê)

वज्रकाय संनग्न विमुद्धे

VAJRA-KĀYA SAMHĀTANA VIŚUDDHE

Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đá năng, vĩ truật đệ (Kim Cương câu tóa thân thanh tịnh)

सर्व वारानि पया द्रवगति परिविमुद्धे

SARVAVARANI PAYA DRARGATI PARIVIŚUDDHE

Tát phộc phộc la noa, bá dã, nạp lệ-nghiệt đệ, bả lệ vĩ truật đệ (tất cả chương thanh tịnh. Ấy là: Nghiệp chương, Báo chương, Phiền Não chương đều thanh tịnh)

\*) Phần trên là: **Đệ ngũ Thần Lực Gia Trì Môn**

प्रति वरदा आयुः सुद्धे

PRATINI VARTTAYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Bát-la để nãnh, miệt la-đa dã, a dục truật đệ (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

समया अधिष्ठते

SAMAYA ADHIṢṬITE

Tam ma dã địa sắt-xỉ đế (Thệ nguyện gia trì)

मणि मणि महामणि

MANI MANI MAHĀ-MANI

Ma ni, ma ni, ma ha ma ni (báu của Thế Gian cũng nói là Pháp Bảo, ấy là tư lương của 2 loại Phước Tuệ)

\*) Phần trên là: **Đệ lục Thọ Mệnh Tăng Trưởng Môn**

तथा बुद्धा कोटि परिमुद्धे

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

Đát đát đá, bộ đa cú trí, bả lệ truật đệ (Chân Như thật tế tràn đầy thanh tịnh)

विष्णुत्वा बुद्धि सुद्धे

VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Vĩ sa-phổ tra, một đà, truật đệ (hiển hiện Trí Tuệ thanh tịnh)

जया जया विजया विजया

JAYA JAYA \_ VIJAYA VIJAYA

Nhạ dã, hạ dã. Vĩ hạ dã, vĩ hạ dã (Tối thắng, tối thắng. Tức là Chân Tục Nhị Đế Pháp Môn)

स्मर स्मर

SMARA SMARA

Sa-ma la, sa-ma la (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

\*) Phần trên là: **Đệ thất Định Tuệ Tương Ứng Môn**

सर्व बुद्ध

SARVA BUDDHĀ

Tát phộc một đà (Tất cả chư Phật)

नमो विपश्यते तथगतया

NAMO VIPĀŚYANE TATHĀGATĀYA

Năng mô Tỳ Bà Thi Ninh đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai)

नमो शिखिने तथगतया

NAMO ŚIKHINE TATHĀGATĀYA

Năng mô Thi Khí năng đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Thi Khí Như Lai)

नमो विषभु तथगतया

NAMO VIŚABHŪ TATHĀGATĀYA

Năng mô Tỳ xá phù-phệ đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai)

नमो क्राकासंधया तथगतया

NAMO KRAKASAMDHAYA TATHĀGATĀYA

Năng mô Ca-la câu tôn đà dā đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai)

नमो कानकमुनिये तथगतया

NAMO KANAKAMUNIYE TATHĀGATĀYA

Năng mô ca năng ca mâu ni năng duệ đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai)

नमो काश्यपया तथगतया

NAMO KAŚYAPAYA TATHĀGATĀYA

Năng mô Ca diệp bà dā đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Ca Diệp Như Lai)

नमो शक्यमुनिये तथगतया

NAMO ŚAKYAMUNIYE TATHĀGATĀYA

Năng mô Thích Ca Mâu Ni năng duệ đát tha nghiệt đa dā (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai)

नमो आर्या अवालकिश्वरया बोधिसत्वा

NAMO ĀRYA AVALOKITEŚVARAYA BODHISATVA

Năng mô a lợi-gia phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dā, mạo địa tát đa-phộc (Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

अधिष्ठा सुद्धे

ADHIṢṬITA ŚUDDHE

Địa sắt-xỉ đa, truyệt đệ (Gia trì thanh tịnh)

वज्र वज्रगर्भ

VAJRI VAJRA-GARBHE

Phộc nhật-lị, phộc nhật-la nghiệt tỳ (Kim Cương Tạng)

वज्र भवतु

VAJRĀ BHĀVATU

Phộc nhật-la, bà phù đồ (Nguyện thành Kim Cương)

मम

MAMA

Ma ma (Tôi, tự xưng tên họ...Nếu vì người khác thì xưng tên họ của người ấy)

\*) Phần trên là : **Đệ bát Kim Cương Cúng Dường Môn**

शरिरम सर्वा सत्त्वानमका कया परिविसुद्धे

ŚARIRAM SARVA SATVANAMCA KAYA PARIVIŚUDDHE

Thiết lị lam, tát phộc tát đát-phộc nan tả, ca dā, bả lị vĩ truyệt đệ (tất cả Thân của Hữu Tinh được thanh tịnh)

सर्व गति परिविसुद्धे

SARVA GATI PARIVIŚUDDHE

Tát phộc nga đế, bả lị truyệt đệ (Tất cả các nẻo đều thanh tịnh)



सर्वं तथगतं च समं स्वसं यमु सर्वं तथगतं समं  
श्रमलेषुग

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU \_ SARVA  
TATHĀGATA-SAMĀ ŚVASA ADHIṢṬATE

Tất phộc đát tha nghiệt đa thát giả, minh tam ma, thấp phộc sa diễm đồ. Tất phộc đát tha nghiệt đa tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế (tất cả Như Lai an ủi khiến được gia trì)

बुद्ध्या बुद्ध्या विबुद्ध्या विबुद्ध्या

BUDDHYA BUDDHYA \_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Một địa-dã, một địa-dã. Vĩ một địa-dã, vĩ một địa-dã (Sở Giác, sở giác)

बोधया बोधया विबोधया विबोधया

BODHAYA BODHAYA \_ VIBODHAYA VIBODHAYA

Mạo đà dã, mạo đà dã. Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã (hay khiến cho Giác Ngộ. Hay khiến cho có sự tinh tốc được Giác Ngộ)

समं पारिसुद्धे

SAMANTA PARISUDDHE

Tam mãn bả bả lị truật đệ (Thanh tịnh tràn ngập khắp)

सर्वं तथगतं हृदयलेषुगलेषुगं

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬATE

Tất phộc đát tha nghiệt đa hột-lị ná dã, địa sắt-xá năng, địa sắt-xỉ đa (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

महा मुद्रि

MAHĀ-MUDRI

Ma ha mẫu nại-lị (Đại Ấn, ấy là Như Lai Đại Ấn)

\*) Phần trên là : **Đệ cửu Phổ Chứng Thanh Tĩnh Môn**

स्वाहा

SVĀHĀ

Sa-phộc hạ (câu Cát Tường, nghĩa Thành Tựu)

समाप्त

SAMAPTA (kết thúc, chấm hết)

\*) Phần trên là: **Đệ thập Thành Tựu Niết Bàn Môn**

Thầy dạy rằng: Đà La Ni này có 9 bản là các Bản dịch của Đổ Hành Khải, Nguyệt Chiếu Tam Tạng, Nghĩa Tịnh Tam Tạng, Phật Đà Ba Lị, Thiện Vô Úy Tam Tạng , Kim Cương Trí Tam Tạng, Bất Không Tam Tạng, Bản chú thích của Pháp Sùng, Phạm Bản sở truyền của Hoàng Pháp Đại Sư.

Nay dùng Bản Phạm của Hoàng Pháp Đại Sư và bản dịch của Tam Tạng Kim Cương Trí thêm chữ cho đầy đủ thành bản Hán Phạm song đối. Hoàng Pháp Đại Sư ở Nhật Bản được ngài Huệ Quả A Xà Lê trao cho bản Phạm bằng lá cây Đa La, trong đó có ghi Phạm Hiệu của 7 vị Phật và Quán Âm nên khác với bản Phạm khác, mong người đời sau biết cho

Luật Cửu năm thứ hai \_ Tân

21/09/1997

## GIA CÚ LINH NGHIỆM PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KÝ

(Ghi sự linh nghiệm về việc thêm câu của Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni)

Hán văn: Triều Nghị Đại Kiêm Thị Ngự Sử VÕ TRIỆT thuật  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Phục hồi Âm Phạm Chú: HUYỀN THANH

**Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni** là Tạng Bí Mật của hết thầy Như Lai gồm hết các Pháp Môn Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai, lành tốt trong sạch phá hết thầy đường ác. Đà La Ni có Đại Thần Lực vậy. Đây là Bản do Ngài **Phật Đà Ba Li** truyền trong năm Nghĩa Phụng, khắp Thiên Hạ trì tụng rất nhiều. TRIỆT từ thuở nhỏ cũng thường trì niệm. Đầu năm Vĩnh Thái, sau khi có tang vợ lại càng thêm chuyên tâm cầu Pháp Xuất Ly. Khi đó trong Điện có ông Thị Ngự Sử TƯƠNG NA cũng thường trì tụng Đà La Ni này. Một ngày kia, trong Thất riêng, tự đến mà nói rằng: *“Nay được Đạo rất rạo phi thường khó gặp”*. TRIỆT cung kính hỏi ra mới biết là Tôn Thắng Đà La Ni vậy. Bảo cần nên tụng, câu văn có nhiều tiếng khác, liền lạy mà tụng. (**Tương Na**) lại nói: **“Ta nhận ở nơi Vương Khai Sĩ. Khai Sĩ thọ nơi Kim Cương Trí Tam Tạng. Sư nói: Tây Quốc (Ấn Độ) cũng ít có Bản này. Ta đem Bản Phạm bí mật truyền cho”**. Đọc tụng khen là việc kỳ lạ, nếu không cầu Bản đó thì thật lấy làm tiếc. Về sau, mỗi khi gặp Tịnh Sĩ đều cầu hỏi. Bỗng gặp được Tê Công có văn bản này.

Trong năm Khai Nguyên, ở dưới núi Ngũ Đài có một cư sĩ tịnh tu họ Vương có việc phải đi xa. Sau khi trở về thì cha mất không nhìn được mặt, nên chí tâm tụng Tôn Thắng Đà La Ni số hơn 10 vạn biến, chí thành cầu nguyện cho thấy được cha sanh về cõi nào, nhưng vẫn không thấy, muốn bỏ xuống núi. Bỗng gặp một Lão Nhân bảo cư sĩ rằng: *“Nhân Giả trì niệm thật là khổ nhọc! Nhưng câu văn phần nhiều sai sót. Nay Ta trao cho Bản đầy đủ”*.

Cư sĩ lạy rồi nhận lấy. (Lão Nhân) lại nói: *“Có thể tụng Ngàn biến một ngày”*.

Bỗng nhiên vào lúc nửa đêm, nghe ngọc khua sáo thổi xuống nơi đình chùa. Bấy giờ cư sĩ sợ hãi đứng dậy nhìn xem, thấy chư Thiên số có 10 người vây quanh một vị Trời. Vị đó hỏi trước rằng: *“Người có biết Ta không?”*.

Cư sĩ trả lời: *“Không biết”*.

Vị Trời nói rằng: *“Ta tức là cha người. Do năm nay, người tụng Tôn Thắng Đà La Ni mà Ta được Thần Lực như vậy. Từ đó về sau Phước càng tăng thêm, không biết người được Bản nào? Từ ấy đến nay, Ta nhờ sức của người mà được làm vua Thiên Tiên. Nên biết chỗ trì niệm của người công hiệu không thể lường được”*.

Nói xong liền bay đi. Cư sĩ cảm thán lễ lạy, từ đó lại thêm tinh tấn.

Sau khi đến Đông Kinh, có một Học Sĩ tu hành là **Vương Thiệu Phủ** cũng có Bản Tôn Thắng của Ngài Ba Ly, tụng trì đủ số một vạn. Bỗng nhiên ở trong đêm, mộng thấy một vị Phạm Tăng đi lại bảo Thiệu Phủ rằng: *“Hiền Giả niệm tụng rất tinh thành, nhưng Bản Văn có sai thiếu nên không đủ công lực”*.

Vương Thiệu Phủ cúi lạy cầu thỉnh văn chính. Phạm Tăng bèn trao cho Bản có câu văn đầy đủ. Ghi lại rồi tiễn vị Tăng ra khỏi cửa, ánh sáng tỏ như ban ngày, cho đến nơi giường thấy tôi tớ đang ngủ, bắt giác la lên: *“Sáng rồi”*.

Tôi tớ nói: *"Nay mới nửa đêm"*, bỗng nhiên ánh sáng lặn lặn tắt. Vương Thiếu Phủ thấy việc lạ lùng, nhắm mắt mà tụng cho đến sáng càng thêm tinh cần.

Đầu năm Thiên Bảo, Ngũ Đài Sơn **Vương Khai Sĩ** và **Vương Thiếu Phủ** ở Đông Đô đều không biết nhau, bỗng nhiên Vương Thiếu Phủ bị chết thình lình, 7 ngày sau sống lại. Trong Thành đều mừng rỡ, thầy đều hỏi thăm Cư Sĩ. Khi ấy Vương Khai Sĩ cũng đến hỏi thăm lý do sống lại. Vương Thiếu Phủ nói: "Đầu tiên Ta đang nằm, bỗng nhiên thấy 2 Sứ Giả đến bắt Ta đem đi, trải qua 10 dặm đến dưới gốc cây lớn. Hai Sứ Giả ngồi nghỉ, Ta cũng vậy. Bỗng nhớ đến Tôn Thắng, liền nhắm mắt tụng 21 biến, mở mắt ra xem thì không thấy 2 Sứ Giả. Bỗng chốc có 4 người đến quỳ rồi nói rằng: *"Nhân Giả tu hành thế nào mà được lợi ích như thế? Hai Sứ Giả đến bắt Ngài cũng được sanh Thiên"*."

Vương Thiếu Phủ nói: *"Tôi chỉ tụng Tôn Thắng Đà La Ni"*.

Bốn người kia nói: *"Xin do Công Đức Lực này. Vì Đệ Tử mà tụng vậy để cứu bạt khổ nạn"*

Vương Thiếu Phủ nhắm mắt tụng 21 biến, mở mắt ra lại không thấy 4 người kia. Thoát chốc, trong Hư Không lại nghe tiếng Mâu Giáp khu vang. Có một vị áo đỏ mặc Giáp, tùy tùng rất nhiều, đến trước mặt quỳ gối thưa rằng: *"Tôi là Ngũ Đạo Minh Sư, tuy địa vị rất là tôn quý nhưng vẫn là Thần Đạo, mong được sanh Thiên, 6 người kia do Pháp lực của Thầy mà được sanh Thiên Nay xin thỉnh Ngài đến chỗ con mà tụng, mong chút Phước Âm"*. Ta cùng đi đến một ngôi nhà chu vi 10 dặm. Ở đây toàn là tội nhân bị cùm trói hành phạt, trao khảo đánh đập. Vị Thần mời Vương Thiếu Phủ lên Tòa cao, còn mình thì quỳ ở dưới lắng nghe. Vương Thiếu Phủ nhắm mắt lại chí tâm tụng 49 biến, mở mắt ra xem không có lấy một người, chỉ toàn thấy gông cùm xiềng xích gãy nát. Vương Thiếu Phủ sợ quá không biết là do đâu.

Bỗng nhiên có 4 người đến nói: *"Lệnh vua sai đến bắt vì làm loạn cõi Âm, dám phá cõi của Ta"*. Liền bắt Vương Thiếu Phủ vào một hang trống rồi cho sống lại. Quả thật, Tôn Thắng Đà La Ni có thần lực không thể nghĩ bàn".

Ngay lúc đó, Ngũ Đài Sơn Vương Khai Sĩ và Vương Thiếu Phủ đều cùng nói rõ Bản Trì Tụng, xem lại câu văn thấy đều giống nhau như một Bản, hai người cùng lay tạ. Vương Sơn Nhân nói: *"Bản của tôi thọ nơi Thánh Công Ngũ Đài Sơn"*.

Vương Thiếu Phủ nói: *"Bản của tôi thọ nơi Kim Cang Trí Tam Tạng có đề trong rương Phạm"*.

Ba người cùng xem xét lại, thấy giống nhau như một. Nên biết chúng sanh nghe Pháp có lúc lưu truyền Giáo Pháp, cũng có lúc cảm thán, Thế Gian chân thật khó có.

Đây là lấy từ Phạm Bản của Kim Cang Trí Tam Tạng, còn Truyền Bản của Ngài Phật Đà Ba Lị cũng có câu văn đồng nhau. Như trong Bản cũ có 9 câu 69 chữ. Ngoài Ba Lị Tăng Huệ Lâm nhân lúc sửa Đại Tạng Mục Lục chưa nhập vào Tạng Kinh hơn 600 quyển cùng với Bản của **Võ Triệt** Đà La Ni Cảm Ứng Thần Nghiệm thấy đều y nhau. Tựa của quyển, năm Nguyên Hòa thứ 14, Ất Sửu. **Tương Đại Phu** triều trước với đồng sự là Xá Nhân **Trương Thừa Phước** cùng trăm Trai Tăng mỗi mỗi đều thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni có công hiệu, từng bị Minh Sư (cõi Âm) bức bách, do oai lực bất khả tư nghị của Chân Ngôn mà không bị khổ lại còn cứu bạt các khổ cho quần sanh. Có ghi nơi Truyện *"Lâm ở Thành Đô Phủ"* được chép trong Tạng Kinh vào thời Như Ý, năm thứ hai, tháng 3, ngày 13

## SỰ CẢM ỨNG CỦA PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Khai Nguyên, năm thứ 26, mùa Đông. Có Thần Đô **Trương Phiêu Trương Sử**, từ thuở nhỏ đã hiếu dưỡng cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết bị trầm luân nơi Ác Đạo. Do thành tâm báo ân, luôn nghĩ cứu độ, bèn vào trong núi tụng trì Tôn Thắng Đà La Ni, chí thành cầu nguyện mong thấy vong linh cha mẹ được sanh về cõi an lạc. Ngày ngày đọc tụng không dứt, trong 6 năm vẫn không thấy hiệu nghiệm nên muốn thoái tâm. Bỗng nhiên thấy một ông già dung mạo khác thường nói rằng: *“Đây không phải là Chú không linh nghiệm, cũng không phải là người không tận lực. Nhưng tại vì cách Phật khá xa, phiên dịch phần lớn thiếu sót rất nhiều”*.

Ông lão liền truyền miệng cho. *“Nay sao lục một Bản y câu văn, tụng trì mỗi 7 ngày tất được thấy cha mẹ”*

Liên y theo Khẩu Quyết của ông lão, chí tâm lễ lạy, ngược đầu lên thì ông lão biến mất, không rõ là Hiền Thánh nơi nào, sợ hãi vô cùng, càng thêm chí thành, y như lời dạy của Văn Bản chuyên tâm thọ trì. Trải qua 6 ngày, tức vong linh cha mẹ đều đến, thương tiếc khôn nguôi, buồn vui lẫn lộn là lẽ đương nhiên, rồi nói rằng: *“(Chúng ta) bị đọa trong Địa Ngục lớn, thọ các khổ, trải qua nhiều năm. Nhờ công lực chí thành của con, nay gần được sanh Thiên. Nay từ cõi Tiên mà xuống cùng con gặp nhau”*. Oai quang và tướng cũng đổi thay, thuật lại đầy đủ các nhân duyên như khi còn sống.

Phàm làm con hiếu, xem được việc cảm ứng này sao lại không để tâm nơi lời Thánh dạy, không cần biết đến, chạy theo 6 Tình, ham đắm Dục Lạc thì được ích gì?!... Như Thích Tử **Mục Liên** cứu mẹ, việc này có trong sách sử. Trương Sử chí thành mà có cảm ứng như vậy.

Sau lại có Tăng Truyện, tụng niệm được Xá Lợi và Cảnh Giới rất nhiều. Sau đến Đông Đô ghi lại việc này vì muốn cho người biết được để làm theo mà lưu truyền cho Đệ Tử nhà Phật. Trường Khánh năm thứ ba, tháng 4, trung tuần, Huyện Úy **Mã Dương Thu Mãn** trước ở Phụng Thiên. sau dời về núi Bồ, trụ ở Đông Thành Thạch Tử, Phường Cự Đệ, trì Bản Tôn Thắng của Ba Lợi 15 năm chưa từng bỏ qua. Sau lại đến núi Bồ trải qua nhiều tháng, bỗng nhiên mộng thấy một vị Thần mặc giáp, dung mạo khác thường nói rằng: *“Người chí thành trì tụng Chân Ngôn này sao lại không đến chùa Cảnh Phước phường Đông Lang ? Có một vị Tăng trì niệm Bản Tôn Thắng linh nghiệm. Nếu trì thì công lực tăng thêm rất nhiều”*.

Nghe rồi rất sợ hãi, mồ hôi tuôn ướt áo, mong sáng để đi đến gặp vị Tăng kia. Sau nhiều ngày mới được gặp vị Tăng đó, Pháp Danh là **Nghĩa Truy**. Gặp rồi thưa hỏi, quả nhiên vị này đã tu Pháp Môn đó từ lâu, xa gần đều theo học. Tăng hỏi rằng: *“Có việc gì mà đến đây?”*

(Mã Dương Thu Mãn) ngồi xuống xong xuôi mới trình bày việc trong mộng. Truy nói: *“Lạ thay! Lạ thay! Ta cất Bản này, xưa nay chưa ai biết được. Nay ông được Thần Nhân chỉ dẫn. Ta không dám cất dấu”*.

Rồi bảo Đệ Tử đem tráp đến mở ra, đúng thật là chân truyền. Nhận xong liền trở về xem lại Bản cũ của Ba Lợi có rất nhiều sai sót, mới y Pháp tu hành theo Bản mới, thân nghiệm vô cùng. Được truyền Tôn Thắng Du Già, 2 quyển mới biết Thánh dạy rõ ràng, làm các Pháp Độ không thể dùng Phạm Trí. Ghi lại nhân duyên truyền cho người cùng chí hướng.

## PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

**Nam mô bà nga phạ đế, dát ra lộ chỉ dā, bát ra đế vĩ thi sắt tra dā, một đà dā, bà nga phạ đế.**

(NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE)

**Đát nễ dā tha: Úm\_ Vĩ thuật đà dā, vĩ thuật đà dā.**

(TADYATHĀ: OM\_ VIŚODHAYA VIŚODHAYA)

**Sa ma sa ma, tam măn đa phạ bà sa**

(ASAMA SAMA\_ SAMANTA AVABHĀSA)

**Sa bạt ra nōa nga đế nga ha năng, sa phạ bà phạ, vĩ thuật đế.**

(SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE)

**A tỳ tiến tả đô hàm**

(ABHIṢIMCA TUMĀM)

**Tát nga đa, a dữu tán đà, a mật lạt đa tỳ kế.**

(SUGATA VARA VACANA AMṚTA ABHIṢEKAI)

**A ha ra, a dữu tán đà ra ni, thú đà dā thú đà dā.**

(ĀHARA ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ\_ ŚODHAYA ŚODHAYA)

**Nga nga năng vĩ thuật đế.**

(GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sắc nị sái vĩ nhạ dā, vĩ thuật đế.**

(UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa ba sa ra, ra thấp minh, tán tổ nễ đế, tát phạ dát tha nga đa**

(SAHASRA RAŚMI SAṂSUDĪTI SARVA-TATHĀGATA)

**Phạ lô yết nễ sa tra bà ra mật đa bà lợi đế ra ni.**

(AVALOKANA SAD-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI)

**Tát bà dát tha nghiệt đa, ngật lị đà dā, địa sắt sa năng, địa sắc xỉ đa, ma ha mầu nại ra.**

(SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRA)

**Phạ nhật ra ca dā, tăng ha đa năng, vĩ thuật đế.**

(VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE)

**Tát phạ ra nōa bà da đột lạt yết đế, bạt lị thuật đế.**

(SARVA-AVARAṆA-PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Bát ra đế ninh tỳ a đa dā dục, thuật đế. Tam ma dā, địa sắc xỉ đế.**

(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE \_ SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Ma ninh, ma ha ma ninh.**

(MAṆI MAHĀ-MAṆI)

**Đát khuyết đà bộ đa câu trí, bạt lị thuật đế.**

(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE)

**Vĩ sa phổ tra một trì thuật đế.**

(VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE)

**Nhạ dā, vĩ nhạ dā.**

(JAYA\_ VIJAYA)

**Sa ma ra, sa ma ra.**

(SMARA SMARA)

**Tát phạ một đà, địa sắc xỉ đa thuật đế.**

(SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE)

**Phạ nhật rì, phạ nhật ra, tát bệ phạ nhật lam, bà phạ đô**

(VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU)

**ma ma (Xưng tên...) Xá lợi lam. Phạ tát đỏa năm dĩa, ca da, bạt lệ thuật đệ.**

(MAMA ŚARIRAM SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIVISUDDHE)

**Tát phạ nga đế, bạt lệ thuật đệ.**

(SARVA-GATI PARISUDDHE)

**Tát phạ đát tha nghiệt đa, thất dã, minh, ma, thấp phạ bà diễn đô.**

(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát phạ đát tha nghiệt đa, ma thấp phạ sa, địa sắc xỉ đế.**

(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

**Một địa dã, vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã**

(BUDDHYA \_ VIBODHAYA VIBODHAYA)

**Tam mãn đa, bạt lệ thuật đệ**

(SAMANTA PARISUDDHE)

**Tát phạ đát tha nghiệt đa, ngật lệ đà dã, địa sắc sá năng, địa sắc xỉ đa, ma ha mẫu nại ra, tát phạ ha**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRA\_ SVĀHĀ)

GIA CÚ LINH NGHIỆM TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

\_Một Quyển (Hết)\_

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

GIA TỰ CỤ TÚC BẢN

**Năng mô bà nga phộc đế, đát-lại chỉ dã, Bát-la đế, vĩ thủy sắt-tra dã, một đà dã, bà nga phộc đế**

(NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE)

**Đát nễ-dã tha: Úm\_ Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**

(TADYATHĀ: OM\_ VIŚODHAYA VIŚODHAYA)

**Sa ma sa ma, tam mãn đá phộc bà sa**

(ASAMA SAMA\_ SAMANTA AVABHĀSA)

**Sa-phả la noa, nga đế, nga hạ năng, sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ**

(SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE)

**A tị tru tả đồ hàm**

(ABHIṢIṀCA TUMĀM)

**Tổ nga đá, phộc la, phộc tả năng. A mật-lật đá tị sái kế, ma hạ mạn đát-la bả nãi.**

(SUGATA VARA VACANA AMṘTA ABHIṢEKAI MAHĀ-MANTRA-PADA)

**A hạ la, a hạ la. A dữu, tán đà la ni. Thú đà dã, thú đà dã.**

(ĀHARA ĀHARA\_ ĀYUḤ SANDHĀRANĪ\_ ŚODHAYA ŚODHAYA)

**Nga nga năng, vĩ truật đệ.**

(GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sát-ni sái vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ**

(UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa ha sa-la , la thấp-minh, tán tổ nễ đế. Tát la-phộc đất tha nga đá**  
(SAHASRA RAŚMI SAṂSUDĪTI SARVA-TATHĀGATA)

**Phộc lộ ca nãnh, sa tra-bá la nhĩ đá, bả li bố la ni**  
(AVALOKANA SAD-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI)

**Tát la-phộc đất tha nga đá hột-li ná dĩa. Địa sắt-xá nãng, địa sắt-xĩ đá. Ma hạ mẫu nại-li.**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ)

**Phộc nhật-la ca dĩa, tăng hạ đá nãng, vĩ truật đệ**  
(VAJRA-KĀYA SAMHATANA VIŚUDDHE)

**Tát la-phộc phộc la noa, bá dĩa, nạp nghiệt đế, bả li vĩ truật đệ**  
(SARVA-AVARAṆA-PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Bát-la để nãnh, miệt la-đá dĩa. A dục, truật đệ. Tam ma dĩa, địa sắt-xĩ đế**  
(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE \_ SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Ma ni, ma ni, ma ha ma ni**  
(MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI)

**Đát đạt đá, bộ đa cú trí, bả li truật đệ**  
(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE)

**Vĩ sa-phổ tra, một địa, truật đệ**  
(VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE)

**Nhạ dĩa, nhạ da. Vĩ nhạ dĩa, vĩ nhạ dĩa**  
(JAYA JAYA \_ VIJAYA VIJAYA)

**Sa-ma la, sa-ma la**  
(SMARA SMARA)

**Tát la-phộc một đà, địa sắt-xĩ đa, truật đệ**  
(SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

**Phộc nhật-li, phộc nhật-la nghiệt tỳ. Phộc nhật-lam, bà phộc đồ**  
(VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU)

**Ma ma (Xung tên.....) Thiết li ổn, tát la-phộc tát đát-phộc nan tả, ca dĩa, bả li vĩ thú đệ.**

(MAMA ŚARIRAṂ SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIVIŚUDDHE)

**Tát la-phộc nga đế, bả li truật đệ**  
(SARVA-GATI PARIŚUDDHE)

**Tát la-phộc đất tha nghiệt đa thất-giã, minh tam ma thấp-phộc sa diễm đồ**  
(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát la-phộc đất tha nghiệt đa, tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xĩ đế**  
(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

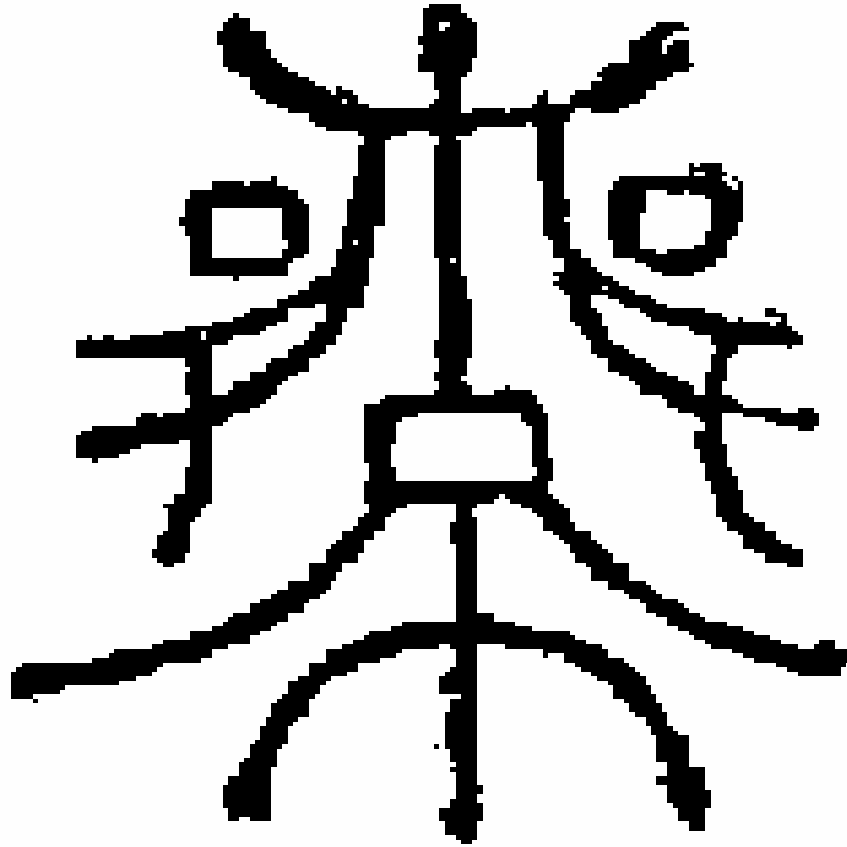
**Một địa-dĩa, một địa-dĩa. Vĩ một địa-dĩa, vĩ một địa dĩa**  
(BUDDHYA BUDDHYA \_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA)

**Mạo đà dĩa, mạo đà dĩa. Vĩ mạo đà dĩa, vĩ mạo đà dĩa**  
(BODHAYA BODHAYA \_ VIBODHAYA VIBODHAYA)

**Tam mãn đá, bả li truật đệ**  
(SAMANTA PARIŚUDDHE)

**Tát la-phộc đất tha nghiệt đá hột-li ná dĩa. Địa sắt-xá nãng, địa sắt-xĩ đa. Ma hạ mẫu nại-li, Sa-phộc ha**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ)



Đà La Ni này trong Bản của Thiên Trúc Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY đem truyền tại cõi này. PHẬT ĐÀ BA LỢI lại đem lưu truyền các Bản đều thiếu. Do đây nên lấy Bản đầy đủ để lưu hành

Hiệu chỉnh xong vào ngày 21/05/2014



## GHI CHÚ NGHĨA CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Hán văn: Chùa Đại Hưng Thiện \_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT  
KHÔNG phụng chiếu dịch  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Năng mô bà nga phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Đát-lạt lộ chi-dã (3 đời, 3 cõi)

त्रिलोक्य

TRAILOKYA

Bát-la để vĩ thủy sắt-tra dã (Tối thù thắng)

प्रतिविष्टया

PRATIVISISTAYA

Một đà dã (Đấng Đại Giác)

बुद्धय

BUDDHĀYA

Bà nga phộc đế (Thế Tôn)

भगवते

BHAGAVATE

Đát nễ-dã tha (Áy là, liền nói Chú)

तद्यथा

TADYATHĀ

Án (tất cả Pháp vốn chẳng sinh, cũng nói là 3 Tạng, Như Lai Vô Kiến Đỉnh  
Tướng)

ॐ

OM

Vĩ thú đà dã (Tĩnh trừ), vĩ thú đà dã

विशुद्धय विशुद्धय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Sa ma, sa ma, tam mãn đa phộc bà sa (Chiếu diệu khắp mọi nơi)

समं समं समं सर्व्वसु

ASAMA SAMA SAMANTA AVABHĀSA

Sa-phả la noa (dang duỗi vòng khắp)

स्फुरन्

SPHARANA

Nghiệt để, nga ha năng (rừng đông đúc của 6 nẻo)

गति गतय

GATI GAHĀNA

Sa-phộc bà phộc, vĩ thuận đệ (Tự Tĩnh thanh tĩnh)

स्वस्व विस्वस्व

SVABHĀVA VIŚUDDHE

A tỳ tru giả đồ hàm (Quán Đỉnh cho tôi)

स्वस्वस्व सुख

ABHIMIMCA TUMĀM

Tổ nguyệt đa (Thiện Thệ)

सुगत

SUGATA

Phộc la, phộc giả năng (lời dạy bảo Thù Thắng)

वरि वरन

VARA VACANA

A mật-lị đa tỳ sai kế (Cam Lộ Quán Đỉnh, cũng nói là Bất Tử Cú Quán Đỉnh. Cam Lộ là Pháp Thân Giải Thoát)

अमृतसैक

AMṚTA ABHIṢEKAI

A ha la, a ha la (Nguyện xin nhiếp thọ. Nguyện rũ lòng thương nhiếp thọ. Cũng nói là Hoại khắp cả, thoát các khổ não)

अहल अहल

ĀHARA ĀHARA

A dục, tán đà la ni (nhận giữ gìn Thọ mệnh)

अयुः सधरनि

ĀYUḤ SANDHĀRANĪ

Thú đà dā, thú đà dā (thanh tịnh)

शुधय शुधय

ŚODHAYA ŚODHAYA

Nga nga năng, vĩ thú đệ (như Hư Không thanh tịnh)

गगन ऐशुद्ध

GAGANA VIŚUDDHE

Ô sất-nị sa vĩ nhạ dā, vĩ thuấn đệ (Phật Đỉnh Tôn Thắng thanh tịnh)

उशुष ऐरय ऐशुद्ध

UṢṆIṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

Sa ha sa-la la thấp-nhĩ (1000 ánh sáng)

सहस्र [स]

SAHASRA RAŚMI

Tán tổ nễ đế (cánh giác)

संसृति

SAMSUDĪTI

Tát phộc đát tha nguyệt đa, địa sất-tra năng, địa sất-xĩ đa (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

सर्व तथगत अधिष्ठान अधिष्ठिते

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Ma ha mẫu nại-lị (Ấn Khé. Nếu giải rộng là Thân Ấn, Ngũ Ấn, Tâm Ấn, Kim Cương Ấn như Lý Thú Bát Nhã có ghi)

मह मुद्रि

MAHĀ-MUDRĪ

Phộc nhật-la ca dā, tăng ha đa năng, vĩ thuấn đệ (thanh tịnh câu tòa Thân Kim Cương)

वज्रकय संसृति ऐशुद्ध

VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE

\_ **Tát phộc phộc la noa, bá dā nạp nguyệt đê, bả lị vĩ thuận đê** (tất cả chương thanh tịnh. Tất cả chương là Nghiệp chương, Báo chương, Phiền Nảo chương đều thanh tịnh)

सर्ववाम्पय दुरगति परिविषुद्धे  
SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIVIŚUDDHE

\_ **Bát-la đê nễ mặt đa dā, a dục thuận đê** (Thọ Mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

प्रति वर्यस्य आयुः शुद्धे  
PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE

\_ **Tam ma gia địa sắt-xỉ đê** (Thệ nguyện gia trì)

समधरिषु  
SAMAYA ADHIṢṬITE

\_ **Ma ni, ma ni, ma ha ma ni** (Báu của Thế Gian , cũng nói là Pháp Bảo tức là Phước Đức Trí Tuệ)

मम मम महामम  
MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

\_ **Đát tha đa, bộ đa cú trí, bả lị thuận đê** (Chân Như Thật tế tràn đầy thanh tịnh)

तथा सुत कुरु परिषुद्धे  
TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

\_ **Vĩ tát-phổ tra , một địa, thuận đê** (hiển hiện Trí thanh tịnh)

विष्णु बुद्ध शुद्धे  
VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

\_ **Nhạ dā, nhạ dā** (Tối thắng, tối thắng là 2 Đê **Chân Tục**)

जय जय  
JAYA JAYA

\_ **Vĩ nhạ dā, vĩ nhạ dā** (Thù thắng, thù thắng là 2 Môn **Bi Trí**)

विजय विजय  
VIJAYA VIJAYA

\_ **Sa-ma la, sa-ma la** (niệm trì **Định Tuệ** tương ứng)

स्मर स्मर  
SMARA SMARA

\_ **Tát phộc một đà địa sắt-xỉ đa, thuận đê** (tất cả Phật gia trì thanh tịnh)

सर्व बुद्धधरिषु शुद्धे  
SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE

\_ **Phộc nhật-lê** (Tâm Bồ Đề kiên cố như Kim Cương)

वज्र  
VAJRĪ

\_ **Phộc nhật-la nguyệt bệ** (chứng Kim Cương Tạng)

वज्रगर्भ  
VAJRA-GARBHE

\_ **Phộc nhật-lam bà phộc đở** (Nguyện thành Kim Cương)

वज्र भवतु  
VAJRĀM BHAVATU

\_ **Ma ma** (Tôi, họ tên... Nếu vì người khác niệm tụng thì xưng tên của người đó)

मम  
MAMA

**Thiết li ồm, tát phộc tát đát-phộc nan tả, ca dĩa, vĩ thuận đê** (tát cả thân Hữu Tinh đều thanh tịnh)

सर्वं सर्वान्भव क्तय परिसुद्धं

ŚARIRAM SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA VIŚUDDHE

**Tát phộc nghiệt đê, bả li thuận đê** (Tát cả các nẻo đều thanh tịnh)

सर्वं गति परिसुद्धं

SARVA GATI PARISUDDHE

**Tát phộc đát tha nghiệt đả, tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đê** (tát cả Như Lai an ủi khiến được gia trì)

सर्वं तथगतं समं स्वसत्प्रेतं

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

**Một-dạ, một-dạ, mạo đà dĩa** (khiến ngộ Năng Giác, khiến ngộ Năng Giác)

बुद्धं बुद्धं बोधय

BUDDHYA BUDDHYA BODHAYA

**Thuận đê** (Thanh tịnh khắp cả)

सुद्धं

ŚUDDHE

**Tát phộc đát tha nghiệt đả, địa sắt-tra năng, địa sắt-xỉ đả** (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

सर्वं तथगतं कृत्स्नं स्वसत्प्रेतं

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

**Ma ha mẫu đát la** (Núi Đại Ấn, nhập vào Tỳ Lô Giá Na Man Trà La thọ Quán Đỉnh, sau đó Quán Đỉnh Sư nhận được Bản Tôn Du Già Tam Ma Địa, quán Trí nhất niệm tĩnh tâm. Du Già tương ứng Hành Giả, Biệt Tôn Tâm đẳng đồng với Tỳ Lô Giá Na và các Bồ Tát. Hay hiện nhập tướng thành tựu, mau chứng Trí Tát Bà Nhã)

महा मुद्रा

MAHĀ-MUDRA

**Sa-phộc ha** (Niết Bàn. Có 4 loại Niết Bàn là: Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn, Hữu Dur Y Niết Bàn, Vô Dur Y Niết Bàn, Vô Trụ Xứ Niết Bàn)

स्वहा

SVĀHĀ

Như trên đã chú thích, dùng Đường (chữ Hán), Phạm (chữ Phạn) song đối mà hiển rõ yếu lĩnh của câu cú

Bảo Vĩnh, năm thứ hai, mùa Đông tháng 12, ngày 03. Dùng Như Lai Tạng Bản ghi chép xong.

Cốc Đầu Suất, Viện Kê Đầu. Xà Lê NGHIÊM GIÁC

Vĩnh Bảo, năm thứ ba, Mậu Tuất, tháng 9 sai **Đắc Nhân** ghi chép, sửa chữa xong.  
TỪ NGUYÊN

Văn Chính, năm thứ sáu, Quý Mùi, tháng 6. Dùng Bản của Viện Chân Ngôn trên núi Đông Dung, nhờ người khác ghi chép rồi tự xem xét xong.

LONG CAN

02/03/2012

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI  
CHÂN NGÔN

Hán dịch: Không rõ tên người dịch  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nam mô bát nga phạ đề (1) đát-lặc lộ ca, bát- ra đề vĩ thi sắc tra da (2) mẫu  
đà da (3) bát nga phạ đề (4)

ॐ नमो भगवते त्रैलोक्ये प्रविविषिष्ठाय बुद्धाय नमो नमः

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬAYA BUDDHĀYA  
BHAGAVATE

Đát nễ-dã tha (5): Úm (6) Vĩ thú đà da (7) sa ma sa mạn đa( 8) phạ bà sa(9)  
tắc-bạt ra nũa (10) nga đế nga ha na (11) sa phạ bà phạ vĩ thuật đề (12)

तद्यथा उ विदधत्य मम ममभवरुम सुमि गग गगन सुसव  
रे सुहस

TADYATHĀ: OM \_ VIŚODHAYA, SAMA SAMANTA AVABHĀSA  
SPHARAṆA GATI-GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE

A tỳ tiên dã đồ hàm (13) tát nga đa, phạ ra phạ dã na (14) A mật lị đa tỳ sái  
kế (15) a ha ra (16) a ha ra (17) a dữu tán đà ra ni (18)

सुखेय उम सुगत वर ववन सुसुनरुषके सुकुर सुकुर  
सुसु सुसुमि

ABHIṢIṆCA TUMĀM. SUGATA VARA VACANA AMṚTA ABHIṢEKAI  
\_ ĀHARA ĀHARA ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Thú đà da(19) thú đà da (20) Nga nga na, vĩ thuật đề (21)

विदधत्य विदधत्य गगन रे सुह

ŚODHAYA ŚODHAYA GAGANA VIŚUDDHE

Ô sắc ni sa nhạ dã, vĩ thuật đề (22) sa ha tát-ra, yết ra thấp-nhị, tán chú tắc  
đề (23)

उष्णिषा जया रे सुह मरुसु र्गु संसुदीग

UṢNĪṢA-JAYA VIŚUDDHE SAHASRA-RAŚMI SAṆSUDĪTI

Tát bà đát tha nga đa, địa sắc tra na, địa sắc sĩ đa, mẫu nại lệ(24) phạ nhật-  
la ca da , tăng ha đa na, vĩ thuật đề(25)

सर्वे तथगत अधिष्ठान अधिष्ठिता मुद्रि वज्रकेय संरुगत रे सुह

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA MUDRI VAJRA-  
KĀYA SAṆHATANA VIŚUDDHE

Tát bà phạ ra nũa, vĩ thuật đề (26)

सर्वे सुवर्ण रे सुह

SARVA AVARAṆA VIŚUDDHE

Bát la đề nễ phộc đa da, a dữu thuật đề (27)

प्रतिनि वरुत्य सुसु सुहस

PRATINI VARTTAYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Sa ma đa , địa sắc sĩ đề (28)

समया अधिष्ठिता

SAMAYA ADHIṢṬITE



## PHÁP ĐỌC ÂM PHẠN

Phạm Đà La Ni Chân Ngôn toàn là âm Phạn, chỉ lấy tiếng không lấy nghĩa. Xưa nay phần nhiều bị mất âm gốc. Vì phiên dịch văn tự có khác cho nên phần nhiều kẻ tu học nghi ngờ không quyết định, ghi không rõ ràng (xem chú ở bên) tự quyết định cho là như thế không cần biết đúng sai. Nay Dịch Giả (người viết Bản Kinh này bằng chữ Hán) thêm phần chú thích cho hợp với gốc rễ (xem chú ở bên). Xem lại Bản mới không sai một mảy, không nghiên cứu mà là nghiên cứu. Đây là bệnh chung của Đà La Ni. Nếu không có ghi chú ở bên thì không đọc đúng âm, y theo đây mà điều chỉnh, sở hữu chữ ở bên miệng đều do uốn lưỡi mà ra tiếng, ra vào theo 4 Âm làm gốc, hợp với Chú, 2 chữ cùng hòa một lúc đọc nhanh, đây là Nhị Hợp.

Đà La Ni này có 53 câu, trong đây cũng có một ít ngưng nghỉ, xin kẻ hậu học rõ biết từng câu để khỏi bị sai lầm (trong mỗi câu, nghỉ một lúc. Những chữ ghi Nhị Hợp thì đọc mau) Hết thấy Phật Bộ Đà La Ni, hết thấy Bồ Tát Kim Cang Đà La Ni Chân Ngôn đồng như vậy, cũng như tên của tiếng Hán, tên của Ta... cũng có 4 âm: Bình (đều) Thượng (cao) Khứ (mau) Nhập (nuốt vào) tiếng cùng nhau mà đọc. Theo đây âm Phạn của Nam Thiên Trúc và âm của chư Thiên là một loại. Nếu cần niệm tụng Phạm Âm, trước cần phải học Phạm Âm, chỉ có 14 âm cùng 10 âm của tiếng Hán, xem trong Phạm Văn Tự của Kinh Niết Bàn tức ngộ được Phạm Âm. Phần dịch Kinh ở trên đề riêng, đem thẳng vào sách là **Ca Diếp Lợi Sa** dịch. Như Học Giả thọ Chân Ngôn nơi Thầy rồi, nên lập Đạo Tràng, mỗi ngày tắm gội, mặc áo mới sạch, theo Thời niệm tụng. Nếu không đủ 4 Thời thì 2 Thời không thể thiếu. Đầu tiên khi vào Đạo Tràng, quỳ 2 gối, kết Kim Cang khởi Ấn, 2 tay Kim Cang Quyền, Đàn Huệ (2 ngón út) cùng móc nhau, Tấn Lực (2 ngón trỏ) trụ 3 lần chiêu mời. Chân Ngôn là :

“**Úm Ma chiết lộ để sắc tra** “

ॐ वज्रो त्रिष्ट

OM VAJRO TIṢṬA

3 lần chiêu mời, mỗi lần tụng một biến, tức quán chư Phật như cát sông Hằng tụ tập trong Đạo Tràng, dùng Tâm quán thành rồi liền cần vẽ Tượng.

## PHÁP VẼ TƯỢNG

Phạm muốn làm Pháp thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni Chương Cú. Trước cần vẽ Tượng. Lấy lụa trắng tốt đẹp, nhờ Đồng Nữ dệt thành 3 bức cao một trượng, trong các màu sắc không được dùng keo da (ND: Bây giờ có thể dùng hộp màu), lấy nước thơm. Người thợ vẽ cần thọ Tam Quy Ngũ Giới, mặc áo mới sạch, mỗi lần vào nhà cầu thì mỗi lần tắm gội, cho đến khi vẽ xong, cần tu Tịnh Trai không được ở cùng đàn bà, nơi chốn vẽ không được nuôi gà chó, không cho người uống rượu ăn thịt đến gần, nếu không thì làm Pháp sẽ không thành. Cần thận cho đến lúc vẽ xong, người làm Công Đức cùng Họa Sĩ ở lẫn lộn với kẻ khác.

Bắt đầu ngày mồng một khởi công. Nếu như khởi đầu vào ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất. Vẽ 5 ngọn núi Cam Lô. Trong núi có cây cối, hoa quả, suối chảy, ao nước, chim **Ca Lăng Tàn Già** (Kalaviṅka) Cộng Mạng, sư tử, các thú. Trên đỉnh núi có hang động, trong động vẽ Thích Ca Mâu Ni ngồi Kiết Già Phu, bên phải vẽ Thiên Chủ Đề Thích cùng với hết thấy quyền thuộc vây quanh, bên trái vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ**, mặt mày đoan chánh như Bồ Tát, có các Anh Lạc, mào hoa trang nghiêm, dùng miệng lụa trắng cột ở bắp tay trái, tay phải cầm cây Trượng (gậy tròn) sau đó vẽ quyền thuộc Càn Thát Bà vây quanh ca múa tấu nhạc. Hai bên Đức Phật vẽ 4

vị Thiên Vương với các Tỳ Tù. Bên trái, phía dưới vẽ Phạm Thiên Vương và tượng Ma Vương đứng. Bên phải, phía dưới vẽ Ma Hê Thủ La. Hướng dưới, trong nước có Long Vương màu trắng và đỏ.

Vẽ Tượng xong, thiết lễ Trai Tăng 49 vị. Sau đó, đeo treo trong Đạo Tràng 49 ngày niệm tụng không được ra khỏi Đạo Tràng cũng không cho ai vào trong Đạo Tràng. Vật cúng dường mỗi mỗi đều tự đem vào, chỉ đốt Trầm Hương tốt. Mỗi ngày ăn các món tốt, không ăn các thứ rau. Bơ, Mật, sữa, cháo đựng đầy trong bát cúng dường, dùng các hoa quả ngon ngọt cúng dường, không lấy các thứ hoa quả của cây có gai và cây ở nơi ô uế. Trai qua 7 ngày, lấy đất nơi Phước Đức làm Đàn. Có Pháp cầu thỉnh riêng như trong Kinh Hoa Nghiêm.

## PHÁP LÀM ĐÀN TÔN THẮNG

Phạm làm Đàn. Thứ nhất là ở nơi có núi sâu không có người đến, thứ hai là nơi có nguồn suối, thứ ba là chùa núi có hình thế, thứ tư là nơi Thành Ấp có chùa lớn Phước Đức.

Trước khi làm Đàn, niệm tụng Quân Trà Lợi Kim Cang Tâm Chân Ngôn 7 ngày, thấy cảnh giới trong mộng như: Hoa tốt đẹp, Bà La Môn Tăng, Trời, Người, Đạo Sĩ, Hình Tượng, Càn Thất Bà, Thiên Chúng, Kim Cang, Bồ Tát, Phật...lầu gác, tháp báu, cung điện chư Thiên. Đây là mộng tốt.

Nếu thấy heo con, chó, lục súc... tức cần phải tắm rửa sạch sẽ, cầu thỉnh. Lại dời đi chỗ khác y như trên tụng Quân Trà Lợi Chân Ngôn cho đến khi có ứng.

Nếu hợp được Thánh Tâm tức ở nơi đó dẹp bỏ ngôi, đá, ác vật. Nơi đất Phước Đức đắp cao lên, đất vuông 8 khuỷu tay, bên trong làm Đàn 4 khuỷu tay, cao một gang tay, lấy đất vàng tốt nhào thành bàn tròn, một cân bột Bạch Đàn trộn với bùn ròi tụng Chú. Chú có trong **Đà La Ni tập thứ 8: Ô Sô Sắc Ma** Đàn Pháp có nói Chú bùn và Chú nước. Cần một Đồng Tử khoảng 15 tuổi (trên dưới 15 tuổi) để sai khiến các việc nơi Đạo Tràng. 4 góc Đàn, mỗi nơi để một cái bình, miệng bình cắm nhánh lá. Trước Đàn để một bình nước bằng đồng hoặc bằng sành. Lấy 5 thứ Hương: Trầm, Tô Hợp, Bạch Đàn, Long Não, Tiên Hương... Lấy nhựa hương làm nước Ứ Già. Lại lấy riêng một chén hoặc đồng hoặc bạc hoặc vàng đựng đầy nước Uất Kim. Quý dài bung nước Hương cầu thỉnh chư Phật ba đời, hằng sa Bồ Tát khắp Pháp Giới Kim Cang, 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên), Thiên Chủ Đế Thích, Phạm Vương, Chúng Trì Chủ Tiên “**Ngày này giờ này nhận sự cúng dường của con. Hôm nay con kết Đàn trì niệm Phật Đảnh Tôn Thắng Chân Ngôn. Cúi xin Thánh Chúng xót thương giáng lâm Đạo Tràng nhận sự cúng dường của con làm cho Pháp Giới an ninh không có các khổ não. Nếu có các khổ não ,xin được xa lìa, giải thoát**”. Phát Nguyện như vậy xong, đem Chú nước hương để trên Đàn, tụng Tôn Thắng 40 biến, tưởng hằng sa chư Phật ngự trong Đạo Tràng. Nếu có Địa Thiên Vương trong Đạo Tràng này gây các việc sợ hãi thì không được dùng lời khác và sân hận các hàng người... Nếu như có người khác ở ngoài đền cũng nên dùng lời nhỏ nhẹ, không được to tiếng, cúng dường các món ăn uống.

Dựa theo Đàn lúc trước, treo 49 lá phan, 4 mặt treo 4 phan Thiên Vương và phan Kim Cang, gia trì Chú dây mà treo quanh 8 khuỷu tay bên ngoài làm Giới. Đàn mở 4 cửa, mỗi cửa để một lư hương, trong lư đốt các hương thơm tốt, không để cho gà, chó, đàn bà đến bên Đàn. Ngày đêm 6 thời hoặc 4 thời niệm tụng.



## PHÁP NIỆM TỤNG TÔN THẮNG

Phạm muốn niệm tụng Tôn Thắng Chân Ngôn. Ngồi ở mặt Đông của Đàn, hướng về phương Tây. Một ngày 4 thời, 6 thời, cứ một thời lấy 108 biến làm hạn định. Mỗi thời đủ biến số rồi thì phát nguyện rộng lớn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển tức thời Tượng Vẽ phóng ra ánh sáng lớn. Ngay lúc đó Pháp Thành, không được nghỉ. Niệm tụng trừ số gốc, mỗi thời cầu thỉnh. Duỗi 2 cánh tay kết Kim Cang Hợp Chương để trên đánh, duỗi thẳng 2 chân để toàn thân sát đất, lễ Đông Phương Bất Động Như Lai. Nơi biến Tâm (Tâm Hải) tuôn ra dăng hiển. Chân Ngôn là:

**“Úm\_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhu bà tát tha na da, a đáp ma nam, niết lệ da đa dạ nhị. Tát bà đát tha nghiệt đa, bạt chiết la tát đỏa, địa sắc tra, tát phạ hàm, hồng”**

ॐ सत् गणनाग सरु पञ्चनय मन्त्रं ॐ नम एष सत् गणनाग वरुमनप्रेष मं ॐ

OM (Quy mệnh) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) PŪJA (Cúng dường) PASVĀNĀYA (Thừa sự) ATMĀNĀM (Thân của con) NIRYĀTA (Phụng hiến) YĀMI (Nay con) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA-SATVA (Kim Cang Tát Đỏa) ADHIṢṬA (Thủ hộ) SVĀMAM (Cho con) \_ HŪM (Chủng tử của Kim Cang Bộ)

Làm cúng dường như vậy. Tâm Hải hiển niệm: *“Vì muốn thừa sự hết thấy Như Lai nên con dăng hiển Thân này, cúi xin hết thấy Như Lai (và Kim Cang Tát Đỏa) xót thương gia hộ”*

(HT: Câu in nghiêng là nghĩa của Chân Ngôn lễ Bất Động Như Lai ở phương Đông \_ Các câu bên dưới cũng vậy)

Lại co 2 chân dùng Kim Cang Hợp Chương để ở trái tim, cúi vàng trán sát đất lễ Nam Phương Bảo Sanh Như Lai. Dùng **Tâm Hải** lưu xuất dăng hiển. Chân Ngôn là :

**“Úm\_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhạ, tỳ sai ca da, đáp ma nam, niết lệ dạ đa, dạ nhị. Tát bà đát tha nga đa, bạt chiết la, ra đát na, a tỳ tiến dã hàm, đát-lạc”**

ॐ सत् गणनाग सरुपञ्चनय मन्त्रं ॐ नम एष सत् गणनाग वरुमनप्रेष मं ॐ

OM (Quy mệnh) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) PŪJA (Cúng dường) ABHIṢĒKĀYA (tác Quán Đỉnh) ATMĀNĀM (Thân của con) NIRYĀTA YĀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA-RATNA (Kim Cang Bảo) ABHIṢIMCA MAM (Nguyện Quán Đỉnh cho con) TRĀḤI (Chủng tử của Bảo Bộ)

Niệm như vậy: *“Vì cúng dường hết thấy Như Lai, cầu thỉnh Quán Đảnh. Nay con dăng hiển thân xong, nguyện hết thấy Như Lai dùng Kim Cang Bảo quán đảnh cho con”*

Lại dùng Kim Cang Hợp Chương để nơi đánh, để miệng chạm đất lễ Tây Phương Vô Lượng Thọ Như Lai. Lại dùng thân dăng hiển. Chân Ngôn là:

**“Úm \_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát ra vật lạc đa da, đáp ma nam, niết lệ da đa, dạ nhị. Tát bà đát tha nghiệt đa, bạt chiết la, đạt ma, bát ra vật lạc đa da hàm, hạt-ri”**

ॐ सत् गणनाग सरु सुवक्त्रनय मन्त्रं ॐ नम एष सत् गणनाग वरुवम सुवक्त्रनय मं ॐ



ॐ मन् ऋ मय म् ।  
OM \_ MAHĀ-KĀRUNĀYA SPHARA

Lại vận **Tâm Từ** (Maitri-citta) biến **Yết Ma Luân** (Karma-cakra) khắp cõi chúng sanh ban cho vô lượng vui sướng. Chân Ngôn là :

”**Úm \_ Ma ha mê đát-ri, tát bán ra** “

ॐ मन् मय म् ।  
OM \_ MAHĀ-MAITRIYA SPHARA

Lại vận **Tâm Hỷ** biến **Yết Ma Luân** tràn khắp cõi chúng sanh. Chân Ngôn là:

”**Úm \_ Tát bà bột đà, bát ra mẫu na, tát bán ra**”

ॐ सर्व बुद्ध प्रमोद म् ।  
OM \_ SARVA BUDDHA PRAMODA SPHARA  
(Bản khác ghi là: **Om \_ ‘Suddha Pramoda sphara**)

Lại vận **Yết Ma Luân** tràn khắp cõi chúng sanh thành tựu **Đại Xả**. Chân Ngôn là:

”**Úm \_ Ma hô bé khát sai, tát bán ra** “

ॐ मन् उष म् ।  
OM \_ MAHĀ-UPEKṢA SPHARA

Sau lại kết Tam Muội Da Ấn. Kiên Cố Phục, 2 ngón cái hợp nhau thẳng. Chân Ngôn là:

”**Úm \_ Tam Ma Da, tát đát phạm**”

ॐ सम्यक् ।  
OM \_ SAMAYA STVAM

Lại kết Duyệt Hỷ Tam Muội Da Ấn. Như trước Phục, co Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) vào giao nhau, hợp thẳng Địa (ngón út), Không (ngón cái). Chân Ngôn là :

”**Úm \_ Tam ma da hác, tát ra đa, tát đát phạm**”

ॐ सम्यक् श्रु श्रु ।  
OM \_ SAMAYA HOḤ SURATA STVAM

Lại kết Khai Tâm Ấn. Trước ở vú phải để chữ Phạm **Đát-ra** (𑖔\_ TRĀ) Vú trái để chữ **Tra** (𑖔\_ Ṭ) như cánh cửa, như Kim Cang Phục, Khế và Chân Ngôn đều kéo đẩy 3 lần trên trái tim. Chân Ngôn là:

”**Úm \_ Phạ nhật ra, mẫn đà, đát la tra**”

ॐ वज्र व श्रु ।  
OM \_ VAJRA ABANDHA TRĀṬ

Lại ở trước mặt một khoảng, quán hoa sen 8 cánh, trên có chữ A (𑖔) phóng ánh sáng lớn màu trắng như thủy tinh. Dùng Kim Cang Phục, ló 2 Phong (2 ngón trỏ) như cái vòng vịn lấy chữ ấy, để ở trong Tâm Điện (Cung điện ở trái tim). Chân Ngôn là:

”**Úm \_ Phạ nhật ra, vị xá, ác** “

ॐ वज्र म श्रु ।  
OM \_ VAJRA AVIŚA AḤ



“ Úm \_ Tát bát ra, phạ nhật ra “

ॐ ष्ट्र वज्र

OM \_ SPHARA VAJRA

Lại quán Phạ Nhật Ra (Vajra) dần dần thu nhỏ lại đồng Thể với các Như Lai ở trong Hư Không , lượng ngang bằng Thân của Ta rồi dừng lại. Chân Ngôn là:

“ Úm \_ Tăng hạ ra, phạ nhật ra”

ॐ ष्ट्र वज्र

OM \_ SAMHARA VAJRA

Lại suy nghĩ như vậy: “*Thân Ta bây giờ thành thân Kim Cang*”. Chân Ngôn là:

“ Úm \_ Phạ nhật ra đạt ma câu hàm “

ॐ वज्र अट्मका उहम्

OM \_ VAJRA-ATMAKA-UHAM

Mỗi mỗi tự biết rõ Ngũ Trí Kim Cang ấy, tức lại biến thành thân Bản Tôn. Thân có 4 cánh tay, 2 tay trên làm như thể bắn tên, tay phải bên dưới cầm chày Kim Cang để ở trái tim , tay trái bên dưới kết Kim Cang Quyền cầm cái chuông Kim Cang để cạnh eo lưng, nhãn mày, miệng cười , dây đai màu trắng, mũ Ngũ Phật, khoác Thiên Y, ngồi Bán Già trên hoa sen trong Nguyệt Luân. Liên kết Căn Bản Ấn, tụng Chân Ngôn là:

“ Trá chỉ, hồng , nhạ “

ॐ ह्रीं ष्ट्र

TAKKI HŪM JAḤ

Dùng Ấn gia trì 4 nơi: trái tim, vàng trán, cổ họng, đánh đầu. Sau đó kết Kim Cang Giới Tự Tại Ấn. Kiên cố Phục, thẳng 2 Hòa (2 ngón giữa) co phần đầu chạm nhau, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) để nơi lưng (ngón giữa). Chân Ngôn là:

“ Úm-Bộ khiếm “

ॐ ष्ट्रः खम्

OM \_ BHUḤ KHAM

Dùng Ấn để nơi đánh, sau lại để nơi trán. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, tát đát phạ”

ॐ वज्रसत्त्वा

OM \_ VAJRA-SATVA

Tiếp, để bên phải đánh đầu. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, ra đát na “

ॐ वज्र रत्ना

OM \_ VAJRA-RATNA

Lại để sau ót, tụng Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, đạt ma

ॐ वज्रधर्म

OM \_ VAJRA-DHARMA

Lại để bên trái đánh đầu. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, yết ma “

ॐ वज्रकर

OM \_ VAJRA-KARMA

Lại dùng Kim Cang Quyền để nơi trán, chia ra hướng về sau ót, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) cột xoắn 3 vòng. Liền bung duỗi từ Địa Luân (ngón út). Sau đó từ 2 lông mày rũ xuống làm thế rũ dây đai. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, ma lệ, tịch tru dã hàm “

ॐ वज्रमालाभिसिंका मम

OM \_ VAJRA-MĀLE ABHIṢIMCA MĀM

Lại tưởng 2 chữ Phạn ở ngay mặt 2 Phong (2 ngón trỏ). **Úm** (ॐ\_ OM) bên phải, **Châm** (ॐ\_ TUM) bên trái phóng ra ánh sáng màu xanh lục giống như dây tơ. Liền dùng dây tơ quấn quanh trái tim 3 vòng. Tiếp đến lưng, rốn, eo, 2 gối. Lại quay ngược lại đến sau eo, tiếp đến trái tim, cổ, trán, sau ót. Liền như thế rũ Thiên Y lúc trước. Tụng Chân Ngôn là :

“ Úm, châm”

ॐ ॐ

OM TUM

Lại kết Ấn Hỷ Duyệt. Kim Cang Phục, vỗ tay 3 lần. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, đồ sử hác “

ॐ वज्रतुष्य

OM \_ VAJRA TUṢYA HOḤ

Lại quán Tịnh Nguyệt Luân. Quán chữ ॐ (AḤ) hóa thành Bản Tôn, kết Kim Cang Nhập Ấn. Kết Phục xong, co kèm Không (2 ngón cái) vào bên trong. Chân Ngôn là :

“Úm \_ Phạ nhật ra, tát đát phạ, ác “

ॐ वज्रसत्त्व

OM \_ VAJRA-SATVA AḤ

Lại có Chân Ngôn là :

“ Phạ nhật ra, tát đát phạ, nễ lệ xả dã “

वज्रसत्त्व ईश

VAJRA-SATVA DRŚYA

Tiếp dùng 4 Ấn, 4 Minh triệu nhập thân. Dùng Hỷ Duyệt Tam Muội Gia lúc trước, 2 Hỏa (2 ngón giữa) làm 4 Nhiếp. Chân Ngôn là :

“Nhược, hồng, vam, hắc”

ॐ ह्रं वं कः

JAḤ HŪM VAM HOḤ

Sở Quán lúc trước là **Pháp Thân** (Dharma-kāya). Nay Sở Nhập là **Trí Thân** (Jñāna-kāya), cùng hợp nhau biểu thị cho một Thể.

Tiếp nên dùng Tâm Cúng Dường Môn này trang nghiêm Thế Giới. Trong Đàn quán hoa sen trắng, cộng là Kim Cang Diệu Sắc, 8 cánh đủ râu nhụy với mọi báu tự trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng ánh sáng, trăm ngàn chúng hoa sen vây quanh.

Trên đó, lại quán tưởng Tòa Đại Giác Sư Tử, dùng Bảo Vương (các loại ngọc ngà châu báu cực quý hiếm) đặt xen kẽ lẫn nhau. Ngay trong cung điện của Trời có các cây trụ báu bày hàng. Khắp nơi treo phan, lọng. Các râu chuỗi ngọc treo xen kẽ, rủ treo các áo diêu báo. Mây hương hoa bao phủ cùng các đám mây báu tuôn mưa các hoa báu. Đất đủ màu rực rỡ. Các nhạc khí tấu các âm thanh vui thích đẹp ý. Tưởng trong cung điện có các Hiền Bình tịnh diêu với Ú Già. Cây hoa báu rộ nở. Đèn Ma Ni chiếu sáng đất Tam Muội Tổng Trì, Thái Nữ của Tự Tại, Phật Ba La Mật .... Hoa Bồ Đề Diêu Nghiêm, phương tiện làm Chúng Kỹ nhạc, ca ngâm Diêu Pháp Âm.

*Dùng sức công đức của Ta  
Sức gia trì của các Như Lai  
Cùng với sức của Pháp Giới  
Cúng dường khắp rồi trụ*

Hư Không Khô Minh Chân Ngôn là :

“**Na ma tát bà đát tha nghiệt đế biêu, vĩ thấp phạ mục khế tộ. Tát bà tha khiếm, ôn nghiệt đế tát phả ra, hê hàm, nga nga na kiêm, sa phạ ha**”

ॐ नमः सर्वगतगुरुः शिवशिवगुरुः सर्वेषु सुं उक्तं मुनि नमः गगनं कुरु

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ\_ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ\_ SARVATHĀ KHAṀ UDGATE SPHARA HĪMAṀ GAGANAKAṀ SVĀHĀ  
Tụng câu Chân Ngôn này 3 biến thì Thiện Nguyên đã phát đều được thành tựu.

Ở trong Đàn, trên Tòa Sư Tử quán chữ ॐ (OM) làm **Bản Tôn**.

Trước Tôn an chữ ॐ (MA) làm **Ý Sanh Kim Cang** (Manoja-vajra)

Bên phải an chữ ॐ (HĀ) làm **Kế Lị Chỉ La Kim Cang** (Kilikila-vajra) .

Phía sau an chữ ॐ (SU) làm **Ái Lạc Kim Cang** (Rāga-vajra)

Bên trái an chữ ॐ (KHA) làm **Ý Khí Kim Cang** (Māna-vajra)

Ở góc Tây Bắc an chữ ॐ (VA) làm **Ý Sanh Kim Cang Nữ** (Manoja-vajriṇī)

Ở góc Đông Bắc an chữ ॐ (JRA) làm **Kế Lị Chỉ La Kim Cang Nữ** (Kilikila-vajriṇī)

Ở góc Đông Nam an chữ ॐ (SA) làm **Ái Lạc Kim Cang Nữ** (Rāga-vajriṇī)

Ở góc Tây Nam an chữ ॐ (TVA) làm **Ý Khí Kim Cang Nữ** (Māna-vajriṇī)

Cửa Đông an chữ ॐ (JAḤ) làm **Sắc Bồ Tát** (Rūpa-bodhisatva).

Cửa Nam an chữ ॐ (HŪM) làm **Thanh Bồ Tát** (Śabda-bodhisatva).

Cửa Tây an chữ ॐ (VAM) làm **Hương Bồ Tát** (Gandha-Bodhisatva).

Cửa Bắc an chữ ॐ (HOḤ) làm **Vị Bồ Tát** (Rasa-bodhisatva).

Bên ngoài, góc Tây Bắc an chữ ॐ (SU) làm **Thời Xuân Bồ Tát** (Vasanta-bodhisatva)

Góc Đông Bắc an chữ ॐ (RA) làm **Thời Vũ Bồ Tát** (Varṣā-bodhisatva)

Góc Đông Nam an chữ ॐ (TA) làm **Thời Thu Bồ Tát** (Śarad-bodhisatva)

Góc Tây Nam an chữ ॐ (STVAṀ) làm **Thời Đông Bồ Tát** (Hemanta-bodhisatva)

Tiếp, ở tận cùng trái tim an chữ ॐ (ॐ\_ OM), hai bên chữ an chữ NHƯỢC (ॐ\_ JAḤ) thành **Bản Tôn**.

Liên kết nhóm Ấn của **Câu** (Amkuśa), **Sách** (Pāśa), **Tỏa** (Sphoṭa), **Linh** (Ghaṃṭa) để cầu thỉnh.

Hai tay Kim Cang Quyền, Địa Luân (Ngón út) cùng móc ngược nhau, dựng thẳng 2 Phong (2 ngón trỏ) Co Phong bên phải (Ngón trỏ phải) như móc câu. Kết xong tụng Chân Ngôn, Dùng ngón trỏ phải chiêu mời 3 lần. Đây là Kim Cang Câu Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm \_ Phạ nhật ra, ương câu xá, nhược**”

ॐ वज्रकुशले

OM \_ VAJRA-AMKUSA JAḤ

Không đôi Ấn trước, 2 Phong (2 ngón trỏ) giao mặt nhau, 2 tay cùng trụ, hơi hở như cái lỗ. Đây là Kim Cang Sách Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm \_ Phạ nhật ra, bạt xá, hồng**”

ॐ वज्रपाशे

OM \_ VAJRA-PĀSA HŪM

Không đôi Sách Ấn, 2 Phong (2 ngón trỏ) móc ngược nhau. Đây là Tỏa Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm \_ Phạ nhật ra, tát bồ tra, vam**”

ॐ वज्रफोते

OM \_ VAJRA-SPHOTA VAM

Không đôi Tỏa Ấn, Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) dựa mặt nhau. Đây là Linh Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm \_ Phạ nhật ra, kiện tra, hắc**”

ॐ वज्रकेतवे

OM \_ VAJRA-GHAMṬA HOḤ

Do **Kim Cang Câu Ấn** hay hàng Bản Tôn

Do **Kim Cang Sách Ấn** hay dẫn Thánh Giả

Do **Kim Cang Tỏa Ấn** hay khiến thường đứng yên ( Trụ chỉ )

Do **Kim Cang Linh Ấn** hay khiến vui vẻ.

Lại nên hiển Ứ Già. Dùng Kim Cang Hợp Chương Ấn, ngang bằng cạng tay hướng về bên trái , tụng Chân Ngôn để Ấn nơi bình Ứ Già rồi hiển. Chân Ngôn là :

“**Úm \_ Ra ma tố khư xả dã, ba ra lệ đa, năng ma đỏi lật năng ma nhĩ bà nga văn đam, nhược , hồng, vam, hóc. Hệ bát ra để xa câu sách mạn nhạ khác năng tra**”

ॐ पारमसुखमित्य सर्वत्र विलसानमितौर्ण म म रगतं णं सु  
हं वं के ले ले ले ले पणिक कुशले सुखेण

OM \_ PARAMA-SUKHĀŚAYA \_ SALALITA \_ VILĀSANAMITAURNA  
MĀ MI BHAGAVAM TAM \_ JAḤ HŪM VAM HOḤ \_ HI HI HI HI \_  
PRATĪCCHA \_ KASUMĀM JALIRNĀTHĀ

Tiếp, tay trái nắm Kim Cang Quyền đặt bên cạnh eo, tay phải nắm Kim Cang Quyền ngửa để ở trái tim. Chân Ngôn là :

“**Hắc, Phạ nhật ra, tát đát phạ, tố ra đa, tát đát vam**”

के वज्रसर्व सुगतं सु

HOḤ \_ VAJRA-SATVA SURATA STVAM

Đây là Kim Cang Vương Ấn



Lại Quyền trái làm như cầm cây cung, Quyền phải làm như cầm mũi tên. Đây là Ý Sanh Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, tát đất liệt, hồng”

ॐ वज्रसत्वे हूं

OM\_ VAJRA-SATVE HŪM

Hai tay nắm Kim Cang Quyền, bên phải đè bên trái. 2 cánh tay giao nhau trước ngực. Đây là Kế Lị Chi La Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, kế lị, hồng”

ॐ वज्रकिलि हूं

OM\_ VAJRA-KILI HŪM

Lại dùng Kim Cang Quyền trái đỡ nơi chỗ (khủy tay) phải. Dựng thẳng quyền phải như cây phượng. Đây là Ai Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra, la lị , hắc”

ॐ वज्ररगि हः

OM\_ VAJRA-RĀGĪ HOḤ

Lại 2 Quyền đều để 2 bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra nghiệt mạt hê nễ”

ॐ वज्रकामदेह

OM\_ VAJRA-KĀMA HINI

Lại làm như bắn cung, xong hướng xuống dưới nhẹ nhàng. Đây là Ý Sanh Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra nễ lị sắc trí sa dã kế ma tra”

ॐ वज्रदृष्टिसद्यकमद्र

OM\_ VAJRA-DRṢṬI SAYAKE MAT

Lại ôm nhẹ nhàng như trên. Đây là Kế Lị Chi Lị Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm \_ Phạ nhật ra , kế lị chi lị, hồng”

ॐ वज्रकिलिकिलि हूं

OM\_ VAJRA KĪLIKĪLE HŪM

Lại như cây phượng (Tràng) lúc trước. Đây là ái Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm \_ Phạ nhật ra ni, tát ma ra, ra tra”

ॐ वज्रमस्ररत्न

OM\_ VAJRINĪ SMĀRA RAṬ

Lại như trên, 2 Quyền để bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“Hắc , phạ nhật ra , ca mê thất phộc lý đất lam”

हः वज्रकामेश्वरं

HOḤ\_ VAJRA-KĀMEŚVARE TRĀM

Tiếp, hai (quyền) ở bên trên buông xả. Đây là Thời Xuân Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm\_ Phạ nhật ra, bố sát bé”

ॐ वज्र पुष्प

OM\_ VAJRA-PUSPE

Lại, hai (quyền) ở bên dưới buồng xả. Đây là Thời Vũ Ân. Chân Ngôn là :

“Úm\_ Phạ nhật ra, độ bé”

ॐ वज्र दुप

OM\_ VAJRA-DHUPE

Lại nhắm 2 mắt. Đây là Thời Thu Ân. Chân ngôn là :

“Úm\_ Phạ nhật ra, lộ kế”

ॐ वज्र मलक

OM\_ VAJRA-ĀLOKE

Lại dùng hai (bàn tay) xoa nơi ngực . Đây là Thời Đông Ân. Chân Ngôn là :

“Úm\_ Phạ nhật ra, nghiêng đề”

ॐ वज्र गन्ध

OM\_ VAJRA-GANDHE

Lại như Câu (Câu Ân) lúc trước. Đây là Sắc Ân. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Sách (Ân) ở trên. Đây là Thanh Ân. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Tỏa (Ân) lúc trước. Đây là Hương Ân. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Linh (Ân) lúc trước. Đây là Vị Ân. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Sắc Chân Ngôn là :

“Úm\_ Phạ nhật ra, ương câu thi, nhạ”

ॐ वज्र कुशे ऋ

OM\_ VAJRA-AMKUSÉ JAḤ

Thanh Chân Ngôn là :

“ Úm\_ Phạ nhật ra, bặt thế, hồng”

ॐ वज्र परि हं



ॐ ह्रीं मूँ  
TAKKI HŪM JAH

Niệm tụng có 4 tùy theo điều yêu thích. Mỗi thời một ngàn hoặc một vạn. Chú tâm định số. Trong hết thấy các Thời lấy số đầu tiên làm hạn định, rồi dọn đồ cúng dường, trình bày điều cầu xin. Sau đó mới Thỉnh hết thấy. Đây dùng Tam Muội Gia Ấn lúc đầu để trên danh.

“**Úm \_ Phạ nhật ra, tát đất phạ, mục**”

ॐ वज्रसत्त्व मु

OM\_ VAJRA-SATVA MUH

Phát Khiển xong. Trong mọi Thời rộng tu gốc rễ lành (Thiện Bản), chuyên tụng Kinh Điển Đại Thừa, cho đến trụ vào Thiền Tịch... đừng làm các sự nghiệp bất thiện. Đối với Pháp Thiện Tĩnh quyết chí tu hành. Tâm cố gắng cắt đứt các việc ác. Tức trong hiện đời được thành tựu và 16 đời sau thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)

Ở trong Nguyệt Luân quán chữ **Hác** (ॐ\_ HĀH) làm thân Kim Cang Tát Đỏa màu chu sa, tay phải để ngay trái tim cầm chày Kim Cang, tay trái cầm cái chuông (Linh). Liên kết Nhập Ấn kèm tụng 4 Minh dẫn vào thân của mình, mỗi mỗi rõ ràng xong. Liên quán trên gốc áy (Bỉ căn) có chữ **Hật-ri** (ॐ\_ HRĪH) thành hoa sen trắng. Thân Tát Đỏa nhập vào hoa sen kia biến khắp các chi phần cũng như mặc áo. Chân Ngôn là :

“**Úm \_ Bạt chiết la, ra nga da ( bỉ danh), hắc**”

ॐ वज्र रगदा ह

OM\_ VAJRA-RĀGĀYA (Tên gọi của Tể Chủ....) HĀH

### PHÁP RIÊNG NIỆM TỤNG TÔN THẮNG THỨ BA

**Pháp thứ 1:** Nếu người muốn được sống lâu, không đọa vào các đường Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La và diệt các tội. Mỗi Thời chí tâm tụng Tôn Thắng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm thương xót hết thấy chúng sanh. Liên tiêu diệt được 4 thú (4 nẻo bất thiện) và tội lỗi

**Pháp thứ 2:** Nếu có Phi Đẳng La Sát, Quỷ Thần vào trong đất nước gây khủng bố não loạn hết thấy chúng sanh. Kết Ấn để ở danh, xưng: “**Nam mô Phật**” trong tâm nhớ tụng Tôn Thắng 108 biến, tức nơi đó các tai nạn đều tiêu diệt

**Pháp thứ 3:** Nếu có người không tin, chỉ chế tâm một chỗ, chuyên làm Pháp này tức được Đại Nghiệm làm cho kẻ kia được tín tâm. Làm Pháp được hiệu nghiệm liền có gió mát nhập vào nơi thân, trên thân da dẻ xấu xí và các ách nạn đều bị gió thổi khiến da xấu bị mất, ác nạn bị tiêu diệt.

**Pháp thứ 4:** Nếu có người muốn được Đại Tự Tại. Trong 7 ngày, đối 4 phương tụng Tôn Thắng Đà La Ni 108 biến. Lấy 7 loại lúa trộn với đất vàng làm bùn, đắp làm hình người để ở 4 phương. An trí xong thì cầu gì đều xứng ý.

**Pháp thứ 5:** Muốn diệt các tội nơi thân. Ở dưới cửa thành làm Pháp như trên liền được Quả Nguyện

**Pháp thứ 6:** Muốn diệt các tội đã làm từ trước. Ở các ngã tư đường làm Pháp trên tất được.

**Pháp thứ 7:** Muốn diệt hết thấy tội cho chúng sanh. Ở trước Tháp làm Pháp trên tức được.

**Pháp thứ 8:** Muốn cứu hết thầy chúng sanh bị tội khổ nơi Địa Ngục. Mỗi Thời kết Phật Đảnh Ân, tụng Chú 21 biến rồi hướng về phương Tây xa Ân thì tội khổ nhất định tiêu diệt, không nên nghi.

**Pháp thứ 9:** Muốn thí cho loài Nga Quỷ. Chú vào nước sạch 21 biến rồi đem rải 4 phương, tâm nghĩ thí cho Nga Quỷ, tức chúng được nước uống.

**Pháp thứ 10:** Muốn cứu hết thầy tội khổ của Súc Sanh. Chú vào đất vàng 21 biến rồi rải trên súc sanh và rải 4 phương thì tội khổ liền được tiêu diệt.

**Pháp thứ 11:** Muốn cứu các tội khổ của Người, Trời cùng các khủng bố, đọa lạc. Lấy hoa năm màu, Chú 21 biến rồi tán rải Tam Bảo và Phật Đảnh. Tức tội khổ được tiêu diệt.

**Pháp thứ 12:** Nếu có vương nạn, binh nạn, khẩu thiệt khởi lên. Chú 21 biến vào nước 5 thứ hương nấu lên rồi tắm Phật và vẩy trên Phật Đảnh, tức được tiêu trừ.

**Pháp thứ 13:** Nếu có Sa Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng... muốn được đủ Phước Đức. Mỗi ngày Phát Nguyện, Sám Hối, tụng Tôn Thắng 7 biến rồi đem Công Đức này hồi thí cho hết thầy chúng sanh. Chỉ làm như vậy liền được như nguyện, tăng Phước, giàu sang.

**Pháp thứ 14:** Nếu có chúng sanh muốn diệt trừ hết thầy chướng nạn, nghiệp chướng. Xé lụa 5 màu làm cái phất, tụng Chú rồi quét bụi nơi Tượng và Kinh. Thường làm Pháp này thì tội nghiệp của hết thầy chúng sanh được tiêu diệt.

**Pháp thứ 15:** Nếu có khẩu thiệt nổi lên. Lấy Bạch Mật tốt đựng đầy trong chén sạch. Lấy Châu sa hòa Bạch Mật, Chú 21 biến rồi đem xoa môi của 108 Tượng Phật thì khẩu thiệt bị tiêu diệt.

**Pháp thứ 16:** Nếu có người bị bệnh nằm liệt trên giường. Lại muốn được hết thầy mọi người nhớ nghĩ kính trọng. Lại có người muốn cầu hết thầy sự nghiệp của Thế Gian và Xuất Thế Gian, tâm không nhất định bị Quỷ Thần gây nhiễu loạn, mộng tưởng điên đảo. Nên lấy 108 lá Kim Bạc (Vàng lá) Chú 21 biến, dùng đắp 108 hình tượng. Trước Phật Đảnh, kết Ma Ni Bảo Châu Ân liền được tiêu trừ hết thầy chướng nạn, sở cầu như ý.

**Pháp thứ 17:** Nếu trong nước bị Quỷ Thần dựa cùng Khí Tật Bệnh lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh viết Chú, dùng Bạch Đàn làm cái trap đựng, lấy sáp gắn trap lại rồi treo trên 4 cửa thành, lấy 5 thứ lụa làm lọng che trap, trước cửa để một Bản tức tật bệnh tiêu diệt.

**Pháp thứ 18:** Nếu trong nước, ngũ cốc không tốt, mưa gió trái mùa. Nên lấy lụa trắng làm một cái phan, vẽ 21 đầu Tôn Thắng làm Phật Đảnh Ân và đặt cao 80 thước trên đất, hướng về phương Nam. Tức mưa gió thuận thời, năm lúa tốt tươi, nhân dân an lạc, Rong ác hội tâm làm việc lành, A Tu La Vương không gây chướng nạn.

**Pháp thứ 19:** Nếu gặp mưa lớn, nước không ngừng dâng cao. Dùng lụa tốt vẽ Tôn Thắng, 21 tấm, treo nơi Chánh Nam. Tức trời quang mưa tạnh.

**Pháp thứ 20:** Nếu có ác tặc nổi lên. Lấy lụa xanh vẽ Tôn Thắng, 21 bức. Ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ**, 2 tay cầm tên rồi treo nơi chánh Đông thì ác tặc liền lui.

**Pháp thứ 21:** Nếu quốc vương muốn gây tai họa. Dùng vật mới làm 108 Phù Đồ Tướng Luân, lấy lá giã lấy nước vẽ một Bản Tôn Thắng rồi an trí trên mỗi đầu Tướng Luân và đựng trong Trap thì tai họa liền lui, được Phước Đức sống lâu.

**Pháp thứ 22:** Nếu người sang kẻ hèn muốn được cứu độ và tự hộ thân, cầu tài bảo được vừa ý. Nên khởi lòng lành không tán loạn. Mỗi ngày trước tượng Phật, kết Ân tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng Phật không nháy mắt. Làm Pháp như vậy liền được Phước Lực đầy đủ, sau khi mạng chung nhất định không bị đọa vào Địa Ngục.

**Pháp thứ 23:** Nếu có người nữ muốn cầu con trai con gái. Ngày một bày biện các món ăn uống tốt đẹp ngon lành, đem cho kẻ ăn xin, người bệnh. Khi cho, miệng luôn luôn tụng Tôn Thắng không dứt. Làm như vậy tức được con.

**Pháp thứ 24:** Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho vợ, chồng mặc liền được hòa thuận.

**Pháp thứ 25:** Nếu có người nữ bị Quỷ dựa không rời bỏ. Nên chánh niệm trên thân Ma sa, dùng tay chặn tức Quỷ mau bỏ chạy đi nơi khác. Nếu có người nữ không có chồng, lấy muối sạch không cần nhiều ít, giá trị 100 biến rồi cúng cho Hiện Tiền Tăng ăn liền được có chồng.

**Pháp thứ 26:** Nếu có Ngoại Nhân, quốc vương, vương tử, đại thần, bách quan.... Không tin Phật Pháp. Lấy sữa bò vàng không có ghè lác, 3 con. Chú 21 biến vào nước, cõ rồi cho bò ăn mỗi ngày. Khi muốn uống sữa, lại giá trị nơi bò. Sau đó, lấy bát đựng đầy sữa lại giá trị 21 biến rồi rải 4 hướng nơi đất. Người bưng sữa cần mặc áo mới sạch, miệng nói: *“Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ cùng Thiên Đế Thích. Việc ở đây nên tụng lo lấy”*. Người trì Chân Ngôn liền vào thành thì quốc vương, vương tử, đại thần, Ngoại Đạo, những kẻ không tin Phật Pháp thấy người trì Chú sanh lòng rất vui vẻ, khen ngợi và nghe theo, được lòng tin lớn không có thay đổi.

**Pháp thứ 27:** Nếu nơi chỗ ở có các Rồng ác, người trì Chú muốn hàng phục. Nên lấy sữa bò đen, giá trị 21 biến, đun lên rồi rải nơi ao Rồng. Nếu Rồng hiện lên thì bảo: *“Không được phá hoại chúng sanh nơi đây”* rồi an trí nơi chốn cũ. Nếu không chịu hiện lên, không bỏ nghiệp ác. Liền giá trị 21 biến, vẩy trong ao tức bằng phẳng như trên đất, rồi bảo rằng: *“Hãy đi nơi khác mà ở”*. Người niệm tụng giá trị trong 21 biến rồi nói: *“Không được đi lại lộn xộn”* Nếu chí tâm tức được ứng nghiệm.

**Pháp thứ 28:** Nếu nơi chỗ ở có ác Quỷ Thần. giá trị đồ ăn 21 biến mà cho họ rồi bảo rằng: *“Ta bảo người không được làm hại chúng sanh thì được ở nơi đây. Nếu không tức phải đi”*. Quỷ Thần ác nếu không nghe lời, liền lấy đinh sắt dài mười hai chỉ, giá trị 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần ác đều bỏ chạy đi nơi khác. Người Trì Tụng an trí chỗ cho Quỷ Thần rồi bảo: *“Các người ở nơi đây không được đi lung tung”*

**Pháp thứ 29:** Người niệm tụng mỗi khi muốn đi đâu, lấy cây phất trắng chú 108 biến rồi cầm cây phất mà đi sẽ không bị nạn khổ của các loài súc sanh.v... được giải thoát.

**Pháp thứ 30:** Nếu muốn các vong giải thoát các nạn khổ, người Trì Tụng ngồi trong Thi Đà Lâm, 7 ngày, ngày 3 thời tụng Chân Ngôn tùy ý nhiều ít, sau 7 ngày lấy đất nơi đó mà rải thì các vong liền được xa lìa các khổ, vĩnh viễn xa lìa ác đạo, được sanh Thiên.

**Pháp thứ 31:** Nếu có người bị Tinh Quỷ nhập, người niệm tụng nơi trước giường người bệnh, ngay gần chánh niệm, tay để nơi mặt bệnh nhân, tâm không rời nơi mặt người bệnh thì bệnh liền lành. Nếu tâm có sai khác thì Quỷ trở lại, sau đó dùng tâm quán tưởng. Nếu buồn bán ế ẩm, sở cầu không được vừa ý, nên kết Ấn niệm tụng mỗi thời 21 biến, để hình Thiện Trụ ở nơi kín đáo cúng dường thì sở cầu liền được.

**Pháp thứ 32:** Nếu muốn đi vào trong núi rừng gặp hổ, lang, sư tử, các ác thú... khi muốn vào trước nơi cửa núi tụng Chân Ngôn 108 biến, giá trị vào đất vàng 7 biến rồi lấy đất ngậm nơi miệng, lần lượt phun ra vào trong núi, miệng nói: *“Các cầm thú ác độc trong đây thấy đều tiêu diệt, đất này thuộc về Ta. Nếu y theo Pháp của Ta làm theo thì được ở. Nếu không thuận theo tức mau đi khỏi, miệng liền bị ngậm không mở ra được”*. Người Trì Niệm thấy các loại đó... tức gom lại một chỗ lấy tay xoa lên chúng giá trị 21 biến, bảo rằng: *“Ta cho người được mở miệng”* rồi bảo đi ra khỏi giới, giữ gìn nơi đây không được tổn hại hết thấy tất cả chúng sinh Niệm Tụng Phát



NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ OM BHRŪM GACCHA GACCHA  
HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Hàng Phục Khế. Ngón cái của 2 tay vịn góc ngón vô danh, chấp tay lại, để 2 ngón trỏ trên 2 ngón cái.

Phát Khiển Khế. Tay phải : Ngón trỏ để ở góc ngón cái, nắm tay lại thành Quyền (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

“**Úm Tam mãn dã, sa đā vam**”

ॐ स म र्म द्यं स द्वा व म

OM \_ SAMAYA STVAM

Chú này , tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đánh vượt hơn 3 cõi.

VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ TÂM CHÂN NGÔN

Bấy giờ Kim Cang Thủ Bồ Tát, hết thấy Bồ Tát... đều ở trước Tỳ Lô Giá Na Như Lai mỗi mỗi đều nói Tự Tâm Chân Ngôn.

Văn Thù Bồ Tát bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng vì muốn cho hết thấy chúng sanh mau được thành tựu Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên nói Bản Tâm Chân Ngôn”

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng: “Nay chính là lúc ông có thể nói”

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói Chân Ngôn là :

“**A , ra, bạt, giả na**”

ॐ [ ॐ ] ॐ ॐ ॐ

A RA PA CA NA

Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân hay tụng trì Chân Ngôn này tức là thọ trì hết thấy Pháp Tạng của Như Lai, mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu muốn thọ trì, trước cần phải nhập vào Tam Ma Gia A Giá Lê Da. Vào ngày 14 , 15 của kỳ Bạch Nguyệt, trong Thất thanh tịnh, xoa đất làm một cái Đàn tròn. Dùng Chiên Đàn, Long Nảo trộn lại tô trên Đàn. Chính giữa vẽ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm tạng Kim Cang. Quanh Đàn vẽ 5 chữ Tâm Chân Ngôn, không được lẫn lộn sai sót. Đốt các thứ hương, rải các thứ Hoa thơm cúng dường.

A Xà Lê kết Kim Cang Ấn tụng trì. Tụng xong, liền dẫn Đệ Tử vào Đàn, thọ Pháp Môn Tam Ma Gia, thọ Tâm Chân Ngôn. Xong dạy kết Ấn Kim Cang. Trước kết Kim Cang Phục. Phục xong dựng thẳng 2 ngón giữa co lỏng ở trên. 2 ngón giữa cùng trụ , trên An để hoa cúng dường. Xong lại bảo rằng: “Pháp Môn này là Tạng Bí Mật của chư Phật, cẩn thận không được xem nhẹ mà nói cho kẻ khác. Nếu nói tức phá Pháp Tam Muội Gia. Nay Ta vì người mà nói nghĩa này. Người nên lắng nghe, thọ trì và thường nhớ niệm”

Gọi là A (ॐ \_ A) đây là nghĩa Vô Thượng, là Pháp Môn chung của hết thấy chư Phật.

RA ( [ ॐ ] \_ RA) là thanh tịnh không chướng, xa lìa các Pháp trần cấu

BẠT ( ॐ \_ PA) là Đệ Nhất Nghĩa Đế, Chân Thật Lý

GIẢ ( ॐ \_ CA) là Đại Tánh không tịch, không có Hành Tướng

NA ( ॐ \_ NA) là các Pháp thường **Không Tánh** (Śūnyatā). Nói năng , chữ nghĩa đều không thể được.



Người nên tu học Pháp Môn Tâm Chân Ngôn này, thường quán **Tâm xưa nay vốn thanh tịnh, không nhiễm, không dính mắc, không Ngã, không Ngã Sở, lìa tướng phân biệt, tự tánh Niết Bàn**. Vào Pháp Môn này gọi là **Tam Ma Địa** (Samādhi). Đây gọi là Chân Thật Niệm Tụng. Nên biết Công Đức của người này thù thắng vô lượng vô biên.

Hành Giả thọ Pháp này xong. Mỗi ngày 4 Thời vào Đàn niệm tụng, cúng dường như trên. Suy nghĩ trong Tâm Pháp Môn Chân Ngôn, nhập Tam Ma Địa.

Như Pháp niệm tụng một biến hay trừ hết thủy hỏa. Tụng hai biến, thì hết thủy tội đều tiêu diệt. Tụng ba biến thì Tam Muội hiện tiền. Tụng bốn biến được Tổng Trì chẳng quên (ghi nhớ không quên). Tụng năm biến, hay thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chí tâm tụng mãn một tháng thì Văn Thù Sư Lợi tự hiện thân, hoặc ở trong Hư Không vì Hành Giả nói Pháp, tức được Túc Mạng Trí, biện tài vô ngại, Thần Túc tự tại, thành tựu mọi sở nguyện, mau chứng Như Lai Pháp Thân và Kim Cang Thân.

Nếu không thể làm Đàn thì dùng lụa tốt như trên mà vẽ cũng được. Tụng Chân Ngôn mãn năm vạn biến sẽ được Trí Tuệ, Biện Tài không khác Văn Thù.

Lại có Pháp thọ trì riêng. Ở trước Tháp Xá Lợi, dùng các thứ hương trộn lại xoa tô đất, làm một Đàn tròn, viết 5 chữ Phạm Tự Chân Ngôn, đi nhiều quanh hành Đạo, tụng mãn 50 vạn biến thì Văn Thù Sư Lợi liền hiện thân nói Pháp, thường được Phật và Cháp Kim Cang Bồ Tát gia bị, nơi cầu nguyện đều thành tựu

Ngoại Lục của Đạo Sư...

Ngự Nhật ghi: Dùng Ngự Ngoại Đề Bản Thư ghi chép...

\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/05/2014

## PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI BIỆT PHÁP

Hán dịch: Vị Tăng của nước Quy Tư là NHA NA (**Jñāna**)phụng chiếu dịch  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Miệng nói tay ghi truyền cho vị Tăng KHỔ NĂNG của chùa Sùng Phước. Nhân đây mà lưu truyền.

Trước là **Vẽ Tượng**. Muốn thọ trì Chú này, trước cần vẽ tượng. Dùng lụa trắng tốt, ba bức cao một trượng, màu vẽ không được dùng keo da mà dùng nhựa hương. Họa Sĩ cần thanh tịnh, không được ăn ngũ tân. Từ ngày một bắt đầu, trong 7 ngày phải vẽ xong. Vẽ núi Cam Lô, trong núi có đủ các thứ cây cối, hoa quả, suối khe, cầm thú. Giữa núi có hang, trong hang vẽ **Thích Ca Mâu Ni** ngồi Kiết Già, bên trái vẽ **Đế Thích Thiên Chủ** cùng các Thiên Chúng vây quanh, bên phải vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ** đoạn chánh như Bồ Tát, đầu tóc áo mũ đều y vậy, dùng các thứ Anh Lạc mào hoa trang sức. Dùng miếng lụa trắng buộc ở cánh tay trái, tay phải cầm cây gậy tròn và vẽ các Càn Thát Bà quyền thuộc vây quanh. Hai bên Đức Phật vẽ 4 vị Thiên Vương cùng các quyền thuộc. Lại bên trái đức Phật vẽ **Phạm Vương** và **Ma Vương**. Vẽ xong làm Đàn thọ Pháp.

**Kết Đàn**. Đàn Pháp này, trước cần đất sạch không có gạch đá. Lấy 5 thứ nước hương trộn với đất vàng làm bùn đắp Đàn vuông vức một trượng. Giữa Đàn rộng một khuỷu tay vẽ Phật Đánh, tóc biếc như con ốc màu xanh. 4 mặt ngoài Đàn, để các món ăn uống 7 chén, 4 phương để 4 lư hương đều đốt các thứ hương thơm. Cửa Nam để một bình đồng chứa đầy nước 5 thứ hương, cửa Nam an Tòa Đế Thích. Cửa Đông an Tòa Thiện Trụ. Chú Sư ngồi nơi Tòa phía Tây, hướng mặt về phương Đông. Mặt tượng Phật hướng về phương Tây. Lấy phướng 5 màu treo 4 bên ngoài Đàn. Để 5 chén đèn, chính giữa là một chén cao, 4 góc mỗi góc một chén như bên dưới giống hình cái Tháp. Trong Đàn rải các thứ hoa. Vật cứng dường cũng để ngoài Đàn không được để trong Đàn. Làm Pháp 7 ngày, trong 7 ngày tụng đủ số một vạn. Phật Đánh phóng đại quang minh. Chú Sư trong 7 ngày cần phát lồ sám hối, khởi nguyện Đại Bi. Bảy giờ Pháp được thành tựu, không có nghi, chuyên tâm cúng dường được vô lượng Phước.

**Pháp thứ 1:** Nếu người muốn được sống lâu không đọa Địa Ngục, ác đạo, Nga Quỷ, súc sanh, A Tu La cùng diệt các tội nặng. Mỗi thời chí tâm tụng Chân Ngôn 21 biến, khởi nguyện Đại Bi thương xót hết thảy chúng sanh tức tiêu trừ Thập Ac, Ngũ Nghịch.

**Pháp thứ 2:** Nếu có Phi Hành, La Sát, Quỷ Thần vào trong nước gây nhiễu loạn, khủng bố nhân dân. Thường kết Ấn xung “**Nam mô Phật**” tâm tâm nhớ niệm tụng Đà La Ni này tức được như trên, các nạn tiêu diệt.

**Pháp thứ 3:** Nếu có người không tin, chỉ chí tâm một chỗ, thường làm Pháp này tức được đại nghiệm. Xong khiến cho người không tin được tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm thì có gió Bạch Tộc thổi đến nhập vào thân. Trên thân, da dẻ dơ xấu xí đen đúa và các nạn được gió thổi đến đều biến mất, ách nạn chướng nặng đều tiêu trừ

**Pháp thứ 4:** Nếu muốn được oai lực tự tại. Trong 7 ngày hướng 4 phương, tụng Chú, dùng các thứ lúa làm hình người để 4 hướng. Tức sở nguyện được như ý

**Pháp thứ 5:** Muốn được diệt các tội nặng nơi thân. Dưới chân cửa Thành, làm như Pháp trên

**Pháp thứ 6:** Muốn diệt các tội cho Tiên Vong. Ở ngã tư đường, làm Pháp như trên.

**Pháp thứ 7:** Muốn diệt tội cho hết thầy chúng sanh. Trước mặt Phật làm Pháp như trên.

**Pháp thứ 8:** Muốn cứu được chúng sanh bị khổ nơi Địa Ngục. Mỗi thời kết Phật Đảnh Ân, tụng Chú, hướng 4 phương mà xả thì tội chướng liền tiêu trừ.

**Pháp thứ 9:** Muốn thí nước cho Ngạ Quỷ. Chú vào nước sạch 7 biển, tán rải 4 phương, dùng tâm mà thí cho thì Ngạ Quỷ liền được uống nước Cam Lộ.

**Pháp thứ 10:** Muốn cứu tội khổ của súc sanh. Chú vào đất vàng 21 biển, rải trên súc sanh và 4 phương. Tức được tiêu diệt tội chướng.

**Pháp thứ 11:** Nếu muốn cứu Trời Người bị các tội sợ bị đọa lạc. Lấy hoa 5 màu, tụng Chú vào hoa, tán rải nơi Tam Bảo và trên Phật Đảnh. Tức hết thầy tội cầu tiêu diệt

**Pháp thứ 12:** Nếu có nạn vua, nạn giặc giã, khẩu thiệt nổi lên. Chú vào 5 thứ nước hương 21 biển, rửa Phật và quán đảnh liền được an lạc.

**Pháp thứ 13:** Nếu Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng... muốn được đầy đủ phước báo. Mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Đà La Ni này đem công đức hồi hướng cho hết thầy chúng sanh. Chỉ làm như vật tất được như ý, hết thầy tội chướng đều tiêu diệt.

**Pháp thứ 14:** Muốn diệt hết thầy tội chướng cho chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cây phát trần, Chú 21 biển quét thân Phật, Kinh. Chí tâm kết Ân, Chú 21 biển thì tội chướng một đời liền tiêu.

**Pháp thứ 15:** Nếu có Khẩu Thiệt. Lấy Mật đựng trong chén sạch, dùng Châu Sa hòa với Mật. Chú 21 biển rồi đem Mật, Châu bôi lên môi của trăm Tượng Phật thì Khẩu Thiệt liền tiêu diệt, được Phước vô lượng.

**Pháp thứ 16:** Nếu người bệnh lâu, nằm liệt trên giường. Lại nếu muốn hết thầy người yêu nhớ cung kính, muốn hết thầy mọi việc Thê Xuất Thê được thành tựu, bị Quỷ Thần não loạn, mộng tưởng điên đảo. Dùng 100 lá vàng, Chú 21 biển rồi dán trên đảnh 100 Tượng Phật, trước Tượng làm hình Ma Ni Châu thì hết thầy tội tiêu, cầu gì đều được.

**Pháp thứ 17:** Nếu trong nước bị Quỷ Thần gây bệnh cùng bệnh Thời Khí lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh vẽ Chú, dùng Bạch Đàn làm cái hộp để đựng, dùng sáp gắn lại. Đứng ở cửa thành, lấy lông 5 màu che hộp. Mỗi cửa để một Bản. Tức Quỷ Thần, tật bệnh đều tiêu trừ không dám đến.

**Pháp thứ 18:** Nếu trong nước không được mùa ngũ cốc, mưa gió thất thường. Lấy lụa trắng làm một cái phướng, vẽ Phật Đảnh Ân treo ở cái phướng cao 80 thước (80/3 m) tức gió thuận mưa hòa, ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an lạc, Quỷ Thần hồi tâm hướng thiện, A Tu La Vương không gây chướng ngại.

**Pháp thứ 19:** Nếu trời mưa nhiều không dứt. Lấy lụa viết Chú, Chú 21 biển dựng nơi đó, liền tạnh mưa

**Pháp thứ 20:** Nếu trong nước có oán địch giặc giã nổi lên. Lấy vải xanh viết Chú 21 tấm, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiên Trụ** với 2 tay cầm cung tên rồi dựng ở chánh đông của cõi nước thì các nạn tự lui.

**Pháp thứ 21:** Nếu trong nước có các tai họa. Dùng đủ các thứ làm 100 Phù Đồ Bức Luân, lại giã lá lấy nước vẽ Chú 10 Bản, để trên đầu Bức Luân trong cái hộp thì tai họa liền tiêu, được phước sống lâu.

**Pháp thứ 22:** Nếu kẻ sang người hèn muốn ủng hộ và hộ tự thân, cầu tài bảo xướng ý. Thường khởi thiện tâm, không cần thời gian. Lễ Phật, kết Ân, tụng Chú 7 biển,

chiêm ngưỡng mặt Phật không chớp mắt. Làm như vậy tức được đầy đủ Phước Đức, khi chết không bị đọa Địa ngục ác đạo.

**Pháp thứ 23:** Nếu người nữ muốn có con. Trong 100 ngày làm các món ăn uống ngon ngọt cho kẻ nghèo khổ ăn xin và kẻ bệnh tật. Khi cho đồ ăn, miệng luôn tụng Chú không được gián đoạn tức được (sinh con).

**Pháp thứ 24:** Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho mặc (thì vợ chồng) liền yêu thương nhau.

**Pháp thứ 25:** Nếu đàn bà không có chồng. Cúng dường hiện tiền Tăng liền được, không có nghi.

**Pháp thứ 26:** Nếu có người, quốc vương, đại thần, trăm quan... không tin Phật Pháp. Lấy sữa của 3 con bò vàng không bị gẻ lác, Chú vào nước, cỏ 21 biến rồi cho bò ăn. Khi mặt trời mọc, vắt sữa đựng trong đồ bằng bạc, lại Chú vào sữa 21 biến rồi đổ nơi đất sạch 4 phương. Người lấy sữa phải mặc áo trắng, miệng nói: *“Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Đế Thích phải tự lo việc này”*. Chú Sư liền vào thành thì quốc vương, đại quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp thấy Chú Sư đều sanh lòng hoan hỷ. Chú Sư nói gì thấy đều tin nhận ngợi khen.

**Pháp thứ 27:** Nếu có người trong Giới, nơi chôn ở có Quỷ Thần ác, nơi ao có Rồng ác. Nếu Rồng hiện lên, Chú Sư bảo rằng: *“Không được làm hại chúng sanh trong đây”*. Y như trên mà an trí. Nếu ngang bướng không bỏ nghiệp ác. Chú Sư lấy cát, Chú 21 biến ném nơi này, Chú vào Rồng 21 biến thì Rồng không dám trái.

Nếu là Quỷ Thần ác, Chú vào thức ăn 21 biến rồi thí cho. Chú Sư bảo: *“Ta bảo người, nếu không làm hại chúng sanh thì được ở đây, nếu làm hại thì rời khỏi nơi đây”*. Nếu Quỷ Thần không nghe theo, liền làm cái cọc sắt dài 22 chỉ, Chú 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần liền bỏ chạy. Chú Sư an trí Quỷ Thần xong lại bảo: *“Nhu đây mà ở, không được lộn xộn”*.

**Pháp thứ 28:** Chú Sư mỗi khi ra đi. Làm một cây phát, Chú 108 biến rồi cầm mà đi. Nếu gặp súc sanh, lấy phát phủi một cái thì súc sanh được lìa khổ, giải thoát.

**Pháp thứ 29:** Nếu muốn Tiên Vong xa lìa khổ, được giải thoát. Ngồi trong Rừng Thi Đà 7 ngày. Ngày 3 thời tụng Chú nhiều ít. Mãn 7 ngày, lấy đất ở chỗ Chú Sư ngồi, vãi 4 phương. Ngay khi vãi (thì Tiên Vong) liền được lìa khổ, sanh lên Trời.

**Pháp thứ 30:** Buôn bán ế ẩm, cầu gì đều không được. Chú Sư kết Ấn, tụng Chú 21 biến. Đế Tạng Thiện Trụ ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được sở cầu, buôn bán có lời.

**Pháp thứ 31:** Nếu có người muốn vào núi rừng gặp sư tử, cọp, sói, cầm thú ác độc. Khi sắp vào nơi cửa núi, tụng Chú 108 biến, chú vào đất vàng rồi ngậm đất ở miệng, hà hơi vào trong núi, miệng nói: *“Cầm thú ác độc có ác độc đều tiêu diệt hết, đất này thuộc về Ta. Nếu hay y theo Pháp Ta thì tùy ý được ở. Nếu không y theo liền mau đi khỏi. Nếu không đi, miệng liền bị cấm”*. Nếu Chú Sư thấy cầm thú, cọp, sói có miệng bị cấm liền gom lại một chỗ, lấy tay xoa trên đầu, Chú 21 biến rồi bảo rằng: *“Ta đây mở miệng cho người. Mau ra khỏi nơi đây và giữ gìn đất đai này, không được làm hại chúng sanh nơi đây”*. Chú xong đuổi đi đến nơi an trí cho chúng ở. Chú Sư ngồi trong núi hơn 2 tháng, không được ngồi thêm rồi đi khắp nơi, sau đó ngồi lại. Nếu ngồi lâu thì cầm thú không được an ổn. Cần phải biết như vậy

**Pháp thứ 32:** Nếu vào trong núi. Các Quỷ Thần xen lẫn, Rồng xen lẫn không cho Chú Sư an ổn ở nơi này. Thấy vậy, Chú Sư liền y theo Pháp mà phân chia. Sư bảo: *“Ta chọn chỗ đất này. Hãy để cho Ta. Nếu đồng ý thì được ở. Nếu cưỡng lại không nghe thì Ta liền cấm trời người không được đi đâu”*. Chú Sư lấy đinh sắt như Pháp mà đóng thì các loài đi ra khỏi Giới không dám vào.

**Pháp thứ 33:** Nếu có các Ròng bị Ngoại Đạo cột trời khiến trong nước không có mưa gió. Chú Sư ở bên suối có Ròng, làm một cái Đàn nhỏ, lấy gốc Dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn. Lấy 3 chén sữa, lạc để trên Đàn. Chú vào cọc 108 biển rồi đóng cọc ở 8 hướng của suối. Lấy sữa, lạc đổ xuống ao. Lấy lá kim bạc vẽ Chú để trên lá sen trong ao. Chú Sư nói: “*Thiện Tri Thức nay bị ách nạn, bị Ngoại Đạo cấm trời. Nay làm Pháp này xong, dùng Đà La Ni ủng hộ người*”. Phát Thệ xong, liền lấy đồ ăn uống, cà sa cùng Kim Bạc Chú... quăng xuống đáy nước. Chú Sư thổi hơi 3 lần thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo liền bị hoại, Ròng được giải thoát không còn nạn. Khi Ròng ra khỏi liền đến cúng dường Chú Sư. Ròng nói: “*Ngài có điều gì sai bảo?*”. Chú Sư nói: “*Người y theo thời làm gió mưa, đem Đà La Ni này để trên đánh khiến cho người vĩnh viễn không có tai nạn*”

**Pháp thứ 34:** Nếu nước lụt làm chìm đắm người. Chú Sư chú vào nước 21 biển rồi rảy vào nơi nước lụt liền không còn (người) bị trôi chìm.

**Pháp thứ 35:** Nếu thường niệm, nhất định sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được an lạc.

**Pháp thứ 36:** Nếu ngày ngày tụng 1000 biển cùng kết Ấn thì được thân Kim Cang Bất Hoại, đời này được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

**Pháp thứ 37:** Nếu ngày ngày kết Ấn tụng Chú 108 biển thì mau được chư Phật 10 phương thọ ký, nhất định không nghi.

**Pháp thứ 38:** Nếu ngó 4 phương 4 hướng, kết Ấn tụng Chú 21 biển vì chúng sanh xưng tên và xả Ấn thì được hết thầy Quỷ Thần, Ma Vương, Tỳ Na Dạ Ca, Ac Quỷ, Ròng.... Cung kính giữ gìn. Hết thầy điều cầu xin, tự nhiên đến. Nhan sắc tốt tươi, Phước Đức vô lượng, Công Đức vô biên, chư Phật 10 phương ngợi khen hưởng chi có người chí tâm trì tụng ắt mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, tùy ý thọ sanh 10 phương Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, được chứng Quả Phật.

TÔN THẮNG ĐÀ LA NI BIỆT PHÁP

Hết

14/11/2003

## PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT NHƯ LAI Ô SẮT NỊ SA TỐI THẮNG TỔNG TRÌ KINH

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_ Triều Tán Đại Phu Thích Hồng Lô  
Khanh\_ Truyền Pháp Đại Sư PHÁP THIÊN Phụng chiếu dịch  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngồi an lành trong Pháp Đường **Đại Thiện** ở cõi **Cực Lạc** (Sukha-vatī) của Phật. Bấy giờ, Đức **Vô Lượng Thọ** Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác (Amitāyus) bảo **Quán Tự Tại** Bồ Tát Ma Ha Tát (Avalokiteśvara) rằng: “Này Thiện Nam Tử! Vì lợi ích cho hết thảy mọi chúng sinh bị bệnh tật, khổ não, đoản thọ nên đã có Pháp Môn Tổng Trì **Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng**. Nếu có người thọ trì đọc tụng sẽ mau được sống lâu, không bệnh, an vui”.

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Nay con vui muốn nghe về Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này. Nguyên xin Đấng Thiện Thệ hãy khéo nói”

Khi ấy, Đức Thế Tôn quán sát chúng Trời Người trong Đại Hội xong, liền nhập vào **Phổ Chiếu Cát Tường Tam Ma Địa**. Khi ra khỏi Định liền nói Pháp Môn Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này là :

**Án\_ Nãng mô bà nga phộc đế**

**Tát li-phộc đất-lạt lộ chi-dã, bát-la để vĩ thủy sắt-tra dã. Một đà dã đế năng mộ**

**Đát nễ-dã tha: Án\_ Bộ-long, bộ-long, bộ-long**

**Du đạt dã, du đạt dã**

**Vĩ du đạt dã, vĩ du đạt dã**

**A tam ma, tam mãn đa, phộc bà sa, tát-phả la noa, nga đế**

**Nga nga năng, sa bà phộc, vĩ thú đề, a tỳ tru tả đồ hàm**

**Tát li-phộc đất tha nga đa, tô nga la, phộc la, phộc tả năng**

**Một-li đa tỳ thí khế, ma hạ mẫu nại-la , mãn đất-la , ba nại**

**A hạ la, a hạ la**

**A dục, tán đà la ni**

**Du đạt dã, du đạt dã**

**Nga nga năng , sa bà phộc, vĩ thú đề**

**Ô sắt-nị sa vĩ nhạ dã, ba li thú đề**

**Sa hạ tát-la thấp-di, tán tổ nễ đế**

**Tát li-phộc đất tha nga đa, phộc lộ cát nễ, sa tra bà la di đa, ba li bố la ni**

**Tát li-phộc đất tha nga đa ma đế , nại xá bộ di, bát-la để sắt-trí đế**

**Tát li-phộc đất tha nga đa, ngật-li na dã, địa sắt-tra năng, địa sắt-trí đế**

**Mẫu nại-li, mẫu nại-li, ma ha mẫu nại-li**

**Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đa năng, bà li thú đề**

**Tát li-phộc ca li-ma phộc la noa, vĩ thú đề**

**Bát-la để nễ, phộc li-đa dã dục , vĩ thú đề**

**Tát li-phộc đất tha nga đa tam ma dã**

**Địa sắt-tra năng, địa sắt-trí đế**

**Án\_ Mâu nễ, mâu nễ, ma hạ mâu nễ**

**Vĩ mẫu nễ, vĩ mẫu nễ, ma hạ vĩ mẫu nễ**

Ma đễ, ma đễ, ma hạ ma đễ  
 Đát tha đa, bộ đa câu trí, ba li thú đề  
 Vĩ sa-phổ tra, một đề, thú đề  
 Tứ tứ  
 Nhạ dã, nhạ dã  
 Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã  
 Sa-ma la, sa-ma la  
 Sa-phả la, sa-phả la  
 Tát li-phộc một đà, địa sắt-tra năng, địa sắt-trí đế  
 Thú đề, thú đề  
 Một đà  
 Phộc nhật-li, phộc nhật-li, ma hạ phộc nhật-li  
 Tô phộc nhật-li  
 Phộc nhật-la, nga li-tỳ  
 Nhạ dã, nga li-tỳ  
 Vĩ nhạ dã, nga li-tỳ  
 Phộc nhật-la, nhập-phộc la, nga li-tỳ  
 Phộc nhật lỗ nại-bà phệ  
 Phộc nhật-la, tam bà phệ  
 Phộc nhật-li, phộc nễ ni  
 Phộc nhật-lãm, bà phộc đở  
 Ma ma (Xung tên... )  
 Xá li lãm, tát li-phộc tát đỏa nan tả, ca dã, ba li thú đề  
 Li-bà phộc đở, di, tát na  
 Tát li-phộc nga đễ, ba li thú đề, thất tả  
 Tát li-phộc đát tha nga đa, thất tả, hàm  
 Tam ma thấp-phộc sa, diễn đở  
 Một đình, một đình  
 Tất đình  
 Mạo đạt dã, mạo đạt dã  
 Vĩ mạo đạt dã, vĩ mạo đạt dã  
 Mô tả dã, mô tả dã  
 Vĩ mô tả dã, vĩ mô tả dã  
 Du đạt dã, du đạt dã  
 Vĩ du đạt dã, vĩ du đạt dã  
 Tam mãn đa li-mộ tả dã  
 Tam mãn đa, la thấp-di, ba li thú đề  
 Tát li-phộc đát tha nga đa, ngật-li na dã, địa sắt-tra năng, địa sắt-trí đế  
 Mẫu nại-li, mẫu nại-li, ma hạ mẫu nại-li  
 Mãn đát-la , ba nễ, sa-phộc hạ  
 ॐ नमो भगवते बुद्धाय  
 OM NAMO BHAGAVATE  
 सर्वत्रैलोक्यप्रतिविशिताय बुद्धाय नमः  
 SARVA TRAILOKYA PRATIVISIṢṬĀYA BUDDHĀYA NAMAḤ  
 तद्यथा ॐ ह्रूं ह्रूं ह्रूं  
 TADYATHĀ: OM\_ BHRŪṢ BHRŪṢ BHRŪṢ  
 ॐ ह्रूं ॐ ह्रूं  
 ŚODHAYA ŚODHAYA





(विष्णुः बुद्धिः शुद्धिः  
 VISPHUṬA BUDDHI VISUDDHE  
 ह्र ह्र  
 HE HE  
 जय जय  
 JAYA JAYA  
 (विजय विजय  
 VIJAYA VIJAYA  
 स्मर स्मर  
 SMARA SMARA  
 स्फर स्फर  
 SPHARA SPHARA  
 सर्व बुद्धधर्मधर्म शुद्धिः  
 SARVA-BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE  
 शुद्धिः शुद्धिः  
 ŚUDDHE ŚUDDHE  
 बुद्ध  
 BUDDHA  
 वज्र वज्र महावज्र  
 VAJRĪ VAJRĪ MAHĀ-VAJRĪ  
 सुवज्र  
 SUVAJRĪ  
 वज्रगर्भ  
 VAJRA-GARBHE  
 जयगर्भ  
 JAYA-GARBHE  
 (विजयगर्भ  
 VIJAYA-GARBHE  
 वज्रज्वालगर्भ  
 VAJRA-JVALA-GARBHE  
 वज्र उद्भव  
 VAJRA UDBHAVE  
 वज्रसम्भव  
 VAJRA SAMBHAVE  
 Phộc nhật-li, phộc nễ ni  
 वज्र वज्रिणी  
 VAJRĪ VAJRINI  
 वज्र भवतु  
 VAJRĀṀ BHAVATU  
 मम शरीरं सर्वं सर्वज्ञं जय (विष्णुः  
 MAMA ŚARIRAṀ SARVA-SATVĀNĀMCA-KĀYA VISUDDHE  
 भवतु मम  
 RBHAVATU ME SANA  
 सर्व गति परिशुद्धिः  
 SARVA-GATI PARIŚUDDHE ŚCA

सर्व तथगतस्त्वं संसम स्वस यंतु  
 SARVA-TATHĀGATAŚCA MAṀ-SAMA ŚVASA YAṀTU  
 बुद्ध बुद्ध  
 BUDDHYA BUDDHYA  
 सिद्धि  
 SIDDHYA  
 बोध बोध  
 BODHAYA BODHAYA  
 विबोध विबोध  
 VIBODHAYA VIBODHAYA  
 मय मय  
 MOCAYA MOCAYA  
 विमय विमय  
 VIMOCAYA VIMOCAYA  
 शोध शोध  
 ŚODHAYA ŚODHAYA  
 विशोध विशोध  
 VIŚODHAYA VIŚODHAYA  
 समं परमय  
 SAMANTA PARIMOCAYA  
 समं [वि पर सुद्ध  
 SAMANTA-RAŚMI PARIŚUDDHE  
 सर्व तथगत हृदय अधिष्ठान अधिष्ठिते  
 SARVA-TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE  
 मुद्रि मुद्रि महामुद्रि  
 MUDRĪ MUDRĪ MAHĀ-MUDRĪ  
 मंत्रपद स्वह  
 MANTRA-PADA SVĀHĀ

Này Thiện Nam Tử! Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tội Thặng này hay làm tăng tuổi thọ, tiêu trừ tội nghiệp, mau được thanh tịnh.

Nếu dùng lụa trắng hoặc vỏ cây hoa viết chép Pháp Môn Tổng Trì này rồi đặt bên trong cái Tháp, tác cúng dường rộng lớn. Cúng dường xong, nhiều quanh bên phải 1000 vòng cung kính lễ bái, tùy theo khả năng tác cúng dường sẽ được tăng Trí Tuệ. Nếu tác đủ 7 ngày thì tuổi thọ tăng thêm 7 năm. Nếu tác đủ 7 năm thì tuổi thọ tăng thêm 70 năm. Đã được sống lâu như vậy sẽ an vui không có bệnh tật, được Túc Mệnh thông minh, ghi nhớ chẳng quên. Nếu đội trên đỉnh đầu sẽ được tiêu trừ tội chướng trước.

Lại nữa, nếu trên lụa sạch hay vỏ cây hoa dùng Ngưu Hoàng viết Tổng Trì này với tên họ của mình rồi lấy Chiên Đàn làm cái Tháp chứa Tổng Trì này và đặt bên trong cái phòng. Xong rồi, liền phụng hiến cúng dường rộng lớn, nhiều quanh Tháp 1000 vòng, tụng Tổng Trì này 800 biến sẽ tiêu trừ mọi bệnh, sống lâu trăm tuổi.

Lại nữa, nếu không có Chiên Đàn thì dùng bùn sạch mà làm cái Tháp. Bên trong Tháp vẽ cái chày Yết Ma, bên ngoài vẽ 4 vị Thủ Hộ 4 cửa của Kim Cương Giới, chính giữa viết tên của mình và đặt Tổng Trì này sẽ được Công Đức như trước không khác.



Tháp. Y như Pháp trang nghiêm cao 12 ngón tay, đặt ở tòa sen. 4 mặt Tháp bày 4 vị Thiên Vương Hộ Thế có tay cầm phượng. Ở trước mặt Tháp đặt Đế Thích Thiên Chủ có tay cầm cây cung. Lại đặt Tĩnh Cư Thiên Tử có tay cầm hương hoa với hương xoa... Ở mặt bên trái Tháp đặt Quán Tự Tại Bồ Tát, bên phải đặt Kim Cương Thủ Bồ Tát đều cầm cây phát trần trắng. Như vậy là nghi thức về Tháp.

Lại nữa, vẽ riêng một hoa sen, chung quanh viết Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa này đặt bên trong Tháp, dùng nước thơm rưới vẩy cho sạch sẽ, phụng hiến hương hoa vi diệu, làm 1000 loại cúng dường.

Nếu muốn vì lợi ích cho tất cả chúng sinh được tăng thọ mệnh, tăng thêm Trí Tuệ thì vào ngày mùng 8 của kỳ Bạch Nguyệt, ngày đêm khiết tịnh, giữ gìn Trai Giới. Sau đó ở trước mặt Tháp bấu tụng Tổng Trì này 1000 biến, mỗi ngày như vậy, mãn 6 tháng sẽ được sống lâu 1000 tuổi. Hoặc chí thành tinh tiến ngày đêm trì tụng sẽ được sống lâu thọ đủ một Lạc Xoa tuổi. Hoặc ngày ngày trì tụng sẽ tăng thọ vô lượng, có thể lực lớn không khác với Thiên Nhân, A Tu La... bay trên hư không tự tại, đạt được mọi Công Đức như vậy.

Lại có Nghi Quỹ. Ở nơi vắng lặng thanh tịnh, lấy đất sạch hòa với nước thơm làm bùn rồi tạo thành cái Tháp. Hoặc 1,2,3,4,5... cho đến đủ 100, 1000 cái Tháp. Viết Tổng Trì lúc trước đặt bên trong Tháp, làm trăm ngàn loại cúng dường rộng lớn, tụng Tổng Trì này 700 biến sẽ tăng Trí Tuệ, sống lâu vô lượng.

Hoặc vì tất cả chúng sinh bị gông cùm, xiềng xích, cột trói... tụng Tổng Trì này thì họ liền được giải thoát.

Lại nữa, nếu có chúng sinh ở trước Tháp Tổng Trì cúng dường gấp bội, ngày ngày tụng đủ 800 biến, phát Tâm bình đẳng, lợi mình lợi người. Như vậy y theo Pháp sẽ tiêu trừ 8 nạn, thường được an vui, sống lâu trăm tuổi, mọi người yêu thích, chẳng bao lâu sẽ được Túc Mệnh Thần Thông. Sau khi chết, người đó chẳng bị sinh vào các nẻo ác: Địa Ngục, Súc Sinh, Diêm Ma La Giới giống như con rắn lột da liền được sinh về cõi Phật Cực Lạc, được quả báo lớn, thọ hưởng diệu lạc... chẳng thể nói hết được. Người đó chẳng hề nghe đến tiếng Địa Ngục huống chi bị sinh vào cõi đó”.

Bấy giờ, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai liền nói về Pháp Thành Tựu **Tranh Tượng** khiến cho các chúng sinh được sống lâu vô lượng, xa lìa Luân Hồi, giải thoát mọi khổ. Trước tiên, nhờ một đồng nữ khiết tịnh se chỉ dệt thành mảnh lụa có thước tắc y theo Pháp, dùng màu sắc thật tốt vẽ hình tượng Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng Tổng Trì Công Đức ấy kèm với chữ vi diệu. Dem Tượng đặt trong Tháp, thân tượng có ngàn ánh sáng ngời ở tòa sen trong vành trăng, tất cả đều trang nghiêm. Tượng có khuôn mặt như trăng tròn đầy. Tượng có 3 mặt, 3 mắt, 3 cánh tay. Mặt bên phải có tướng hiền lành màu vàng ròng. Mặt bên trái có tướng phần nộ, lộ răng nanh bén nhọn, có màu hoa sen xanh. Mặt chính giữa tròn đầy có màu trắng. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Yết Ma, tay thứ hai cầm hoa sen xanh bên trên có Đức Phật Vô Lượng Thọ, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư tác Ấn Thí Nguyện. Bên trái: Tay thứ nhất tác Kim Cương Quyền cầm sợi dây và dựng thẳng ngón trở, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba tác Ấn Vô Úy, tay thứ tư cầm cái bình và đỉnh bình đội cái Tháp. Trên cổ Tượng đặt chữ **Án** (ॐ \_ OM), trên trái tim đặt chữ **A** (ॐ \_ A), trên trán đặt chữ **Đát-lam** (ॐ \_ TRĀM), trên bàn chân đặt chữ **Ngật-li** (ॐ \_ HRĪH), **ác** (ॐ \_ AH) **a** (ॐ \_ A) **la xoa** (ॐ \_ RAKṢA) **sa-phộc hạ** (ॐ \_ SVĀHĀ) làm ủng hộ. Ở bên dưới Chân Ngón viết họ tên của mình. Hai bên Tượng, vẽ Quán Tự Tại Bồ Tát và Kim Cương Thủ Bồ Tát đều cầm cây phát trần trắng. Ở mặt trên của Tượng, vẽ Tĩnh Cư Thiên Nhân tuôn giáng mưa Cam Lộ. Ở 4 mặt tranh, vẽ Phần Nộ Kim Cương Bất Động Tôn Minh Vương, Tra Chi

Minh Vương, Nễ La Nan Noa Minh Vương, Đại Lực Minh Vương đều cầm kiếm, móc câu, chày Kim Cương, Gậy Kim Cương khiến giáng Ac Ma. Như vậy chí Tâm vẽ Tượng.

Lúc Hành Nhân tác Pháp này, trước tiên chí Tâm ở trước Tháp Xá Lợi trải qua một ngày đêm tinh trì Trai Giới. Liên ở trước Tượng hiến 1000 loại cúng dường. Từ ngày mùng một của kỳ Bạch Nguyệt thì bắt đầu tụng Tổng Trì này một Lạc Xoa (100000 biến) đến ngày 15 lại hiến 1000 loại cúng dường. Vào lúc sáng sớm thì Thánh Tượng Tổng Trì sẽ hóa hiện trước mặt người đó, ắt tất cả sự mong cầu đều được thành tựu.

Lại nữa, đem tranh tượng Tổng Trì này đặt ở nơi tịch tĩnh, dùng nước thơm rưới vẩy sạch sẽ, hiến dâng cúng dường. Một ngày tụng Tổng Trì này 800 biến. Lại mỗi tháng, một ngày hiến 1000 loại cúng dường, tụng Tổng Trì 1000 biến sẽ được sống lâu vô lượng, có uy thế, tự tại bay trên hư không, một ngày ghi nhớ 1000 lời Kệ, chẳng bị điên đảo, hay khử tất cả tội nặng của Hữu Tình.

Nếu có người chẳng thể tác Pháp như trên, chỉ có thể làm trong phòng xá của mình thì vào ngày mùng 8 của kỳ Bạch Nguyệt dùng nước thơm rưới vẩy tranh tượng cho sạch sẽ và tùy theo khả năng mà cúng dường. Xong chí Tâm ở trước Tượng tụng Tổng Trì này từ 700 đến 800 biến. Mỗi ngày 3 thời lại tụng 21 biến sẽ tăng trưởng Trí Tuệ, không có bệnh, an vui, sống lâu trăm tuổi, được Túc Mệnh Thần Thông.

Nếu tự mình chẳng có thể tác Pháp trì tụng thì thỉnh người khác làm cũng được sống lâu, thông minh, Trí Tuệ.

Lại có Pháp Hộ Ma vì lợi ích cho Hữu Tình. Làm một lò lửa hình tròn rộng một khuỷu, sâu 12 ngón tay, bên ngoài dùng chày Kim Cương làm giới hạn. Dùng hương Bạch Đàn, đất màu trắng hòa với nhau làm bùn để tô trét. Đem hoa trắng rải bên trong lò, ở 4 bên lò đặt 4 chén đèn dầu, liền đem hương hoa cúng dường 4 mặt. Lại để cái bình Ú Già tể diệp như Pháp, ở đỉnh cái bình dùng áo màu trắng quấn quanh rồi đem hoa quả, cành cây đặt ở miệng bình. Cây thuộc loại có nhựa trắng, lấy cành màu xanh dài 12 ngón tay, lại lấy củi khô cùng thiêu đốt. Liền thỉnh Triệu **Hỏa Thiên** (Agni Deva). Khi thỉnh Cầu dùng 3 muống bơ ném 3 lần vào trong lò, tùy theo từng muống tụng Hỏa Thiên Chân Ngôn gia trì, sau đó **Phát Tống** (đưa tiễn) Hỏa Thiên. Liền quán tưởng Đức Vô Lượng Thọ Như Lai rõ ràng ở bên trong lò, lại tụng Pháp Môn Tổng Trì Ô Sát Nị Sa Tồi Thắng. Lại tác Pháp như trước, lấy 3 muống bơ ném vào trong lò, tụng Chân Ngôn là :

ॐ ऋमिअयुरज्जना स्वहा ॥

“**Án\_ A di đa du li-nại na, sa-phộc hạ**”

OM\_ AMITĀYUR-JÑĀNA \_ SVĀHĀ

(Quy mệnh Vô Lượng Thọ Trí, thành tựu cát tường )

Nên dùng ngũ cốc, dùng 3 ngón tay nhúm lấy một chút ngũ cốc rồi tẩm với bơ, xưng nguyện ước mong cầu, tụng Chân Ngôn một biến rồi ném vào trong lò, như vậy đến 800 biến. Một ngày 3 thời tác Pháp như thế. Lại tụng Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sát Nị Sa Tồi Thắng sẽ lia tất cả bệnh, thông minh, tăng tuổi thọ. Tùy theo điều cầu nguyện không có gì không thành tựu.

Hoặc vào ngày mùng 8, ở trước Tranh Tượng, một ngày 3 thời làm Pháp Hộ Ma, tụng Chân Ngôn này 1000 biến sẽ sống lâu 1000 tuổi. Điều cần nhớ là không được gây tổn hại cho Hữu Tình và luôn hành bố thí.

Nghi Quỹ như vậy hay giảng phục oan gia, tăng trưởng Trí Tuệ, được âm thanh vi diệu. Nếu tự mình chẳng có thể làm thì thỉnh người khác làm giùm, cũng ngưng trừ tất cả tai họa ác.

Lại có Pháp Thành Tụ. Như trước lấy ngũ cốc làm Pháp Hộ Ma, liền tụng Tổng Trì Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng một Lạc Xoa. Tác Hộ Ma xong, lại tụng một Lạc Xoa sẽ được sống lâu một Lạc Xoa tuổi cho đến một Câu Đê tuổi (một trăm triệu tuổi) hoặc vô lượng tuổi, tự tại bay trên hư không, giáng phục Ma Oán.

Nếu cầu phú quý cát tường thì tác Pháp Hộ Ma như trước, tụng Tổng Trì một Lạc Xoa sẽ vĩnh viễn được giàu có lớn.

Nếu cầu Quan Vị, dùng hoa sen tác Hộ Ma một Lạc Xoa sẽ được Quan Vị.

Lại có Pháp thành tựu Kiếm (cây Kiếm) Dem Tranh Tượng lúc trước đặt ở trước Tháp Xá Lợi, hiến 1000 loại cúng dường, tụng Tổng Trì này một Lạc Xoa, lấy 5 loại thiếc làm cây kiếm, đặt hương về mặt Tháp. Lại tụng Tổng Trì một Lạc Xoa gia trì vào cây Kiếm. Gia trì kiếm xong, liền đưa tay phải cầm cây kiếm sẽ được Như Ý Thông, biến hóa tự tại, có thể lực lớn, tăng thọ vô lượng, hay vì tất cả chúng sinh mà tạo tác Họa Phước.

Lại nữa, tác Pháp như trước mà dùng chày Kim Cương, Bánh Xe (Luân) Tam Cổ Xoa... đều được thành tựu, được vô lượng Công Đức thù thắng như trước.

Đại Tổng Trì này là Tâm của tất cả Như Lai, rất là hiếm có. Tác Pháp như trước ắt được thành tựu.

Nếu lại có người đối với Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này, mỗi ngày 3 thời trì tụng 21 biến, hiến cúng dường xong, chí Tâm thọ trì, vì người khác giải nói khiến cho Hữu Tình đó được khoái lạc, sống lâu, không có bệnh, có đủ Đại Trí Tuệ, được Túc Mệnh Thông. Sau khi chết, người đó như con rắn lột da liền được vãng sinh về cõi Phật Cực Lạc, được quả báo lớn, tai chẳng nghe đến tiếng Địa Ngục huống chi bị sinh vào cõi ấy”

Đức Phật nói Kinh xong thời tất cả Trời, Người, A Tu La, Càn Đát Bà... trong Thế Gian nghe lời Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT NHƯ LAI Ô SẮT NỊ SA  
TỐI THẮNG TỔNG TRÌ KINH  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/06/2014

## VU SẮT NI SA TẢ DÃ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Kế Tô Thiên Sư NGHỆ KHÔNG  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Án, bộ lâu ứng, sa hạ  
Na mô Bà già phộc địa  
Tát phộc đất lị lộ già đã  
Bát-la địa tỳ sa sắt tra đã  
Phú đà đã đế na ma đa  
Đất đã tha  
Án, bộ lâu ứng, bộ lâu ứng  
Tổ đà đã, tổ đà đã  
Tỳ tổ đà đã, tỳ tổ đà đã  
A sa ma, sa mạn đa, a phộc bả sa  
A sa bả la noa ca địa  
Ca ca na, sá bả phộc tỳ tổ đế  
A tỳ tỳ tán đồ vọng  
Tát phộc đa tha ca đa, dữu ca đà ngõa la phộc tả năng  
A lị đá, a bỉ tế khư la  
Ma ma  
Ma hạ vũ đất-la mạn đất la phộc địa  
A hạ la, a hạ la  
Ma ma  
A dụ la tăng đà la ni  
Tổ đà đã, tổ đà đã  
Ca ca na, sa bả phộc tỳ tổ đế  
Vu sắt-ni sa tỳ nhạ đã  
Phộc lị tẩu đế  
Sa ha sa-la sắt-vĩ tăng tổ địa đế  
Tát phộc đa tha ca đa  
A phộc lộ chỉ ni  
Sa tra phộc la vĩ đá phộc lị phú la ni  
Tát phộc đá tha ca đa, ma đế, đa tả tẩu vĩ  
Bát-la địa sắt-xỉ đế  
Tát phộc đa tha ca đa, ngật-lị đá đã  
A sắt trí-tra na, a trí sắt-xỉ đế  
Án, vũ đất-lệ, vũ đất-lệ, ma hạ vũ đất-lệ  
Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ, ma hạ phộc nhật lệ  
Phộc nhật la ca đã, tăng ha đa gia phộc lị tẩu đế  
Tát phộc yết ma, a ngọa la na, vĩ tẩu đế  
Bát la địa na nhật đa đã  
A dụ la vĩ tẩu đế  
Tát phộc đa tha sa ma đã  
A trí sắt tra na, a trí sắt xỉ đế  
An, vũ ni, vũ ni, ma hạ vũ ni  
Ma địa, ma địa, ma ha ma địa

Ma ma địa, tâu ma địa  
 Đát dã tha bộ đá cố tri phộc lị tâu đế  
 Tỳ sa phú đa phú đà tâu đà  
 Hê, án, hê hê  
 Nhạ dã, nhạ dã, tỳ nhạ dã, tỳ nhạ dã  
 Sa la, sa la  
 Sa-ma la, sa-ma la  
 A sắt bả la, a sắt bả la  
 A sắt bả la dã, a sắt bả la dã  
 Tát phộc phú đà  
 A sắt trí tra na, a sắt trí xỉ đa  
 An, tâu đế, tâu đế  
 Phú đế, phú đế  
 Phộc nhật lê, phộc nhật la yết phê  
 Nhạ dã yết phê  
 Tỳ nhạ dã yết phê  
 Phộc nhật la nhạ gia la yết phê  
 Phộc nhật la đa bả phê  
 Phộc nhật la tăng yết phê  
 Phộc nhật lê, phộc nhật la ni  
 Phộc nhật la lãng bả phộc đõ  
 Ma ma  
 Sa lị lãng. Tát phộc sa đũa năng tả ca dã, phộc lị tâu si bặt phộc đõ  
 Ma ma  
 Tát phộc đá  
 Tát phộc ca địa phộc lị tâu si sa tả  
 Tát phộc đa tha ca đá sắt-tra vọng sa mạn sa sa dã ản đõ tỳ đà dã  
 Phú đà dã, phú đà dã  
 Phỏ đà dã, phú đà dã  
 Tỳ phỏ đà dã, tỳ phỏ đà dã  
 Mô tả dã, mô tả dã  
 Tỳ mô tả dã, tỳ mô tả dã  
 Tổ đà dã, tổ đà dã  
 Tỳ tổ đà dã, tỳ tổ đà dã  
 Sa mạn đá đa mô tả dã  
 Sa mạn đá phộc sắt ni phộc lị tâu đế  
 Tát phộc đá tha ca đá ngật lị đa dã  
 A trí sắt tra na, a trí sắt xỉ đế  
 An, vũ đát lệ, vũ đát lệ, ma ha vũ đát lệ  
 Ma ha vũ đát la mạn đá la phộc địa  
 Sa hạ  
 Án, bộ lâu ứng, sa hạ  
 A vĩ đá dụ đa đế, sa hạ  
 Duệ dã, a mật lị dụ vu sắt ni sa tỳ nhạ dã na ma đà la ni  
 Sa ma phộc đá

24/09/1997



Mật Tạng Bộ 1 \_ No.905 (Tr.909 \_ Tr.912)

## PHÁP ĐÀ LA NI BÍ MẬT CỦA BA LOẠI TẮT ĐỊA PHÁ ĐỊA NGỤC CHUYÊN NGHIỆP CHƯỞNG RA KHỎI BA CỠ

Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc \_ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY phụng chiếu dịch  
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Việc Pháp của Du Già, ước có ngàn điều, chỉ lược thuật chút phần.

Mở miệng, nâng lưỡi chấn cung Pháp Giới. Đức **Liên Hoa Tạng Thế Giới Như Lai** ra khỏi Định liên đập phá Địa Ngục, chuyên Nghiệp Chướng ra khỏi ba cỗi.

Nên biết như Pháp an bày chữ (bồ tự) trong mào, bàn tay. Bạc Nhân Chủ (vị vua) đội trên đỉnh đầu khiến cho vạn nước thanh bình. Quan Tiết Độ quan sát viết chép Chân Ngôn trên Tinh Kỳ (Lá cờ) khiến cho bốn phương yên tĩnh. Chuyên Thành Thái Thú trấn át gom chung, hoặc trên cái trống, Tù Và ghi chữ nghiêm cấm rắn đe. Âm thanh của cái trống vang xa khiến cho Yêu Khí trong lành, lửa rục bày xa ngàn dặm. Lúa mạ tốt tươi, người không có tai dịch. Địa Thổ Thần Kỳ (Thổ Địa, Thần Đất) khiến cho gió hòa mưa thuận. Niệm tụng, viết trên trống trận khiến quân giặc tự hàng, chẳng hao tổn một người nên gọi là **Kim Cương Cổ** (cái trống Kim Cương)

Cúi lạy **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana)

Hé mở mặt tịnh như hoa sen

Thầy Trời Người điều ngự ba cỗi

Đấng **Đại Bồ Đề Tâm** cứu đời

Pháp Chân Ngôn thâm diệu gia trì

Chảy vào **Vô Sinh**, Môn chữ A (𑖀)

Bạch Hào Vô Tướng Chính Biến Tri

Viên mãn luôn chiếu như Nhật Nguyệt

Nghiệp **Thân Khẩu Ý** thành ba Mật

Ba Mật liền thành Pháp **Ứng Hóa**

Năm Luân năm Trí thành năm Phần

Năm Phần nhiếp hết **Pháp Giới Luân**

**A Súc** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava), Đấng Cứu Thế

**Di Đà** (Amitābha), **Thành Tựu Bất Không Vương** (Amogha-siddhi)

Thành nơi **Tất Địa Cát Tường Luân**

Truyền Diệu Pháp này hóa các Hữu

Từ Tâm Tự Tại, **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya)

**Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva), **Bất Động Tôn** (Acala-nātha)

Thệ Nguyện **Vô Vi** ứng thời kỳ

Xong việc Du Già về **Kim Sát**

Đức Phật nói: "Chữ A (𑖀\_ A) thuộc **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), chủ về **gan** (can). Chữ A tức là **Lý Pháp Thân** của Đại Nhật Như Lai, sự thanh tịnh của Bản Tính, **Không** (Gagana: hư không) rớt ráo chẳng thể đặc, Bản Tính của tất cả chúng sinh có Tâm Đại Bồ Đề, chủng tử của **Kim Cương Địa Luân**, **Kim Cương Bộ Mạn Trà La**. Nếu quy ước theo **Danh Sắc** (Nāma-rūpa) thì **Địa** (Pṛthivi: đất) là **Sắc Pháp** (Rūpa-dharma), là **Thức Uẩn** (Vijñāna-skandha) trong **năm Uẩn** (Pañca-skandha) là Tâm duy trì đất (Trì Địa). Chủng tử ấy chẳng tịnh. Phạm năm Tạng là Sắc Pháp, trong năm

Uẩn thì Thức Uẩn là Râm phát sinh cho nên quy ước theo Danh Sắc thì **Địa** (Pṛthivi) là Sắc Pháp vậy.

Nay gan chủ về **Hồn**, Thần Khí của Hồn là phương Đông với **Mộc** (cây cỏ...), Mộc là **sự trồng rừng của Sắc** (Sắc Không), Mộc chủ về mùa xuân, nó có màu xanh, màu xanh sinh từ Mộc, Mộc sinh từ **Thủy** (Ab:nước).

Gan sinh từ màu xanh với Thận, hình như cánh hoa sen dựng đứng, khoảng giữa của nó có dính hạt tròn của công ra (lư châu), thịt của công ra ở ngay bên trái lồng ngực. Gan xuất ra làm con mắt, chủ về gân, tận cùng của gân là móng

Nay dùng **năm Tụ Môn** chủ về năm Tạng, sáu Phủ cho nên trong ngoài giao tiếp nhau. Biết rõ điều này mà dùng.

Lại vị chua phần lớn nhập vào gan, tạng gan tổn bao tử. Nếu trong bao tử không có Hồn thì phần lớn bị hôn trầm mờ mịt. Phôi hại gan thành bệnh.

Nếu như Kim khắc Mộc thì phổi mạnh gan yếu, nên ngưng Tâm ở phổi, dùng khí màu xanh nhiếp lấy khí màu trắng thời bệnh ở gan được khỏi, (**☿** \_ A) dính với khí màu xanh vậy

Chữ **Tông** (**☽** \_ VAM) thuộc **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) chủ về **phổi** (phế). Chữ Tông là chuyển thứ mười một, chữ **Vĩ** (**☿** \_ VI) là chuyển thứ ba, chuyển thích nghĩa của chữ A tức là chủng tử **Đại Chuyển Luân** thuộc nước biển Trí của Đại Nhật Như Lai, Pháp Thần Thông tự tại gọi là **Trí Pháp Thân** cũng gọi là **Báo Thân** (saṃbhoga-kāya). Đây tức là **Liên Hoa Bộ Mạn Trà La** vậy

Tạng phổi (Phế Tạng) chủ về **Phách**, hình thể của Phách như đóa hoa chủ về lá lách (Tỳ) là hành Kim ở phương Tây. Kim chủ về mùa Thu, có sắc màu trắng. Màu trắng sinh từ **Gió** (phong), gió sinh từ dương khí của Đất. Là **Tướng Uẩn** (Samjñāna-skandha) trong năm Uẩn, là tâm giữ gìn **gió** (Vāyu: phong)

**Tướng Tâm** sinh từ Thức (Vijñāna), **Thức Tâm** sinh từ **Hành** (Saṃskāra) ở quá khứ, **Hành** ở quá khứ sinh từ **Vô Minh** (Avidya), Vô Minh sinh từ **Vọng Tướng**, vọng tướng quay trở lại sinh từ vọng tướng, là **mười hai duyên** luân hồi vậy.

Phổi sinh từ màu trắng với lá lách, vị cay vào phổi làm tạng phổi hại gan. Nếu trong phổi không có **phách** thì bị bệnh điên cuồng sợ hãi. Tim hại phổi thành bệnh.

Nếu như Hỏa (lửa) khắc Kim thì tim mạnh phổi yếu. Nên ngưng Tâm ở trái tim, dùng khí màu trắng nhiếp lấy khí màu đỏ thời bệnh ở phổi sẽ khỏi. (**☽** \_ VAM) là chữ của khí màu trắng.

Chữ **Lam** (**☿** \_ RAM) thuộc **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) chủ về **trái tim** (Tâm). Chữ Lam là chủng thuộc **đất tâm** (Tâm Địa: Citta-bhūmi) của Đại Nhật Như Lai, chủng tử của **Hỏa Đại** (Agni), nhà ở của chư Phật ba đời... thiêu đốt vọng chấp, bụi dơ vô minh từ vô thủy của tất cả chúng sinh, sinh ra mầm giống của Tâm Bồ Đề. Chuyển thích nghĩa của chữ A tức là **Ứng Hóa Thân Như Lai**. Thật là **Hỏa Sinh Mạn Trà La** của **Trí Pháp Thân**

Trái tim chủ về **Thần**, có hình như con chim, là **Hỏa** (lửa) ở phương Nam. Hỏa chủ về mùa Hạ có sắc màu Đỏ. Màu đỏ sinh từ hỏa (lửa), hỏa sinh từ Mộc, là **Thọ Uẩn** (Vedanā-skandha) trong năm Uẩn, là Tâm giữ gìn lửa (hỏa). **Thọ Tâm** sinh từ **Tướng Tâm**. Lại trái tim sinh từ màu đỏ với lá gan, trái tim sinh làm cái lưới chủ về máu, tận cùng của máu là sữa. Lại chủ về lỗ tai, chuyển mũi, cổ họng, sống mũi, vàng trán, gò má... vị đắng phần lớn vào trái tim, tạng tim tổn phổi.

Nếu trong trái tim không có Thần thì hay quên mất trước sau, thận hại tim thành bệnh.

Nếu như Thủy khắc Hỏa thì thận mạnh tim yếu, nên ngưng Tâm ở Thận, dùng khí màu đỏ nhiếp lấy khí màu đen thời bệnh tim sẽ khỏi, ( 𑖀 \_ RAM) là chữ của khí màu đỏ.

Chữ **Hàm** ( 𑖀 - HAM) thuộc **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya) chủ về **Thận**, chữ **Hồng** ( 𑖀 - HŪM) tức là chữ **Hạ** ( 𑖀 - HA) chuyển, tức là thọ lượng thường trụ của Đại Nhật Như Lai, chủng tử của **Phong Đại** (Vāyu), nghĩa của ba bờ mé của ba môn Giải Thoát chẳng thể đắc, **Pháp Thân Đại Lực Mạn Trà La**

Gió (Phong) tức là nơi giữ gìn của **Tướng Uẩn Tâm. Năm Tạng** là: Gan, phổi, tim, lá lách, thận. Bao tử (vị: dạ dày) là một tên gọi trong **sáu Phủ** (dạ dày, mật, ruột già, ruột non, bàng quang, tam tiêu). Bao tử, lúa gạo chứa trong bụng là Tỳ Phủ, nước biển của năm Tạng sáu Phủ. Lúa gạo đều vào bao tử, năm Tạng sáu Phủ đều vâng theo bao tử. Năm vị ném đều tuôn chảy, vị nhạt tốt nhập vào bao tử cho nên Thận vâng theo bao tử.

Thận ở bên dưới rốn, eo. Bên trái gọi là Thận, bên phải gọi là **Mệnh Môn**. Thận ban bố cho trái tim, cái bụng (bao tử, thận) nơi ngủ nghỉ, ghi nhận Tinh của Thủy

Thận chủ về **Chí**, là phương Bắc với **Thủy** (nước). Thủy chủ về mùa Đông có sắc màu đen. Trong năm Uẩn là **Hành Uẩn** (Samskāra-skandha), là Tâm giữ gìn nước (thủy). **Hành Tâm** sinh từ **Thọ Tâm**, Thọ Tâm sinh từ **Tướng**. Thận sinh từ khí màu với phổi, chủ về lỗ tai. Thân sinh ra xương cốt chủ về **Tủy**, cùng tận của Tủy là lỗ tai, sữa. Cùng tận của xương là răng. Vị mặn phần lớn nhập vào Thận làm tăng Thận tổn tim. Nếu trong Thân không có **Chí** thì phần nhiều buồn khóc, Lá Lách hại Thận thành bệnh

Nếu như **Thổ** khắc Thủy thì lá lách mạnh Thận yếu, nên ngưng Tâm ở Lá Lách dùng khí màu đen nhiếp lấy khí màu vàng thời bệnh Thận sẽ khỏi, ( 𑖀 - HAM) là chữ của khí màu đen.

Chữ **Khiêm** ( 𑖀 - KHAM) thuộc **Hur Không Bộ** (Gagana-kulāya) chủ về Lá Lách. Chữ 𑖀 tức là Tướng **Vô Kiến Đỉnh** của Đại Nhật Như Lai, nơi Đại Không Trí mà năm Đức Phật đã chứng, Lý Trí của Chân Như Tịch Diệt, **Bồ Đề Đạo Trường** mà chư Phật ba đời ở mười phương đã chứng, là **Thù Thắng Mạn Trà La**

Lá Lách chủ về **Ý** (Mana), là phương Trung Ương với **Thổ** (đất). Thổ chủ về **Quý Hạ** có sắc màu vàng. Màu vàng sinh từ đất (địa), đất sinh từ lửa (hỏa). Như trước nói **Thức Uẩn** trong năm Uẩn là Tâm giữ gìn Địa (đất) hoặc làm **Mộc Tạng**. Mộc có màu xanh là **Không** (Gagana:hur không). Lá Lách sinh từ khí màu vàng với trái tim, chủ về cái miệng làm **Chí**. Vị ngọt phần lớn nhập vào lá lách, tăng lá lách tổn Thận.

Nếu trong lá lách không có Ý thì phần lớn bị nghi ngờ, gan hại lá lách thành bệnh. Nếu như Mộc khắc Thổ thì gan mạnh lá lách yếu, nên ngưng Tâm ở gan, dùng khí màu vàng nhiếp lấy khí màu xanh thời bệnh của lá lách sẽ khỏi. ( 𑖀 -KHAM) là chữ của khí màu vàng.

Năm **Tạng** như hoa sen xinh đẹp hướng xuống bên dưới. Bên trong là năm Tạng, nên ngoài là năm **Hành** xuất ra thành hình thể, đây tức là **Danh** (Nāma). **Sắc** (Rūpa) tức là bốn **Đại** năm **Căn**; **Danh** tức là bốn **Uẩn Tâm** của nhóm Tướng, Hành. Tức là mặt trời, mặt trăng, **năm vì sao** (ngũ Tinh), **12 Cung**, **28 Tú** thành **Thê** của con người vậy.

Núi, biển, đại địa xuất ra từ chữ **A** ( 𑖀 \_ A)

Sông lớn, sông nhỏ, giòng chảy xuất ra từ chữ **Tông** ( 𣎵 \_ VAM)

Vàng, ngọc, trân bảo, mặt trời, mặt trăng, các vì sao (Tinh Thần), quả cầu lửa (hỏa châu), ánh sáng theo chữ **Lam** ( 𣎵 \_ RAM) mà thành

Năm loại lúa đậu (ngũ cốc), quả trái, mọi bông hoa hé nở đều nhân theo chữ **Hàm** ( 𣎵 - HAM) mà kết

Mùi thơm của các cõi, người Trời xinh đẹp, nuôi dưỡng nhan sắc, mùi vị ngon bổ, tướng mạo đoan chính, phước đức, phú quý đều từ chữ **Khiêm** ( 𣎵 - KHAM) mà trang nghiêm.

\_Chữ A ( 𣎵 \_ A ) là **A Súc Như Lai** (Akṣobhya Tathāgata ) ở phương Đông.

Chữ **TÔNG** ( 𣎵 \_ VAM) là Đức **A Di Đà** (Amitābha Tathāgata) ở phương Tây.

Chữ **LÂM** ( 𣎵 \_ RAM) là Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava Tathāgata) ở phương Nam.

Chữ **HÂM** ( 𣎵 \_ HAM) là Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi Tathāgata ) ở phương Bắc .

Chữ **KHIÊM** ( 𣎵 \_ KHAM) là Đức **Tỳ Lô Giá Na Đại Nhật Như Lai** (Vairocana Tathāgata) ở phương trên

Chữ A ( 𣎵 ) có ý rất sâu xa, là Thể của **Không Tịch** (vắng lặng trống rỗng), lấy mà chẳng thể lấy, bỏ mà chẳng thể bỏ. Mẫu của vạn Pháp, Đại Quán Đỉnh là chữ A ( 𣎵 ) vậy. Chữ A ( 𣎵 ) là Pháp khó tin hiểu (nan tín) đặc biệt dùng cho hàng Luật Sư Tiểu Thừa trông thấy.

Năm Bộ của Bản này được trích ra từ 40 vạn câu của Bản Phạn. Kinh **Tỳ Lô Giá Na Kim Cương Đỉnh** gom tập yếu diệu thì ruộng Phước tối thượng chỉ là **Chân Ngôn năm Chữ** này. Người tụng gặt hái được Công Đức chẳng thể so sánh, chẳng thể luận bàn, chẳng thể nói hết được.

Chân Ngôn năm Bộ của Kinh Kim Cương Đỉnh. Nếu được thọ trì, đọc tụng, quán chiếu Lý Tính sẽ khiến cho người được Phước, xương cốt bèn chắc, thân thể vững vàng, vĩnh viễn không bị khổ đau về tai chướng và các thứ bệnh, lại được nhiếp dưỡng trường thọ

Môn năm chữ này là búi tóc của năm Trí, là tim gan của năm Phật, là khuôn mẫu **Năng Tịch Trí** của chư Phật ba đời ở mười phương, là cha mẹ nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, là kho tàng của mười phương Pháp Giới... hay vì Ma ác, Oán chiến của ba đời mà đạt được thắng lợi của ba đời như áo giáp, mâu, khiên, cung tên, khí tượng. Chính vì thế cho nên chư Phật Bồ Tát ba đời ẩn mật tại nơi này thì sinh ra mầm giống trong nơi này, tức là Chủng Tử vậy

Sớ ghi: Lại Tòa của Du Già này là **Kim Cương Phương Luân** màu vàng tức là **Kim Cương Tòa**



A ( 𣎵 \_ A ) là **Kim Cương Địa Bộ**, chữ A thứ nhất làm **Địa Quán** (quán đất), **Kim Cương Tòa Quán** (quán Tòa Kim Cương)



**Tông ( 𠄎 \_ VAM)** là **Kim Cương Thủy Bộ**, chữ Tông thứ hai làm **Thủy Quán** (quán nước), **Liên Hoa Quán** (quán hoa sen)



**Lam ( 𠄎 \_ RAM)** là **Kim Cương Hỏa Bộ**, chữ Lam thứ ba làm **Nhật Quán** (quán mặt trời)



**Hàm ( 𠄎 \_ HAM)** là **Kim Cương Phong Bộ**, chữ Hàm thứ tư làm **Nguyệt Quán** (quán mặt trăng)



**Khiêm ( 𠄎 \_ KHAM)** là **Kim Cương Không Bộ**, chữ Khiêm thứ năm làm **Không Quán** (quán hư không)



**Nhu Lai Thể Tính Vô Sinh Quán** (Quán Thể Tính không sinh của Nhu Lai)

Chân Ngôn của năm Bộ bên trên là chất báu Đê Hồ thuộc Cam Lộ Vô Sinh của tất cả Nhu Lai, là thuốc màu nhiệm (Điều Dược) của Phật Tính. Một chữ nhập vào Ngũ tạng ( Tim, gan, lá lách, phổi, thận ) thì vạn bệnh chẳng sinh huống chi là tu Nhật Quán, Nguyệt Quán. Tức thời chứng được sự trống rỗng vắng lặng (Không Tịch) của Thân Phật

A TÔNG LÂM HÀM KHIÊM ( 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎\_ A VAM RAM HAM KHAM). Năm chữ bên trên là **Pháp Thân Chân Ngôn**. Nếu một ngày tụng một biến hoặc 7 biến hoặc 21 biến hoặc 49 biến. Nếu đem so sánh Công Đức thời Phước của một biến như chuyên Tạng Kinh 100 vạn biến (Tạng Kinh là tất cả Kinh) huống chi là ngồi **Thiền Tịch** nhập vào **Định Môn**. Từ chữ A quán chiếu chân thật rõ ràng rành rẽ như mặt trời chiếu sáng trên không tức là quán thấy rõ (Liễu quán) Phật Tính sẽ gặt được Phước không có gì sánh được.

Văn Cú của Bí Tạng thật chẳng thể luận bàn chỉ sợ hàng Pháp Sư Thanh Văn, bậc Trì Luật của hàng Tiểu Thừa sinh nghi ngờ chẳng tin mà thêm tội cho người đó. Ví như Đức Vua có người con nhỏ nên rất thương yêu vỗ về thân cận, bao nhiêu châu báu trong kho tàng đều dốc cho hết cũng chẳng tiếc nhưng chẳng thể cho cây Kiếm **Can Tương Mạt Tà** vì sợ không biết vận dụng mà hại cho thân thể. Chính vì thế cho nên Đức Như Lai chỉ mật truyền cho hàng Đại Bồ Tát mà chẳng truyền cho hàng Thanh Văn kém Tuệ: **Đạt lô ma đà Đô Pháp Thân Nhu Lai Chân Thật** vậy

Từ nách đến đỉnh đầu là **Thượng**, từ rốn đến nách là **Trung**, từ bàn chân đến rốn là **Hạ**.

Ở trong Chân Ngôn cần phải phân biệt ba loại Thành Tựu

**Hạ Phẩm Tất Địa:** “A La Ba Tả Na” (𑖀𑖩𑖫𑖬\_ ARAPACANA) có tên là **Xuất Tất Địa** hay sinh cọng rể tràn khắp bốn phương. Tụng một biến như chuyển Tạng Kinh 100 biến (Nếu tụng một biến như tụng 84020 Vi Đà Tạng Kinh trừ tất cả nạn khổ của Hành Nhân) liền vào tất cả Pháp bình đẳng của Như Lai, tất cả Văn Tự cũng đều bình đẳng, mau được thành tựu Ma Ha Bát Nhã

Tụng hai biến sẽ trừ diệt tội nặng trong ức kiếp sinh tử. Văn Thù, Phổ Hiền luôn đi theo, bốn Chúng vây quanh như chuẩn bị. Thiện Thần Hộ Pháp **Từ Vô Úy** (hiền lành không đáng sợ) đó ở ngay trước mặt người ấy

Nếu tụng ba biến thời Tam Muội hiện tiền

Nếu tụng bốn biến thời chẳng quên Tổng Trì

Nếu tụng năm biến thời mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

**Trung Phẩm Tất Địa:** “A Vĩ La Hàm Khiêm” (𑖀𑖩𑖫𑖬\_ A VIRA HŪM KHAM) có tên gọi là **Nhập Tất Địa** hay sinh cảnh lá tràn khắp bốn phương. Vì quang minh sáng tỏ nhập vào Pháp Giới của Phật nên có tên là Nhập Tất Địa. Nếu tụng một biến như chuyển Tạng Kinh một ngàn biến. (Đây gọi là: Câu chữ Kim Cương giảng phục bốn Ma, giải thoát sáu nẻo, mãn túc Nhất Thiết Trí Trí)

**Thượng Phẩm Tất Địa:** “A Tông Lãm Hàm Khiêm” (𑖀𑖩𑖫𑖬\_ A VAM RAM HAM KHAM) có tên gọi là **Bí Mật Tất Địa**, cũng có tên là **Thành Tựu Tất Địa** hoặc gọi là **Tô Tất Địa** (Susiddhi). Tô Tất Địa là khắp Pháp Giới, thành tựu Phật Quả, chứng Đại Bồ Đề, lời ẩn kín (bí ngôn) của Pháp Giới, viên mãn quang minh. Chỉ có Phật với Phật mới có thể nhập vào Môn này, hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng thể chiếu soi. Đây cũng gọi là **Bí Mật Tất Địa** (Guhya-siddhi). Nếu tụng một biến sẽ như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến.

**Xuất Tất Địa** từ bàn chân đến eo lưng. **Nhập Tất Địa** từ eo lưng đến trái tim. **Bí Mật Tất Địa** từ trái tim đến đỉnh đầu. Như vậy là ba Tất Địa.

Xuất Tất Địa là **Hóa Thân Thành Tựu**. Nhập Tất Địa là **Báo Thân Thành Tựu**. Bí Mật Tất Địa, Tô Tất Địa là **Pháp Thân Thành Tựu**. Thật sự là Tạng của ba loại **Thường Thân Chính Pháp**, Thê Già Na đầy đủ của Pháp Thân, cội nguồn chân thật của ba Bộ năm Bộ. Chính vì thế cho nên cúi đầu lễ Tỳ Lô Giá Na Phật.

Ba loại năm chữ này tức là 15 chữ, tức 13 loại Kim Cương Tam Muội. Một chữ tức 15 chữ, 15 chữ tức một chữ, một chữ tức 5 chữ, 5 chữ tức một chữ. Nghịch thuận xoay chuyển đầu cuối chẳng hai

Nay trong 8 Môn bao quát nhiếp vạn Pháp. Trong một chữ nhiếp tất cả chữ, trong tất cả chữ nhiếp một chữ. Dùng một chữ giải thích tất cả chữ, dùng tất cả chữ giải thích một chữ. Dùng một chữ thành lập tất cả chữ, dùng tất cả chữ thành lập một chữ. Dùng một chữ phá tất cả chữ, dùng tất cả chữ phá nghĩa của một chữ. Tức là thuận một lần thì nghịch một lần.

Tiếp thuận xoay chuyển bốn lần. Tiếp nghịch xoay chuyển bốn lần, nghĩa là lợi ích cho tất cả chúng sinh ở mười phương Giới đều thành Phật

Tâm **Hãn Lật Đà** (Hṛdaya) của người phàm (đây nói là Tâm chân thật) có hình giống như hoa sen chưa hé nở, gân mạch bên phải ước chia thành tám phần, người nam hướng lên trên, người nữ hướng xuống dưới

Quán hoa sen này khiến cho nó hé nở thành hoa sen màu trắng có tám cánh. Trên cái Đài này, quán chữ A (𑖀) làm **hình sắc Kim Cương** (Kim Cương Sắc:Vajra-Rūpa). Lại từ chữ A như cái Đài màu vàng hình vuông, thân ở ngay trong đó.

Từ chữ A xuất ra chữ **La** (𑀅-RA) thiêu đốt thân đều thành đám tro xong, trong tro này sinh chữ **Phộc** (𑀅-VA) có sắc thuần màu trắng. Từ đây sinh ra **A Tông Lãm Hàm Khiếm** (𑀅𑀲𑀳𑀴𑀵 A VAM RAM HAM KHAM) rồi liền từ bên dưới eo lưng đến trên đỉnh đầu, an lập năm chỗ trên thân, ấy là Tâm Tịnh Bồ Đề

Dùng Môn năm chữ này làm duyên sinh gốc rễ Đại Bi, tăng trưởng cây vua Sa La của Phật, dồi bày tràn khắp Pháp Giới. Xong tất cả Pháp tức do Môn năm Chữ này, vốn chẳng sinh, lia ngôn thuyết, Tự Tính trong sạch, không có Nhân Duyên như hư không, làm vị trí của tám cánh. Ấy là từ rốn đến trái tim làm Đài Kim Cương (Cộng đứng trong biển), rốn làm biển lớn. Từ rốn trở xuống là vị trí của chư Tôn **Địa Cư** ở ngay bên cạnh bờ biển, ấy là từ biển Đại Bi của chư Phật sinh ra Trí Kim Cương, từ Trí Kim Cương sinh ra tất cả Phật Hội ở trên Đài hoa tám cánh của trái tim này. Rồi quán chữ A (𑀅), từ chữ này xuất ra vô lượng ánh sáng, từ trong trái tim phóng tán bốn phương rồi hợp làm **vòng hoa ánh sáng** (Quang man) giống như vòng hoa (hoa man) tràn khắp tất cả cõi Phật. Ánh sáng này từ bao vòng đỉnh đầu đến bàn chân, xoay chuyển nhiều quanh thân của Hành Giả.

Lại quán chữ **Ám** (𑀅-AM) ngay trên đỉnh đầu chuyển thành **Trung Thai Tạng**. Từ chữ này sinh ra ánh lửa rực của ba lớp. Ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên cổ họng, từ cổ họng đến đỉnh tướng, tùy theo nơi soi chiếu đến rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của viện thứ nhất (Đệ Nhất Viện Mạn Trà La)

Tiếp, ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên trái tim, từ rốn lên đến cổ họng rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của lớp thứ hai (Đệ Nhị Trùng Mạn Trà La)

Tiếp, ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên lỗ rốn, từ rốn trở xuống rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của lớp thứ ba (Đệ Tam Trùng Mạn Trà La), tức là **Thế Gian Thiên Viện** vậy.

Hình sắc, tướng tốt của các Tôn mỗi mỗi đều khác biệt, rõ ràng đầy đủ trong thân của mình giống như Thân nhập vào Phật Hội. Rồi thân của mình đều thành **Mạn Trà La Thân**, tức là **Phổ Môn Pháp Giới Thân**

**Trung Thai Tạng** ấy tức là Đức **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) ở chính giữa đóa hoa tám cánh trên trái tim. Tức ở trên Đài hoa sen ở trái tim này làm Trung Thai của Mạn Trà La (Mạn Trà La Trung Thai)

Tám cánh bên ngoài ấy cũng tùy theo vị trí của Đức Phật mà an bày theo thứ tự. Bốn phương tức là bốn **Trí** của Như Lai, bốn cánh ở góc tức là bốn **Nhiếp Pháp**

**Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) ở phương Đông Nam là **Tâm Bồ Đề**, đây là Nhân màu nhiệm (Diệu Nhân)

Tiếp **Văn Thù** (Mañjuśrī) ở phương Tây Nam là **Đại Trí Tuệ**

Tiếp **Di Lặc** (Maitreya) ở phương Đông Bắc là **Đại Từ**. Đại Từ Đại Bi đều là nghĩa thứ hai

Tiếp **Quán Âm** (Avalokiteśvara) ở phương Tây Bắc tức là **Chứng**. Ấy là Hạnh Nguyện thành tựu nhập vào Tam Muội của Đài hoa này

Trong bốn cánh ở bốn phương. Chữ **A đầu tiên** (𑀅- A) tại phương Đông dụ cho **Tâm Bồ Đề**, cùng tốt là sự khởi đầu của vạn Hạnh, có màu vàng là Tính của Kim Cương. Tên gọi của vị ấy là **Bảo Tràng** (Ratna-ketu), cũng gọi là **A Súc Phật** (Akṣobhya)

Tiếp chữ **A** (𑀅- Ā) ở phương Nam là **Hạnh**, có màu đỏ là nghĩa của lửa (Hỏa) tức đồng với nghĩa của Văn Thù. Tức là **Hoa Khai Phu** (Sumkusumita-rāja), cũng có tên gọi là **Bảo Sinh Phật** (Ratna-sambhava)

Tiếp chữ **Ám** (𑖦- AM) ở phương Tây là **Bồ Đề**. Do vạn Hạnh cho nên thành **Đẳng Chính Giác**, có màu trắng tức là nghĩa cùng cực của sự sáng tròn trịa (viên minh cứu cực), lại là nghĩa của nước (Thủy). Đức Phật ấy có tên gọi là **A Di Đà** (Amitāyus, hay Amitābha)

Tiếp chữ **Ác** (𑖧- AH) ở phương Bắc là quả của **Chính Đẳng Giác**. Đức Phật ấy có tên gọi là **Cổ Âm** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa), là **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muni), tức là **Đại Niết Bàn**. Cùng cực của dấu tích quay trở lại gốc cho nên là **Niết Bàn**. Ngày Đức Phật tự ẩn nơi núi Niết Bàn cho nên có màu đen

Tiếp liền nhập vào chữ **Ác** ở giữa (𑖧- ĀH) là **Phương Tiện**, liền biết Thê Pháp Giới của Tâm này xưa nay là tướng thường tịch diệt. Đây là Thân **Bản Địa** của **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana), Thê của đài hoa vượt hơn tám cánh, dứt hẳn phương sở, chẳng phải là cảnh giới của **Hữu Tâm** (tâm chấp vào sự có), chỉ có Phật với Phật mới có thể biết

Dùng phương tiện này đồng với Đại Không mà hiện mọi tượng, chính giữa trống rỗng đủ tất cả hình sắc, tức là gia trì Thê Giới, Hội **Phổ Môn** của Mạn Trà La không nơi nào không có. Thế nên tám cánh đều là một Thê của Đại Nhật Như Lai.

Chính vì thế cho nên Đại Nhật Tôn ở chính giữa là **Pháp Thân**, Ấn Kim Cương Tuệ của Bí Mật Chủ là **Bát Nhã**, Quán Tự Tại trì Ấn Liên Hoa là **Giải Thoát**. Ất **Thân Mật** là Đức của Pháp Thân, **Khẩu Mật** là Đức của Bát Nhã, **Ý Mật** là Đức của Giải Thoát

Nhân Bát Nhã cho nên được Giải Thoát, Giải thoát nhân theo Bát Nhã. Hai điều này y theo Thê của Pháp Thân, chẳng hiện chẳng lìa, thiếu một chẳng được, giống như ba điểm của chữ I (◌)

Tâm Bồ Đề là Kim Cương Bộ, Đại Bi là Liên Hoa Bộ, Phương Tiện là Thân Ứng Hóa. Chính vì thế cho nên **chữ A** (𑖦) là Thai Nội (bên trong Thai) chỉ địa vị tại Đẳng Giác, dùng **chữ Sa** (𑖧- SA) lúc trước nên ngoài Thai (Thai Ngoại) chỉ địa vị Diệu Giác, **chữ Phộc** (𑖧- VA) là Dụng. Tất cả Pháp chuyên đều y theo Môn này phóng túng lưu dấu hai Hóa tế độ mười cõi (thập Giới)

Như Lai Trí Ấn này là thật tướng của Tâm, quả Nhất Thiết Trí Trí. Tức **Tâm Bồ Đề làm Nhân, Đại Bi làm gốc rễ, Phương Tiện làm Cứu Cánh**. Dùng Môn Nhất Thiết Trí, năm loại nghĩa làm mọi Duyên

Nếu có chúng sinh biết Pháp Giáo này thì người đời nên cúng dường giống như kính **Chế Để** (Caitye: Tháp Xá Lợi). Chế Để là chỗ chứa **Xá Lợi** (Śāriṛa) của **Sinh Thân** thế nên chư Thiên, người đời cầu Phước thấy đều cúng dường. Nếu Hành Nhân tin nhận nghĩa như vậy tức là nơi chứa Xá Lợi của Pháp Thân

Lại theo âm Phạm thì **Chế Để** (Caitye) và **Chất Đa** (Citta) đồng Thê. Bí mật trong đây nói là **Tâm là tháp Phật** như Mạn Trà La thứ ba dùng trái tim (Tâm) của mình làm nền, thứ tự tăng thêm cho đến Trung Thai, màu sắc của Niết Bàn ở trên cùng, cho nên Chế Để này rất cao.

Lại từ tám cánh của Trung Thai thứ tự tăng thêm cho đến Thân tùy loại **Phổ Môn** thứ ba, không có nơi nào không tràn khắp, cho nên Chế Để này rất rộng. **Liên Hoa Đài Đạt Ma Đà Đô** ấy là Xá Lợi của Pháp Thân vậy.

Nếu chúng sinh hiểu được **Án Bồ Đề** của **Tâm** này tức đồng với Tỳ Lô Giá Na cho nên nói là: “*Thế Gian nên cúng dường giống như kính Chế Để*”

Có điều Thân, Cõi của Tỳ Lô y theo Chính Tướng dung nhiếp, Tính Tướng đồng một Chân Như tràn khắp Pháp Giới Đại Ngã; Thân Khẩu Ý bình đẳng như thái hư không, dùng hư không làm Đạo Trường, dùng Pháp Giới làm giường ngồi



Đại Nhật Như Lai vì khiến cho thấy biết Đạo này nên bày ra hai loại Pháp Thân. **Trí Pháp Thân Phật** trụ **Lý Thật Tướng**, vì Tự Thọ Dụng nên hiện ra 37 Tôn khiến cho tất cả vào Đạo *không hai*. **Lý Pháp Thân Phật** trụ như như tịch chiếu, Pháp Nhiên thường trụ chẳng động, hiện ở tám cánh. Vì Tự Tha Thọ Dụng nên bày ra ba lớp Mạn Trà La khiến cho mười cõi chứng Đại Không

Tuy Lý Trí đó, rộng lược có sai khác nhưng xưa nay một Pháp thường không có sai khác, vạn Pháp quy về một chữ A, năm Bộ đồng một Già Na vậy.

“Ta y Tỳ Lô Giá Na Phật  
Mở Tâm, Trí Ẩn bày Tiêu Nghĩa (nghĩa tiêu biểu)  
Vô lượng Công Đức trang nghiêm khắp  
Đồng vào Tổng Trì các Thiện Thệ  
Nguyện cùng kẻ có duyên tu học  
An trụ biển thanh tịnh vô thượng”

PHÁP CHÂN NGÔN BÍ MẬT CỦA BA LOẠI TẮT ĐỊA  
\_MỘT QUYỂN (Hết)\_

03/10/2008

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG TÂM  
PHÁ ĐỊA NGỤC CHUYỂN NGHIỆP CHUỖNG  
XUẤT TAM GIỚI BÍ MẬT TAM THÂN PHẬT QUẢ  
TAM CHUNG TẤT ĐỊA CHÂN NGÔN NGHI QUỸ  
\_MỘT QUYỂN\_

Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc\_ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY phụng chiếu dịch  
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Cái trống vàng của Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói:

Mở miệng nâng lưỡi chấn cung điện Pháp Giới, các Như Lai của Thế Giới **Liên Hoa Thai Tạng** ra khỏi Định liền đem tôi phá Địa Ngục, diệt bảy lần tai ương, khởi dạy Bồ Tát nói bí mật của năm chữ.

Năm chữ đó là: **A Tông Lãm Hàm Khiêm** (𑖀 𑖂 𑖄 𑖆 𑖈\_ A VAM RAM HAM KHAM)

\_Chữ A (𑖀\_ A) thuộc Kim Cương Bộ, chủ về gan

Chữ TÔNG (𑖂\_ VAM) thuộc Liên Hoa Bộ, chủ về phổi

Chữ LÃM (𑖄\_ RAM) thuộc Bảo Bộ, chủ về trái tim

Chữ HÀM (𑖆\_ HAM) thuộc Yết Ma Bộ, chủ về dạ dày (?Thận)

Chữ KHIÊM (𑖈\_ KHAM) thuộc Hư Không Bộ, chủ về lá lách

\_Núi, biển, đại địa xuất ra từ chữ **A** (𑖀\_ A)

Sông lớn, sông nhỏ, vạn giòng chảy xuất ra từ chữ **Tông** (𑖂\_ VAM)

Vàng, ngọc, trân bảo, mặt trời, mặt trăng, các vì sao (Tinh Thần), quả cầu lửa (hỏa châu), ánh sáng theo chữ **Lãm** (𑖄\_ RAM) mà thành

Năm loại lúa đậu (ngũ cốc), quả trái, mọi bông hoa hé nở đều nhân theo chữ **Hàm** (𑖆\_ HAM) mà kết

Mùi thơm đẹp lạ, người Trời xinh đẹp, nuôi dưỡng nhan sắc, mùi vị ngon bổ, tướng mạo đoan chính, phước đức, phú quý đều từ chữ **Khiêm** (𑖈\_ KHAM) mà trang nghiêm.

\_Chữ A (𑖀\_ A) là **A Súc Như Lai** (Akṣobhya Tathāgata) ở phương Đông.

Chữ TÔNG (𑖂\_ VAM) là Đức **A Di Đà** (Amitābha Tathāgata) ở phương Tây.

Chữ LÃM (𑖄\_ RAM) là Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava Tathāgata) ở phương Nam.

Chữ HÀM (𑖆\_ HAM) là Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi Tathāgata) ở phương Bắc.

Chữ KHIÊM (𑖈\_ KHAM) là Đức **Tỳ Lô Giá Na Đại Nhật Như Lai** (Vairocana Tathāgata) ở phương trên

\_Chữ A (𑖀) có ý rất sâu xa, là Thể của Không Tịch (vắng lặng trống rỗng), lấy mà chẳng thể lấy, bỏ mà chẳng thể bỏ. Mẫu của vạn Pháp, Đại Quán Đỉnh Vương là

chữ A (𠄎) vậy. Chữ A (𠄎) là Pháp khó tin hiểu (nan tín) đặc biệt dùng cho hàng Luật Sư Tiểu Thừa trông thấy

Năm Bộ của Bản này được trích ra từ 40 vạn câu của Bản Phạn. Kinh **Tỳ Lô Giá Na**, Kinh **Kim Cương Đỉnh** gom tập yếu diệu thì ruộng Phước tối thượng chỉ là Chân Ngôn năm Chữ này. Người tụng gặt hái được Công Đức chẳng thể so sánh, chẳng thể luận bàn, chẳng thể nói hết được. Quán chiếu Lý Tính khiến người được Phước, xương cốt bền chắc, thân thể vững vàng, vĩnh viễn không có tai chướng với các bệnh khổ, lại được nhiếp dưỡng trường thọ

Trên cái trống chép năm chữ đó. Đề chữ đánh trống, tiếng vang xa gần, lửa rực bày xa ngàn dặm thì lúa mạ tốt tươi, người không có tai dịch. Là **Như Lai Thể Tính Vô Sinh Quán** này

Chân Ngôn của năm Bộ bên trên là chất báu Đề Hồ thuộc Cam Lộ Vô Sinh của tất cả Như Lai, là thuốc màu nhiệm (Diệu Dược) của Phật Tính. Một chữ nhập vào **Ngũ Tạng** (Tim, gan, lá lách, phổi, thận) thì vạn bệnh chẳng sinh huống chi là tu Nhật Quán, Nguyệt Quán. Tức thời chứng được sự trống rỗng vắng lặng (Không Tịch) của Thân Phật

\_Năm chữ **A Tông Lâm Hàm Khiếm** (𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎\_ A VAM RAM HAM KHAM) đó là **Pháp Thân Chân Ngôn**.

Nếu một ngày tụng một biến hoặc 7 biến hoặc 21 biến hoặc 49 biến, rồi đem so sánh Công Đức thời Phước của một biến như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến, huống chi là ngôi **Thiên Tịch** nhập vào **Định Môn**. Từ chữ A quán chiếu chân thật rõ ràng rành rẽ như mặt trời chiếu sáng trên không tức là quán thấy rõ (Liễu quán) Phật Tính sẽ gặt được Phước không có gì sánh được.

Văn Cú của Tạng bí mật thật chẳng thể luận bàn chỉ sợ hàng Pháp Sư Thanh Văn, bậc Trì Luật của hàng Tiểu Thừa sinh nghi ngờ chẳng tin mà thêm tội cho người đó. Ví như Đức Vua có người con nhỏ nên rất thương yêu vỗ về thân cận, bao nhiêu châu báu trong kho tàng đều dốc cho hết cũng chẳng tiếc nhưng chẳng thể cho cây Kiếm **Can Tương Mạt Tà** vì sợ không biết vận dụng mà hại cho thân thể. Chính vì thế cho nên Đức Như Lai chỉ kín đáo truyền cho hàng Đại Bồ Tát mà chẳng truyền cho hàng Thanh Văn kém Tuệ

\_A (𠄎\_ A ) là **Kim Cương Địa Bộ** thứ nhất (Chữ A làm **Địa Quán**, **Kim Cương Tòa Quán**. Hình tứ giác, màu vàng. Là **Đại Viên Kính Trí**, lại gọi là Kim Cương Trí)

**Tông** (𠄎\_ VAM) là **Kim Cương Thủy Bộ** thứ hai (chữ Tông làm **Thủy Quán**, **Liên Hoa Quán**. Hình như trắng đầy, màu trắng. Là **Diệu Quán Sát Trí**, lại gọi là Liên Hoa Trí, cũng là Pháp Luân Trí)

**Lâm** (𠄎\_ RAM) là **Kim Cương Hỏa Bộ** thứ ba (chữ Lâm làm **Nhật Quán**. Hình tam giác, màu đỏ. Là **Bình Đẳng Tính Trí**, cũng gọi là Quán Đỉnh Trí)

**Hàm** (𠄎\_ HAM) là **Kim Cương Phong Bộ** thứ tư (chữ Hàm làm **Nguyệt Quán**. Hình như nửa vành trăng, màu đen. Là **Thành Sở Tác Trí**, cũng gọi là Yết Ma Trí)

**Khiếm** (𠄎\_ KHAM) là **Kim Cương Không Bộ** thứ năm (chữ Khiếm làm **Không Quán**. Hình như trắng đầy, có sắc đủ mọi màu. Là **Pháp Giới Tính Trí**)

\_Chủng Tử của năm Luân: **Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không** là năm chữ A (𠄎\_ A), **Tông** (𠄎\_ VAM), **Lâm** (𠄎\_ RAM), **Hàm** (𠄎\_ HAM), **Khiếm** (𠄎\_ KHAM). Có

**Địa Luân**, trên Địa Luân có **Thủy Luân**, trên Thủy Luân có **Hỏa Luân**, trên Hỏa Luân có **Phong Luân**, trên Phong Luân có **Không Luân**

Trong Không Luân, tướng chữ **Hám** (𑖇 - HAM) như màu đen huyền, duỗi dần rộng thành. Trên Phong Luân, tướng chữ **Tông** (𑖇 - VAM) biến thành Thủy Luân. Bên trên tướng chữ **Bát La** (𑖇 - PRA) màu vàng ròng biến thành một con rùa vàng. Trên lưng rùa tướng chữ **Tổ** (𑖇 - SU) liền biến thành Diệu Cao Sơn Vương (núi Tu Di) do bảy báu hợp thành. Cũng có chữ **Kiểm** (𑖇 - KAM) biến thành núi vàng có bảy lớp vây quanh. Trong hư không từ lỗ chân lông trên thân của Đức Tỳ Lô Giá Na Phật tuôn ra sữa thơm, tuôn mưa thấm ướt bảy núi vàng, dùng thành biển sữa nước thơm có tám Công Đức

Ngang trái tim, tướng ở trên đỉnh núi Diệu Cao (Sumeru) có chữ **Cát Tường Lợi** (𑖇-SRĪ) biến thành hoa sen tám cánh tràn khắp Pháp Giới. Ở trên hoa sen có chữ **A** (𑖇 - A) biến thành lầu gác báu có tám bông hoa tám cột trụ, cao rộng không có bờ mé ở giữa. Các ngọc báu rất vi diệu, mọi thứ trang nghiêm. Sáu mươi hằng hà sa câu chi Như Lai với tám Bộ Trời Ròng, các Bồ Tát Nội Ngoại Cúng Đường vây quanh.

Trong cung điện Pháp Giới này lại có Môn chữ **Lợi** (𑖇 - RI) biến thành cánh hoa sen lớn, bên trên có **Mạn Trà La** (Maṇḍala). Ở trên Mạn Trà La có Tòa Sư Tử. Ở trên Tòa Sư Tử có Liên Hoa Vương (hoa sen), bên trên có vành trăng trong sạch tròn đầy. Ở trên vành trăng đầy có chữ **Cát Lợi** (𑖇-SRĪ) biến thành hoa sen lớn trong vành trăng màu nhiệm (Diệu Nguyệt Đại Liên Hoa), bên trên có chữ **Tông** (𑖇 - VAM) phóng ánh sáng lớn chiếu khắp Pháp Giới. Hết thấy bốn loài (noãn, thai, thấp, hóa) Hữu tình bị khô tám nạn trong ba cõi sáu đường... gặp được ánh sáng chiếu chạm đến đều được giải thoát

Chữ **Tông** (𑖇 - VAM) biến thành **Suất Đồ Ba** (Stūpa: Tháp nhiều tầng) có hình vuông, tròn, tam giác, nửa vành trăng, tròn trịa do năm Đại Địa, Thủy Hỏa, Phong, Không tạo thành



Suất Đồ Ba này biến thành Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai với thân sắc như mặt trăng, đầu đội mũ Ngũ Phật, dùng lụa sa màu nhiệm, áo khoác ngoài, Anh Lạc trang nghiêm thân ấy. Ánh sáng chiếu khắp Thế Giới ở mười phương, đều dựa nơi vành trăng. Bốn Đức Phật, bốn vị Ba La Mật, mười sáu vị Bồ Tát, tám Cúng, bốn Nhiếp, ngàn vị Phật đời Hiền Kiếp, hai mươi Thiên, vô lượng vô biên Bồ Tát dùng làm quyến thuộc.

Bốn Đức Phật là: Kim Cương Kiên Cố Tự Tính Thân **A Súc Phật**, Phước Đức Trang Nghiêm Thân **Bảo Sinh Phật**, Thọ Dụng Trí Tuệ Thân **A Di Đà Phật**, Tác Biến Hóa Thân **Thích Ca Mâu Ni Phật**.

Bốn vị Bồ Tát là: **Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát**, **Bảo Ba La Mật Bồ Tát**, **Pháp Ba La Mật Bồ Tát**, **Yết Ma Ba La Mật Bồ Tát**.

16 vị Bồ Tát là: **Kim Cương Tát Đồ Bồ Tát**, **Kim Cương Vương Bồ Tát**, **Kim Cương Ái Bồ Tát**, **Kim Cương Hỷ Bồ Tát**, **Kim Cương Bảo Bồ Tát**, **Kim Cương Quang Bồ Tát**, **Kim Cương Tràng Bồ Tát**, **Kim Cương Tiểu Bồ Tát**, **Kim Cương Pháp Bồ Tát**, **Kim Cương Lợi Bồ Tát**, **Kim Cương Nhân Bồ Tát**, **Kim**

**Cương Ngũ Bồ Tát, Kim Cương Nghiệp Bồ Tát, Kim Cương Hộ Bồ Tát, Kim Cương Nha Bồ Tát, Kim Cương Quyền Bồ Tát.**

Tám vị Cúng Dường Bồ Tát là: **Kim Cương Hy Hỷ Bồ Tát, Kim Cương Man Bồ Tát, Kim Cương Ca Bồ Tát, Kim Cương Vũ Bồ Tát, Kim Cương Phần Hương Bồ Tát, Kim Cương Hoa Bồ Tát, Kim Cương Đẳng Bồ Tát, Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát.**

Bốn vị Nhiếp Bồ Tát là: **Kim Cương Câu Bồ Tát, Kim Cương Sách Bồ Tát, Kim Cương Tỏa Bồ Tát, Kim Cương Linh Bồ Tát**

Dùng Quyền Thuộc như vậy, quán như vậy xong dùng chứng sự thanh tịnh của Tâm, tự tâm là Phật, mọi Tướng đều viên mãn. Liên chứng **Tát Bà Nhược** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí), đủ sự tròn đầy thuộc bậc Thánh của 37 Tôn.

Liên quán ở Không Trung, chư Phật như hạt mè tràn khắp cõi hư không, tướng thân chứng mười Địa. Chữ **Tông** (𑖔\_VAM) biến thành nước Đại Bi (Đại Bi thủy), nghĩ rưới vảy Ta với tất cả hữu tình, Tâm Bồ Đề, Đại Địa. Rửa sạch hý luận dơ bẩn của 160 Tâm thấy đều chặt đứt tội dơ phiền não. Tức thân chẳng bỏ thân do cha mẹ sinh ra mà thân này chứng được địa vị của Đại Bồ Đề Phật Quả

Lại quán thân ở bên trong biển lớn, đáy biển có chữ **Bát La** (𑖑-PRA) màu vàng ròng. Chữ ấy biến thành con rùa vàng là **Phật Tính** (Buddhata). Trên con rùa ấy có chữ **Tô** (𑖓-SU) biến thành Tu Di Sơn Vương (núi Tu Di). Trên núi ấy có chữ **A** (𑖀\_A) biến thành Kim Cương Địa Luân với mọi màu sắc vi diệu.

Trên Luân có Đạo Trường rộng 38 khuỷu tay. Chữ **Ám** (𑖂-AM) biến thành điện báu Ma Ni có ba vòng lớp tức **Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới**; dùng bảy báu trang nghiêm

Biên trong Diệu Cung ấy có Đàn Trường rộng 10 khuỷu tay tức là 10 Pháp Giới. Trong Trường ấy có Tòa Đại Giác Sư Tử, trong đó có chữ **A** (𑖀\_A) biến thành cái bàn đá rộng bốn khuỷu tay tức vòng lớp Mạn Trà La. Vòng lớp đó là: **Phát Tâm, Tu Hành, Bồ Đề, Niết Bàn**. Trên đó có hoa sen trắng lớn, trên hoa đó có chữ **A** (𑖀\_A) biến thành Pháp Thân, Thân Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói **A Tông Lâm Hàm Khiếm** (𑖀 𑖔 𑖓 𑖔 𑖔 A VAM RAM HAM KHAM)

Năm chữ này biến thành thân của Ngũ Trí Như Lai, lại thành thân của chín Tôn trong đóa hoa tám cánh (Bát diệp cửu tôn). Lại thành thân của năm Đại Minh Vương.

Đại Nhật Như Lai biến thành chữ **Hám** (𑖃-HAM), chữ ấy biến thành cây kiếm, cây kiếm biến thành thân của **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja). Minh Vương biến thành **Cổ Lợi Già La Đại Long** (Kulika- Mahā-nāga) hiện tướng phần nộ quấn quanh cây kiếm bén. Long Vương biến thành hai vị Sứ Giả là: **Cãng Ca La Sứ Giả** (Kinkara), **Chế Tra Già La Sứ Giả** (Cetaka)

Năm chữ đó có tên gọi là **Bí Mật Tát Địa**, cũng gọi là **Thành Tựu Tát Địa**, cũng gọi là **Tô Tát Địa** (Susiddhi)

Tô Tát Địa là: Khắp Pháp Giới thành tựu Phật Quả, chứng Đại Bồ Đề, ngôn ngữ bí mật của Pháp Giới, ánh sáng tràn khắp chỉ có Phật với Phật mới có thể vào Môn này, Duyên Giác Thanh Văn chẳng thể soi chiếu đến chỗ này. Cũng có tên gọi là Bí Mật Tát Địa. Nếu tụng một biến như chuyển tất cả Kinh một trăm vạn biến.

Bí Mật Tát Địa từ trái tim đến đỉnh đầu. Bí Mật Tát Địa tức Pháp Thân thành tựu, tức là ba loại Thường Thân Chính Pháp Tạng. Chính vì thế cho nên đỉnh lễ **Vĩ Lỗ Già Na Phật** (Vairocana-buddha)

Cúi lạy Tỳ Lô Giá Na Phật

Hé mở mắt tịnh như hoa sen

Thầy Trời Người điều ngự ba cõi  
Bác Đại Bồ Đề Tâm Cứu Thế  
Chân Ngôn sâu màu, gia trì Pháp  
Chảy vào **Vô Sinh**, Môn chữ A

Chữ A như **Thức A Ma La** (Amala-vijñāna). A Ma La Thức là **Thế**, **A Lê Gia Thức** (Ālaya- vijñāna) là **Dụng**. Chữ A hàm chứa vạn Pháp giống như Tạng Thức chứa đựng các Pháp. Cho nên bốn chữ **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) chứa đựng nghĩa của bốn Giáo. Vành trăng có chín lớp biểu thị cho Bát Diệp Cửu Tôn

Văn Thù Chân Ngôn **Hạ Phẩm Tất Địa**:  
**A La Ba Già Na** (𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮\_ A RA PA CA NA)

Một chữ **Án Từ-lâm** (𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮) : OM ŚRHYIM) thông dụng vạn sự

Đây gọi là **Xuất Tất Địa** hay sinh cọng rẽ tràn khắp bốn phương, tụng một biến như chuyển Tạng Kinh một trăm biến.  
Xuất Tất Địa từ bàn chân đến eo lưng

**A Vi La Hồng Khư** (𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮\_ A VIRĀ HŪM KHAM) là Chân Ngôn của Đại Nhật Như Lai, **Trung Phẩm Tất Địa**. Đây có tên gọi là **Nhập Tất Địa** hay sinh cành lá.

Lại Nhập Tất Địa từ rốn đến trái tim, tràn khắp bốn phương, ánh sáng rực rỡ màu nhiệm nhập vào Pháp Giới của Phật nên gọi là **Nhập Tất Địa**. Nếu tụng một biến như chuyển Tạng Kinh một ngàn biến.

**A Tông Lâm Hàm Khiêm** (𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮\_ A VAM RAM HAM KHAM) [**Thượng Phẩm Tất Địa**] là Chân Ngôn của Tỳ Lô Giá Na. Năm chữ đó có tên gọi là **Bí Mật Tất Địa**, cũng gọi là **Tô Tất Địa**, cũng gọi là **Thành Tựu Tất Địa**

Bí Mật Tất Địa từ trái tim đến đỉnh đầu.

**Tô Tất Địa** (Susiddhi) tức là Pháp Thân Thành Tựu

Lại **Thành Tựu Tất Địa** là thành tựu Phật Quả, chứng Đại Bồ Đề, ngôn ngữ bí mật của Pháp Giới, ánh sáng tràn khắp chỉ có Phật với Phật mới có thể vào Môn này, Duyên Giác Thanh Văn chẳng thể soi chiếu đến chỗ này. Tức có tên gọi là Bí Mật Tất Địa. Nếu tụng một biến sẽ như chuyển tất cả Kinh một trăm vạn biến.

Như vậy là ba loại Chân Ngôn Tất Địa.

Tuy **Phật Đỉnh Tôn Thắng Tâm Chân Ngôn** đều là Chân Ngôn thuộc ba Thân của Đại Nhật Như Lai. Do đây sẽ biết **Tôn Thắng Phật Đỉnh** tức là thân của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, tức là Thân của Phật Đỉnh trong ba Bộ.

Ba **Thức** là: Thứ nhất là **Ba Đà Na Thức** tức Thức thứ sáu, thứ hai là **A Đà Na Thức** (Ādāna) tức Thức thứ bảy, thứ ba là **A Lê Gia Thức** (Ālaya) tức Thức thứ tám. Nay thêm Thức thứ tư là **A Ma La** (Amala) tức Vô Cấu Tịnh Thức dùng làm nghĩa của vành trăng có chín lớp ở trái tim.

Xuất Tất Địa (gốc rẽ từ bàn chân đến eo lưng, là **Hóa Thân**). Nhập Tất Địa (cành lá từ rốn đến trái tim, là **Báo Thân**). Thành Tựu Tất Địa (từ trái tim đến đỉnh đầu, là **Pháp Thân**, Phật Quả) thấy đều nhập vào giòng chảy chữ A, dùng làm ba Phẩm Quán.

**Thượng Phẩm** là Thế tức đồng với Thân của cõi Đại Thiên. Tức đồng với Pháp Thân, thân của Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Tất cả chúng sinh bên trong vòng của

cõi Đại Thiên nói Chính Giáo của tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng muốn cùng thời thành Phật.

**Trung Phẩm Quán:** Thê của Ta ngang bằng với thân của cõi Trung Thiên, tức đồng với Ứng Thân, thân của Đại Nhật Như Lai. Tất cả hữu tình bên trong vòng của cõi Trung Thiên nói Giáo Pháp của tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng muốn cùng thời thành Phật.

**Hạ Phẩm Quán** tức Thê của Ta ngang bằng với thân của cõi Tiểu Thiên, tức đồng với Hóa Thân, thân của Văn Thù Sư Lợi. Tất cả chúng sinh bên trong vòng của cõi Tiểu Thiên nói tám vạn bốn ngàn Tạng Kinh muốn cùng thời thành Phật.

Có điều ba loại Chân Ngôn này là Mật trong Mật, Bí trong Bí, người Nhị Thừa, chúng Phá Giới chẳng có niềm tin thì khó vào Môn này. Chúng Bồ Tát có tâm tin thì có thể tụng niệm, đêm này cùng Định sẽ được **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambhuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác). Trong vô lượng vô số kiếp có thể cứu độ tất cả chúng sinh bị khổ trong sáu nẻo thấy đều vào trong **chữ A** đó, cắt đứt các Phiền Não, Hoặc Nghiệp của vô lượng vô số kiếp khiến phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề thấy đều khiến chứng Phật Quả.

Nếu người có căn tối thượng, thường ngày đếm ba Thời trì niệm. Nếu thời thời khắc khắc ghi nhớ thì quyết định người này chẳng bỏ thân do cha mẹ sinh ra mà thân này sẽ được thân Phật khó được chẳng thể luận bàn.

Nếu có người đối với Thuyết này có tâm nghi ngờ chẳng định sẽ trải qua hàng ha sa A tăng kỳ đại kiếp chẳng thể luận bàn bị đọa lạc trong Địa Ngục A Tỳ. Nếu vừa mới dứt kiếp Địa Ngục ấy, thoát ra lại rơi vào trong 18 Địa Ngục với tám vạn bốn ngàn Địa Ngục. Như vậy luân chuyển đều trải qua tất cả Kiếp tận lại rơi vào trong nẻo Quỷ đối với súc sinh đều tận đến bờ mé của Kiếp ấy. Kiếp tận xong thì sinh vào chốn Nhân Gian chịu vô số bệnh lớn, ngày đêm không gián đoạn chịu bệnh khổ như vậy, chẳng tu một điều Thiện, sau khi mệnh chung cũng bị rơi vào trong Địa Ngục A Tỳ vì thế thường chịu khổ não lớn, chẳng được sinh vào chỗ an lành. Cho nên đối với người chẳng tin thì không thể nói **thuốc tốt lành** (luong dược) của ba Chân Ngôn, ba Thân, Phật Quả, ba Bồ Đề.

Nếu có người chỉ một lần được nghe Chân Ngôn đó thì vô lượng mầm giống căn lành đã gieo trồng trong đời đời ở quá khứ cũng quay trở lại y theo sức căn lành ở quá khứ, nay sẽ được nghe vậy. Người đó sau khi mệnh chung đều tùy theo Nguyên vãng sinh trong cõi Tịnh Độ ở mười phương. Vì chúng của cõi ấy với tất cả chúng sinh trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới nói Pháp đó. Lại nhờ bớt sự khổ đau, ban cho sự an vui khiến được chứng Quả Đại Bồ Đề. Nên biết người đó là Sở Hóa của Đức Như Lai, là Bồ Tát. Huống chi tự mình tụng, lại vì người khác truyền dạy thời Công Đức chẳng thể luận bàn

Đều dùng Tâm tin trong sạch mãn 50 vạn biến thì vô lượng tội nghiệp ác trong thân từ vô số ức kiếp vô thủy đến nay đều diệt trừ hết. Sau khi mệnh chung, tùy theo Nguyên sinh trong Thế Giới **Liên Hoa Thai Tạng**, thường vốn hiểu (bản giác) chữ A vốn là Phật, phụng kiến thân Diệu Thể của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, thường tự thọ niềm vui của Pháp (Pháp lạc) ở Thế Giới ấy. Là điều được nói từ kim khẩu của Tỳ Lô Giá Na Như Lai vậy.

Năm Trí Như Lai sinh ra trong chữ A, hóa vô lượng Thân

Xưa nghe chữ A, một lần nghe

Nay là Tỳ Lô Giá Na Như Lai

Bạch Hào Quang Tướng Chính Biến Tri

Viên mãn luôn chiếu như Nhật Nguyệt

**A Súc** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava) Đấng Cứu Thế

**Di Đà (Amitābha), Thành Tựu Bất Không Vương (Amogha-siddhi)**  
 Đều ở **Tất Địa Cát Tường Luân**  
 Truyền ban Diệu Pháp, hóa các Hữu  
 Từ Tâm Tụ Tại, **Giáng Tam Thế (Trailokya-vijaya)**  
**Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva), Bất Động Tôn (Acala-nātha)**  
 Thế Nguyên Vô Vi ứng thời kỳ  
 Xong việc Du Già về **Kim Cương**  
 Ta y Tỳ Lô Giá Na Phật  
 Mở **Tâm Trí Ấn**, dựng Tiêu Nghi (nghi thức tiêu biểu)  
 Vô lượng công đức trang nghiêm khắp  
 Đồng vào Tổng Trì các **Thiện Thế (Sugata)**  
 Nguyên cùng người có duyên tu học  
 An trụ biển vô thượng thanh tịnh.

PHÁP PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG TÂM PHÁ ĐỊA NGỤC  
 \_MỘT QUYỂN (Hết)\_

**Bản Áo Phê** ghi rằng: “Diên Bảo Nhị Long Tập, Giáp Dần, mùa xuân, tháng hai, đầu hào (?ném sợi lông tơ trắng) ở chùa Tổng Trì Giáo tại Hà Bắc. Tăng **Siêu Nhiên**

Thiên Minh, năm thứ năm, Ất Ty, tháng 08, ngày 10\_ dùng bản của Thầy **Siêu Nhiên** ghi chép xong\_ Vũ Châu **Thích Từ Nhân**

Hương Hòa cái nguyên, Tân Dậu, Kỷ Hiệu, mùa thu tháng 07. tìm cầu bản đối chiếu nơi viện Trí Tích ở Lạc Đông. Nhóm Đại Tuyên ở viện Ai Nhiễm tại Đương Sơn ghi chép, so sánh, điểm lại theo Quốc tự (chữ nước nhà, quốc ngữ).

Dùng hai bản **Tôn Thắng Pháp Địa Ngục** bên trên. Ấn Lục lúc trước, ngoài **Tôn Thắng Pháp Địa Ngục Tam Chứng Tất Địa Quỹ** đồng việc khác bản. Nay lại so sánh cho ghi khắc, đợi chờ đối chiếu với bản tốt hơn

Phong Sơn, viện Tổng Trì\_ **Khoái Đạo** ghi

**Năm Tặng** là:

Gan, hoa sen đỏ (Đông Phương A Súc Phật)

Phôi, hoa sen xanh (Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật)

Trái tim, hoa sen vàng (Nam Phương Bảo Sinh Phật)

Thận, hoa sen hồng (Bắc Phương Thích Ca Mâu Ni Phật)

Lá lách, hoa sen trắng (Trung Ương Đại Nhật Như Lai)

Gan, chủng tử (𑖀- HŪṢ), Ngũ Cổ Phộc Nhật-La [chày Kim Cương có năm chấu] (thành Đông Phương A Súc Tôn cúng dường)

Trái tim, chủng tử (𑖀- TRĀĀḤ), báu Như Ý (thành Nam Phương Bảo Sinh Tôn cúng dường)

Phôi, chủng tử (𑖀- HRĪḤ) Kim Cương Chử Liên [hoa sen có chày Kim Cương] (thành Tây Phương Vô Lượng Thọ Tôn cúng dường)

Thận, chủng tử (𑖀- AH), Thập Tự Phộc Nhật La [chày Kim Cương hình chữ Thập] (thành Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Tôn cúng dường)

Lá lách, chủng tử (𑖀- VAM), cái tháp bằng vàng (thành Tự Thọ Pháp Lạc Suất Đô Ba cúng dường)

Trí của Lá Lách ở trung ương là **Đại Viên Kính Trí** (con mắt, chỗ trụ ở lỗ tai)



Trí của trái tim là **Bình Đẳng Tính Trí** (chỗ trụ ở vàng trán)  
Trí của phổi là **Diệu Quán Sát Trí** (Chỗ trụ ở cổ họng)  
Trí của Thận là **Thành Sở Tác Trí** (cái lưỡi)

**Mật** là Giáng Tam Thê (Trailokya-viyaya)

**Ruột già** (đại tràng) là Quân Trà Lợi (Kuṇḍali)

**Màng bao bọc thai** (bao) là Viêm Mạn Đức Ca (Yamāntaka)

**Ruột non** (tiểu tràng) là Kim Cương Dạ Xoa (Vajra-yakṣa)

**Dạ dày** là Bất Động Tôn (Acala-nātha)

**Tam Tiêu** là Phổ Hiền (Samanta-bhadra) [mười phương phóng ánh sáng chiếu  
Như Lai ở tất cả các quốc độ]

**Sáu Phủ** là: Mật, ruột già, ruột non, dạ dày, bàng quang (bong bóng), Tam Tiêu  
(ba màng nhày)

04/10/2008

**PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG TÂM  
PHÁ ĐỊA NGỤC CHUYÊN NGHIỆP CHƯÔNG  
XUẤT TAM GIỚI BÍ MẬT ĐÀ LA NI**

Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY phụng Chiếu dịch  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Tên gọi là **Kim Cương Cổ** (cái Trống Kim Cương). Mở miệng nâng lưới chắn cung Pháp Giới. Các Như Lai của **Liên Hoa Tạng** (Padma-garbha) ra khỏi **Định** (Samādhī) liền dùng đập tan Địa Ngục, diệt tai ương của 7 biển, khởi Giáo dạy Bồ Tát (Thiện Trụ Thiên Tử), nói bí mật của 5 Chữ, nắm gốc trao truyền **Bồ Tỳ** (an bày chữ) như Pháp. Bậc Nhân Chủ (vị vua) đội mào Bình Thiên khiến cho vạn nước thanh bình. Quan Tiết Độ quan sát ghi chép Chân Ngôn trên Tinh Kỳ (Lá cờ) khiến cho 4 phương an lành. Chuyên Thành Thái Thú, Trấn Át Tổng Nhung ghi chữ trang nghiêm lên trống loa khiến cho Yêu Khí nghe thấy từ xa vội vàng lẩn trốn, sự thịnh vượng bày xa ngàn dặm, lúa má tốt tươi, người không có bệnh hoạn. Địa Thổ Thần Kỳ (Thổ Địa, Thần Đất) khiến cho gió hòa mưa thuận.

Việc Pháp Du Già tính ra có ngàn điều. Nay lược nói ít phần về sự Niệm Tụng Gia Trì. Viết lên trống trận thì quân giặc tự đầu hàng mà chẳng chết một người nào.

Đức Phật dạy: “Chữ **A** (𑖀 \_ A) là **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) chủ về lá gan. Chữ **Noan** (𑖡 \_ VAM) là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) chủ về lá phổi. Chữ **Lãm** (𑖣 \_ RAM) là **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) chủ về trái tim. Chữ **Hàm** (𑖥 \_ HAM) là **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya) chủ về bao tử (Bản khác ghi là trái thận). Chữ **Khiêm** (𑖨 \_ KHAM) là **Hư Không Bộ** (Gagana-kulāya) chủ về lá lách.

\_Núi, biển, đất đai từ chữ **A** (𑖀) mà hiện ra.

Sông, suối, vạn nguồn theo chữ **Noan** (𑖡) mà sinh ra.

Vàng, ngọc, châu báu, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, quả cầu lửa (Hỏa Châu), ánh sáng đều từ chữ **Lãm** (𑖣) mà thành.

Ngũ cốc, ngũ quả, muôn hoa hé nở đều nhân theo chữ **Hàm** (𑖥) mà kết.

Hương thơm, người Trời xinh đẹp, nuôi dưỡng nhan sắc, mùi vị ngon bổ, tướng mạo đoan chính, phước đức, phú quý đều từ chữ **Khiêm** (𑖨) mà trang nghiêm.

\_Chữ **A** (𑖀 \_ A) là **A Súc Như Lai** (Akṣobhya Tathāgata) ở phương Đông.

Chữ **NOAN** (𑖡 \_ VAM) là Đức **A Di Đà** (Amitābha Tathāgata) ở phương Tây.

Chữ **LÂM** (𑖣 \_ RAM) là Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava Tathāgata) ở phương Nam.

Chữ **HÀM** (𑖥 \_ HAM) là Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi Tathāgata) ở phương Bắc.

Chữ **KHIÊM** (𑖨 \_ KHAM) là Đức **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana Tathāgata) ở phương trên

\_Chữ A (𑖀) là Thẻ Không Tịch thâm sâu, lấy mà chẳng thể lấy, bỏ mà chẳng thể bỏ. Mẫu của vạn Pháp, Đại Quán Đỉnh Vương là chữ A (𑖀) vậy. Chữ A (𑖀) là Pháp khó tin hiểu (nan tín) đặc biệt dùng cho hàng Luật Sư Tiểu Thừa trông thấy.

Năm Bộ gốc này theo Phạm Văn có 40 vạn câu đều trích từ Kinh **Tỳ Lô Giá Na Kim Cương Đỉnh**. Gồm tập yếu diệu thì ruộng Phước tối thượng chỉ là Chân Ngôn 5 Chữ này. Người tụng gặt hái được Công Đức chẳng thể so sánh, chẳng thể luận bàn, chẳng thể nói hết được.

Chân Ngôn 5 Bộ của Kinh Kim Cương Đỉnh. Nếu được thọ trì, đọc tụng, quán chiếu Lý Tính sẽ khiến cho người được Phước, xương cốt bền chắc, thân thể vững vàng, vĩnh viễn không bị khổ đau về tai chướng và các thứ bệnh, lại được nhiếp dưỡng trường thọ (Ngũ Tạng Man Trà La chính là Ngũ Bộ Pháp Thân).

Chữ A (𑖀\_ A) là Bộ thứ nhất **Kim Cương Địa** (chữ A dùng để quán đất, quán Tòa Kim Cương)

Chữ NOAN (𑖁\_ VAM) là Bộ thứ hai **Kim Cương Thủy** (chữ Noan được dùng để quán nước, quán Tòa Hoa Sen)

Chữ LÂM (𑖂\_ RAM) là Bộ thứ ba **Kim Cương Hỏa** (chữ Lâm được dùng để quán Mặt Trời)

Chữ HÀM (𑖃\_ HAM) là Bộ thứ tư **Kim Cương Phong** (chữ Hàm được dùng để quán Mặt Trăng)

Chữ KHIÊM (𑖄\_ KHAM) là Bộ thứ năm **Kim Cương Không** (chữ Khiêm được dùng để quán Hư Không)

Đây là Pháp Quán Thẻ Tính Vô Sinh của Như Lai (**Như Lai Thẻ Tính Vô Sinh Quán**).

Chân Ngôn của 5 Bộ bên trên là chất báu **Đề Hồ** (Maṇḍa) thuộc Cam Lộ Vô Sinh của tất cả Như Lai, là thuốc màu nhiệm (Diệu Dược) của Phật Tính. Một chữ nhập vào Ngũ Tạng (Tim, gan, lá lách, phổi, thận) thì vạn bệnh chẳng sinh hưởng chi là tu Nhật Quán, Nguyệt Quán. Tức thời tu được nghĩa **Không Tịch** và nghĩa của 5 Phần Pháp Thân.

A NOAN LÂM HÀM KHIÊM (𑖀 𑖁 𑖂 𑖃 𑖄\_ A VAM RAM HAM KHAM) là Chân Ngôn của 5 phần Pháp Thân. Nếu một ngày tụng một biến, 7 biến, 21 biến hoặc 49 biến thì hiệu lượng Công Đức của một biến có Phước như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến hưởng chi ngôi Thiên Tịch nhập vào Đỉnh Môn. Từ chữ A quán chiếu rõ ràng rành rẽ như mặt trời chiếu sáng trên không tức là thấy rõ (Liễu Kiến) Phật Tính sẽ gặt được Phước không có gì sánh được.

Văn Cú của Bí Tạng thật chẳng thể luận bàn chỉ sợ hàng Pháp Sư của Thanh Văn, bậc Trì Luật của hàng Tiểu Thừa sinh nghi ngờ chẳng tin mà thêm tội cho người đó. Ví như Đức Vua có người con nhỏ nên rất thương yêu vỗ về thân cận, bao nhiêu châu báu trong kho tàng đều dốc cho hết cũng chẳng tiếc nhưng chẳng thể cho cây Kiếm **Can Tương Mạt Tà** vì sợ không biết vận dụng mà hại cho thân thể. Chính vì thế cho nên Đức Như Lai chỉ mật truyền cho hàng Đại Bồ Tát mà chẳng truyền cho hàng Thanh Văn kém Tuệ.

\_Ba Chân Ngôn sau đây là 3 loại **Tất Địa** (Siddhi) là sự sai khác của Phạm Vị : Thượng, Trung, Hạ trong Pháp Thành Tụ

**A La Ba Già Na** (𑖀 𑖇 𑖆 𑖇\_ ARAPACANA: Đây là Chân Ngôn của Hạ Phạm Tất Địa) có tên là **Xuất Tất Địa** hay sinh cộng rỗi tràn khắp 4 phương. Tụng một biến như chuyên Tạng Kinh 100 biến.

**A Vĩ La Hàm Khư (𑖀𑖩𑖫𑖮𑖱𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿 A VIRĀ HŪM KHĀM:** Đây là Chân Ngôn của Trung Phẩm Tất Địa). Phẩm Tất Địa trong Kinh Đại Nhật gọi là Câu Chữ Kim Cương giảng phục 4 Ma, giải thoát 6 nẻo, mãn túc Nhất Thiết Trí Trí. Đây có tên là **Nhập Tất Địa** hay sinh cảnh lá tràn khắp 4 phương. Vì quang minh sáng tỏ nhập vào Pháp Giới của Phật nên có tên là Nhập Tất Địa. Nếu tụng một biến như chuyển Tạng Kinh 1000 biến.

**A Noan Lãm Hàm Khiêm (𑖀𑖩𑖫𑖮𑖱𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿 A VAM RAM HAM KHĀM:** Đây là Chân Ngôn của Thượng Phẩm Tất Địa. Dùng 15 Ấn Chân Ngôn lúc trước, thuận một biến, nghịch một biến, rồi xoay chuyển 4 biến. Đây tức lợi ích cho tất cả chúng sinh đều thành nghĩa của Phật). Chân Ngôn này có tên là **Bí Mật Tất Địa**, cũng có tên là **Thành Tựu Tất Địa** hoặc **Tô Tất Địa** (Susiddhi). Tô Tất Địa là khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), thành tựu **Phật Quả** (Buddha-phāla), chứng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi), bí mật của Pháp Giới, viên mãn quang minh. Chỉ có Phật với Phật mới có thể nhập vào Môn này, hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng thể chiếu soi. Đây cũng gọi là **Bí Mật Tất Địa** (Guhya Siddhi). Nếu tụng một biến sẽ như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến.

**Xuất Tất Địa** từ bàn chân đến eo lưng. **Nhập Tất Địa** từ eo lưng đến trái tim. **Bí Mật Tất Địa** từ trái tim đến đỉnh đầu. Như vậy là 3 Tất Địa.

Xuất Tất Địa là **Hóa Thân Thành Tựu**. Nhập Tất Địa là **Báo Thân Thành Tựu**. Bí Mật Tất Địa là **Pháp Thân Thành Tựu**. Tức là 3 loại **Thường Thân Chính Pháp Tạng**. Chính vì thế cho nên cúi đầu lễ Tỳ Lô Giá Na Phật.

Cúi lậy Tỳ Lô Giá Na Phật

Hé mở mắt tịnh như hoa sen

**Tam Giới Điều Ngự Thiên Nhân Sư**

**Đại Bồ Đề Tâm Cứu Thế Giả**

Pháp Chân Ngôn thâm diệu gia trì

Chảy vào **Vô Sinh A Tụ Môn**

Bạch Hào Vô Tướng Chính Biến Tri

Viên mãn thường chiếu như Nhật Nguyệt

Đấng Cứu Thế **A Súc** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava)

**Di Đà** (Amitābha), **Thành Tựu Bất Không Vương** (Amogha-siddhi)

Chứa trong Luân Cát Tường Tất Địa

Mất từ tự tại **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya)

**Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva), **Bất Động Tôn** (Acala-nātha)

Không ngược Bản Thệ ứng thời kỳ

Xong việc Du Già, hoàn Kim Cương

Ta y **Tỳ Lô Giá Gia Phật** (Vairocana Buddha)

Mở **Tâm Trí Ấn** dựng tiêu nghĩa

Vô lượng Công Đức trang nghiêm khắp

Đồng vào **Tổng Trì** (Dhāraṇī) các **Thiện Thệ** (Sugata)

Nguyện cùng bậc hữu duyên tu học

An trụ biển thanh tịnh vô thượng

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG TÂM PHÁ ĐỊA NGỤC PHÁP

\_Hết\_

21/07/1997

## TÍN NGƯỠNG PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG PHÁP TẠI VIỆT NAM

Tín Ngưỡng Phật Giáo có lẽ đã du nhập vào đất **Giao Châu** từ Thế Kỷ thứ I qua các chuyến buôn bán thông thương của người Ấn Độ, Chiêm Thành... với dân Bản Xứ. Sự nghiệp dịch Kinh của người Việt Nam khá sớm và phát triển mạnh vào thời kỳ Bắc Thuộc lần thứ hai (43 \_ 544). Theo **Lịch Đại Tam Bảo Ký** thì bộ Kinh **Pháp Hoa Tam Muội** đã được Ngài **Chi Cương Lương Tiếp** (Kalyāṇasīva: Chính Chân Cát Tường) cùng với **Đạo Thanh** (người Việt Nam) dịch ra chữ Hán tại đất Giao Châu vào năm 260.

Theo **Cổ Châu Hạnh** thì vị sư Ấn Độ **Khâu Đà La** (Kṣudra) còn gọi là **Ca La Xà Lê** (Kāla-ācārye: vị A Xà Lê màu đen) đã đến **Giao Châu** vào cuối Thế Kỷ thứ II [*quyển Lĩnh Nam Chích Quái, được sưu tập và biên soạn của tác giả Trần Thế Pháp vào khoảng Thế Kỷ 15, ở truyện thứ tám truyện Man Nương (tức sự tích về Phật Mẫu Man Nương) ghi nhận là: Vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất, bên bờ tây sông Thiên Đức có ngôi chùa Phúc Thắng. Trụ trì trong chùa là nhà sư Đà La, chẳng những tài cao đức rộng mà còn có nhiều thuật phép lạ, nên được dân chúng khắp nơi kính phục, tìm đến theo học rất đông....*] đã thuận theo tín ngưỡng dân gian Việt Nam, dùng phương tiện truyền dạy Giáo Lý của Phật Giáo Mật Tông để hình thành tín ngưỡng Phật Mẫu **Man Nương** với bốn Đức Phật **Pháp Vân** (Dharma-megha), **Pháp Vũ** (Dharma-varṣaṇa), **Pháp Lô** (Dharma-garjita), **Pháp Điện** (Dharma-vidyu) và đưa bé gái hóa thành **hòn đá chiếu hào quang** tức **Thạch Quang**, và được tôn xưng là **Thạch Quang Phật** (Pāṣaṇa-prabha-buddha)...phò trợ cho nhân dân và cả dân tộc Việt Nam.

Trong Thế Kỷ II\_III, **Mâu Tử** có minh họa tư tưởng **Phật Giáo quyền năng** trong tác Phẩm **Lý Hoặc Luận** của mình là: “**Đức Phật là bậc giác ngộ, có khả năng biến hóa khôn cùng, không bị những quy luật khách quan chi phối, làm được tất cả những gì mà con người không thể làm**”

Đến cuối Thế Kỷ thứ VI, Thiền Sư **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** (Vinitaruci, mất năm 602 tại chùa Pháp Vân) đã đến Giao Châu, trụ trì ở chùa **Pháp Vân** tức chùa **Đâu**, phiên dịch 2 quyển Kinh: **Tượng Đầu Tinh xá** và **Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì Kinh** mở ra một phái Thiền mang đậm đặc tính Mật Giáo ở Việt Nam. Từ đây trở đi tinh thần Thiền Mật đã thấm nhuần tư tưởng của các Thiền Sư và một số nhân dân Việt Nam.

Đến Thế Kỷ thứ X thì Việt Nam bắt đầu thực sự giành được quyền tự chủ. Lúc ấy, Mật Giáo và Thiền là 2 hệ thống Phật Giáo hưng thịnh nhất của thời đại. Chính ở Thế Kỷ này, những trụ đá về Mật Giáo đã được tạo dựng tại Hoa Lư như Trụ Đá 8 mặt khắc những câu kệ và Chú Đà La Ni tức Thạch Trảng (hay Thạch Kinh) **Phật Đình Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni** do Thế Tử **Đình Liễn** (con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng) dựng lập vào năm 973.

Do truyền thống Mật Giáo thiên về sự **Mật Truyền**, nên trong các thời đại sau đời **Lý Trần** thì Giáo Lý chính thống của Mật Giáo đã dần dần bị chìm lắng và chỉ còn hiển hiện qua hình thức **Ấn, Chú, Linh Phù** trong các **Khóa Tụng** với các Nghi Lễ **Cúng Tế, Siêu Độ...**

Đến cuối Thế Kỷ XX, đầu Thế Kỷ XXI thì phong trào nghiên cứu Mật Giáo lại bắt đầu được vực dậy qua sự phổ truyền các Kinh Bản của các vị Thầy: **Thích Thiền Tâm, Thích Viên Đức, Thích Quảng Trí, Thích Đồng Hạnh, Thích Viên Thành, Thích Kiến Châu...**, Sư Cô **Thích Nữ Trí Hải** với các Cư Sĩ: **Như Pháp Quân,**

**Hồng Đức, Phi Bằng, Hình Ích Viễn...** trong đó có nhiều Kinh Bản minh họa Pháp tu **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni**

Nay trong bản ghi chép này, dưới sự hướng dẫn của Thầy **Thích Quảng Trí** tôi cố gắng sưu tập các tư liệu có liên quan đến Pháp tu **Phật Đỉnh Tôn Thắng** với mục đích chủ yếu là làm sáng tỏ được phần nào nghĩa thú của các bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** đã được lưu truyền tại Việt Nam

\_ Tạp chí **Nghiên cứu Lịch sử số 76, tháng 7 năm 1965** đã ghi nhận:

Khoảng đầu năm 1963, ở xã Gia Tường (tức Trường Yên cũ), huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đã phát hiện được một số cổ vật thời nhà Đinh trong đó có trụ đá mềm cao 65cm, có 8 mặt, mỗi mặt rộng 6,5cm. trên các mặt đều có khắc chữ Hán, chữ vững vàng, nét chân phương ghi nhận về bài **Phật Đỉnh Tối Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni**. Sau khi phiên âm những dòng chữ Hán, ông **Hà Văn Tấn** đã tra cứu các bản chữ Sanskrit in trong bộ **Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh** cùng với bản chữ Phạn chép trên lá bối được giữ gìn trong một ngôi chùa ở Nhật Bản, ông đã khôi phục lại bài Phạn Ngữ mà bản ở Hoa Lư đã phiên âm đồng thời dịch toàn bài Đà La Ni ấy ra tiếng Việt như sau:

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVICISTA BUDDHĀYA  
BHAGAVATE TADYATHĀ OM VICUDDHAYA VICUDDHAYA SAMA  
SAMA SAMANTAVABHĀSA SPHARANA GATIGAHANA SVABHĀVA  
VICUDDHE ABHISIM CA TU MAM SUGATA VARASOCANA  
AMRTABHISAİKAI AHARA AHARA ĀYUH SAMTĀRANI CUDDHAYA  
GAGANA VICUDDHE USNISA VIJĀYA VICUDDHE SAHASRACAMI  
SAMSUDITE SARVATATHAGATA VARUKANI SATPARAMITA  
PARIPURANI SARVATATHĀGATA HRDAYĀDHISTHANADHISTHITA  
MAHĀMUDRA VAJRA KĀYA SUMHATANA VICUDDHE SARVAVARANA  
BAYADURGATI PARICUDDHE PRATINIVARTTAYA AYUH CUDDHE  
SAMAYADHISTHITE MUNI MUNI VIMUNI VIMUNI MANI MANI  
MAHAMANI TATHĀTABHŪTA KOTI PARICUDDHE VISPHOTA  
BODHICUDDHE JAYA VIJĀYA VIJĀYA SMARA SMARA  
SARVABUDDHA DHISTHITA CUDDHE VAJRI VAJRAGARBHE VAJRAM  
BHAVATU MAMA CARIRAM SARVASATTVANAM CA KĀYA  
PARICUDDHE SARVAGATI PARICUDDHE SARVA TATHĀGATAC CAME  
CAMACVASA YAMTU SARVATATHĀGATA SAMCVASADHISTHITE  
BUDDHYA VIBUDDHYA BODHAYA SAMANTA PARICUDDHE  
SARVATATHĀGATA HRDAYĀDHISTHANADHISTHITE MAHĀMUDRE  
CVĀHĀ

Dịch nghĩa:

*Namo Thế Tôn, Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của tam giới.*

*Như vậy Om! Thanh tịnh, thanh tịnh tỏa sáng khắp nơi, thanh tịnh của tự nhiên tràn đầy rừng rậm. Hãy tới tới nước phép, hồi Đấng Thiện Thệ Tối cao! Hãy cho tôi tưới nước cam lộ bất tử! Hãy ban cho tôi, ban cho tôi tuổi thọ! Thanh tịnh, thanh tịnh, cái thanh tịnh hư không! Thanh tịnh của Phật Đỉnh Tối Thắng với nghìn ánh sáng làm cho con người kinh động mà giác ngộ. Thần lực của tất cả Đấng Như Lai nắm giữ Đại ấn Kim Cương bao phủ con người thanh tịnh. Thanh tịnh khi mọi trở ngại và nghiệp chướng tiêu tan. Thanh tịnh tuổi thọ tăng. Thệ nguyện giữ gìn bảo tháp. Cõi Chân Như tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh. Thanh tịnh trí giác hiện rõ. Tối Thắng, tối thắng, tối thắng! Tưởng niệm, tưởng niệm, tất cả chư Phật nắm giữ thanh tịnh. Hồi Đấng Kim Cương Tạng! Tôi (người viết và dựng Kinh*

Tràng này) *câu nguyện đạt đến Kim Cương. Tất cả chúng sinh thanh tịnh; tất cả định mệnh thanh tịnh. Tất cả Như Lai an ủi khiến được giác ngộ. Giác ngộ, giác ngộ! Thanh tịnh khắp nơi! Thần lực của tất cả các Đấng Như Lai nắm giữ Đại Ấn! Svāhā!*

(Phần này trích trong quyển *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*, tập II của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục từ trang 390 đến trang 393)

Theo quyển **Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam Thời Lý** do Viện Viễn Đông Bác Cổ và Viện Hán Nôm Việt Nam biên soạn (từ trang 55 đến trang 70) ghi nhận 5 bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni được Thái Tử **Đinh Liễn** ghi khắc trên các cột đá (gồm 5 bia số 5, số 6, số 7, số 8, số 9) để cúng dường. 5 bia văn đó là:

.) **Bia số 5** (973): Cột đá gồm 8 mặt, phát hiện vào năm 1963 trong lòng đất thuộc xã Trường An, huyện Hoa Lư, nay đã thất lạc, chỉ còn lại bản phục chế tại Bảo tàng huyện Hoa Lư. Bài văn khắc trên 8 mặt, cao 65cm, rộng 5cm, gồm 16 hàng, khắc chìm, chữ chân phương, cả thấy gồm 470 chữ.

Đề bạt nói về việc Nam Việt Vương **Đinh Liễn** dựng 100 tòa Thạch Tràng vào năm Quý Dậu (973). Phần cuối minh văn bị mờ. Thác bản (in từ bản phục chế) lưu tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB1)

.) **Bia số 6** (979): Cột đá 8 mặt phát hiện dưới lòng đất xã Trường An, huyện Hoa Lư năm 1986, hiện bảo quản tại Bảo tàng Ninh Bình. Minh văn 8 mặt, cao 65cm, rộng 6,5cm, gồm 19 hàng, khắc chìm, chữ khải chân phương. Cả thấy khoảng 560 chữ. Thác bản văn bản để tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB2)

Trong phần đề bạt không ghi rõ năm tạo. Theo **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** (Ngoại Ký: 5 a-b) Đinh Liễn giết hại em trai vào mùa xuân năm 979, và tháng 10 năm đó Đinh Liễn cùng với cha cũng bị giết hại. Chúng tôi (nhóm biên soạn quyển Văn Khắc Hán Nôm Thời Lý) có thể đoán định Thạch Tràng này tạo dựng vào năm 979, thời điểm sau khi em trai ông bị giết hại và trước khi ông bị giết.

.) **Bia số 7** (979): Cột đá 8 mặt phát hiện ở xã Trường Xuân, huyện Hoa Lư, hiện bảo quản ở Bảo tàng Ninh Bình. Bài văn khắc trên 8 mặt, cao 66cm, rộng 16cm, gồm 20 dòng, khắc chìm, chữ khải chân phương. Cả thấy khoảng 560 chữ.

Thác bản hiện lưu tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB3) Về niên đại của bia này, xem văn bản số 6.

.) **Bia số 8** (979): Cột đá 8 mặt, phát hiện năm 1986, hiện bảo quản tại Bảo tàng Ninh Bình. Minh văn khắc trên 8 mặt, cao 60cm, rộng 7cm, gồm 18 dòng, khắc chìm, chữ chân phương. Cả thấy khoảng 460 chữ.

Thác bản tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (VB8). Về niên đại của bia này, xem văn bản số 6)

.) **Bia số 9** (Thế kỷ X): Cột đá 8 mặt, phát hiện năm 1964. Hiện bị thất lạc. Minh văn 8 mặt, cao 80cm, rộng 10,5cm, chỉ có thể đọc được 6 mặt, mỗi mặt có 3 dòng, gồm khoảng 470 chữ. Tuy trong đề bạt không ghi năm tạo, nhưng chúng tôi (nhóm biên soạn quyển Văn Khắc Hán Nôm thời Lý) có thể đoán định vào thế kỷ thứ X. Thác bản minh văn năm 1970 để ở Bảo tàng Lịch sử Hà Nội, hiện bị thất lạc. Theo đoán định của đề dẫn bản chép tay Đôn Hoàng (P.2197R<sup>0</sup> (8), S.4378 V<sup>0</sup> và P.3919 [B] [5]). Phần mở đầu của Đà La Ni viết thêm 28 câu (P.3919 [B] [5] chỉ có 18 câu) thơ thất ngôn, rất có khả năng là một bài văn Đạo Tràng tụng niệm Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni. Bài thơ chỉ ghi việc cúi đầu tán dương Đức Phật và “Tổng Trì Sa-Ba-Nhã” (Sarva-jñā) mà thôi. Cuối bài thơ là việc thỉnh chư Phật Bồ Tát và Bát Bộ Thiên Long, Diêm Vương cùng hai vị Thiện Ác Đồng Tử .... Tất cả Thánh Hiền trong Phật Giáo

giáng lâm Đạo Tràng để phù hộ Phật Pháp. Từ đó hy vọng tất cả chúng sinh khi nghe được bài văn chú **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** sẽ thành Phật.

*(Phần ghi chép gốc tích 5 văn bia này đều trích trong quyển Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam thời Lý, từ trang 55 đến trang 56).*



*Những cột Kinh do Đinh Liễn dựng và các di vật được giới khảo cổ phát hiện ở Hoa Lư*

\_ Sự thù thắng của Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni là:

- 1\_ Hay tiêu trừ tất cả tật ác với bệnh khổ của Thế Gian
  - 2\_ Hay vĩnh viễn chẳng bị rơi vào ba đường ác
  - 3\_ Hóa giải tất cả tai nạn, có thể dùng giáng phục tất cả Ma nạn
  - 4\_ Hay ban cho chúng sinh Phước Tuệ, có thể dùng tiêu trừ sự ngu si và hoàn cảnh nghèo túng khốn khổ
  - 5\_ Hay được sự sống lâu, tránh được tất cả tai ách, bị chết đột ngột
- Người hay trì Chú này ắt hay trừ diệt tất cả nghiệp tội trong một trăm đời. Hay trừ bệnh đại ác, hay được an vui, tăng tuổi thọ, cải sửa khắp tất cả mệnh vận. Nếu khi lâm chung thời trì Chú được sinh về cõi nước của chư Phật.

Ngoài ra, nếu ghi khắc Thân Chú này vào bia đá, trụ đá, tháp miếu để cúng dường cầu Phước, sám hối, hoặc hồi hướng Công Đức để siêu độ vong linh đều rất hiệu nghiệm.



# PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn: Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đình Liên dựng vào năm 973 (Bia số 5)  
Phục hồi Phạn Âm và Việt dịch: HUYỀN THANH

PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là:

**Nãṅg mō bà nga phōc đế**  
(NAMO BHAGAVATE)  
**Đát lạt lộ chỉ dã**  
(TRAILOKYA)  
**Bát la đễ vĩ sất thủy tra dã**  
(PRATIVÍŚIṢṬĀYA)  
**Một đà dã**  
(BUDDHĀYA)  
**Bà nga phōc đế**  
(BHAGAVATE)  
**Đát nễ dã tha**  
(TADYATHĀ)  
**Án**  
(OM)  
**Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**  
(VÍŚODHAYA VÍŚODHAYA)  
**Sa ma, sa ma**  
(ASAMA SAMA)  
**Tam mãn đa phōc bà sa**  
(SAMANTA AVABHĀSA)  
**Sa phả la noa**  
(SPHARANA)  
**Nga đễ nga hạ nãṅg**  
(GATI GAHĀNA)  
**Sa phōc bà phōc, vĩ truật đệ**  
(SVABHĀVA VÍSUDDHE)  
**A tị tru tá đồ hàm**  
(ABHIŚIMCA TUMĀM)  
**Tổ nga đa**  
(SUGATA)  
**Phōc la, phōc tả nãṅg**  
(VARA VACANA)  
**A mật lạt đa, tị sái ké**  
(AMṚTA ABHIŚEKAI)  
**A hạ la, a hạ la**  
(ĀHARA ĀHARA)  
**A dữu tán đà la ni**  
(ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ)  
**Thú đà dã, thú đà dã**  
(ŚODHAYA ŚODHAYA)  
**Nga nga nãṅg, vĩ truật đệ**

(GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ**

(UŚNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa hạ sa la, la thấp minh**

(SAHASRA-RAŚMI)

**Tán tổ nễ đế, tát phộc đát tha nghiệt đa**

(SAṂSUDĪTI SARVA TATHĀGATA)

**Phộc lô yết ni, sa tra ba la mật đa, ba lị bố la ni**

(ĀVALOKANI ŚAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRANI)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa, ma hạ mẫu nại lê**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ)

**Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa năng, vĩ truật đệ**

(VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE)

**Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết đế, bạt lị truật đệ**

(SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Ba la đế ni, vạt lị đà dã, a dục, truật đệ**

(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE)

**Tam ma gia, địa sắt xỉ đế**

(SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Mâu nĩnh, mâu nĩnh**

(MUṆI MUṆI)

**Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh**

(VIMUṆI MUṆI)

**Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh**

(MUṆI MUṆI MAHĀ-MUṆI)

**Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ**

(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE)

**Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ**

(VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE)

**Nhạ dã, nhạ dã**

(JAYA JAYA)

**Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã**

(VIJAYA VIJAYA)

**Sa ma la, sa ma la**

(SMARA SMARA)

**Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ**

(SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE)

**Phộc nhật lê, phộc nhật la tát bệ, Phộc nhật lãm, bà phộc đồ**

VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṂ BHAVATU MAMA ŚARIRAM

**Ma ma, Đệ Tử tả tạo (viết chép tạo dựng), xá lị lam**

(MAMA (Đệ Tử viết chép tạo dựng) ŚARIRAM)

**Tát phộc tát đỏa nãm giả, ca gia, bạt lị truật đệ**

(SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIŚUDDHE)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc sa, diễn đồ**

(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc sa, địa sắt xỉ đế**

(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

**Một đà dã, một đà dã**  
(BUDDHAYA BUDDHAYA)  
**Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã**  
(VIBODHAYA VIBODHAYA)  
**Tam mãn đa, bạt lệ truật đệ**  
(SAMANTA PARÍSUDDHE)  
**Tát phộc nga đễ, bạt lệ truật đệ**  
(SARVA GATI PARÍSUDDHE)  
**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lệ đà dã**  
(SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA)  
**Địa sát tra năng, địa sát xỉ đa**  
(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)  
**Ma hạ mẫu nại lê, sa phộc hạ**  
(MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ)

Buồn thương cho tất cả, hoặc Hồn chịu ân nường theo nhân tốt mà siêu sinh, thoát khỏi cõi dưới

Thời, năm Quý Dậu, Đệ Tử là Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ Nam Việt Vương ĐINH KHUÔNG LIỄN kính tạo Bảo Tràng gồm 100 tòa ? ? Tiến ? ? ? Hoặc thương ? ? ? ?

13/04/2014

# PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đỉnh Liên dựng vào năm 979 (Bia số 6)  
Phục Hồi Phạn Âm và Việt dịch : HUYỀN THANH

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là:

**Năng mô bà nga phộc đế, dát lạt lộ chỉ dã, bát la đề vĩ sắt thủy tra dã, một đà dã, bà nga phộc đế**

(NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE)

**Đát nễ dã tha: Ân**

(TADYATHĀ: OM)

**Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**

(VIŚODHAYA VIŚODHAYA)

**Sa ma, sa ma**

(ASAMA SAMA)

**Tam mãn đa phộc bà sa**

(SAMANTA AVABHĀSA)

**Sa phả la noa, nga đề nga hạ năng, sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ**

(SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE)

**A tị tru tá đồ hàm**

(ABHIṢIMCA TUMĀM)

**Tổ nga đa, phộc la, phộc tả năng, A mật lạt đa, tị sái kê**

(SUGATA VARA VACANA AMṚTA ABHIṢEKAI)

**A hạ la, a hạ la**

(ĀHARA ĀHARA)

**A dữu tán đà la ni**

(ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ)

**Thú đà dã, thú đà dã, nga nga năng, vĩ truật đệ**

(ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ**

(UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa hạ sa la, la thấp minh, tán tổ nễ đế, Tát phộc dát tha nga đa**

(SAHASRA-RAŚMI SAṀSUDĪTI SARVA TATHĀGATA)

**Phộc lô yết ni, sa tra ba la mật đa, bạt lệ bố la ni**

(AVALOKANI ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI)

**Tát phộc dát tha nghiệt đa, hiệt lệ đà dã**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa, ma hạ mẫu nại lê**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ)

**Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa năng, vĩ truật đệ**

(VAJRA-KĀYA SAṀHATANA VIŚUDDHE)

**Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lạt yết đế, bạt lệ truật đệ**

(SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Ba la đề nĩnh, vạt lệ đà dã, a dục, truật đệ**

(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE)

**Tam ma gia, địa sắt xỉ đế**

(SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Mâu nĩnh, mâu nĩnh**

(MUṆI MUṆI)

**Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh**

(VIMUṆI VIMUṆI)

**Ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh**

(MAṆI MAHĀ-MANĪ)

**Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lệ truật đệ**

(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARÍSUDDHE)

**Vĩ sa âm tra, một địa, truật đệ**

(VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE)

**Nhạ dĩa, nhạ dĩa**

(JAYA JAYA)

**Vĩ nhạ dĩa, vĩ nhạ dĩa**

(VIJAYA VIJAYA)

**Sa ma la, sa ma la**

(SMARA SMARA)

**Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ**

(SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE)

**Phộc nhật lê, phộc nhật la tát bệ, phộc nhật lăm, bà phộc đồ**

(VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṂ BHAVATU)

**Ma ma. Đệ Tử tả tạo (viết chép tạo dựng), xá lam**

(MAMA (Đệ Tử viết chép tạo dựng) ŚARIRAM)

**Tát phộc tát đỏa năm giả, ca gia, bạt lệ truật đệ**

(SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARÍSUDDHE)

**Tát phộc nga để, bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARÍSUDDHE)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc sa, diễn đồ**

(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp sa, địa sắt xỉ đế**

(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

**Một đà dĩa, một đà dĩa**

(BUDDHAYA BUDDHAYA)

**Vĩ mạo đà dĩa, vĩ mạo đà dĩa**

(VIBODHAYA VIBODHAYA)

**Tam mãn đa, bạt lệ truật đệ**

(SAMANTA PARÍSUDDHE)

**Tát phộc nga để, bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARÍSUDDHE)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lệ đà dĩa**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

**Ma hạ mẫu nại lê, sa phộc hạ**

(MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ)

Đệ Tử là Thôi Thành Thuận Hóa Công Thần Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ Đặc  
Tiến Kiểm Giáo Thái Sư, Thực Áp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐÌNH KHUÔNG  
LIỄN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐÌNH THẮNG TẶNG THẮNG chẳng

theo trung hiếu phụng sự bề trên là cha với anh cả, lại hành tâm ác trái ngược với sự nhã ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên mới gây tổn hại đến tính mạng của Đại Đức ĐÌNH THẮNG TĂNG THẮNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc), vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong) .

Người xưa có nói: “*Tranh quan chẳng nhường địa vị, xuống tay trước là tốt nhất*”. Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tô Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát, miễn việc xét xử .

Trước hết xin chúc cho **Đại Thắng Minh Hoàng Đế** vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, luôn an ngự nơi địa vị quý báu.

13/04/2014

# PHẬT ĐÌNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn: Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đình Liên dựng vào năm 979 (Bia số 7)  
Phục hồi Phạm Âm và Việt dịch : HUYỀN THANH

**Năng mô bà nga phộc đế, đát lạt lộ chỉ dā, bát la để vĩ sắt thủy tra dā, một đà dā, bà nga phộc đế**

(NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE)

**Đát nễ dā tha: Ân**

(TADYATHĀ: OM)

**Vĩ thú đà dā, vĩ thú đà dā**

(VIŚODHAYA VIŚODHAYA)

**Sa ma, sa ma**

(ASAMA SAMA)

**Tam mãn đa phộc bà sa**

(SAMANTA AVABHĀSA)

**Sa phả la noa, nga để nga hạ năng, sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ**

(SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE)

**A tị tru tả đồ hàm**

(ABHIṢIṀCA TUMĀM)

**Tổ nga đa, phộc la, phộc tả năng, A mật lạt đa, tị sai kế**

(SUGATA VARA VACANA AMṘTA ABHIṢEKAI)

**A hạ la, a hạ la**

(ĀHARA ĀHARA)

**A dữu tán đà la ni**

(ĀYUḤ SANDHĀRANĪ)

**Thú đà dā, thú đà dā, nga nga năng, vĩ truật đệ**

(ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sắt ni sai, vĩ nhạ dā, vĩ truật đệ**

(UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa ha sa la, la thấp minh, tán tổ nễ đế, tát phộc đát tha nghiệt đa**

(SAHASRA-RAŚMI SAṀSUDĪTI SARVA TATHĀGATA)

**Lô yết ni, sa tra ba la mật đa, bạt lị bố la ni**

(AVALOKANI ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRANI)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dā**

(SARVA TATHĀGATA-HṘDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa, ma hạ mẫu nại lê**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ)

**Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa năng, vĩ truật đệ**

(VAJRA-KĀYA SAṀHATANA VIŚUDDHE)

**Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lạt yết để bạt lị truật đệ**

(SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Ba la để ni, vạt lị đà dā, a dục, truật đệ**

(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE)

**Tam ma gia, địa sắt xỉ đế**

(SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Mâu nĩnh, mâu nĩnh**

(MUṆI MUṆI)

**Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh**

(VIMUṆI VIMUṆI)

**Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh**

(MAṆI MAṆI MAHĀ-MANĪ)

**Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lệ truật đệ**

(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE)

**Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ**

(VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE)

**Nhạ dã, nhạ dã**

(JAYA JAYA)

**Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã**

(VIJAYA VIJAYA)

**Sa ma la, sa ma la**

(SMARA SMARA)

**Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ**

(SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE)

**Phộc nhật la lệ, phộc nhật la tát bệ, phộc nhật lãm, bà phộc đồ**

(VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṂ BHAVĀTU)

**Ma ma. Đệ Tử tả tạo, xá lam**

(MAMA (Đệ Tử viết chép tạo dựng) ŚARIRAM)

**Tát phộc tát đỏa nãm giả, ca gia, bạt lệ truật đệ**

(SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISUDDHE)

**Tát phộc nga đế , bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARISUDDHE)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc bà, diễn đồ**

(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc bà , địa sắt xỉ đế**

(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

**Một đà dã, một đà dã**

(BUDDHAYA BUDDHAYA)

**Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã**

(VIBODHAYA VIBODHAYA)

**Tam mãn đa, bạt lệ truật đệ**

(SAMANTA PARISUDDHE)

**Tát phộc nga đế, bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARISUDDHE)

**Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lệ đà dã**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA)

**Địa sắt tra nãng, địa sắt xỉ đa**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

**Ma hạ mẫu nại lệ, sa phộc hạ**

(MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ)

Đệ Tử Tiết Độ Sứ Đặc Tiến Kiểm Giáo Thái Sư, Thực Áp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐÌNH KHUÔNG LIÊN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐỈNH THẮNG TẮNG THẮNG chẳng theo trung hiếu phụng sự bề trên là cha với anh cả, lại hành tâm ác trái ngược với sự nhĩ ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên



mới gây tổn hại đến tính mạng của Đại Đức ĐÌNH THẮNG TẶNG THẮNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc), vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong).

Người xưa có nói: “*Tranh quan chẳng nhượng địa vị, xuống tay trước là tốt nhất*”. Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tô Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát, miễn việc xét xử.

Trước hết xin chúc cho **Đại Thắng Minh Hoàng Đế** vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, tiếp tục khuông phò Đế đồ (cơ nghiệp đế vương).

13/04/2014

# PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn: Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đỉnh Liên dựng vào năm 979 (Bia số 8)  
Phục hồi Phạm Âm và Việt dịch: HUYỀN THANH

**Năng mô bà nga phộc đế, dát lạt lộ chỉ dã, bát la để vĩ sắt thủy tra dã, một đà dã, bà nga phộc đế**  
(NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE)

**Đát nễ dã tha: Ân**  
(TADYATHĀ: OM)

**Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã**  
(VIŚODHAYA VIŚODHAYA)

**Sa ma, sa ma**  
(ASAMA SAMA)

**Tam mãn đa phộc bà sa**  
(SAMANTA AVABHĀSA)

**Sa phả la noa, nga để nga hạ năng, sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ**  
(SPHARAṆA GATI GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE)

**A tị tru tả đồ hàm**  
(ABHIṢIMCA TUMĀM)

**Tổ nga đa, phộc la, phộc tả năng, A mật lạt đa, tị sái**  
(SUGATA VARA VACANA AMṚTA ABHIṢEKAI)

**A hạ la, a hạ la**  
(ĀHARA ĀHARA)

**A dữu tán đà la ni**  
(ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ)

**Thú đà dã, thú đà dã, nga nga năng, vĩ truật đệ**  
(ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VIŚUDDHE)

**Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ**  
(UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE)

**Sa ha sa la, la thấp minh, tán tổ nễ đế, tát phộc dát tha nghiệt đa**  
(SAHASRA-RAŚMI SAṂSUDĪTI SARVA TATHĀGATA)

**Phộc lô yết ni, sa tra ba la mật đa, ba lị bố la ni**  
(AVALOKANI ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI)

**Tát phộc dát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã**  
(SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa, ma ha mẫu nại lê**  
(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ)

**Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa năng, vĩ truật đệ**  
(VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE)

**Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lạt yết đế, bạt lị truật đệ**  
(SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE)

**Ba la để ni, vạt lị đà dã, a dục, truật đệ**  
(PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE)

**Tam ma gia, địa sắt xỉ đế**  
(SAMAYA ADHIṢṬITE)

**Mâu nĩnh, mâu nĩnh**

(MUNI MUNI)

**Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh**

(VIMUNI VIMUNI)

**Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh**

(MANI MANI MAHĀ-MANI)

**Đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lệ truật đệ**

(TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE)

**Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ**

(VISPHUTA BUDDHI SUDDHE)

**Nhạ dã, nhạ dã**

(JAYA JAYA)

**Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã**

(VIJAYA VIJAYA)

**Sa ma la, sa ma la**

(SMARA SMARA)

**Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ**

(SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA SUDDHE)

**Phộc nhật lê, phộc nhật la tát bệ, phộc nhật lăm, bà phộc đồ**

(VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṂ BHAVATU)

**Ma ma. Đệ Tử tả tạo, xá lệ lam**

(MAMA (Đệ Tử viết chép tạo dựng) ŚARIRAM)

**Tát phộc tát đỏa nam giả, ca gia, bạt lệ truật đệ**

(SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISUDDHE)

**Tát phộc nga đễ, bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARISUDDHE)

**Tát phộc đất tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, phộc bà , diễn đồ**

(SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU)

**Tát phộc đất tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc sa, địa sắt xỉ đế**

(SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE)

**Một đà dã, một đà dã**

(BUDDHAYA BUDDHAYA)

**Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã**

(VIBODHAYA VIBODHAYA)

**Tam mẫn đa, bạt lệ truật đệ**

(SAMANTA PARISUDDHE)

**Tát phộc nga đễ, bạt lệ truật đệ**

(SARVA GATI PARISUDDHE)

**Tát phộc đất tha nghiệt đa, hiệt lệ đà dã**

(SARVA TATHĀGATA-HRDAYA)

**Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa**

(ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

**Ma hạ mẫu nại lê, sa phộc hạ**

(MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ)

Đệ Tử Tiết Độ Sứ Đặc Tiến Kiểm Giáo Thái Sư, Thực Áp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐÌNH KHUÔNG LIỄN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐỈNH THẮNG TẮNG THẮNG chẳng chịu phụng sự bề trên là cha với anh cả, lại hành tâm ác trái ngược với sự nhã ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên mới gây

tôn hoai đến tính mạng của Đại Đức ĐÌNH THẮNG TẶNG THẮNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc), vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong).

Người xưa có nói: “*Tranh quan chẳng nhượng địa vị, xuống tay trước là tốt nhất*”. Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tô Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát, miễn việc xét xử.

Trước hết xin chúc cho **Đại Thắng Minh Hoàng Đế** vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, tiếp làm cho **Khuông Liễn** luôn bền vững địa vị quý báu.

13/04/2014

# PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn: Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Thái Tử Đỉnh Liên dựng vào Thế kỷ X  
(Bia số 9)

Việt dịch: HUYỀN THANH

*Cúi lạy bàn hoa sen ngàn cánh  
Tôn Thắng Vương trên Tòa Kim Cương  
Tướng lưới rộng dài che tam thiên (3 ngàn Đại Thiên Thế Giới)  
Hàng sa Công Đức đều viên mãn  
Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú  
Chín mươi chín ức Như Lai truyền  
Kiều Thi Ca (Đế Thích) vì Thiện Trụ Thiên  
Hay diệt thất phần (7 lần trở lại) nẻo Bàn Sinh  
Giáo bí mật Tổng Trì hiếm có  
Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng  
Nay con đầy đủ là Phạm Phu  
Khen ngợi Tổng Trì Tát Bà Nhã (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)  
Hết thấy Phước Lợi cứu quần sinh  
Các Như Lai ở khắp mười phương  
Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác  
Tám Bộ Trời Rồng các quyền thuộc  
Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa  
Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La  
Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử  
Thánh Hiền, các Chúng Đẳng như trên  
Nguyện nghe khải thỉnh đều giáng lâm  
Ứng hộ Phật Pháp khiến trường tồn  
Mỗi mỗi siêng hành Thế Tôn Giáo  
Hết thấy người nghe đến chốn này  
Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương  
Hàm Linh nhưng nhúc đều thành Phật  
Nay con phúng tụng Chân Ngôn này  
Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ*

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là:

Năng mô bà nga phộc đế  
Đát lạt lộ chỉ dã  
Bát la đế vĩ sắt thủy tra dã  
Một đà dã  
Bà nga phộc đế  
Đát nễ dã tha  
Án  
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã  
Sa ma, sa ma  
Tam mãn đa phộc bà sa  
Sa phả la noa  
Nga đế, nga hạ năng, sa phộc bà phộc, vĩ truyệt đệ

A tị tru tá đồ hàm  
Tổ nga đa  
Phộc la, phộc tả năng  
A mật lật đa, tị sái kế  
A hạ la, a hạ la  
A dữu tán đà la ni  
Thú đà dã, thú đà dã  
Nga nga năng, vĩ truật đệ  
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ  
Sa hạ sa la, la thấp minh, tán tổ nễ đế  
Tát phộc đát tha nga đa, Phộc lô yết đế  
Sa tra ba la mật đa, ba lị bố la ni  
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã  
Địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đa  
Ma hạ mẫu nại lê  
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa năng, vĩ truật đệ  
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đọt lật yết đế , bạt lị truật đệ  
Ba la đề ni, vạt lị đa dã, a dục, truật đệ  
Tam ma dã, địa sắt xỉ đế  
Mâu nĩnh, mâu nĩnh  
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh  
Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh  
Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ  
Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ  
Nhạ dã, nhạ dã  
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã  
.....  
.....

04/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ  
LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

(Dựa theo bản ghi trên cột đá do Đỉnh Liên tạo dựng ở Việt Nam)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn : HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate : Đức Thế Tôn

त्रैलोक्य

TRAILOKYA

Trailokya: Ba cõi, ba đời

प्रतिविष्टया

PRATIVIŚIṢṬĀYA

Prativīṣṭa: Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya: Nhóm, đảng, hàng

बुद्धया

BUDDHĀYA

Buddha: Bậc giác ngộ

भगवते

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là: **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

तद्यथा

TADYATHĀ

Tadyathā: Như vậy, liền nói Thần Chú là

ॐ

OM

Om: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

विषोदया विषोदया

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Viśodhaya: Các nhóm thanh tịnh

असम सम

ASAMA SAMA

Sama: Đảng, hàng

Asamasama: Vô đảng đảng, không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là: **Như vậy: OM! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

समन्तवपु

SAMANTA AVABHĀSA

Samanta: khắp tất cả, phổ biến

Ava: phía bên dưới

Bhāsa: ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

सु

SPHARANA

Spharāṇa: Chu biên, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺

GATI GAHANA

Gati: Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahāna: Rừng đông đúc

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

SVABHAVA VISUDDHE

Svabhāva: Tự tính, tính tự nhiên vốn có

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

ABHIṢIMCA TUMĀM

Abhiṣimca: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumām: cho tôi

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

SUGATA

Sugata: Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bậc Chính Đẳng Chính Giác

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

VARA VACANA

Vara: Ban cho thuận theo khuôn khổ, y theo giới hạn, vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana: Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta: Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

MAHĀ-MANTRA-PADA

Mahā: Đại, to lớn

Mantra: Thần Chú

Pada hay padai: Câu cú

Phần trên có nghĩa là: **Hỡi Đấng Thiện Thệ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

ĀHARA ĀHARA

Āhara: Nhiếp thọ

𑀲𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺𑀸𑀢𑀺𑀢𑀺

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Āyuh: Thọ mệnh

Dhāraṇī: Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhāraṇī: Giữ gìn bền chắc



Phần trên có nghĩa là: **Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**

शुद्धय शुद्धय गगन विसुद्ध

ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VIŚUDDHE

Gagana: Hư Không

Phần trên có nghĩa là: **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**

उष्णिष विजया विसुद्ध

UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

Uṣṇīṣa: Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya: Tôn Thắng, Tội Thắng

सहस्रं रश्मि

SAHASRA-RAŚMI

Sahasra: một ngàn (1000)

Raśmi: Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ

संसुदीति सर्वं तथगतं

SAMŚUDĪTI SARVA TATHĀGATA

Sudīti: Sáng sửa, rạng rỡ, lạnh lợi, chói lợi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudīti: Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva: tất cả

Tathāgata: Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là: **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**

अवलोकनं षट्पारमितां परिपूरणं

AVALOKANA ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI

Avalokana: Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pāramitā: Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Ṣaṭ-pāramitā: Sáu Ba La Mật

Paripūraṇi: Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là: **Quán chiếu sáu Ba La Mật đều được đầy đủ**

सर्वं तथगतं हृदये

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA

Hṛdaya: Trái tim

अधिष्ठानं अधिष्ठितं महामूढ्रि

ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE MAHĀ-MUDRĪ

Adhiṣṭāna: Thần Lực

Adhiṣṭīte: Gia trì

Mudra: Ấn

Mahā-mudrī: Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**

वज्रकया

VAJRA-KĀYA

Vajra: Kim Cương

Kāya: Thân thể

संनगतं विशुद्धं

SAMHATANA VIŚUDDHE

Samhatana: Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mên chuộng nhau, kê cận nhau

Phần trên có nghĩa là: **Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**

सर्वं अवारणं पया दुर्गतं परिशुद्धं

SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE

Avaraṇa: Sự chướng ngại

Paya: Lối đi, đường đi

Durgati: Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati: Tất cả lối đi đầy chướng ngại, tất cả lối nẻo xấu ác.

Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Nã chướng

Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Nã Chướng đều được thanh tịnh**

प्रति वृत्त्य मयुः शुद्धं

PRATINI VARTTĀYA ĀYUH ŚUDDHE

Pratini: Tăng trưởng

Varttāya: Xoay chuyển, vận chuyển

Phần trên có nghĩa là: **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**

समयं मधुषु

SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya: Bình đẳng, Bản thể (lời thề của mình)

मुनि मुनि महामुनि

MUNI MUNI MAHĀ-MUNI

Muṇi: Tịch mặc

Mahā-muṇi: Đại tịch mặc

Phần trên có nghĩa là: **Tịch mặc, tịch mặc, đại tịch mặc**. Biểu thị cho trạng thái tu tập Thiền Định của ba Thừa.

विमुनि विमुनि महामुनि

VIMUNI VIMUNI MAHĀ-VIMUNI

Vimuṇi: Khiến cho đạt được sự tịch mặc

Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho tất cả đạt được sự tịch mặc của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Phật Thừa**

मणि मणि महामणि

MANI MANI MAHĀ-MANI

Maṇi: Viên ngọc Như Ý biểu thị cho giá trị vô thượng, nhờ nó mà mọi ước nguyện được thỏa mãn. Tuy nhiên ngay từ hình thức ban đầu, Phật Giáo đã xác nhận giá trị vô thượng là sự giác ngộ viên mãn. Nhờ vào ánh sáng tỏa rạng từ sự giác ngộ mà mọi tâm thức mê mờ của tâm thức không còn khả năng trói buộc con người chìm đắm trong dòng sinh tử khổ đau nữa. Chính vì thế cho nên người nào tìm thấy trong tâm có viên ngọc Như Ý thì nó sẽ tỏa rạng Trí Tuệ giác ngộ. Dựa trên ý nghĩa này mà

Mani còn biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát. Cũng do ý nghĩa này nên trong bài Chú do Ngài PHÁP THIÊN lưu truyền đã thay chữ Mani bằng chữ Mati (Tuệ)

Phần trên có nghĩa là: **Chúng đắc được Trí Tuệ Giải Thoát của ba Thừa.**

तथात चतुः काले परिसुद्धे

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE

Tathātā: Chân Như Tính

Bhūta-koṭi: Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng.

Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là: **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

विस्पृष्टा बुद्धि सुद्धे

VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Visphuṭa: Hiện hiện

Buddhi: Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là: **Hiện hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

जय जय

JAYA JAYA

Jaya: Thù thắng, thắng

Jaya jaya: biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

विजय विजय

VIJAYA VIJAYA

Vijaya: Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya: biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

स्मर स्मर

SMARA SMARA

Smara: Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara: biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

सर्व बुद्धाधिष्ठानाधिष्ठिते सुद्धे

SARVA BUDDHA ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE ŚUDDHE

Thần Lực của tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh

वज्रि वज्रगर्भे वज्रं भवतु मामशरिरम्

VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṢ BHAVATU MAMA ŚARIRAM

Vajrī: Có Tính như Kim Cương

Vajra-garbhe : Kim Cương Tạng

Vajrāṣ Bhavatu: Được thành Kim Cương

Mama: Tôi (Xung tên họ...)

Śariram: Toàn thân

Phần trên có nghĩa là: **Thù thắng, thù thắng. Tôn thắng, tối thắng. Niệm trì, niệm trì**

**Thần Lực của tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương**

सर्व सत्त्वान्मकाया परिसुद्धे

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISUDDHE

Satva: Hữu Tính

Kāya: Thân xác

सर्व गति परिसुद्धे

SARVA GATI PARISUDDHE

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả thân của chúng Hữu Tình đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

सर्व तथगतस्य मे सम स्वसा याम्तु

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU

Tathāgata-śca: Như Lai Đẳng

Me sama: Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

Śvasa: An ủi

Yamtu: Đi đến

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

सर्व तथगत सम स्वसधृष्टे वक्तु वक्तु वेवक्तु वेवक्तु

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya: Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya: Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**

बोधय बोधय

BODHAYA BODHAYA

Bodhaya: Tuệ Giác, Trí Giác

वेबोधय वेबोधय

VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya: Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác

समग परिसुद्धे

SAMANTA PARISUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

सर्व गति परिसुद्धे

SARVA GATI PARISUDDHE

Tất cả lối nẻo đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tuệ Giác, Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh, tất cả lối nẻo đều được thanh tịnh.**

सर्व तथगत हृदयधृष्टमधृष्टे मन् मुनि न मुने

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ

Svāhā: Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

\*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni** là:

Nam mô Đấng Thế Tôn!

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới!

Như vậy: OM!  
Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng  
Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.  
Hãy quán đỉnh cho con!  
Hồi Đấng Thiện Thệ tối cao!  
Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử  
Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh  
Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không  
Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả  
Nhu Lai  
Quán chiếu sáu Ba La Mật đều được đầy đủ  
Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Nhu Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.  
Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Nã Chướng đều được thanh tịnh.  
Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh  
Thệ nguyện gia trì sự tịch mặc của ba Thừa, thâm nhập vào sự tịch mặc của ba Thừa, chứng đắc Pháp Bảo của ba Thừa.  
Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh  
Hiện hiện Tuệ Giác thanh tịnh  
Thù thắng , thù thắng  
Tôn Thắng, Tối Thắng  
Niệm trì, niệm trì  
Thần Lực của tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh khiến cho thân của con (Họ tên...) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.  
Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh  
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh  
Tất cả Nhu Lai đi đến an ủi chúng con  
Tất cả Nhu Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.  
Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác  
Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác  
Khắp nơi đều được thanh tịnh  
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh  
Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Nhu Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/05/2014

न आ न ग व त लै ला ह य ति वि सि क्ता य उ ह्वा म न ग व त  
त द्य ब्रा मं वि शि ध म ० म त म ० त म त्रा व ता त क्क न ल  
ग ति ग द्वा न व सा व वि क्क ह्वा म नि विं च उ मां सु ग त व न  
व च ना मू ता नि ष के म द्वा म त्र य ट मा द न ० मा दुः स द्वा  
न ली शि ध म ० ग ग न वि सु ह्वा ड जी ष वि क्क य वि सु ह्वा त  
द सु न शि सं सु ली त म द्वा त ब्रा ग ता व ला क न त द्वा न मि  
ता य नि क्क न गि स द्वा त ब्रा ग त द्वा द मा वि क्क ना धि क्कित म  
द्वा सु दी व क्क का म सं द्वा त न वि सु ह्वा त द्वा व न ग य म दु  
न ति य रि सु ह्वा य ति नि व त्रा य मा सुः सु ह्वा त म द्वा धि क्कित  
सु ति गि ० म द्वा सु गि वि सु गि ० म द्वा वि सु गि त ब्रा ता उ त क्क  
दि य रि सु ह्वा वि क्क टा उ ह्वा सु ह्वा क्क ग स्र व द्वां न व उ म म  
स रि चं स द्वा त ब्रा नां च का य य रि सु ह्वा त द्वा ग ति य रि सु  
सु स द्वा त ब्रा ग न सु म स म सु सं उ त द्वा त ब्रा ग ति य रि सु  
म सु ता धि क्कित उ वि य ० वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ  
स ० स म त्र य नि सु ह्वा स ० वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ वि उ  
त द्वा टा धि क्क ना धि क्कित म द्वा सु दी द्वा हा

UṢNĪṢA-VIJAYA DHĀRAṆĪ  
(PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI)  
(Dựa theo Bản của Tam Tạng Sa Môn PHÁP THIÊN)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn : HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Quy mệnh Đức Thế Tôn

सर्वत्रैलोक्यप्रतिविशिष्टाय बुद्धाय नमः

SARVA TRAILOKYA PRATIVISIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE

NAMAH

Kính lễ Đức Thế Tôn Đại Giác cao cả của tất cả ba cõi

तद्यथा

TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Thần Chú

ॐ ह्रूं ह्रूं ह्रूं

OM\_ BHRŪṢ BHRŪṢ BHRŪṢ

Om: Ba Thân, Quy y, Cúng dường, nhiếp phục, cảnh giác

Bhrūṣ: Chúng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

शुद्धय शुद्धय

ŚODHAYA SODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

शुद्धय शुद्धय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

असमं समं

ASAMA SAMA

Vô đẳng đẳng, không có gì sánh bằng

समं तत्र तत्र

SAMANTA AVABHĀSA

Tòa sáng rực rỡ khắp nơi

स्फुरन् गति

SPHARAṆA GATI

Duỗi vòng khắp cả các nẻo Luân Hồi

गगनं स्वस्वं शुद्धं

GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

अभिषिञ्च तमाम्

ABHIṢIṢCA TUMĀM

Quán đỉnh cho tôi

सर्वत्रैलोक्यसुगतं

SARVA-TATHĀGATA SUGATA

Tất cả Như Lai ThiệThệ

वरा वचना

VARA VACANA

Ban cho lời dạy thù thắng

ॐ अमृतं पशुं मन्मथं पदं

AMṚTA-ABHIṢEKAI MAHĀ-MUDRA MANTRA-PADA

Câu Thần Chú Đại Ân Quán Đỉnh Bất Tử

ॐ अहं अहं

OM ĀHARA ĀHARA

Hãy nhiếp thọ, nhiếp thọ tôi

अयुः संधारं

ĀYUḤ SANDHĀRANI

Giữ gìn vững chắc Thọ mệnh

शोधय शोधय

ŚODHAYA ŚODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

विशोधय विशोधय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

गगनं स्वभावं विशुद्धं

GAGANA-SVABHĀVA VIŚUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của hư không

उष्णिषं विजयं परिशुद्धं

UṢṆĪṢA-VIJAYA PARIŚUDDHE

Phật Đỉnh Tôn Thắng tràn đầy thanh tịnh

सहस्रं शंखं संसृष्टं सर्वं गतं गतं

SAHASRA-RAŚMI SAMSUDĪTI SARVA-TATHĀGATA

Tòa ngàn tia sáng rực rỡ cảnh giác tất cả Như Lai

सर्वलोकं पद्मं परिपूर्णं

AVALOKANA ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRANI

Quán chiếu sáu Ba La Mật đều được đầy đủ

सर्वं गतं गतं

SARVA TATHĀGATA-MATI

Tất cả Như Lai Tuệ

दशभूमिं प्रतिष्ठितं

DAŚA-BHŪMI PRATIṢṬITE

Thập Địa Thắng Trụ

सर्वं गतं गतं सर्वं संप्रदत्तं संप्रदत्तं

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

ॐ

OM

Ba Thân quy mệnh

मन्मथं मन्मथं मन्मथं

MUDRA MUDRA MAHĀ-MUDRA

Ân , Ân, Đại Ân . Biểu thị cho Ân của ba Thừa

वज्रं कथं संसृष्टं परिशुद्धं

VAJRA-KĀYA SAMḤATANA PARIŚUDDHE

Hòa hợp với Thân Kim Cương đều được thanh tịnh

संश्लेषं वज्रं मन्मथं विशुद्धं



PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ VIŚUDDHE

Thọ mệnh tăng trưởng khiến đều thanh tịnh

सर्वं नष्टं न सम्यं सर्वेषु नष्टेषु

SARVA TATHĀGATA-SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai thệ nguyện dùng Thần Lực gia trì

ॐ

OM

Quy mệnh

मुनि मुनि महामुनि

MUNI MUNI MAHĀ-MUNI

Tịch mặc, tịch mặc, Đại tịch mặc. Biểu thị cho trạng thái Thiền Định vắng lặng của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

अमुनि अमुनि

AMUNI AMUNI

Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Rig-veda) thì MUNI còn có nghĩa là trạng thái hoảng hốt, lãnh thọ linh cảm. Nên AMUNI là không có trạng thái hoảng hốt. Do lặp lại 2 lần nên biểu thị cho trạng thái Thiền Định không bị Nội Chương và Ngoại Chương gây rối

विमुनि विमुनि महविमुनि

VIMUNI VIMUNI MAHĀ-VIMUNI

Khiến cho đạt được sự tịch mặc của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

मति मति महमति

MATI MATI MAHĀ-MATI

Tuệ, Tuệ, Đại Tuệ. Biểu thị cho Trí Tuệ của 3 Thừa

ममति

MA-MATI

Ngã Tuệ biểu thị cho cái nhìn của cá nhân

सुमति

SUMATI

Diệu Tuệ

तथागतं सुतं तत्र परिसुद्धं

TATHĀTĀ-BHŪTA KOṬI PARISUDDHE

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

विस्पृष्टा बुद्धिः सुद्धिः

VIŚPHUṬA BUDDHI VIŚUDDHE

Hiện hiện Tuệ Giác khiến cho thanh tịnh

ॐ

OM

Ba Thân quy mệnh

हे हे

HE HE

Mừng thay, mừng thay

जय जय

JAYA JAYA

Thù thắng, thù thắng. Biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

विजय विजय

VIJAYA VIJAYA

Tôi thắng, tôi thắng. Biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

𑖀𑖩 𑖀𑖩

SARA SARA

Kiên cố, kiên cố

𑖀𑖩 𑖀𑖩

SMARA SMARA

Ghi nhớ, niệm trì. Biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

𑖀𑖩 𑖀𑖩

SVARA SVARA

Âm thanh, âm thanh

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

SVARĀYA SVARĀYA

Các nhóm âm thanh, âm thanh đấng

𑖀𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩

SARVA-BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả chư Phật

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

ŚUDDHE ŚUDDHE

Thanh tịnh, thanh tịnh

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

BUDDHI BUDDHI

Tuệ Giác, Tuệ Giác

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩

VAJRA VAJRA MAHĀ-VAJRA

Kim Cương, Kim Cương, Đại Kim Cương

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

A VAJRĪ

Chữ A (biểu thị cho **Bản Bất Sinh**) có tính kiên cố như Kim Cương

𑖀𑖩𑖩𑖩

SUVAJRA

Diệu Kim Cương, tính kiên cố màu nhiệm

𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩

VAJRA-GARBHE

Kim Cương Tạng

𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩

JAYA-GARBHE

Thù Thắng Tạng

𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩

VIJAYA-GARBHE

Tôn Thắng Tạng

𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩

VAJRA-JVALA-GARBHE

Kim Cương Quang Minh Tạng

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩

VAJRA UDGATE

Sinh ra Kim Cương

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩

VAJRA UDBHAVE

Hiện lên Kim Cương

वज्रं उद्भव

VAJRA SAMBHAVE

Phát sinh Kim Cương

वज्रं

VAJRĪ

Có tính kiên cố như Kim Cương

वज्रम्

VAJRĪṆĪ

Trí Tuệ sắc bén như Kim Cương

वज्रं नृवृत्

VAJRĀM BHAVATU

Được thành Kim Cương

मम शिरिं

MAMA ŚARIRAM

Thân thể của tôi

सर्वं सर्वज्ञं च कथं विमुक्तं

SARVA-SATVĀNĀMCA-KĀYA VIŚUDDHE

Tất cả Thân của Hữu Tình khiến cho thanh tịnh

सर्वं कथं सर्वम् विमुक्तं

SARVA-KARMA-AVARAṆA VIŚUDDHE

Tất cả nghiệp chướng khiến cho thanh tịnh

सर्वं गतिं परिमुक्तं

SARVA-GATI PARIŚUDDHE

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

सर्वं गच्छगच्छं यंसमं श्वसं यं तु

SARVA-TATHĀGATAŚCA MAṀ-SAMA ŚVASA YAṀTU

Tất cả Như Lai Đẳng đi đến an ủi chúng tôi

सर्वं गच्छगच्छं समं श्वसदधिष्ठं

SARVA-TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai đẳng an ủi gia trì

ॐ

OM

Ba thân quy mệnh

सिद्धिं सिद्धिं

SIDDHYA SIDDHYA

Thành tựu, thành tựu

बुद्ध्या बुद्ध्या

BUDDHYA BUDHYA

Tỉnh ngộ, giác ngộ

विबुद्ध्या विबुद्ध्या

VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Khiến cho tỉnh ngộ, khiến cho giác ngộ

बोधया बोधया

BODHAYA BODHAYA

Tuệ Giác, Trí Giác

विबोधय विबोधय

VIBODHAYA VIBODHAYA

Khiến cho được Tuệ Giác, khiến cho được Trí Giác

मोचय मोचय

MOCAYA MOCAYA

Giai thoát, giải thoát

विमोचय विमोचय

VIMOCAYA VIMOCAYA

Khiến cho tất cả được giải thoát

शुद्धय शुद्धय

ŚODHAYA ŚODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

विशुद्धय विशुद्धय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

समं परमोचय

SAMANTA PARIMOCAYA

Khắp cả đều được giải thoát

समं [शु] परशुद्ध

SAMANTA-RAŚMI PARIŚUDDHE

Khắp cả tia sáng đều thanh tịnh

सर्वं तथगतहृदयधृष्टजलधृष्ट

SARVA-TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

ॐ

OM

Ba thân quy mệnh

मूढ मूढ महामूढ मूढधृष्ट

MUDRA MUDRA MAHĀ-MUDRA ADHIṢṬITE

Ấn, Ấn, Đại Ấn Gia trì

मूढ

SVĀHĀ

Quyết định thành tựu

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/06/2014

**उष्निषा विजया धारणा**  
UṢNĪṢA-VIJAYA DHĀRANĪ  
**PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI**  
(Dựa theo bản của Cố Thượng Tọa THÍCH THIỀN TÂM)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

- 1\_ **Na mô ba ga va tê**  
NAMO BHAGAVATE
- 2\_ **Sạt hoa tát răn lô ki da**  
SARVA TRAILOKYA
- 3\_ **Bờ ra di vi ti sắc tra da**  
PRATIVIŚIṢṬĀYA
- 4\_ **Bút đà da, ba ga pha tê**  
BUDDHĀYA BHAGAVATE
- 5\_ **Tát đi da tha**  
TADYATHĀ
- 6\_ **Úm! Bút rum, bút rum, bút rum**  
OM\_ BHRŪM BHRŪM BHRŪM
- 7\_ **Suýt đà da, suýt đà da**  
ŚUDDHĀYA ŚUDHĀYA
- 8\_ **Vi suýt đà da, vi suýt đà da**  
VĪŚUDDHĀYA VĪŚUDDHĀYA
- 9\_ **Á sá ma sá ma**  
ĀSAMA SAMA
- 10\_ **Sa măn tá phạ hoa sát**  
SĀMANTA AVABHĀSA
- 11\_ **Sa phả ra na, ga ti, ga gạ na**  
SPHARAṆA GATI GAGANA
- 12\_ **Xoa phạ hoa, vi suýt đi**  
SVĀBHĀVA VĪSUDDHE
- 13\_ **Á vi chuân da đu măn**  
ABHIṢIṢCA TUMĀM
- 14\_ **Sạt hoa tát thá ga đá**  
SĀRVA TATHĀGATA
- 15\_ **Sủ ga đà**  
SUGATA
- 16\_ **Phạ ra, phạ ca nã**  
VARA VACANA
- 17\_ **A mi rị tá, bi sá cu**  
AMṚTA ABHIṢEKAI
- 18\_ **Ma ha muýt đơ ra măn đà ra ba na**  
MAHĀ-MUDRA-MANTRA-PĀDA
- 19\_ **Úm ! Á hạ ra, á hạ ra**  
OM\_ ĀHARA ĀHARA
- 20\_ **A du sẵn đà ra ni**  
ĀYUḤ SANDHĀRANĪ
- 21\_ **Suýt đà da, suýt đà da**

ŚUDDHĀYA ŚUDDHĀYA  
 22\_ **Ga ga na xoa phạ hoa vi suýt đi**  
 GĀGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE  
 23\_ **U sắc ni sá vi ca da, vi suýt đi**  
 UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
 24\_ **Sá hạ sa ra, ra sa mi, sấn tô ni tê**  
 SAHASRA RAŚMI SAṂSUDĪTI  
 25\_ **Sá ra hoa tát thá ga đa**  
 SARVA TATHĀGATA  
 26\_ **A hoa lô ki ni**  
 ĀVALOKINI  
 27\_ **Sạt hoa tát thá ga đa mát tê**  
 SARVA TATHĀGATA-MATI  
 28\_ **Sá tra bá ra mi tá**  
 ṢĀT-PĀRAMITĀ  
 29\_ **Ba rị bử ra ni**  
 PĀRIPŪRAṆI  
 30\_ **Na sá bử mi bơ ra đi sắc si tê**  
 DĀŚA-BHŪMI PRATIṢṬITA  
 31\_ **Sá ra hoa tát thá ga đa hắt rị đà da**  
 SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA  
 32\_ **Đi sắc sá na**  
 ADHIṢṬANA  
 33\_ **Đi sắc si tê**  
 ADHIṢṬITE  
 34\_ **Úm ! Muýt đơ ri, muýt đơ ri, ma ha muýt đơ ri**  
 OM\_ MUDRĪ MUDRĪ MAHĀ-MUDRĪ  
 35\_ **Hoa di ra ca da**  
 VAJRA-KĀYA  
 36\_ **Sấn hạ da nã vi suýt đi**  
 SAṂHATANA VIŚUDDHE  
 37\_ **Sá ra hoa ca ma, phạ ra na vi suýt đi**  
 SARVA KARMA AVARAṆA VIŚUDDHE  
 38\_ **Ba ra đu ri ca ti, bi ri vi suýt đi**  
 SARVA DURGATI PARIVIŚUDDHE  
 39\_ **Bơ ra ti na hoa ra đá da, a dục suýt đi**  
 PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ VIŚUDDHE  
 40\_ **Sam ma dã, đi sắc sá na, đi sắc si tê**  
 SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE  
 41\_ **Úm ! ma ni, ma ni, ma hạ ma ni**  
 OM\_ MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
 42\_ **Á ma ni, á ma ni**  
 A MAṆI, A MAṆI  
 43\_ **Vĩ ma ni, vĩ ma ni, ma hạ vĩ ma ni**  
 VIMANI VIMANI MAHĀ-VIMANI  
 44\_ **Mát đi, mát đi, mát đi**  
 MATI MATI MAHĀ-MATI  
 45\_ **Tát thá đá, bử đa**  
 TĀTHĀTĀ BHŪTA

- 46\_ **Cu thi vi ri suýt đi**  
KŌṬI PARIŚUDDHE
- 47\_ **Vi sa phỏ ra, bút đi vi suýt đi**  
VIŚPHUṬA BUDDHI VIŚUDDHE
- 48\_ **Úm, hi hi**  
OM\_ HEHE
- 49\_ **Dá ra, dá ra**  
JAYA JAYA
- 50\_ **Vĩ dá ra, vĩ dá ra**  
VIJAYA VIJAYA
- 51\_ **Sa ma ra, sa ma ra**  
SMARA SMARA
- 52\_ **Sa phạ ra, sa phạ ra**  
SVARA SVARA
- 53\_ **Sa ra phạ bút đa**  
SARVA BUDDHA
- 54\_ **Đi sắc sá na**  
ADHIṢṬANA
- 55\_ **Đi sắc si tê**  
ADHIṢṬITE
- 56\_ **Suýt đi, suýt đi**  
ŚUDDHE ŚUDDHE
- 57\_ **Họạ di ri, họạ di ri, ma hạ họạ di ri**  
VAJRĪ VAJRĪ MAHĀ-VAJRĪ
- 58\_ **Á họạ di ri**  
A VAJRĪ
- 59\_ **Họạ di ra gạ bi**  
VAJRA-GARBHE
- 60\_ **Dá ra gạ bi**  
JĀYA-GARBHE
- 61\_ **Vĩ dá ra gạ bi**  
VIJAYA-GARBHE
- 62\_ **Họạ di ra, rít họạ lã gạ bi**  
VAJRA-JVALA-GARBHE
- 63\_ **Họạ di rô na ga tê**  
VAJRA-UDGATE (đọc tắt là VAJRODGATE)
- 64\_ **Họạ di rô na bà vê**  
VAJRA-UDBHAVE (đọc tắt là VAJRODBHAVE)
- 65\_ **Họạ di ra, sam bà vê**  
VAJRA SAMBHAVE
- 66\_ **Họạ di rô, họạ di rị na**  
VAJRĪ VAJRĪṆI
- 67\_ **Họạ di rảm, hoa phạ đô mạ mạ**  
VAJRĀṀ BHAVATU MAMA
- 68\_ **Sá rị rảm, sá ra phạ sát ta phạ năng**  
ŚARIRAM̐ SARVA SATVĀNĀM̐
- 69\_ **Tả ca da, bi ri vi suýt đi**  
CĀ KĀYA PARIVIŚUDDHE
- 70\_ **Sắt da hoa phạ đô mi sát na**

RBHAVATU ME SĀDA  
 71\_ **Sá ra phạ, ga ti, bi ri suýt đi**  
 SARVA GATI PARÍSIDDHE  
 72\_ **Sá ra phạ tát tha ga đạ, sát da mi**  
 SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME  
 73\_ **Sá ma sa phạ sát dẫn tu**  
 SAMA ŚVASA YAṀTU  
 74\_ **Sạt hoa tát tha ga đạ**  
 SARVA TATHĀGATA  
 75\_ **Sá ma sá phạ sa , đi sắc si tê**  
 SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE  
 76\_ **Úm ! Sát đi da, sát đi da**  
 OM\_ SIDDHYA SIDDHYA  
 77\_ **Bút đi da, bút đi da**  
 BUDDHYA BUDDHYA  
 78\_ **Vi bút đi da, vi bút đi da**  
 VĪBUDDHYA VĪBUDDHYA  
 79\_ **Bồ đà da, bồ đà da**  
 BŌDHAYA BODHAYA  
 80\_ **Vi bồ đà da, vi bồ đà da**  
 VĪBODHAYA VĪBODHAYA  
 81\_ **Mô ca da, mô ca da**  
 MOCAYA MOCAYA  
 82\_ **Vi mô ca da, vi mô ca da**  
 VĪMOCAYA VĪMOCAYA  
 83\_ **Suýt đà da, suýt đà da**  
 ŚUDDHĀYA ŚUDDHĀYA  
 84\_ **Vi suýt đà da, vi suýt đà da**  
 VĪŚUDDHĀYA VĪŚUDDHĀYA  
 85\_ **Sa măn tá, tát bi rị mô ca da**  
 SAMANTA PARIMOCAYA  
 86\_ **Sa măn đá da, sa mi bi ri suýt đi**  
 SAMANTA RAŚMI PARÍSIDDHE  
 87\_ **Sá ra phạ tát thạ ga đạ, sam ma da hật rị đà da**  
 SARVA TATHĀGATA SAMAYA HRDAYA  
 88\_ **Đi sắc sá na, đi sắc si tê**  
 ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE  
 89\_ **Úm ! muýt đơ ri, muýt đơ ri, ma hạ muýt đơ ra**  
 OM\_ MUDRA MUDRA MAHĀ-MUDRA  
 90\_ **Mạn đà ra bá na**  
 MANTRA-PĀDA  
 91\_ **Đi sắc si tê**  
 ADHIṢṬITE  
 92\_ **Sóa ha**  
 SVĀHĀ



Toàn bài được phục hồi và ghi chú là:

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Quy mệnh Đức Thế Tôn

सर्वं त्रैलोक्यं प्रतिविशिष्टाय बुद्धाय नमो

SARVA TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬĀYA BUDDHĀYA BHAGAVATE

Đức Thế Tôn Đại Giác cao cả của tất cả ba cõi

तद्यथा

TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Thần Chú

ॐ ह्रूं ह्रूं ह्रूं

OM\_ BHRŪM BHRŪM BHRŪM

Om: Ba Thân, Quy y, Cúng dường, nhiếp phục, cảnh giác

Bhrūm: Chúng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

सुद्धय सुद्धय

ŚUDDHĀYA ŚUDHĀYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

वि सुद्धय वि सुद्धय

VIŚUDDHĀYA VIŚUDDHĀYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

असम सम

ASAMA SAMA

Vô đẳng đẳng, không có gì sánh bằng

समन्तव सम

SAMANTA AVABHĀSA

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi

स्फुरन् गति

SPHARAṆA GATI

Duỗi vòng khắp cả các nẻo Luân Hồi

गगन स्वस्व वि सुद्धे

GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

अभिषिक्तं तुभ्यं

ABHIṢIṀCA TUMĀM

Quán đĩnh cho tôi

सर्वं तथगतं सुगतं

SARVA TATHĀGATA SUGATA

Tất cả Như Lai Thiên Thệ

वै वचन

VARA VACANA

Ban cho lời dạy thù thắng

अमृतं अभिषेकं महं मन्त्रं पदं

AMṚTA ABHIṢEKAI MAHĀ-MUDRA-MANTRA-PĀDA

Câu Thần Chú Đại Ân Quán Đĩnh Bất Tử

ॐ ह्रूं ह्रूं

OM\_ ĀHARA ĀHARA

Hãy nhiếp thọ, nhiếp thọ tôi

ਸ੍ਰਯੁ: ਸਭ੍ਰਿਮੀ

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Giữ gìn vững chắc Thọ mệnh

ਉਦਯ ਉਦਯ

ŚUDDHĀYA ŚUDDHĀYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

ਗਗਨ ਸ੍ਵਭਵ ਭਉਦ੍ਰ

GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của hư không

ਭਉਘ ਭਰੁਯ ਭਉਦ੍ਰ

UṢṆĪṢA VIJAYA VIŚUDDHE

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh

ਸਹਸ੍ਰ ਸ੍ਰਿਸ਼ਿ ਸੰਸ੍ਰਦੀਯ ਸਭ੍ਰਿ ਸਭ੍ਰਿਮੀ

SAHASRA RAŚMI SAṂSUDĪTI SARVA TATHĀGATA

Tỏa ngàn tia sáng rực rỡ cảnh giác tất cả Như Lai

ਸ੍ਰਵਭਕੁਭ

AVALOKINI

Quán chiếu

ਸਭ੍ਰਿ ਸਭ੍ਰਿਮੀ ਸਭ੍ਰਿ

SARVA TATHĀGATA-MATI

Tất cả Như Lai Tuệ

ਘੜਿਘੜਿਘੜਿ ਪਰਿਪੁਰਾਣਿ

ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆĪ

Đều được đầy đủ sáu Ba La Mật

ਦਸਿਭੁਮਿ ਪਰਿਸ਼੍ਰਿਯ

DAŚA-BHŪMI PRATIṢṬĪTE

Thập Địa Thắng Trụ

ਸਭ੍ਰਿ ਸਭ੍ਰਿਮੀ ਸ੍ਰਦਯ ਸ੍ਰਦਯ ਸ੍ਰਦਯ

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE

Thần Lực giá trị của tất cả Như Lai Tâm

ਓਂ

OM

Ba Thân quy mệnh

ਸੁਭ੍ਰਿ ਸੁਭ੍ਰਿ ਮਹਾਸੁਭ੍ਰਿ

MUDRĪ MUDRĪ MAHĀ-MUDRĪ

Có tính như Ấn, có tính như Ấn, có tính như Đại Ấn. Biểu thị cho Ấn của ba Thừa

ਵਜ੍ਰਕਯ ਸੰਠ੍ਰਿਯ ਭਉਦ੍ਰ

VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE

Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh

ਸਭ੍ਰਿ ਕਰਮ ਸ੍ਰਵਾਣਿ ਭਉਦ੍ਰ

SARVA KARMA AVARAṆA VIŚUDDHE

Tất cả nghiệp chướng khiến cho thanh tịnh

ਸਭ੍ਰਿ ਦੁਰਗਤਿ ਪਰਿਉਦ੍ਰ

SARVA DURGATI PARIVIŚUDDHE

Tất cả nẻo xấu ác đều được thanh tịnh

ਘੜਿਘੜਿ ਵਕ੍ਰਯ ਸ੍ਰਯੁ: ਭਉਦ੍ਰ

PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ VIŚUDDHE

Thọ mệnh tăng trưởng khiến đều thanh tịnh

समय प्रवृत्तये

SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thệ nguyện dùng Thân Lực gia trì

ॐ

OM

Quy mệnh

मम मम मन्मम

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Ngọc báu, ngọc báu, ngọc báu to lớn. Biểu thị cho Pháp Bảo của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

म मम म मम

A MAṆI, A MAṆI

Ngọc báu của sự chẳng sinh (chữ A), ngọc báu của sự chẳng diệt (chữ A)

वमम वमम मन्वमम

VIMAṆI VIMAṆI MAHĀ-VIMAṆI

Khiến cho đạt được ngọc báu (Pháp bảo) của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

मम मम मन्मम

MATI MATI MAHĀ-MATI

Tuệ, Tuệ, Đại Tuệ. Biểu thị cho Trí Tuệ của 3 Thừa

तत्त त्तु त्तत्त पत्तत्त

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

वृत्तवृत्त वृत्त वृत्त

VISPHUṬA BUDDHI VIŚUDDHE

Hiện hiện Tuệ Giác khiến cho thanh tịnh

ॐ

OM

Ba Thân quy mệnh

हे हे

HE HE

Mừng thay, mừng thay

जय जय

JAYA JAYA

Thù thắng, thù thắng. Biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

वजय वजय

VIJAYA VIJAYA

Tôi thắng, tôi thắng. Biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

स्मर स्मर

SMARA SMARA

Ghi nhớ, niệm trì. Biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

स्वर स्वर

SVARA SVARA

Âm thanh, âm thanh

मन् वृत्तवृत्तवृत्तवृत्त

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả chư Phật

ॐ ॐ ॐ

ŚUDDHE ŚUDDHE

Thanh tịnh, thanh tịnh

ॐ ॐ ॐ

VAJRĪ VAJRĪ MAHĀ-VAJRĪ

Có tính như Kim Cương, có tính như Kim Cương, có tính như Đại Kim Cương.

Biểu thị cho tính kiên cố bền chắc của 3 Thừa

ॐ ॐ

A VAJRĪ

Chữ A (biểu thị cho **Bản Bất Sinh**) có tính kiên cố như Kim Cương

ॐ ॐ

VAJRA-GARBHE

Kim Cương Tạng

ॐ ॐ

JAYA-GARBHE

Thù Thắng Tạng

ॐ ॐ

VIJAYA-GARBHE

Tôn Thắng Tạng

ॐ ॐ

VAJRA-JVALA-GARBHE

Kim Cương Quang Minh Tạng

ॐ ॐ

VAJRA UDGATE

Sinh ra Kim Cương

ॐ ॐ

VAJRA UDBHAVE

Hiện lên Kim Cương

ॐ ॐ

VAJRA SAMBHAVE

Phát sinh Kim Cương

ॐ

VAJRĪ

Có tính kiên cố như Kim Cương

ॐ

VAJRĪṆĪ

Trí Tuệ sắc bén như Kim Cương

ॐ ॐ

VAJRĀM BHAVATU

Được thành Kim Cương

ॐ ॐ

MAMA ŚARIRAM

Thân thể của tôi

ॐ ॐ ॐ ॐ

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIVIŚUDDHE

Tất cả Thân Hữu Tình đều khiến được thanh tịnh

རཀ་འུ་མ་སང་

RBHAVATU ME SĀDA

Khiến cho tôi có được sự tinh khiết

སཀ་གཏེ་ཕའུ་ཏུ་རྩེ་

SARVA GATI PARISUDDHE

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

སཀ་གཏེ་གཏེ་མེ་སམ་ལྷས་པུ་

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU

Tất cả Như Lai Đẳng đi đến an ủi chúng tôi

སཀ་གཏེ་གཏེ་སམ་ལྷས་འཇུག་

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai đấng an ủi gia trì

ཨྵ

OM

Ba thân quy mệnh

མཐོ་མཐོ་

SIDDHYA SIDDHYA

Thành tựu, thành tựu

བཏོ་བཏོ་

BUDDHYA BUDHYA

Tỉnh ngộ, giác ngộ

འབཏོ་འབཏོ་

VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Khiến cho tỉnh ngộ, khiến cho giác ngộ

མ་བཏོ་མ་བཏོ་

BODHAYA BODHYA

Tuệ Giác, Trí Giác

འམ་བཏོ་འམ་བཏོ་

VIBODHAYA VIBODHAYA

Khiến cho được Tuệ Giác, khiến cho được Trí Giác

མ་བཏོ་མ་བཏོ་

MOCAYA MOCAYA

Giải thoát, giải thoát

འམ་བཏོ་འམ་བཏོ་

VIMOCAYA VIMOCAYA

Khiến cho tất cả được giải thoát

ལྷོ་ལྷོ་

ŚUDDHĀYA ŚUDDHĀYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

འལྷོ་ལྷོ་

VIŚUDDHĀYA VIŚUDDHĀYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

སམ་གྱི་ཕའུ་ཏུ་

SAMANTA PARIMOCAYA

Khắp cả đều được giải thoát

སམ་གྱི་འལྷོ་ལྷོ་

SAMANTA RAŚMI PARÍSIDDHE

Khắp cả tia sáng thấy đều thanh tịnh

सर्वं गणनां कृत्वा सर्वेषु गणेषु

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

ॐ

OM

Ba thân quy mệnh

सर्वं सर्वं महासर्वं

MUDRA MUDRA MAHĀ-MUDRA

Ấn, Ấn, Đại Ấn. Biểu thị cho 3 Ấn của 3 Thừa

मन्त्रपदं मन्त्रेषु

MANTRA-PĀDA ADHIṢṬITE

Chân Ngôn cú gia trì

स्वाहा

SVĀHĀ

Quyết định thành tựu

19/05/2014

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI  
(Dựa theo Bản đầy đủ của Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Namo: Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate: Đức Thế Tôn

त्रैलोक्य

TRAILOKYA

Trailokya : Ba cõi, ba đời

प्रतिविष्टया

PRATIVIŚIṢṬĀYA

Prativīṣṭa: Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya: Nhóm, đảng, hàng

बुद्धाय

BUDDHĀYA

Buddha: Bậc giác ngộ

भगवते

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là: **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

तद्यथा

TADYATHĀ

Tadyathā: Như vậy, liền nói Thần Chú là

ॐ

OM

Om: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

विशुद्धया विशुद्धया

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Viśodhaya : Các nhóm thanh tịnh

समम समा

ASAMA SAMA

Sama: Đảng, hàng

Asamasama: Vô đảng đảng , không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là: **Như vậy: OM! Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

समन्तावभासा

SAMANTA AVABHĀSA

Samanta: khắp tất cả, phổ biến

Ava: phía bên dưới

Bhāsa: ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sửa rực rỡ

स्फारणा

SPHARANA

Spharaṇa: Chu biên, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

गति गहान

GATI GAHĀNA

Gati: lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahāna: Rừng đông đúc

स्वभाव विसुद्धे

SVABHĀVA VIŚUDDHE

Svabhāva: Tự tính , tính tự nhiên vốn có

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

अभिषिक्ता तुमाम

ABHIṢIMCA TUMĀM

Abhiṣimca: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumām: cho tôi

सुगता

SUGATA

Sugata: Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bạc Chính Đẳng Chính Giác

वरा वचना

VARA VACANA

Vara: Ban cho thuận theo khuôn khổ, y theo giới hạn, Vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana: Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

अमृत अभिषेक

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta: Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

महा मन्त्र पदा

MAHĀ-MANTRA-PADA

Mahā: Đại, to lớn

Mantra: Thần Chú

Pada hay padai: Câu cú

Phần trên có nghĩa là: **Hỡi Đấng Thiện Thệ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

आहार आहार

ĀHARA ĀHARA

Āhara: nhiếp thọ

आयुः सन्धारणी

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Āyuh: Thọ mệnh. Tuổi thọ

Dhāraṇī: Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhāraṇī: Giữ gìn bền chắc



Phần trên có nghĩa là : **Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**

शुद्धाय शुद्धाय गगान विसुद्धे

ŚODHAYA ŚODHAYA \_GAGANA VIŚUDDHE

Gagana: Hư Không

Phần trên có nghĩa là: **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**

उष्णिषा विजया विसुद्धे

UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

Uṣṇīṣa: Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya: Tôn Thắng, Tội Thắng

सहस्रं रास्मि

SAHASRA RAŚMI

Sahasra: một ngàn (1000)

Raśmi: Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ

संसुदीति सर्वं तथगतं

SAMŚUDĪTI SARVA-TATHĀGATA

Sudīti: sáng sủa, rạng rỡ, lạnh lợi, chói lợi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudīti: tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva: tất cả

Tathāgata: Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là: **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**

अवलोकाना सदपरमिता परिपुराणि

AVALOKANA SAD-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI

Avalokana: Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pāramitā: Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Sad-pāramitā: Diệu Ba La Mật, Ba La Mật màu nhiệm (Bản khác ghi nhận là **Ṣaṭ-pāramitā**: sáu Ba La Mật)

Paripūraṇi: đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là: **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**

सर्वं तथगतं हृदये

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA

Hṛdaya: Trái tim

अधिष्ठाना अधिष्ठिते महा-मुद्रि

ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE MAHĀ-MUDRĪ

Adhiṣṭana: Thần Lực

Adhiṣṭite: Gia trì

Mudra: Ấn

Mahā-mudrī: có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**

वृक्षकथं

VAJRA-KĀYA

Vajra: Kim Cương

Kāya: thân thể

ॐ वज्रं कथयिष्ये

SAMHATANA VIŚUDDHE

Samhatana: Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mền chuộng nhau, kẻ cận nhau

Phần trên có nghĩa là: **Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**

सर्वं सारणापय दुरगति परिसुद्धे

SARVA-AVARAṆA-PAYA DURGATI PARISUDDHE

Avaraṇa: sự chướng ngại

Paya: lối đi, đường đi

Durgati: Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa-paya durgati: tất cả lối đi đầy chướng ngại, tất cả lối nẻo xấu ác.

Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Nã chướng

Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Nã Chướng đều được thanh tịnh**

प्रति वर्तय प्रयुः सुद्धे

PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Pratini: Tăng trưởng

Varttāya: Xoay chuyển, vận chuyển

Phần trên có nghĩa là: **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**

समय अधिष्ठते

SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya: Bình đẳng, Bản thể (Lời thề của mình)

मम मम महामम

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Maṇi: Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahā-maṇi: chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là báu của Thế Gian, báu của Hiền Thánh, báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là: **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**

तथा बुद्धा कोटि परिसुद्धे

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE

Tathātā: Chân Như Tính

Bhūta-koṭi: Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng.

Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là: **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

विष्णु बुद्धि सुद्धे

VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Viṣphuṭa: Hiện hiện

Buddhi: Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là: **Hiện hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

जय जय

JAYA JAYA

Jaya: Thù thắng, thắng

Jaya jaya: biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

विजय विजय

VIJAYA VIJAYA

Vijaya: Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya: biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

स्मरि स्मरि

SMARA SMARA

Smara: Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara: biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

सर्व बुद्धधर्माधिष्ठिते

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Buddha: Phật Đà, bậc giác ngộ

वज्रि वज्रगर्भे वज्रं भवतु मम शरीरं

VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṢ BHAVATU MAMA ŚARIRAM

Vajrī: Có Tính như Kim Cương

Vajra-garbhe : Kim Cương Tạng

Vajrāṣ bhavatu: được thành Kim Cương

Mama: Tôi (xưng tên họ... )

Śariram: toàn thân

Phần trên có nghĩa là: **Thù thắng, thù thắng. Tôn thắng, tối thắng. Niệm trì, niệm trì. Tất cả chư Phật dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương**

सर्व सत्त्वैक्या परीक्षिते

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARIVĪŚUDDHE

Satva: Hữu Tính

Kāya: Thân xác

सर्व गति परीक्षिते

SARVA-GATI PARĪŚUDDHE

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả thân của chúng Hữu Tính đều được thanh tịnh.**

**Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

सर्व तथगतस्य मे समा स्वसा याम्तु

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME SAMA ŚVASA YAṢTU

Tathāgata-śca : Như Lai Đẳng

Me sama: Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

Śvasa: An ủi

Yaṣtu: Đi đến

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

सर्व तथगतस्य मे समाधिष्ठिते बुद्धधर्माधिष्ठिते बुद्ध्या

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA

BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya: Giác ngộ, tỉnh ngộ



Tôn Thắng, Tội Thắng  
Niệm trì, niệm trì  
Tất cả chư Phật dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên...) có tính  
như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.  
Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh  
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh  
Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con  
Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến  
cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.  
Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác  
Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác  
Khắp nơi đều được thanh tịnh  
Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành  
tự Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn.

10/05/2003

Handwritten text in a circular arrangement, likely a form of poetry or a specific dialect of a language. The text is written in a cursive script and forms a large spiral pattern on the page.

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI  
(Dựa theo Bản của Đại Sư HOÀNG PHÁP)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate : Đức Thế Tôn

त्रैलोक्य

TRAILOKYA

Trailokya : Ba cõi, ba đời

प्रतिविशिष्टा

PRATIVIŚIṢṬĀYA

Prativiśiṣṭa: Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya: Nhóm, đảng, hàng

बुद्धाय

BUDDHĀYA

Buddha: Bậc giác ngộ

भगवते

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là: **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

तद्यथा

TADYATHĀ

Tadyathā: Như vậy, liền nói Thần Chú là

ॐ

OM

Om: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

विशोदया विशोदया

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Viśodhaya: Các nhóm thanh tịnh

असम समा

ASAMA SAMA

Sama: Đảng, hàng

Asamasama: Vô đảng đảng, không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là: **Như vậy: OM! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

समन्तावभासा

SAMANTA AVABHĀSA

Samanta: khắp tất cả, phổ biến

Ava: phía bên dưới

Bhāsa: ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

स्फारणा

SPHARANA

Spharaṇa: Chu biên, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

गते गहन

GATI GAHĀNA

Gati: Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahāna: Rừng đông đúc

स्वभाव सुद्ध

SVABHĀVA VIŚUDDHE

Svabhāva: Tự tính, tính tự nhiên vốn có

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

अभिषिञ्च तमाम्

ABHIṢIMCA TUMĀM

Abhiṣimca: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumām: cho tôi

सुगत

SUGATA

Sugata: Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bạc Chính Đẳng Chính Giác

वरा वचना

VARA VACANA

Vara: Ban cho thuận theo khuôn khổ, y theo giới hạn, vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana: Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

अमृत अभिषेक

AMṬTA ABHIṢEKAI

Amṛta: Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

महा मन्त्र पदा

MAHĀ-MANTRA-PADA

Mahā: Đại, to lớn

Mantra: Thần Chú

Pada hay padai: Câu cú

Phần trên có nghĩa là: **Hỡi Đấng Thiện Thệ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

आहार आहार

ĀHARA ĀHARA

Āhara: Nhiếp thọ

आयुः सन्धारणी

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Āyuh: Thọ mệnh

Dhāraṇī: Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhāraṇī: Giữ gìn bền chắc



Phần trên có nghĩa là: **Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**

शुद्धाय शुद्धाय गगान विसुद्धे

ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VISUDDHE

Gagana: Hư Không

Phần trên có nghĩa là: **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**

उष्णिषा विजया विसुद्धे

UṢṆĪṢA-VIJAYA VISUDDHE

Uṣṇīṣa: Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya: Tôn Thắng, Tội Thắng

सहस्रं रास्मि

SAHASRA-RAŚMI

Sahasra: một ngàn (1000)

Raśmi: Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ

संसुदीति सर्वं तथगतं

SAMSUDĪTI SARVA TATHĀGATA

Sudīti: Sáng sửa, rạng rỡ, lạnh lợi, chói lợi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Samsudīti: Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva: tất cả

Tathāgata: Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là: **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**

अवलोकाना सदपारमिता परिपुराणि

AVALOKANA SAD-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI

Avalokana: Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pāramitā: Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Sad-pāramitā: Diệu Ba La Mật, Ba La Mật màu nhiệm (Bản khác ghi là **Ṣaṭ-pāramirā**: sáu Ba La Mật)

Paripūraṇi: Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là: **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**

सर्वं तथगतं हृदये

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA

Hṛdaya: Trái tim

अधिष्ठाना अधिष्ठिते महा-मुद्रि

ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE MAHĀ-MUDRĪ

Adhiṣṭana: Thần Lực

Adhiṣṭite: Gia trì

Mudra: Ấn

Mahā-mudrā: Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**

वृक्षकथ

VAJRA-KĀYA

Vajra: Kim Cương

Kāya: Thân thể

ॐ वज्रं कथं ॥

SAMHATANA VIŚUDDHE

Samhatana: Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mền chuộng nhau, kẻ cận nhau

Phần trên có nghĩa là: **Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**

सर्वं सवराणां पया दुर्गति परिशुद्धं

SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE

Avaraṇa: Sự chướng ngại

Paya: Lối đi, đường đi

Durgati: Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati: Tất cả lối đi đầy chướng ngại, tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Nã chướng

Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Nã Chướng đều được thanh tịnh**

प्रति वृत्त्यस्य सुद्धं

PRATINI VARTTĀYA ĀYUH ŚUDDHE

Pratini: Tăng trưởng

Varttāya: Xoay chuyển, vận chuyển

Phần trên có nghĩa là: **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**

समया अधिष्ठते

SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya: Bình đẳng, Bản thể (lời thề của mình)

ॐ मणि मणि महामणि

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Maṇi: Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahā-maṇi: chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là Báu của Thế Gian, Báu của Hiền Thánh, báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là: **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**

तथा त्वं कथं परिशुद्धं

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

Tathātā: Chân Như Tính

Bhūta-koṭi: Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là: **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

विष्णुस्य बुद्धि सुद्धं

VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Viṣphuṭa: Hiện hiện

Buddhi: Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là: **Hiện hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**



Mama: Tôi (Xung tên họ...)

Śariraṃ: Toàn thân

Phần trên có nghĩa là: **Thù thắng, thù thắng. Tôn thắng, tôi thắng. Niệm trì, niệm trì.**

**Tất cả chư Phật**

**Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai**

**Kính lễ Thi Khí Như Lai**

**Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai**

**Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai**

**Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai**

**Kính lễ Ca Diếp Như Lai**

**Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai**

**Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát**

**Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương**

सर्वं सर्वानामकाया परिशुद्धम्

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISUDDHE

Satva: Hữu Tinh

Kāya: Thân xác

सर्वं गति परिशुद्धम्

SARVA GATI PARISUDDHE

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả thân của chúng Hữu Tinh đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

सर्वं तथगतस्य मे समं स्वसा याम्तु

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU

Tathāgata-śca: Như Lai Đẳng

Me sama: Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

Śvasa: An ủi

Yamtu: Đi đến

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

सर्वं तथगतं समं स्वसाधिश्रितं वक्षु वक्षु शिवक्षु शिवक्षु

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA  
BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya: Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya: Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**

बोधया बोधया

BODHAYA BODHAYA

Bodhaya: Tuệ Giác, Trí Giác

विबोधया विबोधया

VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya: Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác

समं परिशुद्धम्

SAMANTA PARISUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh**

सर्व तथगतहृदयधृष्टानधृष्टिते महा-

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ

Svāhā: Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

\*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** là :

Nam mô Đấng Thế Tôn!

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới

Như vậy: OM!

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con!

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao!

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiện hiện Tuệ Giác thanh tịnh

Thù thắng , thù thắng

Tôn Thắng, Tối Thắng

Niệm trì, niệm trì

Tất cả chư Phật

Kính lễ Tỳ Bà Thi như Lai

Kính lễ Thi Khí Như Lai

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên...) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khắp nơi đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

12/05/2003



PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI  
(Dựa theo Bản của Ngài BẢO TƯ DUY)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमः भगवते

NAMO BHAGAVATE

Namo: Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate : Đức Thế Tôn

त्रैलोक्य

TRAILOKYA

Trailokya: Ba cõi, ba đời

प्रतिविशिष्टा

PRATIVIŚIṢṬĀYA

Prativishiṣṭa: Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya: Nhóm, đảng, hàng

बुद्धाय

BUDDHĀYA

Buddha: Bậc giác ngộ

भगवते

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là: **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

तद्यथा

TADYATHĀ

Tadyathā: Như vậy, liền nói Thần Chú là

ॐ

OM

Om: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

विशुद्धाय विशुद्धाय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

Viśodhaya: Các nhóm thanh tịnh

समम समा

ASAMA SAMA

Sama: Đảng, hàng

Asamasama: Vô đảng đảng, không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là: **Như vậy: OM! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

समन्तावभासा

SAMANTA AVABHĀSA

Samanta: khắp tất cả, phổ biến

Ava: phía bên dưới

Bhāsa: ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

स्फुरान्

SPHARANA



Spharaṇa: Chu biên, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

गति गहान

GATI GAHĀNA

Gati: Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahāna: Rừng đông đúc

स्वभाव विसुद्धे

SVABHĀVA VIŚUDDHE

Svabhāva: Tự tính, tính tự nhiên vốn có

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

अभिषिक्ता तुमाम

ABHIṢIMCA TUMĀM

Abhiṣimca: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumām: cho tôi

सुगता

SUGATA

Sugata: Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bạc Chính Đẳng Chính Giác

वरा वचना

VARA VACANA

Vara: Ban cho thuận theo khuôn khổ, y theo giới hạn, vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana: Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

अमृता अभिषेका

AMṬTA ABHIṢEKAI

Amṛta: Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai: Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

महा मन्त्र पदा

MAHĀ-MANTRA-PADA

Mahā: Đại, to lớn

Mantra: Thần Chú

Pada hay padai: Câu cú

Phần trên có nghĩa là: **Hỡi Đấng Thiện Thệ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

आहारा आहारा

ĀHARA ĀHARA

Āhara: Nhiếp thọ

आयुः सन्धारणी

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Āyuh: Thọ mệnh

Dhāraṇī: Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhāraṇī: Giữ gìn bền chắc

Phần trên có nghĩa là: **Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**

शुद्धय शुद्धय गगन विसुद्ध

ŚODHAYA ŚODHAYA \_ GAGANA VIŚUDDHE

Gagana: Hư Không

Phần trên có nghĩa là: **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**

उष्णिषा विजया विसुद्ध

UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

Uṣṇīṣa: Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya: Tôn Thắng, Tội Thắng

सहस्रं रास्मि

SAHASRA-RAŚMI

Sahasra: một ngàn (1000)

Raśmi: Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ

संसुदीति सर्वं तथगतं

SAMŚUDĪTI SARVA TATHĀGATA

Sudīti: Sáng sửa, rạng rỡ, lạnh lợi, chói lợi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudīti: Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva: tất cả

Tathāgata: Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là: **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**

अवलोकानां सत्पारमितां परंपुराणि

AVALOKANA SAD-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI

Avalokana: Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pāramitā: Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Sad-pāramitā: Diệu Ba La Mật, Ba La Mật màu nhiệm (Bản khác ghi là **Ṣaṭ-pāramirā**: sáu Ba La Mật)

Paripūraṇi: Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là: **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**

सर्वं तथगतं हृदय

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA

Hṛdaya: Trái tim

अधिष्ठाना अधिष्ठिते महा-मुद्रि

ADHIṢṬĀNA ADHIṢṬĪTE MAHĀ-MUDRĪ

Adhiṣṭana: Thần Lực

Adhiṣṭite: Gia trì

Mudra: Ấn

Mahā-mudrā: Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**

वृक्षकय

VAJRA-KĀYA

Vajra: Kim Cương

Kāya: Thân thể

ॐ वज्रं कथं ॥

SAMHATANA VIŚUDDHE

Samhatana: Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mền chuộng nhau, kẻ cận nhau

Phần trên có nghĩa là: **Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**

सर्वं सवराणां पया दुर्गति परिशुद्धे

SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIŚUDDHE

Avaraṇa: Sự chướng ngại

Paya: Lối đi, đường đi

Durgati: Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati: Tất cả lối đi đầy chướng ngại, tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Nã chướng

Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Nã Chướng đều được thanh tịnh**

प्रति वृत्त्यस्य सुद्धे

PRATINI VARTTĀYA ĀYUH ŚUDDHE

Pratini: Tăng trưởng

Varttāya: Xoay chuyển, vận chuyển

Phần trên có nghĩa là: **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**

समया अधिष्ठते

SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya: Bình đẳng, Bản thể (lời thề của mình)

ॐ मणि मणि महामणि

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Maṇi: Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahā-maṇi: chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là Báu của Thế Gian, Báu của Hiền Thánh, báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là: **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**

तथा त्वं कथं परिशुद्धे

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

Tathātā: Chân Như Tính

Bhūta-koṭi: Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là: **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

विष्णु बुद्धि सुद्धे

VIŚPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Viṣphuṭa: Hiện hiện

Buddhi: Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là: **Hiện hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

જાય જાય

JAYA JAYA

Jaya: Thù thắng, thắng

Jaya jaya: biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

વિજાય વિજાય

VIJAYA VIJAYA

Vijaya: Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya: biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

સ્માર સ્માર

SMARA SMARA

Smara: Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara: biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

સર્વ બુદ્ધ

SARVA BUDDHĀ

Tất cả chư Phật

નમઃ આર્યા-અવલોકિતેશ્વર્યાય બોદ્ધિ-સત્વ્યાય

NAMO ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

નમઃ શક્યમુન્યાય તથાગત્યાય

NAMO ŚĀKYAMUNĀYE TATHĀGATĀYA

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

નમઃ કાશ્યપ તથાગત્યાય

NAMO KĀŚYAPA TATHĀGATĀYA

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

નમઃ કાનાકમુન્યાય તથાગત્યાય

NAMO KANAKAMUNĀYE TATHĀGATĀYA

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

નમઃ ક્રાકુચ્છન્દા તથાગત્યાય

NAMO KRAKUCCHANDA TATHĀGATĀYA

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

નમઃ વિશ્વભુ તથાગત્યાય

NAMO VIŚVABHŪ TATHĀGATĀYA

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

નમઃ શિક્ષિ તથાગત્યાય

NAMO ŚIKHI TATHĀGATĀYA

Kính lễ Thi Khí Như Lai

નમઃ વિપાસ્યિન તથાગત્યાય

NAMO VIPĀŚYIN TATHĀGATĀYA

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

અધિષ્ઠાના અધિષ્ઠિતે

ADHISTANA ADHISTITE

Thần Lực gia trì

વજ્રી વજ્રગણેશ્વરેશ્વરેશ્વરે મમ મિત્રે

અધિષ્ઠાના અધિષ્ઠિતે

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần lực gia trì

વજ્રી વજ્રગણેશ્વરેશ્વરેશ્વરે મમ મિત્રે

VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀṂ BHAVATU MAMA ŚARIRAM

Vajrī: Có Tính như Kim Cương

Vajra-garbhe : Kim Cương Tạng

Vajrām Bhavatu: Được thành Kim Cương

Mama: Tôi (Xung tên họ...)

Śariram: Toàn thân

Phần trên có nghĩa là: **Thù thắng, thù thắng. Tôn thắng, tối thắng. Niệm trì, niệm trì.**

**Tất cả chư Phật**

**Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát**

**Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai**

**Kính lễ Ca Diếp Như Lai**

**Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai**

**Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai**

**Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai**

**Kính lễ Thi Khí Như Lai**

**Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai**

**Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương**

सर्वं सर्वानामका कया परिशुद्धे

SARVA SATVĀNĀMCA KĀYA PARISUDDHE

Satva: Hữu Tính

Kāya: Thân xác

सर्वं गति परिशुद्धे

SARVA GATI PARISUDDHE

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả thân của chúng Hữu Tính đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

सर्वं तथगतस्य मे समं स्वसा याम्तु

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAṂTU

Tathāgata-śca: Như Lai Đẳng

Me sama: Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

Śvasa: An ủi

Yaṃtu: Đi đến

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

सर्वं तथगतस्य समं स्वसा अधिष्ठिते बुद्ध्या

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA  
BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya: Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya: Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là: **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**

बोधया बोधया

BODHAYA BODHAYA

Bodhaya: Tuệ Giác, Trí Giác

विबोधया विबोधया

VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya: Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác

समंता पारसुद्धे

SAMANTA PARISUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là: **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh**

सर्वं तथगतं कृत्स्नं तथैष्टान्तं तथैष्टान्तं मन्त्रं मुनिं नृणां

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ SVĀHĀ

Svāhā: Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là: **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

\*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** là:

Nam mô Đấng Thế Tôn!

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới

Như vậy: OM!

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con!

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao!

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả

Như Lai

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân

Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiện hiện Tuệ Giác thanh tịnh

Thù thắng, thù thắng

Tôn Thắng, Tối Thắng

Niệm trì, niệm trì

Tất cả chư Phật

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

Kính lễ Thi Khí Như Lai

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên...) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khắp nơi đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

14/05/2003

NGHI THỨC TRÌ TỤNG  
PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP



\_ Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:  
**OM RAM** (3 Lần)

\_ Chú đốt hương :  
\_ Khói hương tạo hình thể  
\_ Thông suốt cả ba cõi  
\_ Năm Uẩn đều thanh tịnh  
\_ Ba Độc tự lặng yên  
**OM \_ ĐA RỒ-MA ĐA TU \_ A NU GA TA \_ XỜ-VA HA** (3 lần)  
*(Cắm hương lên bàn thờ, rồi Nguyện hương )*

Nguyện đem lòng thành kính  
Gửi theo đám mây hương  
Phảng phất khắp mười phương  
Cúng dường ngôi Tam Bảo  
Thề trọn đời giữ Đạo  
Theo tự tính làm lành  
Cùng Pháp Giới chúng sinh  
Cầu Phật từ gia hộ  
Tâm Bồ Đề kiên cố  
Chí tu học vững bền  
Xa biển khổ nguồn mê  
Chóng quay về bờ Giác  
**NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT** (3 lần)

❖ **QUY Y PHẬT:**  
Kính lạy Đức Phật Đà  
Đấng vẹn toàn Phước Trí  
Như Mặt Trời chiếu sáng  
Phá tận tối ngu mê  
Ngài là Bạc Y Vương  
Chữa lành muôn bệnh khổ  
Dìu dắt mọi chúng sinh  
Đưa đến bờ An Lạc  
Nay con xin thành kính  
Nương theo dấu vết Ngài  
Nguyện xa lìa làm lỗi  
Viên mãn mọi Phước Trí  
Mau thành Lương Túc Tôn  
**BÚT ĐĂM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI** (3 lần \_ 3 lạy)



❖ QUY Y PHÁP:

Kính lạy Pháp Giải Thoát  
Con đường của Thánh Nhân  
Tịnh hóa Tham, Sân Si  
Chuyển thành Giới, Định, Tuệ  
Dứt trừ Phiền Nã Khổ  
Vượt thoát biển Luân Hồi  
Nay con xin thành kính  
Tuân theo Giáo Pháp này  
Nguyện mau lìa sinh tử  
Chứng Niết Bàn thanh tịnh  
ĐA RỒ-MĂM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI (3 lần\_3 lạy)

❖ QUY Y TẶNG:

Kính lạy Chúng Tăng Già  
Đấng Đạo Sư chân chính  
Bậc điều phục Thân Tâm  
Vượt Tham Dục Phiền Nã  
Chặt gốc rễ ngu mê  
Giương cao cờ Giải Thoát  
Nay con xin thành kính  
Nương theo gương sáng này  
Nguyện mau lìa Ngã Chấp  
Đạt thanh tịnh vô ưu  
SÁNG GẤM, S1Á RA NĂM , GÁCH CHA MI (3 lần\_3 lạy)

❖ SÁM HỎI :

Kể từ đời Vô Thủy  
Do Ngã Chấp Vô Minh  
Con luôn bị đắm chìm  
Luân hồi trong sáu Nẻo  
Hoặc làm Trời làm Người  
Hoặc Thần Thánh, Súc Sinh  
Quý đối hay Địa Ngục  
Thay đổi muôn hình hài  
Nhận tính nét khác nhau  
Chịu đắng cay, ngọt bùi  
Vinh quang hay tủi nhục  
Sang cả hoặc nghèo hèn  
Uy Quyền cùng Nô Lệ  
An vui và khổ cực  
Hết thấy điều như thế  
Vì ngu muội ngăn che  
Khiến con không nhớ rõ

Nay có chút duyên lành  
Gặp được nền Chính Pháp  
Của Đấng Lương Túc Tôn  
Thích Ca Mâu Ni Phật  
Dạy phải dẹp Ngã Chấp  
Trừ bỏ Tham, Sân, Si  
Tu tập Giới, Định, Tuệ  
Luôn làm lành lánh dữ  
Tự tịnh Tâm Ý mình  
Vượt luân hồi sinh tử  
Đạt thanh tịnh vô ưu  
Mọi Pháp lành như thế  
Cần phải thực hành ngay  
Không toan tính chần chừ  
Vì kiếp đời ngắn ngủi  
Hơn nữa Thân khó giữ  
Bởi bệnh tật, già nua  
Thêm cái chết bất ngờ  
Cắt đứt dòng Sinh Mệnh

Nay con xin tuân phục  
Hành theo Chính Pháp này  
Trước tiên xin Sám Hối  
Mọi tội lỗi xưa kia  
Từ Ý sinh, Miệng nói  
Thân làm, dạy người làm  
Tạo Nhân gây Nghiệp ác  
Hết thấy Nghiệp Tội ấy  
Cao dày nhiều vô lượng  
Khó đong đo tính đếm  
May nhờ ân Tam Bảo  
Lực Bi Mẫn rộng sâu  
Giúp cho con trừ tội  
Kéo con xa nẻo Ác  
Thọ sinh hình vóc Người  
Gặp gỡ được Chính Pháp  
Vượt thoát biển Tử Sinh  
Nam mô TỶ BÀ THI Phật (1 lạy)  
Nam mô THI KHÍ Phật (1 lạy)  
Nam mô TỶ XÁ PHÙ Phật (1 lạy)  
Nam mô CẦU LƯU TÔN Phật (1 lạy)  
Nam mô CẦU NA HÀM MÂU NI Phật (1 lạy)  
Nam mô CA DIẾP Phật (1 lạy)  
Nam mô THÍCH CA MÂU NI Phật (1 lạy)

***Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn:***

RÊ PA, RÊ PA TÊ , KU HA , KU HA TÊ, TỜ-RA NI TÊ, NI GA LA RI TÊ, VI MA RI TÊ, MA HA GA TÊ, SẮN TIM CỜ-RẬT TÊ, XỜ-VA HA (3 lần)

Tiếp, con xin phát nguyện  
Tụng trì Pháp Tôn Thắng  
Nguyện từ bỏ Pháp Ác  
Tu tập mọi Pháp Lành  
Rèn Tâm Ý trong sạch  
Tự cứu mình cứu người  
Cầu xin Ân Tam Bảo  
Luôn gia hộ cho con  
Mau vượt thoát tử sinh  
Sớm thành Ngôi Vô Thượng  
Chuyên Pháp Luân Giáo Hóa  
Độ muôn loài chúng sinh

***Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:***

Tự tính của con vốn thanh tịnh  
Như Tự tính thanh tịnh của các Pháp  
OM \_ XỜ-VA PHA VA, SÚT ĐA \_ XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA, XỜ-VA PHA VA , SÚT ĐA \_ U HÀM (3 lần)

(Hành Giả chân thành niệm tụng)  
***Cúi lạy Tôn Thắng Vương***  
***Ngồi ở Tòa Kim Cương***  
***Trên hoa sen ngàn cánh***  
***Tướng lưới rộng dài che khắp cõi***  
***Viên mãn vô lượng các Công Đức***  
***Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú***  
***Tám mươi tám ức Như Lai truyền***  
***Đế Thích Thiên Vương vì Thiện Trụ***  
***Hay diệt bảy lần đọa bàng sinh***  
***Giáo Bí Mật Tổng Trì hiếm có***  
***Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng***  
***Nay con chỉ là kẻ phàm phu***  
***Nguyện tán Tổng Trì Nhất Nhiệt Trí***  
***Hay đem phước lợi cứu quần sinh***  
***Các Như Lai ở khắp mười phương***  
***Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác***  
***Tám Bộ Trời Rồng, các quyền thuộc***  
***Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa***  
***Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La***  
***Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử***

*Thánh Hiền, các Chúng Đẳng như trên*  
*Nguyện nghe Khải Thỉnh đều giáng lâm*  
*Ứng hộ Phật Pháp khiến trường tồn*  
*Mỗi mỗi siêng tu lời Phật Dạy*  
*Tất cả hàm linh đến chốn này*  
*Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương*  
*Hết thầy đều mau thành Phật Đạo*  
*Nay con phúng tụng Chân Ngôn này*  
*Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ*  
*Nguyện xin Hiền Thánh thường cứu hộ*  
*Nguyện xin Hộ Pháp thường ứng hộ*  
*Nam mô Trailokya Uṣṇīṣa (Tam Thế Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Jaya Uṣṇīṣa (Thắng Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Vijaya Uṣṇīṣa (Tối Thắng Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Vikīraṇa paṃca Uṣṇīṣa (Trừ Chướng Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Tejoraśi Uṣṇīṣa (Hỏa Tụ Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Trūṃ Uṣṇīṣa (Quảng Sinh Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Śrūṃ Uṣṇīṣa (Phát Sinh Phật Đỉnh)*  
*Nam mô Indra Deva (Đế Thích Thiên)*  
*Nam mô Kim Cwong Giới Hội Nhất thiết chư Phật*  
*Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới nhất thiết chư Phật*

\_ Nam mô Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (3 lần)  
**NĀ MÔ PHA GA VA TÊ, TỜ-RAI LÔ KI GIA , PỜ-RA TI VI SI SỢ-**  
**TẠ GIA, BÚT ĐA GIA, PHA GA VA TÊ**  
**TA ĐI-GIA THA: OM**  
**VI SÔ ĐA GIA, VI SÔ ĐA GIA**  
**A XA MA, XA MA**  
**XA MẶN TA, A VA PHA XA**  
**XỜ-PHA RA NA, GA TI GA HA NA**  
**XỜ-VA PHA VA, VI SÚT ĐÊ**  
**A PHI SIM CHA, TU MẶM !**  
**SU GA TA!**  
**VA RA, VA CHA NA**  
**A MỜ-RẶT TA, A PHI SAI KAI, MA HA MAN TỜ-RA PA ĐAI**  
**A HA RA, A HA RA**  
**A GIÚC XĂN ĐA RA NỊ**  
**SÔ ĐA GIA, SÔ ĐA GIA**  
**GA GA NA, VI SÚT ĐÊ**  
**U SỜ-NI SÁ VI GIA GIA, VI SÚT ĐÊ**  
**XA HA XỜ-RA, RA SỜ-MI**  
**XĂM SU ĐI TÊ, XA RỜ-VA TA THA GA TA**  
**A VA LÔ KA NA, SÁT PA RA MI TA, PA RI PU RA NI**  
**XA RỜ-VA TA THA GA TA , HỜ-RẶT ĐA GIA**  
**A ĐI SỜ-TA NA, A ĐI SỜ-TI TÊ**

**MA HA MU ĐỜ-RI**  
**VA-DI RA CA GIA, XĂM HA TA NA, VI SÚT ĐÊ**  
**XA RỜ-VA A VA RA NA, PA GIA, ĐU RỜ-GA TI, PA RI SÚT ĐÊ**  
**PỜ-RA TI NI, VA RỊT TA GIA, A GIÚC, SÚT ĐÊ**  
**XA MA GIA, A ĐI SỜ-TI TÊ**  
**MU NI, MU NI, MA HA MU NI**  
**VI MU NI, VI MU NI, MA HA VI MU NI**  
**MA NI, MA NI, MA HA MA NI**  
**TA THA TA, PHU TA, CÔ TI, PA RI SÚT ĐÊ**  
**VI XỜ-PHU TA, BÚT ĐI, SÚT ĐÊ**  
**GIÁ GIA, GIÁ GIA**  
**VI GIÁ GIA, VI GIÁ GIA**  
**XỜ-MA RA, XỜ-MA RA**  
**XA RỜ-VA BÚT ĐA, A ĐI SỜ-TI TA, SÚT ĐÊ**  
**VA-DI RI, VA-DI RA GA RỜ-PHÊ**  
**VA-DI RĂM PHA VA TU**  
**MA MA (Tôi, họ tên...xin thọ trì. Nếu vì người khác thì xưng tên của họ )**  
**SÁ RI RĂM, XA RỜ-VA XA TỜ-VA NĂM CHA, KA GIA, PA RI VI**  
**SÚT ĐÊ**  
**XA RỜ-VA GA TI, PA RI SÚT ĐÊ**  
**XA RỜ-VA TA THA GA TA SỜ-CHA, MÊ, XA MA, SỜ-VA XA,**  
**GIĂM TU**  
**XA RỜ-VA TA THA GA TA, XA MA, SỜ-VA SA, A ĐI SỜ-TI TÊ**  
**BÚT ĐI GIA, BÚT ĐI GIA**  
**VI BÚT ĐI GIA, VI BÚT ĐI GIA**  
**BÔ ĐA GIA, BÔ ĐA GIA**  
**VI BÔ ĐA GIA, VI BÔ ĐA GIA**  
**XA MẶN TA, PA RI SÚT ĐÊ**  
**XA RỜ-VA GA TI, PA RI SÚT ĐÊ**  
**XA RỜ-VA TA THA GA TA, HỜ-RẬT ĐA GIA**  
**A ĐI SỜ-TA NA, A ĐI SỜ-TI TÊ**  
**MA HA MU ĐỜ-RI XỜ-VA HA**  
 (Trì tụng Đà La Ni trên 3 lần )

*Phật Đỉnh Tôn Thắng Đại Tâm Chân Ngôn :*  
**OM\_ A MỜ-RẬT TA, PỜ-RA PHÊ, VI PU LA, GA RỜ-PHÊ, PỜ-RA**  
**BÔ ĐI, XA MÊ, SÍT ĐÊ, MA HA GA RỜ-PHÊ\_ TU RU, TU RU\_ XỜ-VA**  
**HA (3 lần)**

*Phật Đỉnh Tôn Thắng Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :*  
**OM\_ XA RỜ-VA SÍT ĐI, KÊ SU, ĐÀ RA NI\_ XỜ-VA HA (3 lần)**

*Phật Đỉnh Tôn Thắng Tiểu Tâm Chân Ngôn :*  
**OM\_ A MỜ-RẬT TA, TÊ GIÊ, VA TI\_ XỜ-VA HA (108 lần)**

***\_ Niệm Hồng Danh và hồi hướng Hộ Pháp :***

Nam mô Bản Sư THÍCH CA MÂU NI Phật (108 lần)

Nam mô TÔN THẮNG Phật Đỉnh (108 lần)

Nam mô Thai Tạng Giới Hiền Thánh chúng Hộ Pháp (3 lần)

Nam mô Thập phương thường trụ chư vị Hộ Pháp (3 lần)

\_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa

Đến nghe Phật Pháp , nên chí tâm

Ứng hộ Phật Pháp mãi trường tồn

Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy

Bao nhiêu Hữu tình đến chốn này

Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không

Thường đối người đời khởi Tâm Từ

Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

\_ Nguyên các Thế Giới thường an ổn

Vô biên Phước Trí lợi quần sinh

Bao nhiêu tội nghiệp thấy tiêu trừ

Xa lìa các khổ, về Viên Tịch

Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng

Thường khoác áo Định để an thân

Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp

Tùy theo chỗ ở thường an lạc

***\_ Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn :***

**OM\_ LÔ CA, A LÔ CA, KA RA GIA\_ XA RỜ-VA: ĐÊ VA, NA GA,  
GIÁC KỜ-SA, GẢN ĐA RỜ-VA, A XU RA, GA RU ĐA, KIM NA RA, MA  
HÔ RA GA, HỜ-RẬT ĐA GIA, A-NI GIA, A CA RỜ-SÁ GIA, VI CHI  
TỜ-RA, GA TI\_ XỜ-VA HA (3 lần)**

Nguyên ngày an lành đêm an lành

Đêm ngày sáu thời thường an lành

Trong tất cả thời thường an lành

Nguyên xin Tam Bảo thương nhiếp thọ

Nguyên xin Thượng Sư thương nhiếp thọ

Nguyên xin Hộ Pháp thường ứng hộ

**NAM MÔ TIÊU TAI GIÁNG CÁT TƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3  
Lần)**

***\_ Phục Nguyên :***

\_ Nguyên đem công đức này, hồi hướng cho tất cả. Cầu cho cứu huyền thất  
Tổ, cha mẹ muôn đời, hương linh đã khuất đều được nương nhờ theo Phật lực  
tiếp dẫn về cõi Cự Lạc.

\_ Nguyên cho toàn thể gia quyến : già, trẻ, lớn, nhỏ trong đời hiện tại đều  
được tăng Phước Thọ. Xa lìa mọi bệnh tật tai ương. Dứt trừ mọi duyên ác. Mau  
chóng đạt Chính Kiến

\_ Nguyên cho tất cả chúng sinh thường được an vui

Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não  
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi  
Nguyện cho tất cả chúng sinh đều thành Phật Đạo

*Tăng Đức Hạnh Chân Ngôn :*

**OM\_ XĂM PHA RA, XĂM PHA RA\_ VI MA NA, A KỜ-SA RA\_ MA  
HA VA-DI RA, HÙM**

**OM\_ XỜ-MA RA, XỜ-MA RA\_ VI MA NA, A KỜ-SA RA\_ MA HA  
VA-DI RA, HÙM**

(Trì tụng Chân Ngôn trên 3 lần)

*Bổ Khuyết Chân Ngôn :*

**OM\_ ĐU RU, ĐU RU\_ GIA DÊ, MU KHÊ\_ XỜ-VA HA (3 lần)**

*Lễ Văn :*

Trì tụng Công Đức thù thắng Hạnh  
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng  
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm  
Mau lìa khổ não, chứng Bồ Đề

**NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần\_ 9 lạy)**

09/03/2014

HUYỀN THANH kính ghi

## MỤC LỤC

1_ Thay lời tựa .....	Tr.01
2_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu .....	Tr.04
3_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Pháp .....	Tr.30
4_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (No.976) .....	Tr.50
5_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (No.968) .....	Tr.58
6_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (No.969) .....	Tr.64
7_ Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Kinh Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Chú Kinh (No.970) .....	Tr.71
8_ Phật nói Kinh Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni (No.971) .....	Tr.80
9_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Niệm tụng Nghi Quỹ Pháp (No.972) .....	Tr.86
10_ Tôn Thắng Phật Đảnh Tu Du Già Pháp Nghi Quỹ (No.973)	
.) Quyền Thượng .....	Tr.96
.) Quyền Hạ .....	Tr.117
11_ Tôn Thắng Phật Đỉnh Đà La Ni (No.974A) .....	Tr.128
12_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (No.974B) .....	Tr.132
13_ Gia Cú Linh Nghiệm Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Ký (No.974C) .....	Tr.137
14_ Ghi chú Nghĩa của Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (No.974D).....	Tr.144
15_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Chân Ngôn (No.974E) .....	Tr.148
16_ Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp (No.974F) .....	Tr.169
17_ Phật thuyết Nhất Thiết Như Lai Ô Sát Nị Sá Tỏi Thắng Tổng Trì Kinh (No.978) .....	Tr.173
18_ Vu Sát Nị Sa Tả Dã Đà La Ni (No.979) .....	Tr.182
19_ Pháp Đà La Ni Bí Mật của ba loại Tất Địa phá Địa Ngục chuyển Nghiệp Chướng ra khỏi ba cõi (No.905) .....	Tr.184
20_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Tâm phá Địa Ngục chuyển Nghiệp Chướng xuất Tam Giới bí mật tam Thân Phật quả tam chủng Tất Địa Chân Ngôn Nghi Quỹ (No.906)	Tr.193
21_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Tâm phá Địa Ngục chuyển Nghiệp Chướng xuất Tam Giới bí mật Đà La Ni (No.907) .....	Tr.201
22_ Tín ngưỡng Phật Đỉnh Tôn Thắng Pháp tại Việt Nam .....	Tr.204
23_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni	
.) Văn bia số 5 .....	Tr.208
.) Văn bia số 6 .....	Tr.211



.)Vấn bia số 7 .....	Tr.214
.)Vấn bia số 8 .....	Tr.217
.)Vấn bia số 9 .....	Tr.220
24_ Phục hồi và chú thích bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni tại Việt Nam.....	Tr.222
25_ Phục hồi và chú thích bản Uṣṇīṣa Dhāraṇī (Bản của Pháp Thiên) .....	Tr.230
26_ Phục hồi và chú thích bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni của Cố Hoà Thượng Thích Thiên Tâm. ....	Tr.236
27_ Chú thích và phiên dịch bản Đà La Ni của Thiện Vô Úy .....	Tr.246
28_ Chú thích và phiên dịch bản Đà La Ni của Đại Sư Hoàng Pháp .....	Tr.254
29_ Chú thích và phiên dịch bản Đà La Ni của ngài Bảo Tư Duy .....	Tr.263
30_ Nghi Thức Trì Tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Pháp .....	Tr.271
31_ Mục Lục .....	Tr.279

